

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



NĂM GIÁP THÌN

**Tòa Soạn Đa Hiệu kính chúc quý Niên Trưởng,
Đại Gia Đình Võ Bị cùng Thân Hữu một Năm
Mới An Khang Thịnh Vượng và Vạn Sự Như Ý**

Quan Điểm & Qui Định **Của Tập San Đa Hiệu**

Quan Điểm:

Đa Hiệu là một cơ quan ngôn luận của Tổng Hội CSVSQ TVBQGVN, là gạch nối các CSVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa các thế hệ đi trước cha anh và thế hệ kế thừa, đại diện các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu và Hậu Duệ trên toàn thế giới. Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

Qui Định:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỗi sẽ nhận được những bài vở như các bút ký, thơ văn qua nhiều đề tài, đặc biệt liên quan đến các chiến trường xưa, đến Trường Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số qui định cụ thể như sau:

- Không nhận những bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chủ thuyết và chế độ cs, đặc biệt là chế độ csvn.
- Không nhận những bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do đặc biệt có tài liệu dẫn chứng và chính xác đính kèm.

Xin ghi rõ tên thật, bút hiệu, địa chỉ, email và số phone để Tòa Soạn liên lạc khi cần.

Khi gửi các sáng tác cho Tòa Soạn, có thể đính kèm qua email dưới dạng Microsoft Word, qua bưu điện PO box hoặc CD. Có thể dùng những nhu liệu tiếng Việt VNI, UNIKEY hay UNICODE. Có thể viết tay nếu không biết dùng những nhu liệu được nêu trên.

Ban Biên Tập Tòa Soạn sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở các báo khác hay trên các trang website. Những bài được chọn cũng có thể được kiểm sửa với ý chính của tác giả được bảo tồn.

**TỔNG HỘI CSVSQ / TVBQGVN
CƠ QUAN NGÔN LUẬN
TẬP SAN ĐA HIỆU**

TỔNG HỘI TRƯỞNG kiêm CHỦ NHIỆM

CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐÌNH - K26
Email: aidinhnguyen@yahoo.com

CHỦ BÚT

CSVSQ PHÒNG TÍT CHĂNG - K29
Email: ctphong@yahoo.com

TRƯỞNG BAN TRI SỰ & THỦ QUỸ

CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC - K27
Email: tran27147@yahoo.com

PHÁT HÀNH

Tổng Hội CSVSQ / TVBQGVN

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

ĐA HIỆU MAGAZINE
P.O. Box 8628
Fountain Valley, CA 92728
Email: ctphong@yahoo.com

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI:

<https://tvbqgvn.online/>

TỔNG HỘI DIỄN ĐÀN EGROUPE :

vobivn@googlegroups.com

vobiquocgiavietnam@googlegroups.com

BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
Nhiệm Kỳ 2022-2024

Ban Cố Vấn TH

NT Vĩnh Quốc K16
NT Nguyễn văn Dục K17

Ban Chấp Hành
(Gồm các cựu SVSQ)

- | | |
|------------------------------|--|
| 1/ Tổng Hội Trưởng: | Nguyễn phước Ái Đình K26 |
| 2/ Tổng hội phó Nội vụ: | Phòng tit Chắng K29 |
| 3/ Tổng hội phó ngoại vụ: | Lê trung Nga K23 |
| 4/ Trưởng ban điều hành ĐĐ: | Đỗ trọng Đạt K29 |
| 5/ Thư ký Tổng Hội: | Nguyễn duy Niên K27 |
| 6/THP miền Đông Bắc HK: | Nguyễn văn Lân k17 |
| 7/THP miền Trung HK: | Nguyễn văn Dục K17
Nguyễn hữu Trí K22 |
| 8/THP miền Tây Bắc HK: | |
| 9/THP miền Tây Nam HK: | Phòng tit Chắng K29 |
| 10/THP Úc Châu : | Trần Minh Quân K31 |
| 11/THP Âu Châu : | |
| 12/ THP đặc trách TTNDH: | Đỗ trọng Đạt K29 |
| 13/ Ủy viên Xã Hội: | Phan văn Lộc K30 |
| 14/ Ban trị sự & thủ quỹ TH: | Trần trí Quốc K27 |
| 15/ Chủ bút Đa Hiệu: | Phòng tit Chắng K29 |



MỤC LỤC

<u>Page#</u>	<u>Đề Tài</u>	<u>Tác Giả</u>
1	Chúc mừng Năm Mới của Tòa Soạn	
2	Quan Điểm & Qui Định	
3	BCH Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN	
5	Mục lục	
7	Lá Thư Tổng Hội	Nguyễn PA Đình K26
10	Tường Trình Từ Chủ Bút Đa Hiệu	Phòng T Chưởng K29
12	Tâm Thư BTC ĐH VB Toàn Cầu 2024	
15	Thư Cảm Tạ và Chúc Mừng Xuân	Huệ K25 & Đình K26
16	Tâm Tình Tái Ngộ	Huệ K25 & Đình K26
20	Thơ: <i>Bùi Ngùi</i>	Lê Thành K26
21	Tản Mạn Buổi Gối Báo Đa Hiệu	Nguyễn P A Đình K26
24	Thơ: <i>Viết Cho Ngày Thống Nhất</i>	Nguyễn Tấn Hiệp K25
25	Đặc San ĐH Với Xuân Đoàn Kết	Nguyễn Huệ K25
28	Thơ: <i>Lời Trần Tình</i>	Đạt Đỗ K29
30	Thơ: <i>Đáp - Lời Trần Tình</i>	Lê Hữu Long K25
31	Lá Thư Cuối Cùng Của 2 Vị CHT	Nguyễn G Thiếu K30
40	Dấu Lì Ngó Ý	Hương Thủy
52	Thơ: <i>I Salute You</i>	Sidney Do K29/2
53	Nguyên Lai Bình Nghiệp các Tướng..	Đặng Kim Thu K19
62	Tản Mạn Xuân Giáp Thìn (2024)	Út Bạch Lan K22
74	Khó Vì Chữ Ăn	Thu Nga K18/1
85	Thơ: <i>Chuyến Xe Duyên</i>	Phạm Kim Khôi K19
86	50 Năm Mất Hoàng Sa...	Nguyễn Đức Thu K16
108	Ngày Tháng Cuối Trong Cuộc Chiến..	Từ Văn K12
125	Thơ: <i>Áo Trắng Một Đời</i>	STH
126	Ngày Nào Cũng Là Ngày Xuân	Nguyễn T. Hiệp K25
133	Thơ: <i>Nhớ Trường</i>	Cao Văn Bách K27
134	Kế Hoạch Thanh Tuyền	Ngũ Lang
162	Thơ: <i>Thương Lắm Sao Mai</i>	Nguyễn N. Hà

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

<u>Page#</u>	<u>Đề Tài</u>	<u>Tác Giả</u>
163	Trận Đột Kích Biên Giới Kampuchia	Lý A Sáng
169	Thân Phận Người Lính Miền Nam...	Nguyễn Đ Quyền K28
175	Thơ: <i>Quê Tôi</i>	Chị L X Trạch K20/1
178	Quân Trường và Chiến Trường	Trương Văn Út K22
195	Đà Lạt và Dư Âm Bài Hát Ngày Xưa	Phạm Tín An Ninh
207	Tản Mạn	Trần Hiệp K28
224	Thơ: <i>Chiếc Nhẫn Ngày Xưa</i>	Trần Thiện Tuấn K28
225	Tình Xuân Tuổi Xế	Vũ Ngọc Văn
239	Thơ: <i>Quán Văng</i>	Phạm Kim Khôi K19
240	Kỷ Niệm Bến Ninh Kiều	Châu Đình Lợi
246	Người Về Từ Thành Cổ	Hương Thủy
255	Thơ: <i>Đà Lạt Vào Đông</i>	Trần Thiện Tuấn K28
256	Chiến Tranh Giữa Một Gia Đình...	AoThu K20/1
263	Bài Viết Của Một CSVSQ K31	Alpha Đỏ K31
265	Thơ: <i>Bóng Dáng Không Phai</i>	Vũ Thế Khanh K20
266	Sự Nửa Vời Của Một Thẻ Họa	Đạt Đỗ K29
271	Cảm Tưởng Về Quân T/VBQGVN	Nguyễn B Trúc
276	Thơ: <i>Kính Gởi Các Anh TVBQGVN</i>	AoThu K20/1
277	3 Nhạc Khúc Tình Võ Bị...	Trần Quý Tường K24
283	Kỷ Sự Hẹn Bạn K27 tại Houston	Thanh Thảo K27/1
288	Thơ: <i>Sống Để Làm Gì</i>	Phạm Kim Khôi K19
289	Con Đường Học Tử Vi - Bói Toán	Lê Thành K26
298	Vĩnh Biệt Đồi 1515.	Trương Văn Huy
326	Báo Cáo Tài Chánh	Trần Trí Quốc K27
332	Phân Ưu Chia Buồn	

Tập San Đa Hiệu 127

Xuân Đoàn Kết

Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu - 2024

Phát Hành Tháng 1 Năm 2024

Kính mong quý vị cộng tác viên đóng góp bài vở cho Đa Hiệu số 128 trước Ngày 1 Tháng 4 Năm 2024.

Chân thành cảm tạ.

Lá thư Tổng Hội

Kính thưa

- Quý Niên Trưởng
- Quý bạn, Quý anh em, Quý phu nhân
- Cùng các cháu Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu và Hâu Duệ Võ Bị

Theo truyền thống dân tộc, chúng ta thường nhìn lại những thời gian qua để tìm ra những thành quả hoặc tìm ra những thiếu sót để tu chỉnh.

Trong năm qua TH đã thực hiện được những thành quả:

- Thời gian đảm nhận chức vụ THT, chúng tôi đã phát hành: 3 số Đa Hiệu 124, 125, 126 gửi đến quý hội viên và thân hữu.
- Chọn vị Chủ bút mới cho Tập San Đa Hiệu.
- Thành lập BCH/TH.
- Thành lập Ban Biên Soạn, Ban Hiệu Đính cho cuốn Lược sử TVBQGVN.
- Phát hành thành công cuốn Lược Sử TVBQGVN.
- Quyên góp giúp đỡ Thương Phế Binh QL/VNCH qua hai kỳ Đại Nhạc Hội Cám Ỗn Anh kỳ 15 và 16 được mọi người hoan nghênh tinh thần đoàn kết của những cấp chỉ huy xuất thân từ TVBQGVN. Chúng tôi không bao giờ quên sự hy sinh của những chiến sĩ QL/VNCH đã bỏ lại một phần thân thể trên chiến trường, để cho chúng tôi có được ngày yên lành hôm nay.
- Tổ chức gây quỹ Cây mùa Xuân cho CSVSQ và gia đình còn khó khăn tại quê nhà năm 2022 và năm 2023.
- Tổ chức ĐH Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu ở Nam CA 2024.

Tuy nhiên cũng có những điểm chưa thực hiện được là xin permit

hoạt động như một Tổ chức bất vụ lợi cho TH, và thành lập Ban Tu Chính Nội Quy cho phù hợp với tình hình sinh hoạt mới của TTVB.

Đó là những quyết định của ĐHXXII. Chúng tôi đã từng bước thực hiện hơn phân nửa đoạn đường trong nhiệm kỳ 2022 - 2024.

Thưa quý vị, kể từ giữa tháng 7/2023 có một biến chuyển lớn đã thay đổi đường lối sinh hoạt của Tổng Hội. Đó là sự bắt tay của CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình K26 THT/TH1 và CSVSQ Nguyễn Huệ K25 THT của TH2 đã làm cho diễn đàn khuấy động người chống, người đồng ý thống nhất, cũng có người thăm lặng. Nhưng qua một cuộc Trưng Cầu Ý Kiến đã có khoảng 900 CSVSQ mong muốn Thống Nhất anh em thành một TH. Đó chính là ước nguyện duy nhất chung của hầu hết đại đa số CSVSQ ai ai cũng mong chờ. Tuy nhiên cũng có vài trở lực không muốn TN và đôi khi còn vượt quyền đi ngược nguyên tắc điều hành quy định theo NQ/TH/TVBQGVN. Như vị CT HĐTV & GS đã vi phạm NQ điều 44 can thiệp vào việc điều hành của BCH TH, ngoài ra vị này còn đặt mình lên trên ĐHĐ XXII, lạm quyền cách chức vị THT đương nhiệm được ĐHĐ XXII bầu lên, rồi chỉ định thay thế bằng một vị THP để XLTV. Một việc làm từ trước đến nay sinh hoạt của TTVB chưa từng xảy ra với một vị CT HĐTV & GS có toàn quyền như vậy. Nếu TTVB để sự vi phạm này tiếp diễn, đó sẽ là một tiền lệ cho những nhiệm kỳ kế tiếp cho phép một cá nhân nào đó ngồi lên trên ĐHĐ.

Thưa Quý Vị,

Chúng ta đã trải qua một thời gian dài 7 năm trời chia rẽ, một nỗi đau, nhục nhã, bị khinh thường, một tập thể gồm những cấp chỉ huy lãnh đạo gương mẫu trở thành 2 khối Tổng Hội, ai cũng nghĩ đến TTVB là sẽ không bao giờ Đoàn kết Thống Nhất lại được. Danh dự Trường Mẹ đã bị đánh mất do chính anh em chúng ta. Chúng ta chỉ biết cúi đầu hổ thẹn không nói lên lời. Nhưng nay thời cơ đã đến, nhờ Anh Linh của những người đã nằm xuống đưa đẩy chúng ta gần lại với nhau quyết tâm xóa bỏ những gì xấu xa, không nhắc lại và quên đi chuyện cũ để cùng

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

nhau xây dựng một TTVB trong tinh thần mới, hầu để các tập thể hội đoàn khác đều ngưỡng mộ và nể phục những người con của Mẹ /TVBQGVN .

Chúng tôi cũng áp dụng theo phương cách của Niên Trưởng Võ Ý K17 đã lùi một bước của cả 2 bên TH, để cùng nhau đi đến việc Thống Nhất Tổng Hội thành một, với một **ĐẠI HỘI ĐOÀN KẾT VÕ BỊ TOÀN CẦU 2024** sẽ được tổ chức tại Nam Cali vào các ngày 28, 29 và 30 tháng 6 năm 2024.

Hãy cùng nhau hưởng ứng trở về tham dự Đại Hội này để đoàn kết đem lại các Truyền Thống cao đẹp của trường Mẹ thương yêu mà tất cả cựu SVSQ chúng ta luôn luôn tự hào.

Chúng ta không thể sống mãi với thời gian, nhưng Truyền Thống cao đẹp Đoàn Kết thì sẽ mãi mãi tồn tại lưu truyền trong dòng máu của con cháu Võ Bị chúng ta.

Nhân dịp Xuân về, **XUÂN ĐOÀN KẾT, KÍNH CHÚC** Quý Niên Trưởng, Quý bạn, Quý anh em, Quý phu nhân, cùng các cháu Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, Hậu Duệ một năm mới **An Lành và Hạnh Phúc**.

Trân trọng kính chào Tự Thắng

THT/TH/CSVSQ/TVBQGVN

CSVSQ Nguyễn phước Ái Đình K26

TƯỜNG TRÌNH TỪ CHỦ BÚT ĐA HIỆU

Quý vị nào đã tham dự gói báo Đa Hiệu số 125 đều biết sau khi gói báo NT Kiều Công Cự, Chủ Bút Đa Hiệu (CB ĐH) lúc bấy giờ, đã tuyên bố vì lý do tuổi tác cao và sức khỏe kém xin được từ chức CB ĐH. Tuy nhiên sau khi được mọi người hiện diện đồng thanh khuyến khích và cổ vũ, NT Cự rất khó thối thác nên đồng ý tiếp tục trách nhiệm CB.

Vài ngày trước ngày gói báo Đa Hiệu số 126 đầu tháng 10, trong buổi họp của 2 Ban Chấp Hành giữa NT Huệ K25 và NT Đỉnh K26, NT Đỉnh đã cho biết NT Cự CB ĐH đã ngỏ ý xin từ chức CB cũng với lý do tuổi cao và sức khỏe như trước đó, và NT Đỉnh đã chấp nhận yêu cầu từ chức này. Vậy việc NT Cự từ nhiệm có phải vì lý do phản đối hay bất hợp tác với NT Đỉnh THT như một vài người cường điệu thì chỉ có NT Cự mới rõ.

Trong lúc tình hình TTVB khá xáo trộn cho việc kêu gọi Đoàn Kết Thống Nhất (ĐK TN) từ lúc hình ảnh "Bắt Tay" giữa nhị vị THT, một số nhỏ cựu SVSQ đã lên tiếng phản đối đề nghị ĐK TN thậm chí còn ra văn thư "Bất Tín Nhiệm"... cho nên việc NT Đỉnh đi tìm kiếm một người để thay thế CB ĐH thật không dễ dàng. Qua nhiều lần yêu cầu kêu gọi và khuyến khích từ NT Đỉnh THT, nhận thấy Đa Hiệu là Cơ Quan Ngôn Luận của TTVB và việc cấp bách để giữ tính liên tục phát hành Tập San nên chúng tôi đã đồng ý nhận trách nhiệm cho tới khi Đại Hội Đồng quyết định thay thế CB ĐH vào ngày Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024 cuối tháng Sáu năm tới.

Những vị nào đã từng làm chủ bút tập san đều biết, việc phát hành tập san với trên 300 trang thật không phải là chuyện dễ dàng. Vì việc phát hành rất tùy thuộc vào số bài vở đóng góp từ các cộng tác viên thường trực; kiểm duyệt bài vở để phù hợp với Tôn Chỉ & Qui Định nhằm giữ phẩm chất của ĐH; kinh nghiệm layout bài vở, hình ảnh, điều chỉnh ... trên khuôn khổ của tập san. Ngoài ra lúc nhận trách nhiệm CB ĐH, chúng tôi không nhận được bàn giao bất kỳ một thứ gì từ cựu CB và BBT cũ ngoài 1

chìa khóa cho hộp thư PO box ĐH.

Để phát hành cho ĐH số 127 vào Xuân Giáp Thìn trước Tết âm lịch, Tòa Soạn chỉ có thời hạn 8 tuần để thông báo kêu gọi qua điện thư xin bài vở. Chúng tôi rất may mắn đã nhận được nhiều bài vở sốt sắng đóng góp, tích cực hưởng ứng từ các vị cộng tác viên. Có lẽ vì những vị này đã cảm nhận được tình trạng khó khăn của Tòa Soạn mới, hay để khuyến khích củng cố cho tinh thần ĐK TN sắp đến của TTVB. Đồng thời rất khích lệ chúng tôi cũng nhận được sự tình nguyện tham gia trợ giúp vào Ban Biên Tập của các vị:

- Cựu SVSQ Nguyễn Tấn Hiệp K25
- Cựu SVSQ Huỳnh Tiến K28 (Thiết kế bìa ĐH)
- Cựu SVSQ Dương Đình Hường K28
- Cựu SVSQ Đỗ Trọng Đạt K29
- Cựu SVSQ Nguyễn Gia Thiều K30

Các cựu SVSQ trong BBT trên đã giúp Tòa Soạn rất nhiều để chỉnh sửa và kiểm duyệt bài vở trước khi được layout. Tuy nhiên với thời lượng quá giới hạn, chắc chắn chúng tôi không đủ cơ hội để kiểm duyệt chỉnh sửa hết nội dung của toàn tập san đến hoàn hảo. Xin kính mong quý độc giả lượng tình tha thứ!

Tòa Soạn chân thành cảm tạ tất cả quý cộng tác viên đã và sẽ tiếp tục đóng góp bài vở, các cựu SVSQ trợ giúp trong BBT, quý độc giả, và nhất là quý Mạnh Thường Quân đóng góp tài chánh cho tập san ĐH. Tòa Soạn cũng như tập san ĐH sẽ không thể hoạt động nếu thiếu sự hỗ trợ của tất cả quý vị.

T/M Tòa Soạn Đa Hiệu
Phòng tit Chưởng K29

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM Ban Tổ Chức Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024



TÂM THƯ BAN TỔ CHỨC

Kính thưa quý Niên Trưởng, quý Bạn Đồng Môn và Gia Đình,
Chúng ta, những người Cựu Sinh Viên Sĩ Quan của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (CSVSQ/TVBQGVN) vẫn luôn rất tự hào và hãnh diện về ngôi trường đã đào tạo chúng ta trở thành những cấp chỉ huy nòng cốt và ưu tú của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Sau ngày Quốc hận 30/4/75, Nước mất, Nhà tan, một số ít vượt thoát ra ngoại quốc, còn lại đa số anh em chúng ta đã bị giam cầm trong các trại tù được mệnh danh là “trại học tập cải tạo,” để rồi sau đó lần lượt bị hành hạ và chết dần chết mòn. Một số đã vượt biên, hoặc được đoàn tụ với gia đình, hoặc định cư theo diện “H.O.” của chính phủ Hoa Kỳ.

Dù tản mát khắp nơi, nhưng với Truyền Thống của Trường Mẹ và Tinh Tự Võ Bị, chúng ta đã tìm về với nhau để tổ chức thành Hội Ái Hữu đầu tiên vào đầu năm 1978 tại San José, California, Hoa Kỳ. Rồi với sự lớn mạnh theo thời gian, Hội Ái Hữu đã trở thành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN vào ngày 29 tháng 5 năm 1988 nhằm mục đích gìn giữ truyền thống của Trường Mẹ, cùng kiện toàn sinh hoạt của CSVSQ/TVBQGVN tại hải ngoại. Tổ chức này đã lập nên bản Nội Quy, dựa trên căn bản Lý Tưởng và 10 Điều Tâm Niệm của người SVSQ/TVBQGVN để làm tôn chỉ và là kim chỉ nam cho đường hướng sinh hoạt của Tập Thể Võ Bị Hải Ngoại.

Tiếc thay, kể từ sau Đại Hội XX vào năm 2016 tại Nam California, Tập Thể Võ Bị đã bắt đầu bị chia rẽ và phân hóa nghiêm trọng, đưa đến tình trạng có hai Tổng Hội (một sự việc chẳng đáng dừng). Điều này đã làm hoen ố thanh danh của Trường Mẹ, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam trong Cộng Đồng Việt Nam ở hải ngoại.

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

Đã 7 năm trôi qua, cho đến năm nay, năm 2023, sau Đại Hội XXII và Đại Hội 22 của hai Tổng Hội, hai đương nhiệm Tổng Hội Trưởng là CSVSQ Nguyễn Huệ K25 và CSVSQ Nguyễn Phước Ái- Đình K26 đã quyết tâm kết hợp hai Tổng Hội về một mối, cùng nhau cam kết:

“Khép lại quá khứ, hướng tới thống nhất.”

Một **Bản Thông Cáo Chung** đã được ký kết vào ngày 26/9/2023 cho phép hai Tổng Hội sẽ cùng tổ chức một **Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024**, vào các ngày **28, 29, và 30 của tháng 6 năm 2024 tại Nam California**, với chủ đề **“Dựng Lại Niềm Tin.”**

Vì thanh danh của Trường Mẹ, vì Tình Tự Võ Bị, vì danh dự của người CSVSQ/TVBQGVN, chúng tôi tha thiết kêu gọi quý Niên Trưởng, cùng quý Bạn Đồng Môn và Gia Đình hết lòng yểm trợ chúng tôi trong công tác khó khăn này, để sớm mang lại sự **ĐOÀN KẾT VỮNG BỀN** cho Tập Thể Võ Bị chúng ta.

Kính thưa quý Niên Trưởng, quý Bạn Đồng Môn và Gia Đình,

Như đã sơ lược ở trên, một sự việc đáng tiếc xảy ra 7 năm về trước đã làm thương tổn đến thanh danh của Trường Mẹ, và giờ đây chúng ta đang đứng trước một bước ngoặt quan trọng, một thời điểm lịch sử của Tập Thể Võ Bị Hải Ngoại.

Qua kết quả Trưng Cầu Ý Kiến, đã có hơn 900 CSVSQ đồng ý thống nhất hai Tổng Hội, như một cách để “Dựng Lại Niềm Tin” trong Tập Thể Võ Bị của chúng ta, một niềm tin đã bị đánh mất trong 7 năm qua. Quan trọng hơn nữa là, để cho con cháu của chúng ta Thanh Thiếu Niên Đa-Hiệu cùng Hậu Duệ Võ Bị thấy được và tin tưởng hơn vào sự hướng dẫn của các bậc Cha, Chú, Bác trong đường hướng hoạt động và tranh đấu; chính con cháu chúng ta sẽ tiếp tục theo đuổi lý tưởng và hoài bão còn dang dở của thế hệ chúng ta.

Trong niềm hân hoan đón chờ ngày sum họp của Tập Thể Võ Bị vào mùa Hè năm 2024, Ban Tổ Chức kêu gọi sự yểm trợ tích cực của quý Khóa, quý Hội Võ Bị địa phương, quý CSVSQ Mạnh Thường Quân cùng tất cả Thành Viên và Gia Đình trong Tập Thể Võ Bị chúng ta. Sự thành công của Đại Hội tùy thuộc vào sự yểm trợ tinh thần và vật chất của toàn thể quý vị.

Bây giờ đa số anh em chúng ta đã qua tuổi “thất thập cổ lai hy,” cơ hội

gặp mặt nhau sẽ không còn nhiều, bởi vì chúng ta: “*Chỉ tuy còn mong tiến bước, nhưng sức không kham nổi đoạn đường.*” **Đây là cơ hội hiếm hoi** để chúng ta cùng đoàn kết lại với nhau. Hãy mạnh dạn và nhanh chóng ghi danh tham dự **ĐẠI HỘI ĐOÀN KẾT VÕ BỊ TOÀN CẦU 2024**, một “Hội Nghị Diên Hồng,” một thời khắc lịch sử của các CSVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và Gia Đình tại hải ngoại.

Có lẽ quý Niên Trưởng và quý Bạn sẽ chưa bao giờ thấy con tim mình bị xúc động như bây giờ khi nghe lại ca khúc Ngày Về của Nhạc Sĩ Hoàng Giác; bài hát được viết từ rất lâu, nhưng đến hôm nay, đang rất đúng với tâm trạng của chúng ta, khi hướng lòng về những ngày Đại hội sắp đến!

*“Tung cánh chim tìm về tổ ấm.
Nơi sống bao ngày giờ đầm ấm...”*
Và,
*“Tha thiết mong tìm về bạn cũ.
Nhưng cánh chim mệt mỏi bặt gió...”*

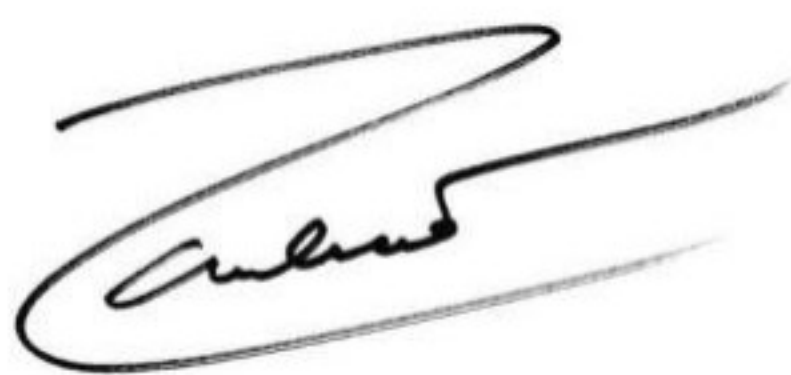
Để kết thúc bức TÂM THU này, BTC xin được phép nhắc lại một lần nữa, lời mời gọi thiết tha của chúng tôi đến với quý Niên Trưởng, cùng quý Bạn Đồng Môn và Gia Đình:

- Hãy sốt sắng tham gia yểm trợ về mọi mặt để Đại Hội được thành công mỹ mãn.
- Hãy chuẩn bị ghi danh tham dự Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024 thật đông đảo khi nhận được Thiệp Mời.

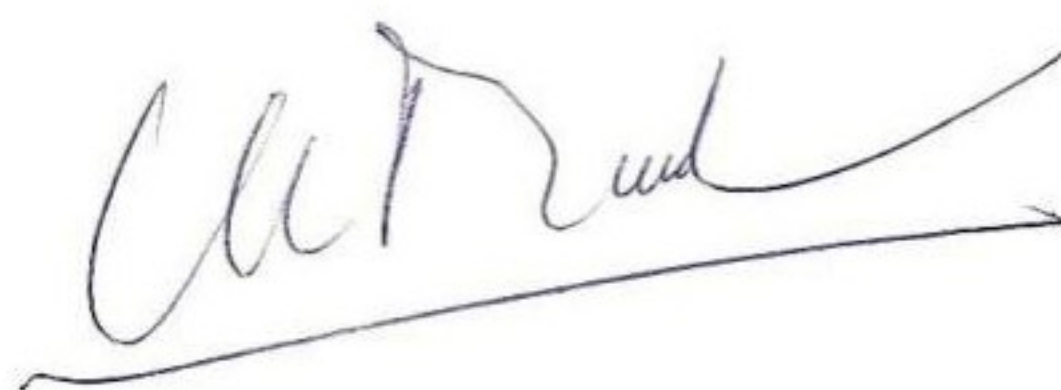
Trân Trọng Kính Chào Tự Thắng.

Garden Grove, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Đồng Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024



CSVSQ Nguyễn Huệ K25



CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình K26

Thư Cảm tạ và Chúc Mừng Xuân Giáp Thìn 2024

Kính thưa Quý Niên Trưởng, Niên Đệ, Quý Bạn Đồng Khóa,
Quý Phu nhân Võ Bị, Quý Chị Phụ Nữ Lâm Viên, Các Cháu
Hậu Duệ, TTNDH và Gia đình

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, BTC-ĐH/ĐKVBTC 2024 gửi ra Tâm thư kêu gọi quý vị cùng chung tay yểm trợ công tác mang đầy ý nghĩa tình tự Võ bị cao đẹp, được thành hình từ sự khao khát và ước nguyện chung về việc Thống Nhất Tập thể Võ Bị (TTVB), của đại đa số CSVSQ!

Đó là sự quyết tâm thực hiện một Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024 để cùng nhau đưa TTVB về dưới Mái nhà Sum họp, Đoàn kết lại sau 7 năm dài mong nhớ ở hai đầu “Nhịp cầu Chức Nữ Ngưu Lang”! BTC chúng tôi đã nhận được sự hưởng ứng rất nồng nhiệt, tích cực, rất đáng kể vượt lên trên tất cả sự mong đợi ! Chỉ trong vòng 1 tháng số tài khoản đã lên hơn \$45 ngàn và hầu như chưa dừng lại nơi đây!

Xin chân thành cảm tạ lòng nhiệt thành, hào phóng của Quý Mạnh Thường Quân Võ Bị và nhất là tinh thần Đoàn kết đang trên đà phát triển mãnh liệt của tất cả thành viên trong Đại gia đình thân thương CSVSQ/TVBQGVN! Từ niềm vui hy vọng việc Thống nhất VB gần kề đến niềm vui sắp đoàn tụ cùng gia đình với người thân giữa lúc Xuân sang ! Ngoài kia Cúc, Mai, Vạn Thọ vàng, Đào hồng, Đào trắng đua nở, chen nhau khoe sắc, trong khi cảnh vật đang vươn mình trong màu nắng nhạt mênh mông dưới bầu trời tươi mát trong xanh để cùng đón chào mùa Xuân đang tới – Vâng ! Xuân Giáp Thìn 2024 đang ngự trị khắp không gian!

Cũng nhân dịp Xuân về, vừa tô điểm núi sông hùng vĩ, vừa dâng cao, chan hòa niềm hy vọng tươi tắn mầm sống mới khắp nhân gian, BTC chúng tôi xin kính chúc tất cả Quý Đồng môn và toàn thể Quý gia quyến một mùa Xuân thanh bình, an lạc!

Xuân năm này còn mang ý nghĩa rất đặc biệt cho Đại gia đình CSVSQ/TVBQGVN - XUÂN ĐOÀN KẾT 2024! HAPPY NEW YEAR !!!

Trân trọng kính chào!

CSVSQ Nguyễn Huệ K25 + CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình K26
Đồng TBTC / BTC-ĐH/ĐKVBTC 2024

Tâm Tình Tái Ngộ

Quý NT, NĐ, quý Bạn, quý Chị, quý Hậu Duệ Võ Bị (HDVB) và quý Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu (TTNDH) thân kính,

Hôm 15/7/23 chúng tôi, hai người gồm có: CSVSQ/K25 Nguyễn Huệ và CSVSQ/K26 Nguyễn Phước Ái Đình đã gặp nhau trong bầu không khí rất chân thành, cởi mở của tình huynh đệ; chứ không phải với tư cách là Tổng Hội Trưởng (THT), đại diện cho Ban Chấp Hành (BCH) của Tổng Hội (TH).

Mặc dù sau nhiều năm không gặp, chúng tôi đã có cuộc gặp gỡ đầy thú vị này — coi như là cuộc chuyện trò tâm tình giữa đàn anh và đàn em. Chúng tôi cũng nhân cơ hội này cùng nhau chia sẻ các thắc mắc và ưu tư mà hầu hết huynh đệ hai bên Tập Thể Võ Bị chúng ta đã và đang quan tâm.

Kết quả là chúng tôi đã nhận ra có nhiều quan điểm tương đồng hơn là dị biệt mà trước kia hầu hết mọi người đều nghĩ ngược lại! Thật quả là thú vị! Thú thật, càng chuyện trò chúng tôi càng cảm thấy niềm tin càng vững chắc! Hơn 4 giờ đồng hồ đã trôi qua thật nhanh. Chúng tôi vẫn chưa muốn giã từ!

Từ niềm hân hoan đó, chúng tôi muốn truyền đạt đến tất cả quý vị sự quyết tâm sẽ đồng hành để cùng với quý vị chuyển đổi giấc mơ Thống Nhất Tập Thể Võ Bị thành sự thật.

Trong khi chờ đợi BCH/TH của THT CSVSQ/K25/TVBQGVN Nguyễn Huệ ra mắt, chúng tôi đồng ý sẽ cùng thực hiện các sự việc sau đây.

1. **Xác nhận sự quyết tâm Thống Nhất Tập Thể Võ Bị (TTVB)** để kêu gọi tất cả huynh đệ cùng "bắt tay" nhập cuộc qua văn bản "**Thông Cáo Chung**" chính thức.
2. **Kết hợp 2 Diễn Đàn** Vobivn@googlegroup.com và Vobiquocgiavietnam@googlegroup.com. Mở rộng việc ghi danh các thành viên có yêu cầu và hội đủ các điều kiện của Diễn Đàn. (Để khởi đầu, hai anh em chúng tôi đã tiên phong

cùng ghi danh vào 2 Diễn Đàn.)

3. Đa Hiệu, Lược Sử TVBQGVN & Tủ Sách Tham Khảo:

a. Đặc San Đa Hiệu & Lược Sử TVBQGVN:

- **Đặc San Đa Hiệu:** Cơ quan ngôn luận hiện hành của Tập Thể CSVSQ/TVBQGVN, xác nhận thời gian sẽ mở cửa nhận ghi danh để phân phát sách cho tất cả thành viên từ các khóa chưa hoặc đã ngừng nhận sách trong thời gian qua.
- **Lược Sử Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam**

Thân mời liên lạc:

- Chủ Bút:

CSVSQ Phòng Tít Chắng K29: ctphong@yahoo.com

- Trưởng Ban Trị Sự & Thủ Quỹ:

CSVSQ Trần Trí Quốc K27: tran27147@yahoo.com

Phone: (949) 212-0261

b. Tủ Sách Tham Khảo:

- Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Theo Dòng Lịch Sử.**

Thân mời liên lạc:

CSVSQ Nguyễn Thành Sang K28

476 Bluefield Dr.

San Jose, CA 95136, USA

Phone: (408) 629-9345

Ấn phẩm và bưu phí gửi đi tại Hoa Kỳ là 50.00 USD

- The Vietnamese National Military Academy and Vietnam War:**

Mua sách tại *amazon.com*, xin gõ hàng chữ

Vietnamese National Military Academy.

iii. Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và Chiến Tranh Việt Nam

Mua sách tại *amazon.com*, xin gõ hàng chữ
Trường Võ Bị Quốc Gia.

4. Bắt đầu từ lần họp mặt kế tiếp, 2 nhóm đại diện sẽ cùng hợp thức hóa các thủ tục hành chánh cần thiết trong tiến trình Thống Nhất Tập Thể Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
5. Sau khi các trở ngại đã được giải quyết thỏa đáng, một cuộc Hội Nghị sẽ được tổ chức tại Nam California trong vòng 3 tháng để thành lập Ban Tổ Chức cho Đại Hội Thống Nhất, ấn định ngày tổ chức Đại Hội Bất Thường để bầu chọn Tân Tổng Hội Trưởng (THT). Sau đó Tân THT sẽ bổ nhiệm Tân Ban Chấp Hành (BCH) cho TTVB Thống Nhất.
6. Hai BCH của 2 TH hiện hành sẽ đồng tuyên bố giải nhiệm trước khi cuộc bầu cử THT được bắt đầu.

Kính chúc quý NT, NĐ, quý Bạn, quý Chị, quý HDVB và quý TTNDH luôn vui khỏe!

Thân kính,

CSVSQ/K25 Nguyễn Huệ + CSVSQ/K26 Nguyễn Phước Ái Đình





CSVSQ/K25 Nguyễn Huệ & CSVSQ/K26 Nguyễn Phước Ái Đình

Bùi ngùi

Cam Vũ - Lê Thành K26

**Đã hơn bốn mươi tám năm tàn cuộc chiến
Úp mặt rung lệ !
Tang bồng Hồ thỉ chột như mê.
Ai đi ! Ai ở ! Ai tuần tiết !!!
Ngàn tiếng thương ơi ! Hận ngút trời.
Sao ta không tử trận ngày chinh chiến.
Để,
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.
Poncho phủ kín đời trai trẻ.
Mà giờ đây,
Đã đã hơn bốn mươi tám năm tàn cuộc chiến,
Nhiều đêm chuyện cũ vẫn mộng về,
Pháo nổ tứ bề âm vang lửa đạn,
Có những thằng bạn chết ngửa trên tay,
Đã hơn bốn mươi tám năm tàn cuộc chiến
Nhiều đêm chuyện cũ vẫn mộng về,
Có những ngày mưa nắng lửa kiếp tù đầy.
Họng súng lạnh lòng, quát tháo lung tung: (khẩn trương
lên!)
Có mình trong đám tàn binh đó.
Buổi sáng nào thức dậy,
Mặt chinh nhân hằn in niềm uất hận,
Nét phong trần tàn tạ với thời gian.
Các đàn anh ơi !
Các bạn ta ơi !
Đoàn ta chỉ còn lại bóng mờ sắp khuất.
Một chút gì lưu luyến mến thương nhau.**

Tản mạn buổi gói báo Đa hiệu 30/9/2023

Cứ mỗi lần gói báo Đa Hiệu (trung bình cứ 4 tháng thì sẽ có một buổi phát hành báo ĐH), thì cũng chính là lần họp mặt của tất cả CSVSQ tại Nam Cali, thường được tổ chức tại nhà Ái Đình suốt bao nhiêu năm qua. Qua nhiều đời THT, nhà Ái Đình giống như là nơi sinh hoạt chung của Tổng Hội, đồng thời cũng là nơi sinh hoạt của Hội Võ Bị Nam Cali .

Buổi gói báo hôm nay có một sự việc kỳ lạ xảy ra làm tôi hết sức bất ngờ, là anh Hội Trưởng Nam CA, phá thông lệ, ra thông báo không gói báo tại địa điểm cũ, mà dời đến một nơi khác, đó là nhà của chị quả phụ Quách Thường K20/1.

Niên Trưởng Kiều công Cự, chủ bút Báo Đa Hiệu, hôm trước vừa cho tôi biết sẽ thông báo HVB/Nam CA chuẩn bị gói báo, nhưng trong khi NT chưa kịp chính thức ra thông báo thì ngay chiều hôm đó anh Trần văn Giỏi k26, HT, đã lập tức lên email thông báo đổi địa điểm gói báo liền. NT Cự đã phải có lời than trong buổi họp là đã bị anh Trần văn Giỏi K26 phỗng tay trên trong việc ra thông báo mời gọi gói báo.

Trong buổi họp hôm đó, Niên Trưởng Cự, chủ bút, cũng có tâm tình cùng anh em. NT không muốn làm mất lòng anh em, nên NT sẽ lên nhà in nói chuyện với họ, nhưng bất ngờ sau đó NT lại không có thì giờ.

Trước khi đến tham dự gói báo, tôi có hỏi thăm tình hình địa điểm mới như thế nào, thì anh Quốc K27 cho biết rằng, chắc không có người đến, vì họ đang chống đối đường lối của NT. Tôi trả lời không sao, ít cũng được, miễn sao phát hành tờ báo là được, gia đình Võ Bị sẽ nhẹ gánh thôi .

Thưa quý vị, sáng ngày 30/9/2024 tôi thân hành đến nhà chị Quách Thường để cùng tham gia gói báo, vì đó cũng là trách nhiệm của tôi, hiện là người chủ nhiệm tờ báo. Lúc 9 giờ 10 phút, tôi bước vào, chào hỏi mọi người, bắt tay tất cả anh em trong tình thân mật Võ Bị. Tôi liếc qua chợt thấy một vài bộ mặt không đồng tình với đường lối Thống Nhất Võ Bị của tôi, trong

đó có anh Trần văn Giỏi K26, NT Lê khắc Phước K25. Tôi thấy NT Phước 25 cầm máy đưa lên chụp hình tất cả mọi người có mặt, nhưng không muốn quay ống kính hướng về tôi và một vài người nữa đang cộng tác với tôi. Tôi và mọi người chẳng nói gì. Một vài người cũng đến chào hỏi tôi bình thường và nói lớn: "Ái Đỉnh có tới tham dự gói báo".

Tôi cũng gặp anh Trương thành Minh K28, từ Bắc CA xuống, cũng vui vẻ trò chuyện với tôi bình thường. Tôi tiếp tục ngồi xuống bên cạnh NT Cự để tiếp tục bỏ sách vào bì thư, và sau đó chuyển sách cho các chị dán label .

Khi đến bàn các chị, tôi gặp một phản ứng của người chị cả K16/1 trong Ban Hợp Ca Nam CA, mắng tôi: **"Mặt em dày quá, cũng vác mặt đến đây sao?"** Tôi chỉ trả lời ngắn gọn: **"Thưa chị mặt em dày lắm mới chịu đựng được sự chống đối việc Thống Nhất của một số nhỏ anh em. Không dày không được thưa chị"**. Tiếp tục công việc một lúc nữa, tôi đứng dậy ra gặp anh Quốc K 27, thủ quỹ, trao tiền của NT Nguyễn Huệ K25 yểm trợ 100.00\$ cho Đa Hiệu. Tôi cũng nhìn thấy một số anh em trong nhóm Cafe Factory ngồi chung một bàn làm báo, và các bạn cùng khóa 26, anh Cầu K29, NT Hàm K25, NT Thiệt K18, đều là những vị Cựu THT, ai cũng vui vẻ, chẳng ai nói gì.

Đến đây tôi nhìn chung quanh, thì thấy có NT Đỗ mạnh Trường K23, là người chỉ huy điều động buổi gói báo, tôi đến định cảm ơn NT đã giúp đỡ mọi người, nhưng tôi đã gặp một phản ứng bất lợi rất mạnh mẽ từ một người Niên Trưởng, từng là một sĩ quan chỉ huy tham mưu từng trải trong QLVNCH, một CSVSQ Cán Bộ Trung Đoàn Trưởng trong Trường VB của các khóa 23,24,25,26, một cựu chủ bút nắm cơ quan ngôn luận truyền thông của TH/CSVSQ/TVBQGVN.

Tôi hoàn toàn không ngờ NT Đỗ mạnh Trường lại có thể mắng tôi: **"Anh không còn là một THT nữa, anh đã bị anh em phê truất rồi, tôi đồng ý anh đến đây chỉ với tư cách CSVSQ thôi"**.

Tôi đã trả lời: **"Thưa NT, tôi vẫn là chủ nhiệm của tờ báo này, tôi có nhiệm vụ phải đến. Tôi đang là THT/TH/CSVSQ được**

Đại hội đồng XXII bầu lên với đại đa số, tôi chưa thấy một ĐHD hay ĐHBT nào luận tội truất phế tôi. Chính NT đã chà đạp lên NQ của TH, và bây giờ ai là THT của NT?"

NT Trường lúc này đui lý chuyển qua đề tài khác: "**Anh nói anh là Đại Ủy, tôi không tin. Anh tự phong, anh nói láo**"

Tôi trả lời: "**Tôi đâu có bắt NT tin. Đó là đời tư của tôi. Tôi lên lon thì Đơn vị tôi biết, bạn bè của tôi biết, thuộc cấp của tôi biết và ngay cả 2 anh k27 là thuộc cấp của tôi đang sinh hoạt trong Tổng Hội, NT có thể hỏi**".

Sau đó NT Trường tiếp tục lớn tiếng mắng tôi, tôi cũng đã bình tĩnh và từ tốn trả lời. Tôi đã nói với NT rằng khi tôi vượt ngục về tôi phải thay tên đổi họ, và tôi đã vào làm bột giấy cho các NT khóa 23 và anh Long K28. Sau khi ra hải ngoại tôi đã biết NT đã đối xử với anh em Võ Bị như thế nào rồi?

Khi đó anh Tsu A Cầu k29 thấy tình hình căng thẳng, nên tới kéo tay tôi đi ra ngoài để hút một điếu thuốc cho tỉnh táo. Sau đó NT Trung K17, NT Nguyễn Hàm K25 có đến tâm sự và khuyên nhủ tôi, tôi chẳng nói gì và quay trở vào ngồi cạnh NT Phạm văn Hồng K20.

NT Hồng nói với tôi thôi mi đừng nói gì nữa và tôi chỉ ngồi im. Rồi tôi gói thêm một số báo nữa và bước ra chào mọi người để ra về.

Tôi đã tường trình mọi việc xảy ra như thế đó. Đúng hay sai là tùy theo sự nhận định của toàn thể quý vị .

THT/TH/CSVSQ/TVBQGVN
Nguyễn phước Ái Đình K26

VIẾT CHO NGÀY THỐNG NHẤT

= THƠ TỰ HỌA =

NGUYỄN TẤN HIỆP K25

(Vài dòng cảm ngộ)

Loài rắn dù độc nhưng sống vẫn tìm nhau, loài sư tử dù có hung ác vẫn tìm kiếm bảo vệ bầy đàn. Loài vật còn không hận thù đồng loại, thì tại sao có một số con người cùng xuất thân là Võ Bị, đang cùng nước da cùng màu áo, lại không chịu gói cất hận thù cho vào quá khứ, qua bao tháng năm, cứ miệt mài chối bỏ, loại trừ nhau?

Vậy nên, dù còn non kém, cũng có làm hai bài thơ Thất Ngôn sau đây, gửi đến đồng môn:

(Bài Ngẫu Cảm)

SƯỞNG KHỔ CÓ NHAU

Cùng chung Quốc Nạn nghĩa đồng bào
Võ Bị muôn đời vẫn quý nhau
Đã trải gian truân theo vận nước
Từng nêu khí phách xúng anh hào
Quê người khổ ải tình xa cách
Tổng Hội chia lìa dạ đón đau
Thống Nhất mau về ngày mở hội
Tình thương tựa suối chảy tuôn trào

(Bài Tự Họa)

SINH CHUNG MỘT BỌC

Đã kể sinh chung một bọc bào
Về già chớ nỡ đoạn tình nhau
Từng ăn cá mỗi nơi phân xá
Lúc nuốt lương khô tại chiến hào
Võ Bị chia lìa nghe ruột thắt
Đồng trường chối bỏ nát lòng đau
Đây ngày hợp nhất vui như hội
Xiết chặt vòng ôm ngấn lệ trào

***Đặc San Đa Hiệu Số 127
với XUÂN ĐOÀN KẾT 2024***

Nguyễn Huệ K25

Kính gửi Đại gia đình CSVSQ/TVBQGVN,

Là một Cựu SVSQ/TVBQGVN chắc chúng ta không ai xa lạ gì với Đặc San Đa Hiệu. Đây là cơ quan ngôn luận duy nhất của Trường VBQGVN trước năm 1975.

Là một cơ quan ngôn luận mang đầy màu sắc lý tưởng quốc gia dân tộc và phản ánh sức sống hào hùng, Đặc San Đa Hiệu đã càng được nổi bật nhờ vào những cây viết trẻ trung, đầy nhiệt huyết của những chàng trai đã quyết tâm xây dựng sự nghiệp kiếm cung để cùng góp phần bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc Việt Nam khỏi bị rơi vào tay của tập đoàn Cộng Sản độc tài man trá !

Sau ngày đen tối 30 tháng 4 năm 1975, Miền Nam bị CSBV xâm lăng, cưỡng chiếm, Trường VBQGVN có cùng chung số phận! Những người CSVSQ uy dũng của ngày xưa, một số ở lại, bị hành hạ khắc nghiệt trong các trại tù CS, một số may mắn được thoát ly khỏi chế độ bạo tàn, với chính sách trả thù như bắn !

Nhưng rồi "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu" anh em VB lại tìm đến nhau trong hoàn cảnh "tha phương ngộ cố tri" tại những phương trời xa lạ! Bắt đầu trở lại với nhau nhờ mối liên lạc với khóa. Rồi đến các Hội Ái Hữu VB địa phương và cuối cùng một TH đại diện cho toàn thể VB tại hải ngoại đã được thành hình! Một lần nữa Đặc San Đa Hiệu đã được hồi sinh! Tiếng nói của TH càng được lan tỏa rộng hơn, xa hơn giúp cho mối dây liên lạc TTVB càng thêm bền chắc !

Như là một món ăn tinh thần rất cần thiết, Đặc San Đa Hiệu lần này đã trở thành Cơ quan Ngôn luận chính thức của THVB đối với các hội đoàn bạn và cộng đồng người Việt tỵ nạn CS tại các địa phương! Nhờ có Đặc San Đa Hiệu, người dân Việt tại hải ngoại

đã hiểu rõ hơn về nếp sống của người CSVSQ của một quân trường đã từng khét tiếng tại Đông Nam Á Châu trong thập niên 1960-70.

Trở lại tình trạng TH hiện nay. TTVB của chúng ta đã vừa trải qua một cơn mộng kinh hoàng! Cơn ác mộng quá dài đã để lại những vết hằn của nhục nhã vì tình tự không còn, của xấu xa vì danh dự bị xâm phạm, của nỗi đau buồn ray rứt vì tình tự VB đã nát tan !

Tưởng rằng không còn cách nào để hàn gắn! Không còn cách nào để anh em ta cùng nắm tay nhau trở về dưới mái trường xưa! Nhưng may mắn thay, sau 7 năm dài đã cảm thấy đã đủ thấm đòn vì không được cộng đồng coi trọng, cho nên đa số anh em mình đã "Tự thắng", thức tỉnh và cùng nhau quyết tâm Đoàn Kết để Thống Nhất TTVB chúng ta cũng vừa lúc mùa Xuân Giáp Thìn sắp về !

Một lần nữa Đa Hiệu cũng vừa đổi Chủ Bút cho phù hợp với tình thế mới, với Ban Quản Trị như sau:

Chủ Nhiệm: CSVSQ Nguyễn Phước Ái Đình K26 -

email: aidinhng@yahoo.com

Chủ Bút: CSVSQ Phòng Tít Chắng K29 -

email: ctphong@yahoo.com

Ban Trị Sự: CSVSQ Trần Trí Quốc K27 -

email: tran27147@yahoo.com

Thật ra chỉ có một vị trí mới thôi - Chủ Bút do CSVSQ Phòng Tít Chắng K29 tình nguyện đảm nhận với "lệnh hành quân" đầu tiên là phát hành Đặc San Đa Hiệu 127, Chủ đề XUÂN ĐOÀN KẾT rất ăn khớp với ý nghĩa về một năm mới với một Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu 2024 !

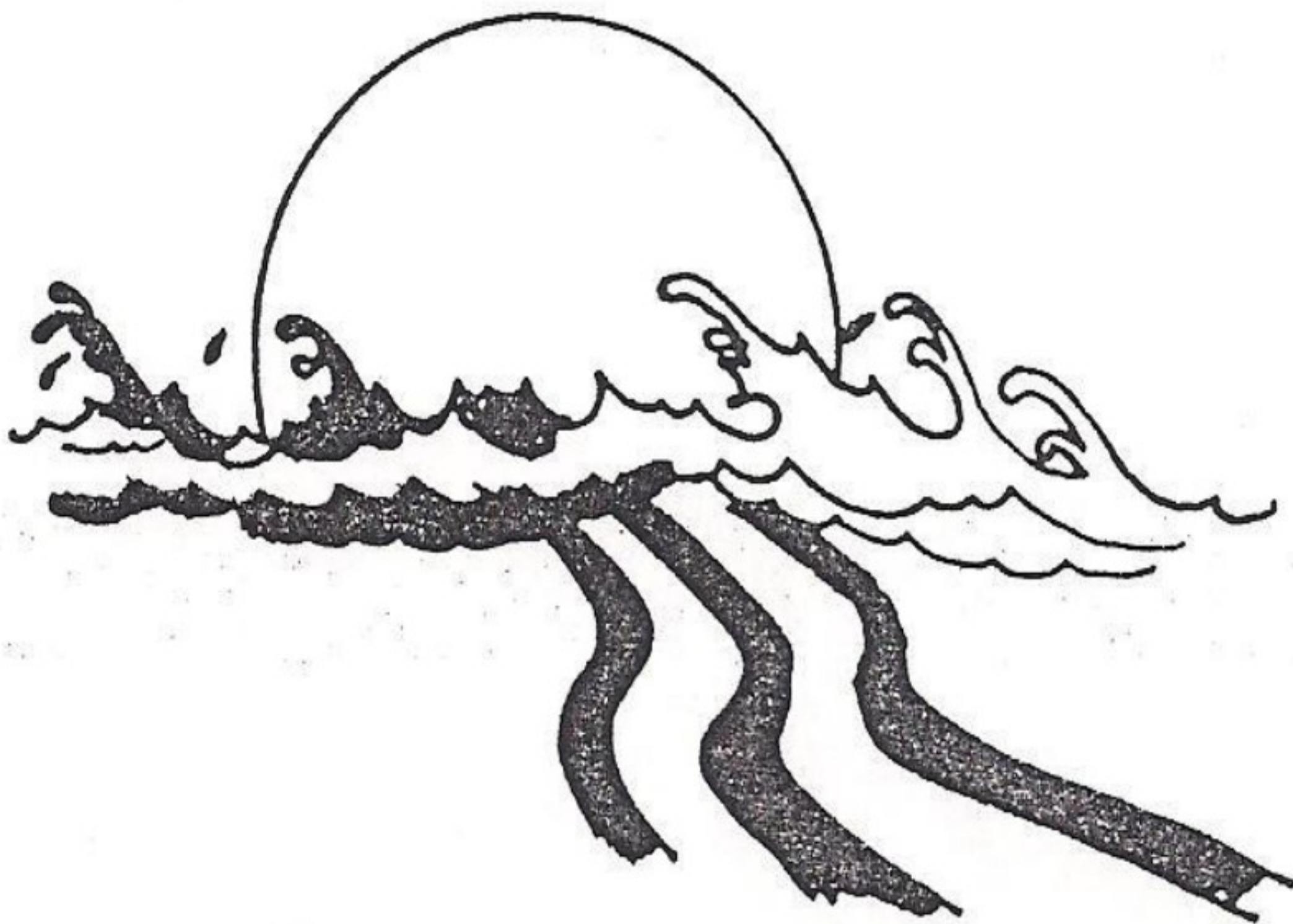
Con số bài viết cho Đa Hiệu 127 đang bắt đầu từ con số zero (0) ! Vì "lệnh xuất phát" quá khẩn cấp nên Chủ Bút PT Chắng K29 rất cần sự giúp đỡ của tất cả anh em chúng ta, nhất là các cây bút quen thuộc và những ngòi viết tiềm năng chưa từng "bị phát hiện"! Vâng! Thì đây Đa Hiệu 127 là nơi để cho chúng ta có thể trải rộng tâm tình qua nét bút các thể loại văn vần, văn xuôi hay thi nhạc giao hòa! Đối với những anh em đã từng ấp ủ giấc mơ đoàn kết THVB, hàn gắn lại

tình cảm đồng môn thì đây là thời điểm rất thích hợp để gởi gắm cõi lòng !

Và sau cùng! Một niềm vui rất lớn đang khởi sắc và đang thành hình trước mắt chúng ta! Đó là một ngày vui hội ngộ rất hạnh phúc đang đón chờ trong sự đoàn kết của tập thể VB và những tâm hồn đã từng lạc xa nhau trong lúc tuổi hoàng hôn sương xuống! Hãy cùng viết! Hãy là những con én bay lượn khắp vòm trời VB Quốc Gia yêu thương trên những trang Đa Hiệu!

Kính chúc quý vị, các bạn và gia đình được nhiều sức khỏe và hạnh phúc an vui !

Thân kính,
TS/K25



LỜI TRẦN TÌNH

Đạt Đỗ K29

Tôi muốn thưa với quý Niên Trưởng,
Những người đàn anh kính mến ở trong Trường.
Những việc mà chúng ta đang làm,
Từ ước muốn đoàn kết hợp nhất,
Để không còn cảnh Tổng Hội Bắc hay Nam...
Chính là.....
Hậu quả của sự chia rẽ,
Nỗi đau này,
Ước nguyện chung,
Chúng tôi chỉ mong chia sẻ.
Và cũng từ sự phân hóa...
Của những người con Võ Bị..
Tuy khác khóa...
Nhưng cùng Trường...
Thêm vào những nhức nhối tủi nhục đau thương,
Chúng ta đã tự gây ra,
Và giờ này chúng ta đang gánh chịu....
Tôi ngồi viết nhưng tâm hồn nặng trĩu,
Chữ Đoàn kết này..
Sao chúng ta không chịu hiểu..
Vẫn như đám mây đen,
Che ảm đạm một buổi chiều.
Khi tuổi anh em mình,
Và những xác thân này..
Sắp sửa tan vào cõi tịch mịch cô liêu...
Vào chốn vô cùng chẳng còn ai bên cạnh.
Được gì, mất gì, khi nỗi lòng đang canh cánh..

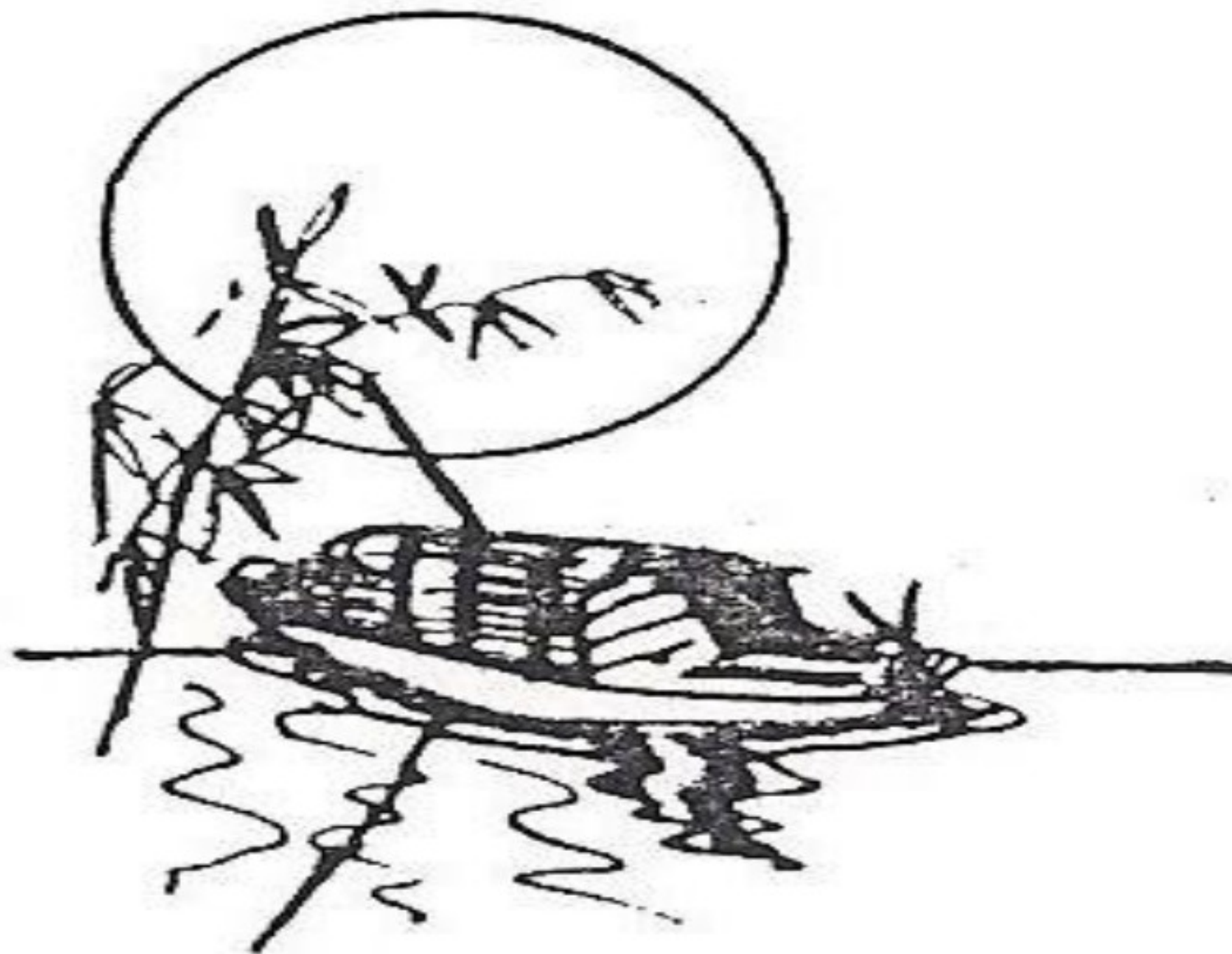
Khó chi đâu khi chỉ một tiếng Ừ,
Tự ái này hay những chuyện riêng tư..
Sao không quên đi bằng tấm lòng tha thứ.
Bài học ngàn xưa trong Kinh Thánh cũ,
Có khó học quá không đối với người đời..
Hãy tự hỏi lòng người Võ Bị ơi..
Ai trong các người chưa lần nào mắc lỗi,
Và chưa hề có tội..
Thì hãy ném đá người phụ nữ này..
Bài học xưa nhưng ý nghĩa vẫn còn đây..
Hãy thứ tha bằng tâm hồn rộng lượng..
Hãy mở rộng vòng tay
Để nhận vào những bằng hữu, Niên trưởng..
Hãy mở rộng cửa Trường,
Hãy chia sẻ tình thương..
Để Võ Bị chúng ta ..
Mãi mãi hân hoan trong niềm vui sướng..
Anh bắt tay tôi chú khóa mấy ông Võ Bị này..
Tôi rạng rỡ cười..
Khi thấy tình Đoàn Kết đang đến,
Trong tầm tay..
Quý Niên Trưởng ơi,
Hãy cho chúng tôi cơ hội ấy..
Đã xảy ra một Hội Nghị Diên Hồng.
Trong thế kỷ ngày nay.
Một Đại Hội Đồng,
Đông nhất trong lịch sử hình thành Tổng Hội.
Xin Ông Trên hãy soi sáng đưa đường mở lối,
Để mọi người phải tin rằng,
Tình Tự Võ Bị mãi mãi còn đây.....

Đáp - LỜI TRẦN TÌNH

Lê hữu Long k25

Đỗ Đạt ơi lời trần tình tuyệt hảo
Là tình nghĩa anh em ta đã có tự bao giờ
Mái trường mẹ nơi hội tụ tinh hoa dân tộc
Hào hùng và bất khuất sẵn sàng hy sinh
Vì chính nghĩa quốc gia dân chủ tự do

Mắt thương nhìn cuộc đời
Biển Phước chứa vô cùng
Sự nhẹ nhàng thanh thoát
Hôm nay và mãi đến nghìn sau
Anh hùng tử khí hùng nào tử



LÁ THƯ CUỐI CÙNG CỦA 2 VỊ CỰU CHỈ HUY TRƯỞNG TRƯỜNG VÕ BỊ

Niềm hãnh diện lớn nhất của một ông tướng

“Anh khóa mấy?” là câu đầu tiên mà Niên Trưởng Lâm Quang Thi thường hỏi mỗi khi gặp gỡ các cựu sinh viên sĩ quan Võ Bị mà ông chưa biết rõ là ai. Giọng nói ân cần pha chút lạnh lùng, ông tướng đưa ánh mắt như thăm dò, khiến người đối diện không khỏi không chột dạ. Gặp ông lần đầu tiên tôi đã có cảm giác như thế. Ông ít khi cười mặc dầu ông có nụ cười sáng khoái tự nhiên, rất đẹp và rất tươi. Ông cũng nghiêm nghị, ít chịu mở lời, cho dù có thừa khả năng diễn thuyết đến vài giờ đồng hồ. Mặc cho người ta nói. Ông chỉ nghe mà không nói lời nào. Phong cách của ông tướng trí thức, một thời cầm binh vẫn còn nguyên rõ nét.

Mỗi độ Xuân về, Hội Võ Bị Bắc Cali có thói quen đến thăm và chúc tết quý vị niên trưởng lão thành tại địa phương. Một trong những vị không thể nào bỏ sót là Cựu Trung Tướng Chỉ Huy Trưởng Lâm Quang Thi.



Một hình ảnh Hội Võ Bị Bắc Cali chúc tết Ông Bà Trung Tướng Lâm Quang Thiⁱ

“Mồng một tết Cha, mồng hai tết Mẹ, mồng ba tết Thầy,” chúng tôi thường đến chúc tết Ông Bà Lâm Quang Thi vào những ngày Tết Nguyên Đán hằng năm. Lũ học trò cũ, dất vợ rủ chồng cùng đi chúc tết

thầy cô. “*Tôn sư trọng đạo*” là một trong những nét truyền thống đẹp đẽ của Trường Võ Bị. Lạnh lùng như tảng băng nhưng gặp chúng tôi, vị Cựu Chỉ Huy Trưởng tươi hẳn nét mặt. Học trò mời thầy ngồi giữa rồi quây quần chung quanh thay nhau chúc tết. Lúc đáp từ, thầy mỉm cười đứng dậy. Niềm vui hiện rõ qua ánh mắt. “*Tôi rất lấy làm sung sướng,*” ông thường mở lời như vậy mỗi khi tỏ ra hài lòng về một điều gì đó. Dĩ nhiên lũ học trò sẽ được mời ở lại dùng cơm với thầy cô. Thầy bảo, mở chai rượu để chén tác chén thù. Câu chuyện rôm rả—không khí ngày Xuân—chuyện mới, chuyện cũ. Chuyện đánh giặc, chuyện Võ Bị, chuyện football, chuyện bên Tây, bên Tàu... Chỉ có lúc này người ta mới nghe được tiếng cười sảng khoái và nhìn thấy nụ cười thật đẹp và thật tươi của ông.

Những ai đã từng đến thăm Niên Trưởng Thi đều gặp phu nhân ông. Trời sinh một cặp. Ông bà đi đâu cũng có nhau. Trái ngược với vẻ nghiêm nghị, lạnh như tiền của phu quân, bà tướng lại có lối trò chuyện hồn nhiên, một mực thân mật. Nụ cười thành tiếng của bà luôn nở trên môi. Những mảnh chuyện đầy đặn theo giọng kể cứ thế tuôn ra, khiến người nghe có thiện cảm với bà ngay ở lần gặp gỡ đầu tiên. Cái không khí lạnh lùng đến ngọt ngào tại phòng khách của ông tướng dần dà trở nên rộn ràng, ấm áp hẳn lên nhờ sự có mặt của bà tướng.

Mấy năm cuối đời, Bà Lâm Quang Thi trở bệnh, đau ốm liệt giường. Lại thêm căn bệnh quái ác Alzheimer khiến bà mất dần trí nhớ. Ông tướng thương vợ vô cùng. Ánh mắt lạnh lùng bây giờ lại cộng thêm nỗi buồn thăm thẳm. Suốt ngày quanh quẩn bên giường bệnh, chẳng muốn đi đâu nữa. Không viết lách, không chơi tennis. Chẳng ra bên ngoài, cũng chẳng tiếp điện thoại. Gọi phone xin cái hẹn với ông là chuyện khó như đi trên mây. Tình nghĩa phu thê ngọt ngào đến cuối đời đang mãnh liệt hiện rõ. Nhân vật tiếng tăm, diễn thuyết hùng hồn, hội đoàn nào cũng muốn mời, tổ chức nào cũng mong có mặt, nhưng ông tướng chỉ còn nhận lời đến với Võ Bị mà thôi.

Ngày trước, đa số các viện Đại Học dân sự tại Việt Nam (mà các Viện Trưởng tốt nghiệp từ Pháp) đều rập khuôn theo lối học hành, thi cử (chứng chỉ) từ chương của người Pháp; trong khi đó, Trường Võ Bị Đà Lạt lại áp dụng hệ thống tín chỉ theo đường lối giáo dục thực dụng của người Mỹ (Trường Võ Bị West Point.) Ủy Ban Thẩm Định Văn Bằng Liên Viện Đại Học Quốc Gia nghi ngại, xem thường và không nhìn nhận giá trị văn bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng của Trường

Võ Bị Đà Lạt. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu (Khóa 1 Võ Bị—cũng là một cựu Chỉ Huy Trưởng) muốn can thiệp với Bộ Văn Hoá Giáo Dục, nhưng cũng chẳng được.

Mấy ông Viện Trưởng Đại Học một mực cho rằng—ở quốc gia chiến tranh, lính tráng chuyên về quân sự—vẽ vờ thêm văn hóa chỉ là chuyện phụ. Sinh viên trường lính học hành có là bao, đòi cấp phát bằng Cử Nhân làm sao coi cho được.

Chỉ Huy Trưởng Lâm Quang Thi không chịu như thế. Ông nhất định phản đối cái kiểu đánh giá hồ đồ đó, nhất định đòi cho bằng được sự công bằng. Sau nhiều lần tranh biện không thành công, Tướng Thi yêu cầu Bộ Văn Hoá Giáo Dục mời Ủy Ban Thẩm Định Văn Bằng gồm các vị Viện Trưởng các Trường Đại Học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Cần Thơ cùng với vị Giám Đốc Trường Kỹ Sư Phú Thọ làm một cuộc thân hành khảo sát, lượng định ngay tại Trường Võ Bị Đà Lạt. Sau khi tận mục sở thị, xem xét từng lớp học, quan sát các phòng thí nghiệm, đánh giá từng chương trình giảng dạy, sau cùng Ủy Ban Thẩm Định Văn Bằng Liên Viện Đại Học Quốc Gia đã tâm phục khẩu phục, công nhận giá trị văn bằng Cử Nhân của các sinh viên Trường Võ Bị.

Ngoài Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Tướng Thi còn nhắc đến Giáo Sư Lê Thanh Minh Châu của Viện Đại Học Huế, Giáo Sư Nguyễn Duy Xuânⁱⁱ của Viện Đại Học Cần Thơ là những giáo sư tiên phong thức thời, biết xem trọng hệ thống tín chỉ và đã hết lòng giúp đỡ ông.

Từng là sĩ quan trẻ tuổi nhất nước được thăng cấp tướng. Vượt núi băng rừng, dọc ngang chinh chiến, lập nên biết bao chiến công, chiến tích; chẳng mấy ai nghe thấy ông nhắc nhở đến chúng bao giờ. Ông chỉ thực sự mãn nguyện và tự hào—đã dành được thắng lợi, đã đem được văn bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng—về cho các sinh viên sĩ quan của ông.

“Tôi cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của tôi không phải là cầm quân mà thực sự là khi tôi được chỉ định làm Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Lúc bấy giờ chương trình huấn luyện tăng lên từ 2 năm tới 4 năm và tôi đã tranh đấu hết sức để các sĩ

quan tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia được hưởng bằng cấp cử nhân Khoa Học Ứng Dụng, tương đương với bằng cấp của Trường Võ Bị West Point của Hoa Kỳ. Đó là niềm hãnh diện nhất của tôi trong cuộc đời binh nghiệp,” Tướng Thi tiết lộ như thế khi trả lời phỏng vấn trực tiếp từ Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ.ⁱⁱⁱ

Trung Tướng Lâm Quang Thi mãi thao thức về việc lịch sử chiến tranh Việt Nam đã bị truyền thông Mỹ bóp méo một cách tồi bại. Giới truyền thông và phản chiến Mỹ không ngớt tô vẽ, thổi phồng và chỉ trích Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là một đội quân yếu kém, hèn nhát, tham nhũng, v.v. đã đưa đến thất bại cay đắng cho Việt Nam Cộng Hòa, cho Hoa Kỳ và cho đồng minh. Vì thế, ông đã viết một số sách bằng Anh ngữ về chiến tranh Việt Nam để ra sức cải chính, lấy lại sự thật công bằng cho quân đội và chiến binh của mình. Những sách sau đây của Niên Trưởng Thi đã được các nhà in Đại Học Hoa Kỳ ấn hành: *Autopsy: The Dead of South Viet Nam* (Sphinx Pub. 1986,) *The Twenty-five Year Century* (UNT Pub. 2002,) *Hell in An Loc* (UNT Pub. 2009.) Không còn cầm súng, ông dùng Anh ngữ viết sách để tiếp tục chiến đấu. Suu khảo tỉ mỉ, dẫn chứng trung thực là nét đặc trưng trong các tác phẩm của ông.

Niên Trưởng Thi ít khi chịu nói về mình. Khi người ta tò mò, hỏi về đời sống riêng tư, ông cho biết: *“Tôi qua đây cũng nhờ hệ thống của Trường Võ Bị West Point bởi vì giữa Trường Võ Bị Đà Lạt và Trường Võ Bị West Point có những liên hệ hết sức là gần bó. Chính ông Chỉ huy trưởng Trường West Point—Tướng Sam Sims Walker^{iv}, cũng là bạn của tôi ở Việt Nam, ông đã tìm cách để cho tôi có một địa vị xứng đáng trong hệ thống ngân hàng của nước Mỹ, và vì tôi có một địa vị tốt ở Mỹ, tôi phải đi học nên tôi tiếp tục học và lấy bằng MBA. Tôi đã làm việc hết sức chăm chỉ và có thể nói là thành công trong cuộc đời của tôi bên Mỹ.”^v*

Lưu vong. Xây dựng lại cuộc đời từ con số không. Ông tướng ít nói đã thành công hơn so với những tướng lãnh khác. Nhưng ông chỉ kể có ngàn ấy thôi. Một đời binh nghiệp, thuần túy quân nhân, ông từng tuyên bố: *“Võ Bị là lý tưởng của tôi.”^{vi}*

Trước tình trạng phân hóa của các cựu sinh viên Trường Võ Bị, ông buồn vô tả. Đôi mắt chẳng mấy khi vui, mỗi ngày lại cộng thêm

nổi sâu thăm thẳm. Nổi sâu như đá tảng đè nặng lên tim.

Biển dâu cuộc đời, bây giờ, ông thầy khuyên bảo, học trò lại có đứa chẳng chịu nghe. Nếu là ngày trước, chỉ một cú phone là giải quyết ngay vấn đề. Ai mà dám cãi. Buồn bực nhưng làm gì được bây giờ?

Võ Bị phải là tấm gương cho sự kết hợp, thống nhất tổ chức

Trải qua nhiều thời đại, Trường Võ Bị đã thay đổi nhiều Chỉ Huy Trưởng. Có vị đã quá vắng, có vị còn tại thế. Hai vị Cựu Chỉ Huy Trưởng luôn duy trì gắn bó và ưa thích sinh hoạt với các cựu sinh viên đàn anh, đàn em Võ Bị là Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Đỗ Ngọc Nhận và Trung Tướng Chỉ Huy Trưởng Lâm Quang Thi. Cả hai đều xuất thân từ Khóa 3-Trần Hưng Đạo. Bạn bè đồng khóa, một vị ở San Antonio-Texas, một vị ở Fremont-California. Một ông là Đại Tá, ông kia là Trung Tướng. Một ông nói giọng miền bắc, một ông nói giọng miền nam. Xa nhau 1 ngàn 700 dặm đường xe. Thỉnh thoảng gọi nhau, thăm hỏi: “*Ông Bà thế nào, sức khoẻ ra sao?*” Thế cũng đủ lắm rồi.

Hồi năm 1968, ông Đại Tá đã bàn giao Trường Võ Bị cho ông Trung Tướng (lúc đó còn mang cấp bậc Thiếu Tướng.)



Qua điện thoại, Niên Trưởng Lâm Quang Thi đàm đạo với Niên Trưởng Đỗ Ngọc Nhận^{vii}

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, cũng như Niên Trưởng Lâm Quang Thi,

Niên Trưởng Đỗ Ngọc Nhận chọn con đường binh nghiệp theo Quốc Gia chống lại chủ nghĩa Cộng Sản. Ông gia nhập quân đội năm 1951—theo học Khóa 3 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt (sau này cải danh là Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam hồi năm 1959.)

Dưới nền Đệ Nhất Cộng Hòa, cuộc đời binh nghiệp của Niên Trưởng Đỗ Ngọc Nhận tương đối sáng sủa. Thuở ấy, Tổng Thống Ngô Đình Diệm muốn nhanh chóng canh tân xứ sở, tiến đến tự túc tự cường. Vừa mới dành được độc lập từ thực dân Pháp, Tổng Thống không muốn nước nhà phải bị lệ thuộc vào các cường quốc. Ông xem Trung Hoa Quốc Gia (Đảo Quốc Đài Loan) bé nhỏ với Thống Chế Tưởng Giới Thạch là một đồng minh đáng tin cậy và đáng học hỏi. Ông cũng đề ý nhiều đến các sĩ quan quốc gia mới được đào tạo. Một trong số những sĩ quan tuổi trẻ tài cao được tổng thống chú ý là Niên Trưởng Đỗ Ngọc Nhận.



Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận trong một buổi sinh hoạt Võ Bị tại Houston (Photo by Anh Nguyen)^{viii}

21 tuổi, Niên Trưởng Nhận mãn khóa Võ Bị với cấp bậc Thiếu Úy hiện dịch. Từ đó, xông pha trận mạc khắp các chiến trường. Máu đổ, thịt rơi, Chiến Thương Bội Tinh. Ông quan một trẻ tuổi cũng không ngoại lệ. Bị trọng thương tại chiến trường Bù Chu trong một trận chiến ác liệt. Vết thương nặng nơi đùi trái từ đó làm lũn theo ông đến suốt cuộc đời. Năm 24 tuổi, ông đã là Thiếu Tá trong Quân Đội Quốc Gia còn mới toanh^{ix}.

Khi Niên Trưởng Đỗ Ngọc Nhận được Tổng Thống Ngô Đình

Diệm triệu kiến và trực tiếp giao việc, ông đang mang lon Trung Tá. Đó là năm 1960. Chức vụ mới là Giám Đốc Nha Quân Cự. Ông được Tổng Thống cử (hay ra lệnh)—đích thân sang Đài Loan quan sát, học hỏi, hợp tác với đồng minh—trong kế hoạch thiết lập cơ xưởng chế tạo vũ khí, đạn dược. Tất cả nhằm tự túc, tự cường cho nước nhà, chẳng nhờ vả ai hết. Mọi việc mới chỉ là một nỗ lực lớn cho tương lai lâu dài, để chống cộng và không lệ thuộc vào Mỹ. Nhiều người thấy thế, bèn cho rằng Trung Tá Đỗ Ngọc Nhận là một trong số các sĩ quan thân tín của Tổng Thống Diệm.

Thế rồi, chính biến 1963 xảy ra. Nền Đệ Nhất Cộng Hòa bị lật nhào. Tổng Thống còn bị giết thì Trung Tá có nhằm nhờ gì. May mà Niên Trưởng Nhận không bị bắt. Có lẽ, vì ông không cầm quân như mấy ông Trung Tá Lê Quang Tung, Đại Tá Hồ Tấn Quyền nên phe đảo chánh chẳng phải lo xa. Nhưng kể từ đó, đường binh nghiệp của ông nhanh chóng trở nên gập ghềnh khó đi.

Được biết, tuy sức khỏe càng ngày càng suy giảm theo tuổi tác; nhưng, cho đến tận những ngày đau yếu cuối đời, Niên Trưởng Nhận vẫn cố gắng sinh hoạt đều đặn với Hội Võ Bì Houston. Từ San Antonio đến Houston là quãng đường dài trên dưới 3 giờ lái xe. Thế mà ông vẫn tìm cách đến với anh em. Tinh thần Võ Bì có ai sánh bằng. Niên Trưởng Nhận còn là tấm gương sáng trong tình nghĩa phu thê. Ông Đại Tá thương vợ vô cùng. Phu nhân đau yếu, hằng ngày đã có người đến nhà chăm sóc bà, nhưng ông vẫn không mấy yên tâm. Suốt ngày quanh quẩn bên người bạn trăm năm. Chẳng muốn bước chân ra khỏi nhà. Bà cần gì đã có ông bên cạnh.

Tôi diện kiến Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận vồn vện có 4 lần. Cùng với Niên Trưởng Lê Viết Đắc Khóa 22, Niên Trưởng Lê Thi Khóa 29, tôi gặp ông lần đầu tiên ở Morgan Hill—một thành phố hiền hòa cách San Jose khoảng 25 phút lái xe về hướng Nam Đông-Nam. Tại nhà em gái và em rể của ông, Chị Sara Hồng và Niên Trưởng Trần Quang Minh Khóa 23. Giọng nói của ông điềm đạm, hiền hòa, phảng phất lời nói chuyện của Niên Trưởng Bùi Đình Đạm Khóa 1. Thân tình, ấm áp nhưng không thiếu phần sắc bén mang tính thuyết phục.

Niên Trưởng Lưu Xuân Phước Khóa 24 và Ban Chấp Hành của ông đã nỗ lực hàn gắn hết mức—chuyện Võ Bì vỡ làm hai mảnh—nhưng kết quả vẫn chưa đi đến đâu. Chỉ Huy Trưởng Lâm

Quang Thi và Chỉ Huy Trưởng Đỗ Ngọc Nhận buồn vô hạn. Đôi mắt buồn so thay cho lời nói. Hai ông thầy cũ gặp nhau hợp lực khuyên can học trò mau chóng hàn gắn vết thương. Bên này nói đã sẵn sàng thì bên kia bảo là chưa đến lúc. Chờ. Thời gian chẳng bao giờ chậm lại. Anh em một nhà, chờ đến bao giờ?



Niên Trưởng Đỗ Ngọc Nhận và Niên Trưởng Lâm Quang Thi tại Fremont, Cali.

Thầy bảo, chỉ một Đại Hội Bất Thường dựa trên nguyên tắc sinh hoạt dân chủ sẽ mang lại sự thống nhất. Đó còn là tấm gương cho các đoàn thể khác noi theo. Vẽ vang Võ Bị. Giản dị chỉ có thể thôi, vậy mà mãi không làm được. Thật hết nước nói.

Tháng giêng năm 2020, trước thềm năm mới Canh Tý, nhị vị Cựu Chỉ Huy Trưởng đã cùng nhau viết một lá thư chúc Tết Canh Tý—gởi đến toàn thể cựu sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị và gia đình—không ngoài mục đích nhắc nhở về **Tình Tụ Võ Bị** keo sơn thắm thiết. Lá thư đó chưa từng được in vào tập san Đa Hiệu, cũng chưa hẳn đã đến được mỗi gia đình Võ Bị.

Nay, nhị vị Cựu Chỉ Huy Trưởng đã ra người thiên cổ. Lá thư chúc tết là lá thư cuối cùng, lời lẽ thắm thiết dặn dò. Chẳng bao giờ có lá thư khác nữa đâu. Sinh vi Tướng, tử vi Thần. Xin nhị vị niên trưởng độ trì cho chúng tôi—dắt dìu lũ đàn em hậu thế biết cách hợp nhất Tổng Hội sao cho mau chóng.

Nguyễn Thiệu K30

THƯ CHÚC TẾT CANH TÝ

Thân kính gửi toàn thể CSVSQ/TVBQGVN và gia đình.

Trước thềm năm mới Canh Tý; chúng tôi, CSVSQ Lâm Quang Thi K3, CSVSQ Đỗ Ngọc Nhận K3, cựu CHT/TVBQGVN thân kính gửi đến toàn thể Đại Gia Đình Võ Bị Quốc Gia Việt Nam lời chúc mừng năm mới:

1. Dồi dào sức khỏe, khang an, thịnh vượng, thành đạt mục tiêu ***Giải Trừ Cộng Sản để Quang Phục Quê Hương***.
2. Tuyệt đối trung tín với ***Lý Tưởng Quốc Gia Dân Tộc*** của người CSVSQ xuất thân từ TVBQGVN.
3. Phát huy và giữ vững truyền thống ***Tình Tự Võ Bị*** keo sơn thắm thiết, phương châm cao quý ***Tự Thắng*** trong mọi sinh hoạt nội bộ cũng như sinh hoạt cộng đồng.
4. Thực hiện thành công các quyết nghị của hai Đại Hội vừa qua của cả hai Tổng Hội VBQG liên quan đến việc tiến hành kết hợp, dựa trên ***nguyên tắc sinh hoạt dân chủ***, ngõ hầu nhanh chóng mang lại sự thống nhất tổ chức Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN theo nguyện vọng chung của Đại Gia Đình Võ Bị.
5. Phục hồi ***danh dự và uy tín*** của các CSVSQ/TVBQGVN và nhất là ***danh dự của Trường Mẹ***; trở thành tiêu biểu cho sự kết hợp, thống nhất tổ chức của các đoàn thể Người Việt Quốc Gia tại hải ngoại.

Thân mến chào toàn thể quý anh em.

Fremont, ngày 04/01/ 2020

San Antonio, ngày 4/1/2020



Lâm Quang Thi



Đỗ Ngọc Nhận

Dấu Lìa Ngó Ý

Hương Thủy

Nhà thơ ngụ ngôn người Pháp La Fontaine đã nói một câu rất hay về tình bạn: “Tình yêu thật sự đã hiếm; tình bạn thật sự còn hiếm hơn”. Tình bạn giữa tôi và Cát Đằng quả là hiếm có.

Cát Đằng, tên một loài hoa leo có màu xanh pha tím, mỏng mảnh. Bạn tôi cũng dịu dàng, mềm mại, quý phái như hoa. Chúng tôi thân nhau từ thuở nhỏ, lúc còn học trường tiểu học Đoàn Thị Điểm trong Thành Nội. Hai đứa cứ thế lớn dần lên, lần lượt qua bên kia sông Hương học Đồng Khánh rồi Văn Khoa...

Nhà Cát Đằng nằm ở một góc nhỏ trên đường Mai Thúc Loan. Căn nhà cổ xưa như cuộc sống quan cách của gia đình. Ba Cát Đằng làm công chức cao cấp của Ty Ngân khố Thành phố. Ông đặt cho con những cái tên thật đẹp của các loài hoa: Cát Đằng, Đỗ Quyên, Hoàng Lan... Máy chị em sống khép kín như những con ốc trong bốn bức tường rêu.

Tôi, tên bình thường: An Nhiên, gia cảnh cũng “*thường thường bậc trung*”, tóc cắt kiểu Demi Garcon, tính tình đôi lúc ương bướng. Vậy mà chúng tôi thương nhau vô cùng. Chỉ có tôi dám bước qua hai cánh cổng sắt luôn khép kín trong tiếng sữa của con Berger, để rủ Cát Đằng đi học. Cũng chỉ có tôi chiếm được lòng tin của ba mẹ Cát Đằng. Hai bác nghiêm nghị nhưng coi tôi như con. Hình như hai bác xem tôi là một lá chắn bảo vệ cho cô con gái yếu ớt của mình.

Chúng tôi đã có một thời thơ ấu thật đẹp và hồn nhiên. Những chiều mùa hạ dắt nhau vô con đường bên hông Đại Nội gần cà phê mù Tồn, nhặt bông phượng đỏ về làm bướm. Những sáng mùa đông sương mù lạnh buốt chờ nhau qua cầu Phú Xuân, gió hung hăng như muốn quật hai đứa xuống sông. Những đêm cùng học bài thi, em gái Đỗ Quyên đem vào phòng cho hai chị chén chè hạt sen long nhãn mát rượi. Mẹ Cát Đằng thường cười bảo tôi “Phải chi An Nhiên là con trai, bác gả Cát Đằng cho cháu.”

Tuổi dậy thì hồn nhiên và mơ mộng. Cát Đằng đẹp, nhiều người tán.

Tan học về bao nhiêu cái đuôi theo, mãi cho đến cửa Hiền Nhơn mới chịu lui gót. Tôi như garde corps cho bạn. Những chàng sinh viên mê Cát Đằng, nhờ tôi làm chim xanh kèm theo nhiều món quà hậu hĩnh, trong số có cả con của một ông Trưởng Ty đang theo học trường Y. Nhưng tôi từ chối. Không ai hiểu bạn hơn tôi. Cát Đằng tâm sự : “*Sao mình thấy ông nào cũng nhẵn nhụi như Mã Giám Sinh. Ngó phát ón!*”. Người hùng trong tâm tưởng Cát Đằng phải bụi bụi như tài tử Charles Bronson, đều đều với bộ ria giống nụ cười của Clark Gable hoặc chí ít cũng phải lãng tử như Gregogy Peck trên chiếc Vespa cổ chở nàng công chúa Audrey Hepburn chạy khắp thành Rome trong Vacances Romaines... Thâm tâm tôi thấy bạn mình quá lãng mạn. Biết tìm đâu ra người lý tưởng trong môi trường phố thị này?

Ấy thế mà một hôm thật bất ngờ, “*người hùng*” của bạn đã xuất hiện. Đó là một buổi sáng “*đầy sương thu và gió lạnh*” như trong văn Thanh Tịnh, đoàn Sinh Viên Sĩ Quan trường VBQGVN về Huế vào Đại Học Văn Khoa tuyển quân. Phải công nhận sự có mặt của họ như một hiện tượng trong sân trường xưa nay toàn áo dài, chemise, quần tây. Trong trang phục worsted thật đẹp, thật hào hùng mặt anh nào cũng sáng láng thông minh. Họ trình bày thật ấn tượng về ngôi trường quân sự ở Đà Lạt ngang ngửa với Saint Cyr của Pháp, West Point của Mỹ. Đứng bên những chàng trai Văn Khoa “trói gà không chặt”, trông các anh cao to và đường đường khí thế. Nhìn qua cạnh mình, tôi thấy Cát Đằng như trên mây. Nàng say sưa dán mắt vào anh SVSQ đang giới thiệu chương trình đào tạo. Anh nói giọng Bắc pha chút Huế. Khi chàng ta đi từng bàn phát những tờ ảnh về ngôi trường cho sinh viên nam, Cát Đằng cũng nhoài người qua xin một tờ. Một thoáng ngạc nhiên trong mắt anh nhưng người SVSQ vẫn lịch sự trao tận tay nàng. Mắt hai người gặp nhau. Một cái gì đó thật lạ lần đầu tiên tôi thấy xuất hiện ở cô bạn mình. Má nàng ửng hồng, ánh mắt long lanh, môi mọng ướm mềm... Chuông reo giờ ra chơi, hai người còn trao đổi với nhau suốt cả mười lăm phút bên hành lang Morin.

Ra về, tôi bảo Cát Đằng “Mình thấy hình như có *Coup de Foudre*”. Nàng yên lặng do dự một chút rồi bảo tôi : - “An Nhiên ơi, bạn có thương mình không?”. Tôi ngạc nhiên: - “Tui không thương bạn thì thương ai?” - “Vậy thì chiều ni bạn xin mạ cho tui qua chơi nhà bạn hí”. - “Được thôi mà”.

Buổi chiều , tôi ngồi chờ bạn trên chiếc xích đu dưới giàn bông giấy.

Nàng xuất hiện trong chiếc áo mousseline màu xanh trứng sáo, quần tây đen. Trông Cát Đằng xinh xắn làm sao. Hèn gì con ông Trưởng Ty mê nàng như điên đảo. Ngồi nói chuyện với tôi mà mắt nàng nhìn ra cổng như ngóng trông ai... Và bốn giờ chiều. Một bóng người xuất hiện trước cửa. Anh chàng Sinh viên Võ bị hồi sáng... Cô nàng thông minh thật, lấy địa chỉ nhà tôi làm nơi gặp gỡ.

Tôi không tin lắm vào duyên tiền định. Xưa nay, ba mẹ vẫn hay nói tôi là kẻ cứng lòng. Nhưng với cô bạn thân Cát Đằng thì tôi nghĩ đó là một mối nhân duyên mà tôi là người góp phần dung túng, ủng hộ. Cô bạn tôi không phải là type người “yêu cuồng sống vội”. Xưa nay nàng chưa hề cười với ai một nụ. Con nhà gia thế, kín cổng cao tường. Điều gì đã làm cho nàng dám vượt qua khuôn phép gia đình và xứ Huế vốn dễ tiếng tăm?

Chàng sinh viên sĩ quan ấy tên H. đang theo học năm thứ ba trường Võ Bị. Anh gốc Bắc, di cư vào Nam năm 54, chọn Huế làm quê hương thứ hai. Anh sống cùng mẹ và chị gái bên Bến Ngự. Anh hơn chúng tôi năm tuổi, trước đây từng học MPC rồi mới quyết định tòng quân. Đợt tuyển quân này là một cơ hội cho anh về thăm mẹ và số phận đưa đẩy để hai người gặp nhau.

Anh H. hiền, tính điềm đạm. Tôi chắc bạn tôi không chọn nhầm. Hai người có một tuần để hiểu nhau. Tôi nhiều lần qua nhà Cát Đằng xin cho bạn đi học nhóm, đi thảo luận... để rồi sau đó chở nàng lên đồi Thiên An, chùa Từ Hiếu hẹn hò. Trong khi hai người trò chuyện, tôi lặng lẽ đi dạo dưới những hàng thông hoặc ngồi đọc sách bên hồ Thủy Tiên để rồi sung sướng ngắm nhìn bạn sáng ngời trong hạnh phúc. Tình yêu làm người ta đẹp ra. Anh H. đưa chúng tôi về thăm gia đình. Căn nhà nhỏ nép mình trong một khu vườn sum suê cây trái. Tiếng chim sâu kêu lách chách. Bà mẹ hiền lành mừng rỡ đón bạn của con; người chị gái tên Hương thương em vô hạn, chăm anh từng ly từng tý. Tôi mừng cho Cát Đằng.

Anh H. trở về Đà Lạt tiếp tục khóa huấn luyện. Nhà tôi trở thành địa chỉ cho hai người trao đổi thư từ. Những bức thư đều đặn hàng tuần. Cát Đằng có một cái hộp bánh Chocolate hình chữ nhật. Đọc xong thư bạn cất vào đó và nhờ tôi giữ hộ. Cuộc tình vẫn nằm trong bí mật với gia đình và bạn bè. Không ai biết ngoài tôi.

Gần cuối năm 1971, sau khi đọc xong lá thư có cái insigne rồng vàng ôm kiếm thiêng, Cát Đằng có vẻ suy tư. Bạn ngồi trầm ngâm trên chiếc xích đu trắng nhìn mông lung. Tôi mở lời : - "*Răng đó? Giận nhau hả?*". – "*Không, có chi mô*". Lần này, bạn cầm lá thư về chắc để đêm nghiền ngẫm.

Con đường đến giảng đường sáng hôm sau như dài ra với sự yên lặng của Cát Đằng. Giờ English Grammar bạn dường như không nghe lời thầy John Schaffer giảng. Lúc ra chơi, đứng ở khung cửa sổ nhìn xuống đường Lê Lợi, Cát Đằng đưa bức thư cho tôi : "An Nhiên đọc đi!". Tôi liếc nhanh qua bức thư với những lời yêu thương nồng thắm nhớ nhung chất ngất, hơi đỏ mặt vì thấy mình xâm phạm chuyện riêng tư của bạn. A, đây rồi. Cái lý do làm bạn tôi trăn trở hai ngày nay. Anh H. muốn bạn tôi có mặt trong đêm *Lễ trao nhận* truyền thống của SVSQ năm 3 trường Võ Bị. Là răng? Cát Đằng đi Đà Lạt ư? Tôi không thể hình dung được chuyện này. Không được. Chuyện quá nghiêm trọng với con gái Huế, nhất là với bạn tôi, một người chưa hề bước chân qua đèo Hải Vân.

Ánh mắt của Cát Đằng tha thiết: - "An Nhiên giúp mình đi. Năn nỉ mà. Cam đoan không có chi xảy ra. Mình đi ba ngày. Chỉ bạn mới có thể giúp mình...". Điều gì khiến một người con gái dịu dàng như Cát Đằng nảy ra quyết định liều lĩnh thế? Cái này gọi là sức mạnh của tình yêu đấy ư? Xưa nay tôi vốn dị ứng với thứ tiểu thuyết lãng mạn của Quỳnh Dao và hoàn toàn không tin vào nhan đề một cuốn truyện của Lệ Hằng "*Chết cho tình yêu*". Không, không được.

Hai đứa không nói chuyện với nhau suốt ba ngày. Nhưng cái vẻ ủ dột của Cát Đằng làm tôi thương xót. Anh H. cũng gởi cho tôi một bức thư ngắn. Anh bảo chính vì xem Cát Đằng là người trăm năm nên anh muốn nàng có mặt trong buổi lễ trang trọng và ý nghĩa này. Anh chịu trách nhiệm về chuyến đi. Lòng tôi mềm ra. Tình yêu xét cho cùng cũng có cái lý của nó. Tôi trở thành kẻ đồng lõa trong cuộc hành trình của bạn.

Vậy là tôi sang nhà xin ba mẹ Cát Đằng cho hai đứa vào Đà Nẵng ăn cưới bà chị họ. Mẹ bạn tỏ ra e ngại như tất cả những bà mẹ người Huế. Nhưng ba bạn thoáng hơn, hình như ông đang vui vì mới trúng một cú affaire. Hơn nữa, chơi với Cát Đằng hơn mười mấy năm, gia đình bạn tin tưởng tôi tuyệt đối.

Ba của bạn đích thân chở chúng tôi ra bến xe. Ông không thể ngờ rằng khi tới Đà Nẵng, việc đầu tiên của chúng tôi là đến ngay Air Việt Nam trên đường Độc Lập. Và chuyến bay DC six đưa Cát Đằng lên thành phố cao nguyên lúc hai giờ chiều để lại tôi ở lại với cõi lòng như lửa đốt.

Ba đêm tôi ăn không ngon, ngủ không yên ở nhà bà chị. Tôi chấp hai tay cầu nguyện Chúa, Phật và tất cả các đấng siêu nhiên cho chuyến đi thuận buồm xuôi gió. Tôi hơi ân hận vì đã lạc lòng trước những giọt nước mắt của bạn. Có chuyện gì xảy ra với Cát Đằng chắc tôi không sống nổi...

Và chiều thứ hai tôi đã oà khóc tức tưởi khi thấy bạn bước ra từ chiếc Bus của Hãng không Việt Nam. Nhưng quả thật, chưa bao giờ tôi thấy bạn xinh như vậy. Mặt Cát Đằng hớn hờ như trăng rằm, môi cười rất tươi. Nàng ôm choàng lấy tôi, hôn lên má: - “Cám ơn An Nhiên. Chúng mình cám ơn bạn vô cùng”. Những giận hờn trong tôi đều tan biến.

Trên chuyến xe ra Huế, Cát Đằng tíu tít kể cho tôi bao nhiêu chuyện. Thành phố hoa, những con dốc mù sương, chuyến xe ngựa vòng quanh bờ hồ Xuân Hương và một tấm ảnh đầy ấn tượng. Dưới ánh đèn huy hoàng có hàng chữ "*Lễ trao nhẫn*" với hai cái dấu như hai vương miện, bên một cái nhẫn to được trang trí cách điệu lòng lẫy, bạn tôi âu yếm lồng vào tay anh H. chiếc nhẫn Võ Bị. Họ như đôi tân lang và tân nương trong ngày cưới. Mãi mãi đây là một bí mật chỉ riêng ba người biết...

Thỉnh thoảng chúng tôi qua Bến Ngự thăm nhà anh H. Mẹ anh coi Cát Đằng như con dâu tương lai. Bà kể về tuổi thơ vất vả của anh từ khi di cư vào Nam, kể về lúc cha anh mất, kể về người con trai cả tên Hùng phải lưu lạc vào Bình Dương kiếm sống. Có những đoạn xúc động, bà rơm rớm nước mắt. Cát Đằng ngồi kế bên bóp nhẹ tay bà. Một hình ảnh dễ thương làm sao. Bà còn dạy cho bạn tôi cách chế biến những món ăn mà con trai thích như canh cua rau đay, bún chả...

Cuối năm 1972 anh H. ra trường. Anh có mười ngày phép trước khi về trình diện tại Sư đoàn 9 Bộ binh có biệt danh “Mũi tên thép”, Bộ Tư Lệnh Sư đoàn đóng ở Vĩnh Long, Tư lệnh là Chuẩn Tướng Trần Bá

Di.

Chiến trường miền Trung đang sôi động với chiến dịch tái chiếm Cổ thành Quảng Trị. Đêm đêm tiếng đại bác ì ầm từ phía Bắc vọng về. Thành phố Huế tràn ngập màu áo lính rần rì. Cát Đằng có vẻ yên tâm với sự chọn lựa này dù hai người có xa nhau về không gian. Mười ngày, tôi phải ra sức bao biện cho bạn để họ có những giây phút hạnh phúc.

Rồi cũng đến lúc chia ly. Chúng tôi tiễn anh vào Nam. Hình ảnh cuối cùng trong mắt tôi là cảnh chàng thiếu úy trẻ trai cầm chặt tay người yêu nói những lời từ biệt : *“Em cười đi. Cát Đằng cười đi cho anh yên tâm. Anh sẽ về với em và sẽ thừa chuyện với ba mẹ”*. Bạn tôi cười mà nước mắt hoen mi.

Như muốn làm Cát Đằng yên tâm, thư anh H. gửi về liên tục. Anh đóng quân ở Cao Lãnh. Anh làm Đại đội trưởng một đại đội trực thuộc Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 14. Anh nói về một vùng đất trù phú, những người dân miền Nam hồn nhiên, những đồng ruộng bạt ngàn, những cánh đồng chó ngáp... Anh ít kể chuyện chiến trường, chắc để người yêu bớt lo.

Nhà ông Trưởng Ty muốn dạm ngõ Cát Đằng trước khi con trai đi du học. Cô bạn tôi nói với ba mẹ *“Con chưa muốn lấy chồng”*, nhưng sau đó cô gặp riêng chàng trai và bảo *“Tôi có người yêu rồi. Anh đừng theo đuổi mất công”*. Tội nghiệp anh chàng cứ đứng ngẩn tò te.

Cứ thế, những lá thư nối hai niềm vui. Cát Đằng mơ màng dự trù với tôi về tương lai. Một ngôi nhà với ngọn lửa ấm và những đứa con ngoan sẽ ra đời. Ước mơ trong tâm tay với. Tôi chia sẻ hạnh phúc với bạn bằng nụ cười bao dung.

Buổi chiều hai đứa ngồi trước sân hóng gió thì một cánh chim sâu sa xuống trước mặt. Bạn tôi nâng nó lên, âu yếm vuốt ve *“Tội nghiệp mày chưa. Chị nuôi em nhé!”*. Mẹ Cát Đằng đi từ nhà sau lên hốt hoảng: - *“Chim sa cá nháy. Ăn nói bậy bạ”*. Rồi bà lấy một nắm gạo muối tung ra sân. Bạn tôi le lưỡi: - *“Mẹ sao mê tín dị đoan. Thả con chim thấy tội bắt chết !”*

Huế tháng chín. Mùa thu. Những trái thanh trà da đã r ám vàng. Tôi chở Cát Đăng lên Nguyệt Biều chọn những trái thật ngon về cúng Rằm tháng Tám. Bạn không quên lựa một cặp thật đẹp để biếu mẹ anh H. chung bàn thờ. Hai đứa ngồi thong chân xuống dòng nước sông Hương trên bến đò Dã Viên. Trời thật đẹp. Nắng vàng như mật. Gió hiu hiu. Cát Đăng thở dài “Phải chi có anh H”. Tôi nguẩy vai “Rồi sẽ có”.

Rẽ vào căn nhà d ộc Bến Ngự. Cô bạn nhanh nhẹn nhảy chân sáo trên lối đi quen thuộc. Nhà vắng ngắt. Mùi hương trầm thoang thoảng trên bàn thờ. Chị Hương ngồi l ặng trên ghế, nước mắt chảy quanh. Bạn tôi hốt hoảng: “Có chuyện chi r ứa chị? Mẹ mô rồi?”. Chị Hương òa khóc: “Mẹ với anh Hùng đi Vĩnh Long. Em ơi, thằng H.”.... Cát Đăng quy xuống đất. Tôi và chị Hương đỡ v ội lên. Mặt bạn tái xanh, hơi thở ngắn như không còn sức sống. Tôi rót cho bạn một ly nước lọc rồi hỏi han chi tiết. Chị Hương kể cho tôi nghe trong tiếng sụt sịt. Anh Hùng từ Bình Dương gọi ra báo tin anh H. bị thương nặng trong cuộc hành quân vào mặt khu VC ở quận Mỹ An, vùng Đồng Tháp Mười. Mẹ chị đang trên đường vào, chưa biết chi thêm. Trong bóng chiều chạng vạng, ba chị em ngồi yên l ặng. Không ai đủ sức đưa tay bật ngọn đèn điện. Chao ôi! Tuần trước tôi vừa đưa thư cho bạn. Anh đang đóng quân ở Đồng Tháp. Anh kể cho bạn nghe về Gò Công, quê hương của bà Từ Dũ mẹ vua Tự Đức; về cam Cái Bè; về mạn Trung Lương ...Thượng đế ác nghiệt vậy sao? Anh vừa tròn 24 tuổi, ra trường mới chín tháng...

Không biết bằng cách nào tôi đã đưa Cát Đăng về đến nhà. Bạn ngồi sau tôi xiêu vẹo như một cái xác không hồn. Tôi nói với bác gái bạn bị trúng gió rồi đưa bạn vào phòng. Chân tay bạn lạnh ngắt. Đêm ấy tôi xin ở lại, thỉnh thoảng lắng nghe tiếng rên rỉ đau đớn của Cát Đăng. Mọi ngôn ngữ trong giây phút này đều bất lực!

Nhưng nỗi bất hạnh không chỉ ngang chừng đó. Trong khi Cát Đăng định thưa thật với ba mẹ để xin phép vào Vĩnh Long thì mười hôm sau, mẹ anh H. nhắn ra anh H. không chỉ bị thương nặng mà còn mất tích. Cảm bằng như anh đã chết. Thôi còn mong chi nữa. Lần này thì bạn tôi quy ngã hoàn toàn. Nỗi đau ỉn giấu tận trong tim biến bạn thành một bóng ma câm l ặng. Bác gái cứ căn vặn tôi hai đứa có chuyện chi không. Làm sao tôi dám trả lời. Thôi cứ để bác tôi tôi thấp

nhang ngoài cổng ngõ cầu cho con gái yêu đừng mắc “*bệnh đàng dưới*”.

Phải sau ba tháng mẹ anh H. mới ra Huế. Bà sút gần bốn kí và hốc hác hẳn đi. Bà ôm lấy Cát Đằng khóc nghẹn “Con ơi! Bác không có duyên làm mẹ con rồi!”. Cát Đằng òa lên nức nở. Thôi cứ để bạn khóc cho nhẹ lòng. Tôi thật đau xót khi thấy đêm đêm bạn lúi túi ngắm ảnh hai người trao nhận ra ngấm nghĩa.

Không hiểu sao nhà anh H. không lập bàn thờ. Có lẽ niềm tin của người mẹ cho rằng con mình chưa chết. Vâng, mất tích chưa hẳn là chết. Mắt anh sáng, tai anh to vậy mà. Chắc bác vẫn hy vọng một phép màu nào đó chẳng? Căn nhà đóng kín cửa. Mẹ anh H. vắng nhà luôn. Chị Hương bảo bà vào Bình Dương chơi với cháu nội cho đỡ buồn. Khu vườn rộng thui thui một mình chị. Mỗi lần ghé thăm, nhìn Cát Đằng, chị lại bệu bạo “Sổ em sao khổ thế H. ơi!”

Những đợt trao trả tù binh hai bên ở Lộc Ninh, Quảng Trị làm cho Cát Đằng hi vọng. Biết đâu anh sẽ trở về. Anh chỉ bị thương thôi mà. Bạn chăm chú theo dõi trên những tờ báo Tiền Tuyến, Sóng Thần... Nhưng tháng ngày qua. Niềm hi vọng hầu như đã thành tuyệt vọng. Bất chấp hiệp định Paris, chiến sự ngày càng ác liệt. Máy bay cứu thương liên tục hạ xuống bệnh viện Mang Cá trong Thành Nội...

Rồi Huế nháo nhác, tan tác... Rồi đất nước tang thương...

Ba Cát Đằng đi “cải tạo” vì bị xếp vào loại “Ngụy quyền”. Bạn tôi bước xuống cuộc đời. Trải một tấm nilon ở góc chân cầu Trường Tiền, Cát Đằng đi bán chợ trời. Cô tiểu thư con nhà quyền quý ấy bây giờ phải bươn chải với gánh nặng áo cơm của cả gia đình. Bạn bán từng cái áo nhà binh cho người đi lao động, vài cái lon Guigoz tiện cho người đi thăm nuôi, những chiếc áo dài cũ của vợ các sĩ quan một thuở huy hoàng, gói thuốc lá Tam Đảo nặng mùi khét lẹt cho đến cái chén kiêu, ly tách sang trọng một thời vang bóng... Nhìn bạn đếm từng hào tiền Bắc sau buổi chợ, tôi chảy nước mắt. Nhưng một nửa đất nước đều như thế, biết làm sao.

Thỉnh thoảng nhờ em gái Hoàng Lan coi hàng, chúng tôi lên Thiên An quét lá thông về làm chất đốt. Củi cũng phải mua bằng tem phiếu mà gia đình chúng tôi làm gì có đặc quyền đặc lợi ấy. Sau khi nhét đầy lá

vào hai bao tải, chúng tôi ngồi dựa gốc cây nghỉ mệt. Cát Đằng âu sầu đưa mắt nhìn chung quanh. A Tôi biết trong đầu bạn đang nghĩ về những kỷ niệm xưa. Cũng nơi này, ngày ấy có một cặp tình nhân thật đẹp đang nắm tay nhau đi dưới rặng thông. Cảnh đầy người đây nhưng một người đã khuất bóng. Tôi không dám gọi lên điều gì với bạn.

Mọi chuyện cứ như là một giấc mơ, nhưng mỗi sáng mai khi thức dậy lại phải đối mặt với sự thật kinh hoàng.

Thành phố tắm tôi hần đi. Mới 8 giờ tối điện đã cúp. Những chiếc Honda đôi chủ, nay chỉ dành cho giai cấp cán bộ. Huế xuất hiện xe đạp thồ. Những khuôn mặt đau khổ nhếch nhác. Những câu ca dao hiện đại được thắm thì chuyên miệng. Những bài hát được chế biến bi hài. Người ta nhắc lại câu nói mười bốn chữ bất hủ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

"Rồi cứ thế ni mãi rặng???" Mạ tôi ngựa mặt than trời, rồi chặt hết những cây mai vàng thay vào mấy luống khoai lang cứu đói!

Bốn năm sau, ba Cát Đằng chết trong tù vì sức tàn lực kiệt. Mạ bạn khô nước mắt đi thăm mộ chồng ngoài Thanh Hóa. Một mô đất tro tro trong rừng được đánh dấu bằng viên đá xanh lớn. Còn đâu người đàn ông khả kính trụ cột gia đình. Tóc bà bạc trắng. Cái lúm đồng tiền xưa kia đã trở thành ngoặc đơn rồi ngoặc kép.

Từ nước ngoài, người con trai đã từng yêu Cát Đằng ngày đó, nay xuất hiện như một vị cứu tinh. Anh ta gọi về giúp gia đình bạn những xấp vải, những gói thuốc tây, những đồng đô la được khéo léo nhét trong hộp sữa... Tất cả chỉ nhằm một mục đích chinh phục tình yêu của người con gái Huế mà anh ta say đắm. Mạ bạn tha thiết khẩn nài “Con ơi! Thằng đó nó tốt, lại hiền lành, con nhà trí thức. Lấy hần con cũng sướng mà các em cũng đỡ khổ. Với lý lịch này thì nhà mình không ngóc đầu lên được. Con chỉ có nước lấy anh xe thồ hoặc ông nông dân mà thôi”. Bạn tôi gục mặt vào hai bàn tay khóc nghẹn. Phải chăng bạn đang nghĩ đến một Thúy Kiều hiện đại?

Tôi khuyên Cát Đằng : Mọi chuyện đã trở thành quá khứ. Anh H. mất rồi. Đã gần 7 năm. Bạn đâu phải là kẻ phụ tình. Trong hoàn cảnh này đôi khi phải thực tế. Bạn yên lặng gặt đầu.

Mọi chuyện được thu xếp nhanh chóng. Bà mẹ chú rể từ nước ngoài trở về. Một vài lễ nghi cần thiết trong buổi giao thời. Và xúc tiến giấy tờ bảo lãnh.

Tôi đưa Cát Đằng lên thăm chị Hương lần cuối. May sao lại gặp mẹ anh H. từ Bình Dương trở về. Bác bảo có thể bác sẽ vào trong đó ở hẳn. Bác ôm vai bạn tôi: “Bác mừng cho con. Biết tin này ở đâu đó chắc H. vui lắm”. Trên bàn thờ vẫn chưa có ảnh của anh. Ghê gốm thay lòng tin của người mẹ.

Bạn tôi xin phép được lạy trước bàn thờ ba lạy và nhét vào túi mẹ anh H. chút vốn liếng còm cỏi. Nước mắt người mẹ ứa ra tràn trề. Bà khẽ kêu “H. ơi!”.

Trước khi xuất cảnh, Cát Đằng đến nhà tôi ngủ lại một đêm. Bạn đem theo cái hộp bánh Chocolate chứa những bức thư của hai người, tấm ảnh trao nhẫn được đặt lên trên. Cát Đằng bảo tôi “An Nhiên là một chứng nhân quan trọng trong mối tình lớn của mình. Mình không thể mang theo kỷ vật quý giá này. Bạn giữ giúp mình cho đến lúc nào còn có thể”. Tôi cất vào tủ sách, lòng ngậm ngùi thương bạn.

Thời gian qua, Cát Đằng đã có một gia đình êm ấm. Ông chồng thành đạt, hai con một trai một gái xinh xắn. Cả hai đang định cư ở thành phố Denver, tiểu bang Colorado. Tôi mừng cho bạn. Cuối cùng, một cô gái ngoan hiền như bạn tôi nhất định phải được sung sướng. Qua những cuộc trò chuyện từ nước ngoài, tôi tránh gợi chuyện ngày xưa.

Tôi cũng đã có gia đình. Một ông chồng do bàn tay số mệnh sắp đặt. Một ông chồng yêu vợ thương con nhưng vô tâm. Tôi cũng chẳng bao giờ hé môi về chuyện bạn mình...

Ngày mai, gia đình tôi sẽ vào Nam lập nghiệp. Mở tủ sách, tôi cầm cái hộp bánh cũ. Những bức thư nhuộm màu thời gian nhưng tấm ảnh vẫn còn rất rõ. Ôi! Nụ cười hạnh phúc của cả hai người.

Tôi không thể đem chúng theo. Đốt thì tôi không nỡ. Suy đi tính lại, tôi quyết định đem lên nhà chị Hương, nhờ chị đặt trên bàn thờ anh H. Không còn gì để hy vọng về anh nữa rồi.

Căn nhà vẫn như xưa dù thời gian có làm nó già và cũ kỹ hơn. Tiếng chim sâu vẫn kêu lách chách trên những vòm cây xanh. Tôi dựng chiếc xe vào gốc ngọc lan, lòng buồn ngủi. Kỷ niệm ngày xưa ùa về trong ký ức. Một chiếc xe lăn trên hàng hiên. Tôi trách mình đã lâu không thăm mẹ anh. Cuộc sống bận rộn với cơm áo, gạo tiền làm mình trở thành người có lỗi.

Tôi tự nhiên đẩy cửa vào phòng khách khép hờ. Một người đàn ông nằm trên ghế sofa, tay cầm cuốn sách, chiếc chân mỏng đắp ngang thân, phía bên dưới là một... khoảng trống. Anh ngược nhìn lên. Có phải tôi đang mơ? Đôi mắt ấy, gương mặt ấy... Đúng là anh H. Anh cất tiếng “An Nhiên đây ư em?”

Tôi bàng hoàng, ngơ ngẩn.

Vâng, anh H. Anh bị thương nặng nhưng không chết. Trong cuộc hành quân của Tiểu đoàn vào mặt khu Đồng Tháp Mười, đại đội của anh sa vào ổ phục kích. Một mảnh B40 đã bay vào lưng anh, chạm ngay cột sống. Anh được đưa về quân y viện Phan Thanh Giản, Cần Thơ. Bác sĩ cho biết mảnh đạn đã làm đứt dây thần kinh tủy sống dẫn đến khả năng bại liệt suốt đời. Trong cái đau đớn tận cùng của thể xác, anh vẫn nghĩ đến Cát Đằng. Không thể gán sổ phận bất hạnh của mình đối với người yêu, anh cắn chặt răng bảo mẹ báo tin với Cát Đằng là mình bị mất tích. Và người mẹ đã làm theo lời anh...

Từ Cần Thơ, anh được chuyển về Tổng y viện Cộng Hòa. Các bác sĩ và y tá tận tâm chăm sóc anh. Vết thương bên ngoài tạm ổn, anh sang Trung tâm phục hồi chức năng. Mẹ già theo sát anh từng bước. Đó là lý do khiến bà bảo với Cát Đằng mình vào Nam sống với người anh cả.

Sau ngày 30 tháng 4, tất cả thương binh nặng nhẹ đều bị tổng ra đường. Anh về Bình Dương nương tựa nhà anh Hùng. Vết thương không còn được quân y viện chăm sóc, lâu ngày bị hoại tử và hai chân anh bị tháo khớp tới gối. Mẹ già mất, Cát Đằng đã đi xa, anh quyết định về Huế sống phần đời còn lại bên người chị gái thương yêu. Gần mười mấy năm nay anh sống nhờ vào sự cưu mang, đùm bọc của các bạn bè khóa của anh, và các khóa Võ Bị ở nước ngoài, những chiến hữu cùng đơn vị và một số anh em còn kẹt lại ở quê nhà... Cao quý

thay tình nghĩa đồng môn của những chàng trai cùng trường Mẹ! Anh cũng tự ôn kiến thức để dịch thuật, và luyện thi cho các học sinh nghèo vào Đại học. Cuộc sống không đến nỗi thấy mình là người vô dụng.

Cầm xấp thư và tấm hình, anh H. trầm ngâm bảo tôi: “Anh cảm ơn An Nhiên. Cố vật đã tìm về cố chủ. Cứ để cho Cát Đằng nghĩ rằng anh đã chết. Đó chính là tình yêu của anh dành cho cô ấy”. Anh nâng chiếc nhẫn có viên hồng ngọc trên ngón tay áp út, âu yếm hôn vào nó. Chiếc nhẫn năm xưa, Cát Đằng đã lồng vào tay anh trong đêm *Lễ trao nhẫn* trên Hội Trường Trung Đoàn Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Đà Lạt.

Một cơn gió lạnh thoảng qua. Mùa Đông đã về trên thành phố.



I SALUTE YOU

Sidney Do K29/2

**A genuine soul.
Wherever he went, he gave things life.
Flowers bloomed.
Birds sang.
Trees danced.
The wind whistled beautiful tune.
Animals gravitated toward him.
Kids always laughed.
People always smiled.
The sun glistened a little brighter and longer.
The moon and the stars sparkled every night.
Just for him.
Everywhere he went, he left an impact.
Just being full of life.
Waiting to discover life's greatest treasures.
An explorer,
My dear uncle...
Soldier,
Student,
Teacher.
Father.
Friend....
A warrior at heart.
His smile exuded and effervescent light.
His heart radiated warmth and love that touched.
Even in the most freezing altitudes.
His joyous energy infected everyone with a big smile...
He was a gem of a being,
I was a piece of him,
And he will always live through me...**

Nguyên Lai Bình Nghiệp Của Các Tướng Lãnh (Không xuất thân từ Võ Bị Đà Lạt hoặc Thủ Đức)

Đặng Kim Thu K19

Bối Cảnh Đất Nước:

Dưới thời Pháp đô hộ, chính quyền thực dân Pháp đã chia nước Việt Nam thành ba miền khác nhau: Bắc Việt gọi là “Tonkin”, người dân Bắc Việt gọi là “Tonkinois”, Trung Việt gọi là “Anam” người dân gọi là “Anamit”, Nam Việt gọi là “Cochinchine” người dân gọi là “Cochinchinois”, và được đặt dưới những chế độ chính trị khác nhau, luật lệ cũng khác nhau.

Thật vậy, trên nguyên tắc, Bắc Việt và Trung Việt được đặt dưới chế độ Bảo Hộ (Protectorate) nhưng trong thực tế cách thức cai trị ở Bắc Việt và Trung Việt cũng khác nhau. Ở Bắc Việt, người Pháp đòi hỏi Triều Đình Huế ủy quyền cho một viên chức Pháp gọi là Thống Sứ, đại diện Hoàng Đế Việt Nam điều hành công việc hành chánh tại xứ này. Trong khi Trung Việt thuộc thẩm quyền các vua Triều Nguyễn cai trị dân chúng dưới sự chỉ thị của viên khâm sứ Pháp tại Huế. Còn ở Nam Việt được đặt dưới chế độ thuộc địa (colonial) hoàn toàn do người Pháp cai trị. Người dân muốn đi từ miền này qua miền khác phải có giấy thông hành (laisser-passer) giống như người từ quốc gia này sang quốc gia khác vậy. Rõ ràng là Việt Nam thời đó xem như có 3 quốc gia nhỏ, trong một quốc gia lớn. Kế đến người Pháp đặt Cao Nguyên Trung Phần dưới một thể chế cai trị đặc biệt được mệnh danh là Hoàng Triều Cương Thổ. Chưa hết, người Pháp còn cắt một số tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Việt, đặt dưới quyền cai trị của hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, có lực lượng vũ trang riêng.

Áp dụng biện pháp “chia để trị”, người Pháp nhằm mục đích tạo tình trạng phân hóa giữa người Việt và làm suy yếu mọi tiềm năng đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Thành lập quân trường đào tạo sĩ quan Việt Nam cho Quân Đội Pháp:

Vì nhu cầu chống lực lượng Việt Minh, Pháp tuyển mộ thanh niên Việt Nam đi lính cho Pháp càng ngày càng nhiều và cũng cần có sĩ quan người chỉ huy, nên Pháp cho mở hai trường đào tạo sĩ quan cùng một lúc: Trường Võ Bị Tong ở Sơn Tây Bắc Việt chỉ dành cho học viên sĩ quan (élève officier) miền Bắc và miền Trung. Chỉ huy trưởng lúc đó là Trung Tá Corbonel. Trường sĩ quan Thủ Dầu Một dành cho học viên sĩ quan miền Nam, Miền và Lào. Về sau trường Thủ Dầu Một giải tán, chỉ còn lại trường Võ Bị Tong cho tất cả học viên sĩ quan Việt, Miền, Lào. Chỉ huy trưởng của trường T.D.M. là Thiếu Tá Bernard. Sau khi trường giải tán, ông làm chỉ huy phó cho Trung Tá Corbonel ở trường Võ Bị Tong.

- Trường sĩ quan Thủ Dầu Một khai giảng khóa đầu tiên ngày 9-1-1940 có Đại Tướng Dương Văn Minh: sinh năm 1916 tại Mỹ Tho, đỗ tú tài 2 Pháp năm 1938, tốt nghiệp với cấp bậc Chuẩn Úy (Aspirant).
- Trường Võ Bị Tong gồm các tướng lãnh xuất thân sau đây:

Khóa 1 năm 1940

1 – Trung tướng Nguyễn Văn Vỹ: sinh năm 1916 tại Hà Nội
Sq: 36/300.164

Đỗ Tú Tài 2 Pháp 1937

Đỗ Cử nhân luật Hà Nội (Niên khóa 1937-1940) bị động viên tốt nghiệp Chuẩn Úy (Aspirant)

2 – Trung Tướng Linh Quang Viên: Sinh năm 1918 tại Cao Bằng

Sq: 38/300.619

Đỗ Tú Tài 2 Pháp 1939 (Đang học Đại học Văn Khoa) bị động viên

Tốt nghiệp Chuẩn Úy

3 – Thiếu Tướng Nguyễn Văn Vện: Sinh năm 1915 tại Nam Định

Sq: 35/300.529

Kỹ Sư nông nghiệp bị động viên

Tốt nghiệp Chuẩn Úy

Khóa 2 năm 1941

1 – Trung Tướng Thái Quang Hoàng: Sinh năm 1918 tại Huế
Sq: 38/200.148

Đỗ Tú Tài 2 Pháp 1939

Giáo Sư trường Nông Lâm Súc (bị Động Viên)

Tốt nghiệp Chuẩn Úy

2 – Trung Tướng Nguyễn Văn Là: Sinh năm 1918 tại Biên Hòa
Sq: 38/100.424, xuất thân Thiếu Sinh Quân Đông Dương

Đỗ Tú Tài 2 Pháp Ban Toán năm 1940

Tốt nghiệp Chuẩn Úy

Khóa 3 năm 1942

1 – Trung Tướng Trần Văn Minh: Sinh năm 1922 tại Nam Định
Sq: 42/301.923

Đỗ Tú Tài 2 Pháp

Đang học trường Luật Hà Nội, bị Động Viên

Tốt nghiệp Chuẩn Úy

2 – Trung Tướng Trần Văn Đôn: Sinh năm 1917 tại Bordeaux
Pháp

Sq: 37/102.003

Đỗ Tú Tài 2 Pháp năm 1939

Học trường Quốc Gia Thương Mại Pháp

Năm 1941 về nước bị động viên

Tốt nghiệp Chuẩn Úy, tu nghiệp tại trường Sĩ Quan Trừ Bị
Saint Maixent Pháp

3 – Thiếu Tướng Trần Tử Oai: Sinh năm 1921 tại Sài Gòn
Sq: 41/101.232

Du học Pháp, đồ kỹ sư Hóa học, về nước bị động viên

Tốt nghiệp Chuẩn Úy

Tổng cộng có 8 tướng lãnh xuất thân Võ Bị Tong.

Ở vào thời kỳ này, phong trào kháng chiến chống Pháp nổi dậy ở nhiều nơi, đáng ngại nhất là phong trào Việt Minh, càng ngày càng có nhiều người gia nhập. Người Pháp bắt đầu lo sợ thành phần trí thức,

khoa bảng người Việt, họ sợ thành phần này theo kháng chiến, đấu tranh đòi độc lập cho Việt Nam, nên họ ban hành lệnh động viên thanh niên từ 20 tuổi trở lên, có Tú Tài toàn phần phải nhập ngũ, để ghép thành phần này vào kỷ luật quân đội Pháp, họ không có cơ hội theo kháng chiến và cũng dễ kiểm soát họ. Tuy vậy cũng có nhiều người trí thức thoát ly theo Việt Minh, khi nghe lệnh tổng động viên, vì họ không muốn hợp tác với Pháp như: Bác Sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bác Sĩ Phạm Ngọc Tùng v.v.. và cũng có một số thanh niên trong lứa tuổi 20 có Tú Tài 1, lúc đó không muốn thi Tú Tài 2 để khỏi bị động viên.

Trường Võ Bị Tong khai giảng được 3 khóa thì Pháp bị Nhật đảo chánh, nên trường bị giải tán.

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh năm 1945, Pháp trở lại Đông Dương, vẫn chia Việt Nam ra ba miền: Bắc, Trung, Nam. Đứng đầu mỗi miền là một Thủ Hiến, áp dụng luật lệ khác nhau, dưới sự chỉ đạo của viên Cao Ủy Pháp Bollaert. Lúc bấy giờ chưa có chính phủ Trung Ương, mà chỉ có một hội đồng gọi là “Hội Đồng Đại Diện Quốc Gia”, Chủ Tịch Hội Đồng là ông Nguyễn Văn Thỉnh (được coi như tương đương chức Thủ Tướng).

Về phương diện quân sự, Pháp mở một quân trường đào tạo sĩ quan Việt Nam cho quân đội Pháp tại Đà Lạt, có tên là: “Ecole Militaire Inter-Armies d’Extreme-Orient” (Trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông); lần này Pháp không còn động viên, mà chuyển qua tuyển mộ, vì đào tạo sĩ quan hiện dịch (active). Để khuyến khích việc học tập, trường chủ trương ba người đỗ đầu được mang cấp bậc Thiếu Úy, những người còn lại mang Chuẩn Úy.

Trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông khai giảng khóa đầu ngày 15-7-1946, mãn khóa ngày 1-7-1947 lấy tên là khóa Nguyễn Văn Thỉnh. Những tướng lãnh xuất thân khóa này gồm có:

1 – Đại Tướng Nguyễn Khánh: Sinh 1927 tại Trà Vinh
Số quân: 47/102.456 (Đỗ hạng nhì, cấp bậc Thiếu Úy)

2 – Đại Tướng Trần Thiện Khiêm: Sinh năm 1925 tại Sài Gòn
Số quân: 45/102.661 ra Chuẩn Úy

3 – Trung Tướng Dương Văn Đức: Sinh năm 1925 tại Thủ Đức
Số quân: 45/101.148 ra Chuẩn Úy (Tu nghiệp Saint-Cyr 1950-51)

4 – Trung Tướng Cao Hảo Hớn: Sinh năm 1926 tại Gia Định
Số quân: 46/103.073 ra Chuẩn Úy

5 – Trung Tướng Trần Ngọc Tám: Sinh năm 1926 tại Mỹ Tho
Số quân: 46/101.821 (Đỗ hạng 3, mang Thiếu Úy)

6 – Thiếu Tướng Lâm Văn Phát: Sinh năm 1922 tại Cần Thơ
Số quân: 42/102.128 (Thủ Khoa, mang Thiếu Úy)

7 – Thiếu Tướng Nguyễn Văn Kiêm: Sinh năm 1924 tại Sadek
Số quân: 44/100.759 ra Chuẩn Úy

8 – Thiếu Tướng Đặng Thanh Liêm: Sinh năm 1925 tại Bình Dương
Số quân: 45/102.603 ra Chuẩn Úy

9 – Thiếu Tướng Bùi Hữu Nhơn: Sinh năm 1928 tại Cần Thơ
Số quân: 48/104.132 ra Chuẩn Úy

10 – Thiếu Tướng Dương Ngọc Lắm: Sinh năm 1924 tại Biên Hòa
Số quân: 44/101.818 ra Thượng Sĩ. Sau đó theo học khóa Đổ Hữu Vị trường sĩ quan Nước Ngọt (8/1947 – 7/1948) ra Thiếu Úy

Trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông đang tuyển mộ khóa sinh để mở khóa học thứ hai, thì xảy ra một biến chuyển mới; Bảo Đại từ Hong-Kong về, xin gặp Cao Ủy Pháp Bollaert tại Vịnh Hạ Long để thảo luận về việc thành lập chính phủ Việt Nam Độc Lập gồm cả ba miền Bắc, Trung, Nam, có quân đội riêng nhưng vẫn nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

Ngày 15-5-1948 Cựu Hoàng Bảo Đại với tư cách là Quốc Trưởng đề cử Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân thành lập chính phủ Trung Ương lâm thời.

Ngày 5 tháng 6, 1948 Cao Ủy Bollart đại diện chính phủ Pháp và Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân ký Hiệp Định trên Tuần Dương Hạm Duguay Trouin tại Vịnh Hạ Long, công nhận Việt Nam Độc Lập, có quân đội riêng, trước sự chứng kiến của Quốc Trưởng Bảo Đại. Sau

đó Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Hội Pháp chuẩn y.

Khi được Pháp chấp nhận cho thành lập quân đội riêng, Quốc Trưởng Bảo Đại nghĩ ngay tới chuyện phải có một quân trường đào tạo sĩ quan cho quân đội quốc gia. Tuy nhiên “vạn sự khởi đầu nan” không có huấn luyện viên, không có sĩ quan cán bộ có kiến thức chuyên môn để huấn luyện; chưa tuyển mộ được khóa sinh, cho nên Bảo Đại lại phải nhờ Cao Ủy Pháp Bollaert giúp đỡ phương tiện và nhân sự huấn luyện. Cao Ủy Bollaert sẵn sàng giao toàn bộ cơ sở trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông tại Đà Lạt cho Bảo Đại và biệt phái cho Bảo Đại toàn bộ nhân sự của trường, kể cả Trung Tá Chaix chỉ huy trưởng, để giúp đào tạo sĩ quan cho quân đội quốc gia.

Đến khi bàn giao, Quốc Trưởng Bảo Đại lại muốn dời trường về kinh đô Huế, cho gần nơi ngự trị của Bảo Đại, thế là toàn bộ di dời ra Huế, luôn cả danh sách 70 người đã tuyển mộ cho khóa 2 Võ Bị Liên Quân Viễn Đông, nhập học khóa 1 trường Sĩ quan Việt Nam tại Đập Đá Huế, có 7 người bỏ cuộc vì không muốn ra Huế nên khi nhập học chỉ có 63 người.

Huấn luyện được hai khóa, đến khóa 3 lại dời về cơ sở cũ của trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông, đặt tên lại là Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.

Ngày 15-9-1950 Quốc Trưởng Bảo Đại được sự đồng ý của Cao Ủy Pháp Bollaert cho thành lập các trường đào tạo sĩ quan địa phương cho 3 miền: Bắc, Trung, Nam.

- Miền Bắc có trường Móng Cáy: Thiếu Tướng Phạm Văn Đồng sinh năm 1919 tại Sơn Tây, xuất thân ở trường này. Quân đội địa phương miền Bắc gọi là “Bảo Chính Đoàn”
- Miền Trung vẫn giữ cơ sở của trường sĩ quan Đập Đá Huế đào tạo sĩ quan địa phương cho miền Trung. Có 4 tướng lãnh xuất thân ở trường này:

Khóa 1: (Khai giảng 1-8-1950 mãn khóa 1-4-1951)

1 – Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm: Sinh năm 1930 Triệu Phong, Quảng Trị

Số quân: 50/201.745

2 – Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp: Sinh năm 1927 Quảng Trị
Số quân: 47/201.237

Khóa 2: (Khai giảng 1-2-1951 mãn khóa 1-10-1951)

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ: Sinh năm 1933 Sơn Tây
Số quân: 53/204.567

Khóa 3: (Khai giảng 10-10-1951 mãn khóa 1-6-1952)

Thiếu Tướng Võ Văn Cảnh: Sinh năm 1922 tại Quảng Bình

Số quân: 42/200.758

Quân đội của miền Trung có tên là “Nghĩa Dũng Đoàn”, về sau đổi tên là “Việt Binh Đoàn”, ngoài ra còn có một đơn vị biệt lập gọi là “Ngự Lâm Quân” để bảo vệ nhà vua.

- Miền Nam là thuộc địa của Pháp, có hai trường đào tạo sĩ quan cho quân đội viễn chinh Pháp

Trường Sĩ Quan Nước Ngọt: có 2 vị tướng xuất thân từ quân trường này:

1 – Đại Tướng Đỗ Cao Trí: Sinh năm 1929 tại Biên Hòa

2 – Thiếu Tướng Dương Ngọc Lắm: Sinh năm 1924 tại Biên Hòa

Trường Sĩ Quan Địa Phương Cap Saint Jacques: Có 3 vị tướng xuất thân từ quân trường này:

1 – Đại Tướng Cao Văn Viên: Sinh năm 1921 tại Vientiane, Lào

2 – Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi: Sinh năm 1923 tại Huế

3 – Chuẩn Tướng Nguyễn Hữu Hạnh: Sinh năm 1926 tại Mỹ Tho

Quân đội thuộc địa của miền Nam có tên là Vệ Binh Nam Việt (garde Việt Nam Sud). Ngoài ra còn có các Đại Đội “Commando” của Pháp phụ trách hành quân khắp miền Nam.

Các tướng lĩnh V.N. xuất thân quân trường ngoại quốc:

- Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh: sinh năm 1915 tại Mỹ Tho, xuất thân trường Sĩ Quan Không Quân “Salon de Provence” Pháp quốc, Tổng Tham Mưu Trường đầu tiên Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.
- Đại Tướng Lê Văn Ty: sinh năm 1904, Thiếu Sinh Quân Đông Dương, xuất thân trường Sĩ Quan Trừ Bị Fréjus Pháp Quốc. T.T.M.T. thứ nhì thay thế Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh.
- Trung Tướng Lê Văn Kim: sinh năm 1918 tại Qui Nhơn, xuất thân trường Sĩ Quan Pháo Binh “Poitiers” Pháp Quốc.
- Trung Tướng Vĩnh Lộc: sinh năm 1923 tại Huế, xuất thân trường Võ Bị Saint Cyr Pháp. Tu nghiệp khóa Thiết Giáp tại trường Thiết Giáp “Saumur” Pháp Quốc.
- Trung Tướng Lê Văn Nghiêm sinh năm 1912 tại Hương Trà, Huế, học trường sĩ quan đặc biệt Pháp. Tốt nghiệp Chuẩn Úy của quân đội Pháp.
- Trung Tướng Phạm Xuân Chiêu: sinh năm 1920 tại Ninh Bình, Đảng Viên V.N.Q.D. Đảng. Sinh viên năm thứ 2 Đại học Y Khoa Hà Nội, vào học trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn, sau đó qua học trường Võ Bị Hoàng Phố (Trung Hoa).
- Trung Tướng Trịnh Minh Thế sinh năm 1922 tại Gò Dầu Tây Ninh. Năm 1944 theo học khóa huấn luyện quân sự tại Lào do quân đội Nhật huấn luyện. Năm 1951 được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc gán cấp bậc Thiếu Tướng Cao Đài. Ngày 13-2-1955 đem 2,500 chiến binh thuộc lực lượng Cao Đài Liên Minh dưới quyền ông về hợp tác với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, được Thủ Tướng đồng hóa cấp bậc Thiếu Tướng quân đội quốc gia.

- Trung Tướng Nguyễn Ngọc Lễ: sinh năm 1918 tại Duy Xuyên, Quảng Nam, gốc Hạ Sĩ Quan Pháp. Thượng Sĩ đồn trưởng Đồn Mỹ Đức, quận Lệ Thủy, Quảng Bình, do chiến công chống trả cuộc tấn công của Việt Minh vào Đồn Mỹ Đức, gây cho Việt Minh tổn thất nặng. Ông được thăng Chuẩn Úy, về sau gia nhập “Việt binh đoàn” của quân đội địa phương Trung Việt, được mang cấp Đại Úy đồng hóa.

Đến thời đệ nhất cộng hòa, lực lượng địa phương của 3 miền thống nhất thành Bảo An đoàn; cơ quan lãnh đạo có danh xưng là Tổng Nha Bảo An. Về sau vì nhu cầu an ninh làng xã, các tỉnh thành lập thêm “dân sự chiến đấu” có tên là “Dân Vệ” để giữ an ninh xã, ấp. Tổng Nha Bảo An trở thành “Tổng Nha Bảo An và Dân Vệ”.

École Spéciale Militaire de Saint-Cyr



Trường Võ Bị Saint Cyr, Pháp

Tản Mạn Xuân Giáp Thìn (2024)

Út Bạch Lan K22

*Lang thang trong ký ức
Tìm những mùa Xuân qua;
Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy tôi đã già.*

Trời đất tạo hóa sinh ra vạn vật có bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Trong bốn mùa luân chuyển của đất trời, có lẽ mùa Xuân là mùa đẹp nhất. Bởi sau những ngày mùa đông âm u lạnh lẽo, những cành cây khẳng khiu trụi lá là những ngày đất trời chuyển mình đổi thay, cây lá bắt đầu đâm chồi nảy nụ. Nắng mưa cứ luân chuyển và hình thành nên quy luật tự nhiên của tạo hóa vũ trụ : Xuân Sinh - Hạ Trưởng - Thu Liễm - Đông Tàn, cũng tương tự như con người Sinh Lão Bệnh Tử.

*Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi*

Tam Dịch : Mùa xuân dạo chơi trên cỏ “thơm”. Mùa hạ nếm ngó sen xanh trong đầm. Mùa thu nhắm rượu ngâm hoa cúc. Mùa đông ngâm thơ cảnh tuyết bay.

Mùa xuân là mùa khai hoa, mùa của muôn hoa khoe sắc rực rỡ, kể cả cỏ cây của đất trời cũng đổi thay đâm chồi với sức sống mãnh liệt nhất. Phải chăng vì thế, cứ mỗi độ xuân về lòng người luôn đầy háo hức và rộn ràng. Xuân về, lòng người dường như tràn đầy niềm tin yêu viên mãn. Xuân đến mang theo bao ước vọng về một cuộc sống tốt đẹp thăng hoa hơn.

Nhưng xuân đến cũng khiến những người con xa quê, những người thân yêu xa xứ thêm bồi hồi, mong ước về ngày Xuân đoàn tụ. Đi xa rồi mới thấy thấm, thấy nhớ cái hương vị Tết của

quê nhà. Mùi thơm ngậy của những chiếc bánh chưng mới vớt ra khỏi nồi khói còn bay nghi ngút. Mùi của các loại mứt, Mẹ và Chị đã làm từ chiều 28 tết được mang ra bày. Mùi củ hành củ kiệu trong mâm cơm. Những hương vị giản dị nhưng quen thuộc với mỗi người Việt Nam vào ngày Tết. Đón Tết cổ truyền, mỗi chúng ta nghe đâu đó trong tiềm thức tiếng gõ leng keng của ngày Xuân thơ bé, những niềm vui trọn vẹn hân hoan cùng những câu chúc phước lành cầu một năm mới An Khang Thịnh Vượng.

Ai yêu cái đẹp không từng rung động trước vẻ đẹp của mùa Xuân. Ai đi xa nhà không từng hồi hộp mỗi khi Xuân về Tết đến. Chỉ cần ngồi bên mâm cơm ngày đầu năm mới, những ưu tư, phiền muộn, những lo lắng, tủi hờn như cũng tiêu tan, nhường chỗ cho những niềm vui hoan hỉ bên người thân, bè bạn. Không khí tươi vui của đất trời như đang lan truyền sang tâm khảm của con người, mang cho ta những cảm xúc thân tình, hạnh phúc. Cái thời điểm kỳ diệu của mùa Xuân khiến tâm hồn người ta bừng lên sự sống mới. Mùa xuân được ví như một nàng chúa Xuân xinh đẹp mà Thượng Đế đã ban tặng cho loài người. Đó là một món quà vô giá. Tô điểm cho cảnh đẹp mùa Xuân là những loài hoa sắc sỡ và đặc biệt không thể thiếu là cành mai, hoa đào. Nó đã trở thành biểu tượng đặc trưng nhất trong những ngày Xuân về hàng năm của dân tộc ta.

*Xuân đang đến, lòng rộn vang tiếng hát
Khúc hát Xuân tô thắm mãi muôn đời
Trọn ân tình xây mơ ước đẹp tươi
Sum họp, đoàn viên hai miền Nam-Bắc.*

Những ngày tháng giêng rộn ràng mê say trong đổi thay của trời đất, sự giao hòa của thiên nhiên, giao hòa của lòng người. Con người ta mau vắt kiệt nỗi buồn, cất quá khứ không vui và cất mọi điều xui xẻo vào một cái rương cũ, khóa chặt lại, ném chìa khóa vào một nơi nào đó rồi quên đi.

Mùa Xuân cũng là mùa mang đến cho người văn thi nghệ sĩ những cảm xúc chứa chan đầy ắp tình người hòa hợp với cảnh

sắc thiên nhiên của đất trời. Có hàng vạn tác phẩm thi văn nhạc ca ngợi mùa xuân, Xuân Đoàn Viên, Xuân Sum Hạp, Xuân Hội Ngộ, Xuân Tái Ngộ, Xuân Thống Nhất, Xuân Đoàn Kết sau ba mùa hạ thu đông xa cách.

Như nhạc sĩ Văn Thanh và Nguyễn Duy trong nhạc phẩm "Đón Xuân":

*Ta nghe gió về, lòng thiết tha như muôn tiếng đàn
Xuân dâng niềm vui cho ngày xanh không hoen lời than
Sâu thương xóa mờ tình yêu đời càng thêm chan chứa
Khát khao Xuân tươi thái hòa...*

Hàn Mặc Tử cũng làm nhiều bài thơ về Xuân và Tết của dân tộc ta. Thơ của Hàn Mặc Tử không vô vập, sôi nổi, đắm say lãng mạn như Xuân Diệu mà trầm tĩnh nhẹ nhàng sâu lắng êm ái lặng lẽ tự bên trong. Như trong bài "Mùa Xuân Chín" Hàn Mặc Tử viết:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý, bóng Xuân sang.*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.*

Thật là tuyệt diệu khi Hàn Mặc Tử dùng những "âm" của các "từ" lan, tan, vàng, xuân sang vừa đủ để diễn tả bước đi hết sức khê khàng của mùa Xuân. Tuyệt diệu hơn nữa là có sự hòa hợp giữa mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu. Tuyệt diệu hơn nữa, Hàn Mặc Tử qua thơ đã vẽ nên một bức tranh tương phản mộc mạc của quê hương mình. Một bên là “sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời”. Còn bên kia “dọc bờ sông trắng nắng chang chang”. Một bên “bao cô thôn nữ hát trên đồi”. Còn bên kia “chị ấy năm nay còn gánh thóc”.

Người viết không phải nhà thơ, nhà văn, nhà viết nhạc mà người viết là con nhà lính. Nhà lính thì chỉ cầm súng miệt mài gót giày chinh chiến, có quờn đâu mà ngồi bên khung cửa sổ nhìn những hạt mưa thu thánh thót rơi và căn bút làm thơ với thẩn. Tuổi thanh xuân bị ném vào khói lửa chiến chinh nên *"đòn anh đóng ven rừng mai, nếu mai không nở tôi đâu biết xuân về hay chưa"*.

Trên bước đường lưu vong tha phương cầu thực, gặp lại người bạn già Trạch Gầm có cái tên ngộ ngộ là "điều cày", kết quả của những tháng năm dài miệt mài trong lò "thép đã luyện tôi như thép đó". Trạch Gầm trở thành người nghiện thuốc lao hạng nặng. Anh khuyến khích tôi:

*Mấy cứ viết ra vài trang nhật ký
Đọc nghe chơi thử khóc hay cười;
Tuổi học trò, tuổi đời rồi tuổi lính
Ngày vô tù, ngày vượt biển ra khơi.*

Từ đó, tôi tập tễnh bước vào khu rừng mênh mông bát ngát chữ nghĩa thơ văn, mon men làm quen với ca dao tục ngữ vốn là một kho tàng vô giá của nước nhà. Tôi lang thang trong ký ức, nặn tim óc để cố nhớ lại những dấu ấn của những mùa Xuân qua trong đời mình và tôi bắt đầu tập viết lách.

Hai mươi hai (22) tuổi bước vào đời lính, bắt đầu hít thở tiết Xuân với mùi thuốc súng, ngắm sắc Xuân với màu thê lương tang tóc hòa lẫn tiếng khóc của những vành khăn sô vừa mới chích ngày hôm qua. Tai không nghe tiếng pháo khích đội lân mà chỉ có tiếng đạn pháo của địch từ xa vọng về.

Sau khi tốt nghiệp Trường VBQGVN, sau khi được nghỉ 10 ngày phép, vac ba lô trình diện Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt ở Nha Trang đúng vào ngày 23 tháng chạp Tết Mậu Thân 1968. Ngay sau đó được chỉ định trình diện Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Nhảy Dù, trại Hoàng Diệu nằm sát cạnh bờ biển Nha Trang.

Nha Trang với bãi cát trắng dài trườn mình dưới bầu trời trong xanh lác đác vài cánh én bay lượn trên những làn sóng bạc đầu từ ngoài khơi nhấp nhô tiến vào bờ. Thuở nhỏ, tôi chỉ biết biển Tân

Thành, Vàm Láng của Gò Công quê hương tôi, bãi biển đặc sệt bùn sinh nước đục. Đôi ba lần được đi Vũng Tàu với cha mẹ anh chị em thì đã thấy Vũng Tàu đẹp như mơ rồi. Nhưng Nha Trang đúng nghĩa là miền quê hương cát trắng, có những đêm nghe tiếng sóng vọng lại âm vang xa đưa như hòa nhịp với đời cùng sức sống yên vui của người dân thị thành.

Người dân Nha Trang đã sống hòa mình với thiên nhiên trời xanh biển rộng vốn đã yên vui, nay còn vui hơn khi bóng dáng Xuân ngập tràn đường phố. Phường Mai nằm dưới chân núi Đồng Bò với hàng vạn gốc mai vàng rực rỡ dưới nắng Xuân. Không khí Tết bắt đầu nhộn nhịp trên phố Độc Lập, từ đài phát thanh kéo dài xuống tận Chợ Đầm, người qua kẻ lại tấp nập ngược xuôi trộn lẫn với những lính chiến đủ màu quân phục. Quả thật Nha Trang không hổ danh là "Thành Phố Lính".

Vào những ngày này, Tiểu Đoàn 91 BCND vừa trở về hậu cứ, căn cứ Hoàng Diệu nằm cạnh phi trường Nha Trang, sau một tháng hành quân vùng tam biên Benhet Kon Tum, mang theo thân xác của Đại Úy Nguyễn Văn Nghi Đại Đội Trưởng ĐĐ3 BCD vừa tử trận ở Pleimorong trước đó vài ngày là dấu ấn đầu đời binh nghiệp của tôi, bắt đầu từ Đại Đội này trong mùa Xuân Mậu Thân.

Xuân Mậu Thân là một mùa Xuân khói lửa mang theo lưỡi hái tử thần đến cổng trại lính nằm ven biển Nha Trang, gặt hái bao linh hồn người tiếc nuối thế gian sao ngán ngủ với tiếng cầu kinh và hồi chuông cầu hồn vội vã. Chỉ sau năm ngày Việt Cộng bất ngờ tấn công Thị Xã Nha Trang vào lúc giao thừa Tết Mậu Thân, khu gia binh của Tiểu Đoàn 91 BCD chúng tôi có hàng trăm vành khăn tang trắng chích lên đầu cô nhi quả phụ khóc than tức tưởi bên cạnh những hòm gỗ cài hoa, phủ cờ với khói hương nghi ngút mùi tử khí rờn rợn thê lương u uất.

Trận chiến nổ ra ngay trong giây phút giao thừa Tết Mậu Thân, khi người dân hiền hòa Nha Trang đang bình yên hạnh phúc trân trọng bày bàn thờ lư hương ra trước sân với mâm ngũ quả, rượu trà nhang đèn với tâm hồn nôn nao chờ đợi giây phút thiêng liêng

thắp hương thành kính khấn vái lễ cúng Giao Thừa đón rước Ông Bà về vui Xuân với con cháu. Lợi dụng giây phút thiêng liêng truyền thống dân tộc đó, bọn man rợ vô thần dép râu mũ tai bèo từ rừng rú trà trộn vào làn sóng người đang ngược xuôi trên phố chợ Tết, rồi ém quân và vũ khí trong các ổ chuột giao liên chờ giờ giao thừa tiếng pháo nổ vang dội mừng xuân, chúng túa ra đường, xả súng vô tội vạ vào những lính canh gác ở những cứ điểm trọng yếu, xâm nhập tấn chiếm một số doanh trại. Một số bộ phận khác chia ra từng nhóm nhỏ, theo sự chỉ dẫn của bọn giao liên nằm vùng, đến từng nhà có ân oán giang hồ với chúng nó, nhất là những gia đình của cảnh sát đặc biệt, chúng lôi cả nhà nhà trẻ bé lớn ra trước cửa nhà bắn chết tại chỗ.

Toàn thể yếu khu Nha Trang được đặt trong tình trạng "báo động đỏ". Tất cả quân nhân không phân biệt quân binh chủng và tất cả học viên của tất cả các quân trường phải trình diện đơn vị gốc của mình ngay tức khắc bằng mọi phương tiện. Tiểu Đoàn 91 BCD và Trung Tâm Hành Quân Delta không những là đơn vị tổng trừ bị của Quân Lực VNCH mà còn là đơn vị tổng trừ bị của Yếu Khu và Quân Trăn Nha Trang. Theo lệnh huy chiến 3 ngày, cho nên Tiểu Đoàn được xả trại ăn Tết với gia đình. May mắn thay, hầu hết gần như 80% quân nhân gốc dân Nha Trang sinh sống với gia đình vợ con trong khu gia binh nằm kế cận doanh trại của Tiểu Đoàn. Chỉ sau lệnh trình diện khẩn cấp vài tiếng đồng hồ, vào lúc khoảng ba giờ sáng, hơn 100 quân nhân các cấp của TĐ81BCD với giây ba chạc, đạn lên nòng, khóa cơ bấm trực chỉ thành phố Nha Trang trong bối cảnh tranh tối tranh sáng, không biết địch ở đâu, mục tiêu nào phải đến. Tình hình cấp bách và không có lệnh hành quân rõ rệt, Thiếu Tá Lê Như Tú (K11VBĐL) Tiểu Đoàn Trưởng chỉ nhận được tin sơ khởi là Việt Cộng đã chiếm trọn khu phố Độc Lập kéo dài từ ga xe lửa đến Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận 5 và đang giao tranh với một ĐĐ Địa Phương Quân đang bảo vệ tư dinh Tỉnh Trưởng Khánh Hòa. Lợi dụng thời khắc giao thừa, Việt Cộng trà trộn vào dân chúng, xâm nhập và bố trí quân, đặt những vũ khí nặng trên các tầng lầu dọc theo khu phố. Không nắm vững tình hình, quân ta cứ khơi khơi đi vào lòng đường phố như đi

tuần tiểu thường lệ. Thế là thảm kịch xảy ra ngay loạt khai hỏa đầu tiên của địch quân. Tiểu Đoàn Trưởng và một Đại Đội Trưởng gục ngã ngay trên vỉa hè đường phố, một ĐĐ Trưởng khác bị loại khỏi vòng chiến vì mất đi một chân, số sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ còn lại, lớp chết tại chỗ, lớp bị thương nặng nhẹ bò lăn bò càng cố nép vào nơi nào khả dĩ an toàn, tránh những nòng đại liên đang càn quét trên đầu. Rạng sáng ngày hôm sau, ngày mừng một Tết Mậu Thân, Tiểu Đoàn Phó, Thiếu Tá Nguyễn Quang Vinh (K14VBĐL) cũng được di tản khẩn cấp vào quân y viện vì bị một chiếc M113 cán ngang người dập xương sống. Riêng tôi cũng được đưa về bệnh xá Bộ Tư Lệnh vì cánh tay trái nhuộm đầy máu. Một tuần sau đó lại nhận được tin ba người bạn thân cùng khóa, cùng đơn vị, cùng binh chủng đã ra đi, thân xác gửi lại ở một nơi nào đó xa lạ mà người dân thị thành chưa bao giờ nghe tới. Vùng địa đầu giới tuyến AShau-A Lưới.

Mùa Xuân và cái Tết đầu tiên trong đời binh nghiệp của tôi là như thế đó. Nó bắt đầu bằng những tràng AK, 12ly7, B40 nổ kinh hoàng trong lòng đường phố thị thay cho những tràng pháo dây nổ lớp lớp dưới chân đoàn lân nhảy múa, hay ông địa bụng phệ phe phẩy cây quạt lắc lư bên cạnh cây nêu có treo hàng chục bao lì xì đỏ. Hình ảnh những y tá lom khom dưới làn đạn khiêng cồng hay lôi kéo thương binh ra khỏi vòng lưới đạn thay cho những tà áo dài đi trẩy hội ở đền chùa, nhà thờ hái lộc mùa Xuân. Những tiếng khóc bi thương thay cho những lời chúc thọ đầu năm bên cạnh những chậu mai vàng còn đang chớm nụ gãy cành tan tác vì đạn thù vung vãi khắp phố phường thay cho xác pháo năm nào.

Mùa Xuân và cái Tết đầu tiên trong đời binh nghiệp của tôi là như thế đó. Nó bắt đầu báo hiệu cho một chuỗi dài mùa Xuân "*xa quê hương nhớ Mẹ hiền*" và "*đồn anh đóng ven rừng mai*" cho đến khi tàn cuộc chiến.

Xuân Kỷ Dậu (1969) đón Xuân ở Làng Cù quận Hương Hóa Quảng Trị. Xuân Canh Tuất (1970) đón Xuân trên đỉnh núi Bà Rá Phước Long. Xuân Tân Hợi (1971) đón Xuân ở biên giới Việt

Miên thuộc Tỉnh Tây Ninh, sau đó là đường 19 Nam Lào. Xuân Nhâm Tý (1972) đón Xuân ở ngã ba biên giới Việt Miên Lào Benhet Kon Tum. Xuân Quý Sửu (1973) "ăn Tết" trong bệnh viện Đỗ Vinh của SĐND. Xuân Giáp Dần (1974) đón Xuân trên đỉnh đèo Phước Tượng, Lăng Cô Huế...và Xuân Ất Mão (1975) đón Xuân ở trong tù!!! Rồi từ đó, những mùa Xuân kế tiếp còn lại, tôi đón Xuân trên phần đất xa lạ không phải quê cha đất tổ của mình, phong tục tập quán văn hóa truyền thống lạ quắc lạ quơ không phải của mình, mà tôi thường gọi đùa "Những Mùa Xuân Tâm Gửi".



Thời gian không bao giờ ngừng lại, mặc cho thế sự thăng trầm, Xuân đến rồi Xuân đi, Xuân mang đến niềm tin yêu hy vọng rồi Xuân lại mang đi. Lạnh thang trong ký ức, tôi cố tìm lại những mùa Xuân đã qua trong đời tôi, những mùa Xuân con không về chắc Mẹ buồn lắm, những mùa Xuân nếu mai không nở bên triền đồi chân núi thì không biết Xuân về hay chưa, những mùa Xuân về trong lúc băng giòng sông loang ánh trắng đầy "*lòng muốn vớt ánh trắng thề viết tên em*". Trong chiến tranh, Xuân đến, Xuân đi, Xuân mang theo tuổi thanh xuân của tôi vào núi rừng bên cạnh bóng dáng tử thần như giỡn mặt trêu người. Chiến tranh chấm dứt, "mùa xuân đại thắng" của Văn Tiến Dũng và bọn đồ tể Bắc Bộ Phủ đã giết chết những mùa Xuân còn lại không những của riêng tôi mà là của cả dân tộc tôi.

Rồi cuộc sống cứ thế mà tiếp tục trôi qua, đồng hồ thời gian cứ

quay, có đến có đi, nay đã 48 mùa Xuân trôi qua đời tôi với nỗi cảm hờn vong quốc ngập đầy niềm nhung nhớ bánh tét, bánh chưng với phong pháo đỏ mỗi độ Xuân về trên đất khách quê người.

Mất nước là mất tất cả hương chi những mùa Xuân của mình! Tôi không biết tôi còn bao cái Xuân nữa ở cái xứ tạm dung này để mỗi buổi sáng thức dậy, bước ra phòng khách nhìn thấy những nụ mai vàng chớm nở, nghe tiếng hát của Thanh Tuyền hay Phương Hồng Quế "*đầu xuân năm đó anh ra đi, mùa xuân này nữa anh...vẫn chưa về*" thì mới biết rằng Xuân đang đến.

*Sáng nay thức giấc, giật mình
Nhìn lên tờ lịch, thấy hình sắp rơi;
Ngoài kia tuyết rụng tả tơi
Cái lạnh phủ kín quăng đời thương đau.*

Trong cuộc đời của mỗi con người, ai cũng có gia đình và có một quê hương để mà thương mà nhớ. Nơi ấy là nơi ta cất tiếng khóc chào đời với biết bao nhiêu kỷ niệm tuổi thơ và chắt chứa bao những buồn vui cho đến lúc trưởng thành. Hai tiếng quê hương luôn là nỗi ám ảnh của chúng ta khi đi xa với hình ảnh cha mẹ già tựa cửa ngóng trông, cùng bạn bè thuở hàn vi chia sẻ những ngọt bùi.

Vì mệnh nước vận nhà đã đến lúc tận diệt, chúng ta đành phải dứt áo ra đi đến một bến bờ xa lạ. Đó là miền đất hứa hay là một điều gì đó mà ta theo đuổi, để rồi ta phải gắn bó suốt cả cuộc đời mình với công việc nơi xứ người. Khi những tờ lịch cuối cùng của năm cũ gỡ xuống cũng là lúc lòng ta chạnh buồn nghĩ tới quê hương, nghĩ đến mùa Xuân và cái Tết nơi quê nhà với bao những kỷ niệm vẹn nguyên thấm thía nghĩa tình. Nhiều năm rồi xa quê, nhiều năm rồi tôi đón Xuân và Tết ở một nơi xa lạ, những mùa Xuân quê hương năm nào cứ dần lùi vào kỷ niệm. Xa quê rồi, chúng ta mới thấm thía nỗi nhớ quê, mới thấm thía cái lạnh khi thiếu vắng tình cảm gia đình, của anh em, bè bạn. Quê tôi, nơi ấy có biết bao nhiêu hình ảnh thân thương của bạn bè, của cả mỗi tình xa lắc thuở đôi mươi...tất cả như chậm chậm được ghi lại

bằng một cuốn phim đời không phai nhạt. Có nỗi nhớ nào da diết hơn khi nhớ về hình ảnh người mẹ già đi chợ Tết mang về những bó lá dong cùng vài cái ống giang chẻ lạt để gói bánh như làm nóng lên nỗi lòng chờ đón Tết của lũ trẻ thơ, rồi đêm về, Mẹ ngồi bên nồi bánh chưng sôi sùng sục trên bếp lửa nồng, khi nhớ về hình ảnh những bộ lư hương được tôi chùi rửa đánh bóng trước ngày đưa Ông Táo về trời, cùng với những hình ảnh Ông Bà bên cạnh khói nhang nghi ngút. Lúc ấy, tôi không chỉ cảm nhận được cái hơi ấm của bếp lửa than nồng mà còn ấm bởi tình gia đình diết da, sâu nặng.

*Nỗi nhớ nào chẳng mang chút héo hon
Ánh mắt Mẹ còn mãi mòn ngày Tết;
Lời khát hẹn những mùa Xuân biên biệt
Thoáng nao lòng nuối tiếc cánh chim xa.*

Một mùa xuân nữa lại đang về, mọi người lại bắt đầu xôn xao khi những ngọn gió heo may lay khẽ những cành đào đang chớm nở, nỗi nhớ Tết quê nhà luôn cháy bỏng, diết da trong lòng bao kẻ xa quê. Giờ này, chắc con sông trước nhà mùa này nước trong thấy đáy...

Ở nơi đây, vào những ngày giờ này, khi những ngọn Đông phong dịu dần và những cơn mưa lạnh buốt da thịt cũng thưa thớt đi qua, buổi sáng bầu trời bớt vẫn đục với những làn sương mù mỏng manh chỉ còn vẩn vít trên cành cây ngoài sân vườn, báo hiệu mùa Đông sắp tàn và mùa Xuân đang chạm ngõ. Tiết Xuân thổi hây hây như thúc giục cỏ cây đâm chồi nẩy lộc xinh tươi sức sống mới với muôn sắc màu và thoảng trong không gian như có hương vị của tình Xuân ấm áp và hạnh phúc, bầu trời quang đãng với những tia nắng ấm phớt nhẹ, vài cánh én bay lượn kêu gọi nhau trong gió sớm là mùa báo hiệu bắt đầu cái gì đó mới và tốt đẹp hơn!

Xuân là khởi điểm cho những hy vọng mới, sẽ được hạnh phúc hơn, được may mắn hơn, nghèo thì bớt nghèo, giàu thì giàu thêm tấn tài tấn lộc. Người người hớn hỏ chúc nhau như thế, còn có được hay không là do nỗ lực của chính mình để vượt qua những

gì không được mấy tốt đẹp của năm cũ! Chúc cho nhau vượt qua những tị hiềm, ích kỷ nhỏ nhen thường tình của thói tục phạm nhân thường ngày, để con người xích lại gần với nhau hơn trong cảm thông chân thành, như tình nghĩa, là tình Xuân nghĩa Tết!

Những tờ lịch năm Quý Mão 2023 sắp cạn, Xuân Giáp Thìn 2024 đang chạm ngõ và Tết cũng sắp đến. Tuy tuổi đã già, hai vợ chồng tôi sống đơn độc cui cui một mình, nhưng vì Xuân đến nhớ quê nhà, nên cũng bày biện một bàn thờ tổ tiên ông bà nho nhỏ, cũng bánh chưng, bánh tét, nhang đèn ngũ quả, cũng cành mai vàng cắm khéo léo trong một bình sành cao cổ lủng lẳng năm mươi bao lì xì đỏ hồng vàng óng ánh.

Nhưng hình như tất cả những thứ đó mang máng đâu đây có gì không thật, không hồn khó diễn tả được trong tâm tình hoài niệm vẫn vương ngày tháng cũ không phai mờ ký ức ! Có biết bao hình ảnh quen thuộc đó như vết hằn ẩn tàng trong tâm thức thuở nhỏ mà nay đây bỗng dưng chợt cảm thấy xa lạ với quang cảnh hiện thời khi tôi cùng với vợ tôi lang thang trong các chợ Tết của người Việt Nam ở thành phố Houston có nhiều đồng hương sinh hoạt nhộn nhịp vào những ngày gần Tết. Tôi đi rảo loanh quanh tìm một người thân quen không có. Ông đi qua bà đi lại, kẻ ra, người vào, cố tìm một người quen thân chào hỏi, chỉ thấy những gương mặt lạ quắc lạ quơ, tưởng như người đang đi trên phố Bắc mà tôi lại đi tìm ở phố Nam. Vợ tôi nấu mấy món ăn theo sở thích của chồng, Bắc thì có thịt đông, dưa chua, Trung thì có bún bò, bánh nậm, Nam thì thịt kho, dưa giá... Nhưng sao cảm thấy “nó” nhọt nhạt như bát nước ốc, không bằng một góc thịt ba lát với canh rau đay khi đón Xuân trên những đồi hoa sim tím thăm thẳm rừng chiều dọc theo biên giới Việt - Miên - Lào, bên cạnh những đồng đội đang ghìm tay súng, văng vẳng từ chiếc Radio áp chiến lược phát tiếng hát "*đón giao thừa một phiên gác đêm...*"

*Thân đang xa xứ mù khơi biệt
Mỗi độ Xuân về bao nhớ thương
Mỗi độ Xuân về tôi lại thấy*

Buồn như tên lính ở biên cương...

Rồi chắc cũng có lẽ, Xuân năm này cũng như những Xuân năm qua và cho đến lúc chẳng còn thấy mùa Xuân nào nữa, vì đến lúc đó thì mùa Xuân đã chết trên cội mai già.

*Thương cho mái tóc đôi màu
Đau vì năm tháng dãi dầu gió sương
Súng gươm gãy gánh nửa đường
Tình nhà nợ nước còn vương vấn sâu
Thời gian vun vút qua mau
Chim xa lìa tổ, biết đâu ngày về.
Trầm luân trong cõi u mê
Miếng cơm manh áo, bộ bề lo toan
Mỗi lần tò lịch sang trang
Niềm đau cố quốc lại càng quất quay
Mỗi lần chợt tỉnh cơn say
Nghĩ về thân phận càng cay đắng lòng.
(Dương Thượng Trúc)*

Út Bạch Lan Mùa Xuân Giáp Thìn 2024.



KHỔ VÌ CHỮ ĂN

Thu Nga K20/1

Đôi khi chúng ta thắc mắc: Tại sao khi một đứa bé chào đời, vừa mới mở mắt liền cất tiếng khóc “oa oa”? Nếu cắt nghĩa một cách khoa học thì em bé khóc vì cảm thấy bất an khi không còn được bao bọc bằng một nơi êm đềm như trong bụng mẹ. Còn giải thích theo lối tôn giáo, ta khóc khi mới lọt lòng vì ta đã nhận thức được rằng “đời là bể khổ”! Nhưng nói một cách thực tế: Trẻ sơ sinh khóc chỉ vì đói!

Ăn là một việc cần thiết nhất trong tất cả nhu cầu hàng ngày của bất cứ sinh vật nào trên trái đất, đặc biệt “ăn” là đứng đầu trong tứ khoái của con người. Nếu không phải ăn thì chắc chắn chúng ta không chịu phải làm việc. Hai cái tay phải nuôi chỉ một cái miệng, mà đôi lúc còn cảm thấy chật vật, khó khăn. Từ lúc mới sinh cho đến lúc cuộc đời kết thúc, ai cũng phải ăn để sinh tồn. Dẫu có kẻ cho rằng “Miếng ăn là miếng tội tàn, mất ăn một miếng lộn gan lên đầu”. Hoặc “ăn để sống, chứ không phải sống để ăn”, thì dẫu nào cũng phải ăn mà thôi! Từ kẻ sang ăn cao lương mỹ vị, đến kẻ khổ rách áo ôm, “chạy ăn từng bữa”, từ vua chúa đến thường dân, ai cũng phải ăn.

Đi tu không được sát sinh, không ăn mặn, thì cũng phải ăn chay, vì rằng “có thực, mới vực được đạo”. Những kẻ yêu nhau cũng không thể uống nước lã mà sống được, phải ăn trước đã, vì rằng con đường đi đến quả tim, phải băng qua cái bao tử! Cái kiêu chỉ cần tình yêu thôi “một mái nhà tranh hai quả tim vàng”, là chúa xạo! Ít ra cũng “râu tôm nấu với ruột bầu, chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon”. Chứ yêu mà không có dưa mắm, cơm hẩm thì làm sao sống qua ngày để yêu?

Bữa ăn thường thường có 3 bữa: ăn sáng, ăn trưa và ăn tối. Nhiều

người không thích ăn sáng, hay còn gọi điệ̉m tâm, mà chỉ uống một ly cà phê cho tỉnh táo, nhưng thật ra bữa ăn sáng rất cần cho sức khỏe con người. Buổi ăn trưa người ta ăn ít hơn buổi ăn tối. Bữa ăn tối là thời gian êm đềm nhất trong ngày của mọi gia đình để mọi người quay quần ăn và nói chuyện với nhau.

Những người ở thôn quê, buổi sáng ăn cơm nguội với những loại mắm, mắm nêm, mắm ruốc cho chắc bụng để đi cày, nên ta có câu “ăn như trai cày”. Trưa lại, cho trâu nghỉ ngơi, việc đồng áng tạm ngưng vài tiếng, để làm một bụng cơm mắm nữa. Chiều về, rửa mặt sạch sẽ, lại ngồi xuống với vợ con, vét sạch hết cả nồi cơm đồng! Vừa ăn vừa la lũ nhỏ, khi thấy chúng gấp nhiều con mắm quá, coi chừng “ăn mặn, khát nước”, và rằng “phải liệu cơm, gắp mắm” (câu này nghĩa bóng còn khuyên mọi người nên biết tiêu xài theo khả năng của mình có, để đừng bị thiếu hụt, mang nợ nần).

Những người chững chạc đàng hoàng, tỏ lộ qua cách ăn: “Ăn trông nồi, ngồi trông hướng”. Dân tộc ta nghèo, cái đói hay ám ảnh nên khi xưa, gặp nhau, ta hay chào hỏi bằng câu “ăn cơm chưa!”. Cơm là món ăn chính của gia đình Việt Nam. Khá thì ăn gạo Nàng Hương, Nanh Chồn, gạo Tám Thơm, trung trung thì ăn gạo hạt tròn, gạo hạt dài, lính thì có thể tiếp tế ăn “gạo quân tiếp vụ”, nghèo thì có thể phải ăn gạo mọt, gạo sâu. Nhưng nói chung, gạo, cơm là món ăn nuôi sống người mình.

Nói về món ăn với cơm thì có quá nhiều, không làm sao kể hết, nhưng phần đông có 3 món chính cho bữa cơm: Canh, đồ xào và một món mặn. Người ta cũng ăn thêm rau sống hay rau luộc cho đầy đủ chất bổ.

Ngoài các bữa ăn chính hàng ngày, thỉnh thoảng ta lại còn ăn các bữa tiệc, bữa giỗ mà thức ăn, thức uống ê hề vì “khách tới nhà, không gà, cũng vịt”. Dân Việt Nam lại rất hiếu khách, trọng bạn, ta biểu lộ qua cách đãi khách ăn cơm. Sang đãi theo lối sang, nghèo đãi theo lối nghèo. Còn như cụ Nguyễn Khuyến, chắc có tâm sự gì nên mới khước từ, dầu chỉ cần đãi một bữa cơm thanh

đạm:

"Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Bác đến chơi đây ta với ta!"

Cái kiêu đồ thừa này thì quá đáng luôn, ai mà tin!

Chứ gặp người hiếu khách, thích nhậu thịt chó thì chủ nhà cũng sẵn sàng đãi cho một bữa thịt cây! nào là dồi chó, rựa mận, tiết canh, cháo đậu xanh, rồi ngâm nga “sống trên đời không ăn miếng dồi chó, chết xuống âm phủ không có mà ăn”.

Khi được mời đi ăn giỗ, cũng lo đóng bộ đồ “vía” đi cho lè lẹ vì “Ăn giỗ đi trước, lội nước đi sau”. Có kẻ còn ghi lịch coi ngày nào, nhà chú Tư có kỵ, ngày nào nhà bác Bảy có giỗ, nhà thằng Tư vợ mới sanh, coi chừng quên ngày ăn đầy tháng của con nó! Những kẻ không được mời tiệc, nhưng vẫn cứ đến thì được gọi “ăn chực”

Mỗi người có một cách ăn khác nhau, có kẻ ăn chậm, có người ăn mau, có kẻ không nhai mà nuốt, có kẻ ăn hấp tấp như chết đói lâu năm, có cậu ăn như cọp, có cô ăn như mèo, “nam thực như hổ, nữ thực như miêu”.

Chuyện tiểu lâm kể rằng: Có một anh chàng có thói ăn hấp tấp như sợ người khác ăn mất phần, chị vợ lấy làm xấu hổ với bạn bè. Một hôm có người mời hai vợ chồng ăn cỗ, sợ chồng lại quen thói ăn uống “phàm phu tục tử”, nên chị vợ nghĩ ra một kế, mới nói với chồng “em cột một sợi dây vào chân của mình, khi nào em giật một cái, mình mới gấp bỏ vào mồm một miếng, OK? Anh chồng gật gù đồng ý vì vợ đã nhiều lần cảnh cáo thói ăn xấu

của anh, và anh lúc nào cũng phục tài thông minh của vợ, còn mình thì lúc nào cũng phải nghe theo vợ bày cách “học ăn, học nói, học gói, học mở”.

Lúc mới nhập tiệc, mọi chuyện suông sẻ, chị vợ cứ vừa ăn, vừa giạt dây từ từ, anh chồng cứ thế mà nhịp nhàng làm theo. Nhưng bỗng đâu một chú gà quái ác xuất hiện, nó đang tìm mồi ngoài sân, thấy cơm vương vãi dưới chân anh chồng, vì anh này ngoài tật ăn ngấu nghiến, còn có tánh xấu khác “ăn vãi như gà”, nên con gà chạy ngay vào chân anh để kiếm chác. Con gà háo ăn, vừa mổ cơm hột này chưa xong, hột khác rơi xuống, chân nó bị mắc vào sợi dây, con gà cố dẩy dụa để thoát ra. Đàn ngày anh chồng thấy cái dây cột ở chân mình cứ giạt lia lịa, tưởng vợ cho mình ăn thả dạn, và chắc giục ăn nhanh nhanh kéo hết đồ ăn, nên anh ta gấp ào ào, bao nhiêu thức ăn, anh tọng vào họng theo cái đà giạt của sợi dây! Anh trở thành đề tài “ăn như heo”!

Ăn kiểu cách thì chắc chắn các anh chàng cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam còn nhớ lúc còn là Tân Khóa Sinh, các anh được huấn luyện: Với tay cầm chén cơm giờ cao lên thẳng góc ới mặt bàn, rồi mới đưa chén từ từ vào miệng. Ăn không đúng cách thì lãnh đủ với khóa đàn anh!

Các người quyền quý như vua chúa, cũng phải tập ăn, tập uống cho đúng với nếp sống của những bậc đế vương. Họ ăn toàn nem công, chả phụng, râu rồng. Con công thì hầu như ai cũng thấy, thế nhưng con phụng, con rồng không biết tìm đâu ra để nấu cho mấy hoàng đế?! Có tiền ăn uống cầu kỳ, không tiền thì “ăn quấy ăn quά” cho xong bữa. Những kẻ trở mặt, ta gán cho câu “Ăn cháo đá bát”.

"Ăn" rất quan trọng, lại đi đôi với "nói", mà "nói" lại càng quan trọng hơn, nên ta mới có câu “ăn một đọi cơm, nói một đọi máu”. Nếu một dân tộc chỉ toàn thứ “ăn dơ, ở bẩn” hay “ăn hại, đá nát” chỉ làm cho nước mất nhà tan, như Việt Cộng ngày nay. Còn những phường “ăn xổi ở thì”, thì sẽ sanh ra lắm tội ác như là trộm cướp. Lại có những người sinh hoạt, giữ một số nhiệm vụ

trong cộng đồng, không nề hà khó khăn thì được cho là “ăn cơm nhà, đi vác ngà voi”.

“Ăn” lại đi đôi với uống gọi là "ăn uống", hay đi đôi với cách phục sức gọi là "ăn mặc", lại cũng đi song song với trộm cắp, giao tình hay gài độ bồi thường, thì gọi là "ăn trộm", "ăn cắp", "ăn nằm", "ăn vạ" ... Có máu cò bạc, thức cả đêm để “ăn thua đủ”. Những bà vợ không làm gì gọi là "ăn không, ngồi rồi", chỉ nhong nhong đi rông, làm khổ ông chồng vì “ngồi không, ăn núi cũng lở”. Thế nhưng khi yêu, thì người ta chấp nhận mọi thứ, cả tính tốt, lẫn tính xấu “Lỗ mũi em mười tám gánh lông, chồng thương chồng bảo râu rồng trời cho, đêm nằm thì ngáy kho kho, chồng thương chồng bảo ngáy cho vui nhà, ra đường thì hay ăn quà, chồng thương chồng bảo về nhà đỡ cơm, trên đầu những rác cùng rơm, chồng thương chồng bảo hoa thơm cài đầu”.

Nói về “ăn hàng” thì phải nhắc tới các cô nữ sinh, là chúa tể ăn hàng! Các nàng giấu dưới học bàn nào là me dốt, ỏi xá lị, xí muội, trái cóc ngâm dấm đường, vừa ăn lén, vừa cười khúc khích, cho đến khi bị thầy giáo bắt gặp cho ăn trứng hột vịt mới ngưng.

Có người có thú vui “ăn vụng” nữa. Chuyện kể có một gia đình nọ, cả mẹ chồng lẫn nàng dâu đều có tật ăn vụng. Một hôm, thấy con ở kho một nồi thịt ngon quá, bà mẹ chồng bèn xúc một chén to tổ bố ra ngoài bồ lúa để ăn cho đã. Đứa con dâu thì lén lấy một bát to không kém, cũng chạy ra bồ lúa. Ai dè, vừa ra đến nơi, cô dâu thấy bà mẹ chồng hí húp húp lấy, húp để chén thịt kho, cô dâu mắc cỡ quá, nhưng nhanh trí nói “tưởng mẹ ăn hết rồi, con đem thêm cho mẹ tô khác nè!”. bà mẹ chồng cho cô là “ăn ngay ở thật” có hiểu.

"Ăn vụng" còn được gọi là “ăn chùng”, ngoài mặt rất tỉnh, ai biết được “ma ăn cỗ”. Biết được chồng ăn cỗ một mình, cô vợ không vừa, cũng đi ăn cỗ một mình, trả thù cho anh chồng biết tay, con ở thấy cậu mợ chủ, không ai nhin ai, nên tức mình cũng muốn “thi đua”. Cho nên người ta nói "ông ăn chả, bà ăn nem, con ở có

thèm mua thịt mà ăn”.

Nghèo quá mà không tìm ra được việc làm thì “ăn mày, ăn xin, ăn mót”. Những kẻ nóng tính, gặp chuyện gì không vừa ý, như bị “ăn quít”, thì phùng mang, trợn mắt đòi “ăn gan uống máu” kẻ thù. Nhưng phần đông loại người này đều miệng hùm gan sứa mà thôi.

Chúng ta lúc nào cũng nên tâm niệm “ăn hiền, gặp lành”, tha thứ cho những kẻ “ăn ngược, nói ngạo”, hay “ăn ở thất đức”, có thể kẻ đó trẻ người non dạ “ăn chưa no, lo chưa tới”

Ai may mắn được đẻ bọc điều, nhỏ được nuông chiều, muốn gì được nấy, lúc lớn lên, con đường công danh sự nghiệp cũng được thành công, nhân hạ “ngồi nhà mát, ăn bát vàng”, lúc nào cũng “ăn trên ngồi trốc”, “ăn trên đầu trên cổ” người khác Nhưng “ăn” kiểu này, coi chừng lại rắc rối vì “ăn ít no lâu, ăn nhiều tức bụng”, nên hãy lấy câu “ăn chắc, mặc bền”, “ăn ở có hậu” vẫn hơn.

Cách ăn có nhiều cách, dân Tây, dân Mỹ ăn bằng muỗng nĩa, dân Lào ăn bốc, dân Ta ăn bằng đũa. Ăn nhanh quá được coi là không sang, nhưng ăn chậm cũng bị thiệt thòi, như trong nhà tù Cộng Sản, gọi là “tù cải tạo”, ăn chậm chạp cho sang, thì làm gì còn thức ăn mà ăn! Máy cẩu thư sinh lười biếng bị chê bai “dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm”, chỉ tốn cơm mà thôi. Và không phải ai mập mới ăn cơm nhiều, mà có nhiều người, kể cả đàn ông lẫn đàn bà “người gầy thầy cơm”. Người khôn khéo thì không lo thiếu ăn, thiếu mặc vì “khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Con nít mới lớn, chắc chắn không biết câu này vì thân thể chúng cần phát triển, nên chúng “ăn như tằm ăn dâu”, ăn cả ngày. Những người hay ăn đêm được ví như “vạc ăn đêm”: “Con cò mà đi ăn đêm, đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao, ông ơi ông với tôi nao, tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng, có xáo thì xáo nước trong, đừng xáo nước đục đau lòng cò con”.

Măng hầm là một món ăn rất khoái khẩu, măng xáo vịt rất ngon,

không biết măng xáo cò có ngon như thế không? Người khôn ngoan biết suy xét “ăn cây nào, rào cây nấy”, hay những kẻ biết ơn “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Mặc dầu “tiếng chào cao hơn mâm cỗ” nhưng được mời ăn tiệc ai cũng khoái vì “một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bếp”.

Bữa tiệc có nhiều thức ăn nhất phải kể đến những bữa tiệc cưới. Nếu ăn ở nhà hàng Tàu, ăn ít nhất là 9 món, nào ăn chơi, ăn thiệt, ăn tráng miệng. Lúc mới nhập tiệc, ai cũng đang đói bụng, vì tiệc cưới thường thường bị trễ cỡ hai tiếng, theo giờ cao su không bao giờ có thể sửa đổi được của dân ta, nên những món đầu tiên hay ăn hết nhanh, sau đó cái bao tử đã đầy, nên những món sau bị ế. Mỗi lần người Mỹ được mời dự đám cưới của người Việt, họ đều trầm trồ về buổi tiệc quá thịnh soạn của ta. Người ta có câu “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật”. (Nhiều tiệc cưới của người Việt Nam cũng đặt ở nhà hàng Tàu). Tuy nhiên, cứ nhìn mấy món ăn Tàu, chứa đầy chất béo, nếu cứ ăn tì tì, chắc chắn sẽ “hui nhì tì” sớm. Tiệc cưới là nơi người ta được ăn uống, cười đùa thỏa thích, và cũng là nơi khoe quần áo đẹp. Mặc dù có câu “ai chê đám cưới, ai cười đám ma”, tuy nhiên, khen chê là quyền của khách, ngoài việc khen chê chú rể, cô dâu sang, đẹp, hay chê không xứng đôi vừa lứa, việc khen chê món ăn là chuyện cũng bình thường, như “menu ngon quá, ai chọn khéo đấy”, hay “đồ ăn ẹ quá, không món nào ăn được, đúng là thứ hà tiện, chọn toàn toàn thứ không ăn nổi v...v”

Nói về ăn, không thể không nhắc tới Tết Nguyên Đán vì ta có câu “đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết”. Đây là ngày lễ trọng đại nhất của người Việt Nam, đây là dịp mà thức ăn được chuẩn bị tối đa. Nào là bánh chưng, bánh tét, bánh dày, nem, chả, mứt, trái cây...Mỗi ngày một mâm cỗ, lớp cúng người chết, lớp đãi người sống. Dân ta không phải như người Mỹ, ăn Tết chỉ có một ngày, hay 3 ngày như câu “Ba ngày Tết”, mà cả tháng vẫn còn ăn, đúng với câu ca dao “Tháng Giêng là tháng ăn chơi”. Nhất là ở hải ngoại, nhiều hội đoàn, đoàn thể, nên chia nhau các cuối tuần để ăn Tết. Hết tất niên, tới tân niên, tuần nào cũng có “tiệc xuân”. Nhiều người bạn Mỹ đã thắc mắc “sao tao nghe “you” ăn Tết

hoài vậy?”

Nơi có nhiều món ăn nữa là đám giỗ, đám kỵ. Không tiền làm tiệc lớn, cũng phải chạy đôn, chạy đáo để làm mâm cơm nho nhỏ cúng người khuất mặt, cho ông bà mát ruột. Rõ ràng ma làm sao ăn cỗ được? Thật là mĩa mai.

Ngày xưa mỗi lần học trò về nhà ăn giỗ, cha mẹ hay gói bánh trái để con trẻ biếu cho thầy giáo làng để tỏ lòng biết ơn đã dạy dỗ con mình, nên mới có câu chuyện: một chú bé lớp ba được mẹ gói mười cái bánh ít, đem lên trường tặng thầy. Đến nơi, không còn một cái nào, cậu thưa với thầy rằng: Má con gởi cho thầy mười cái bánh ít, nhưng dọc đường “con ăn một cái còn chín, còn nhìn một cái còn tám, con bằm một cái còn bảy, con thấy một cái còn sáu, con háu một cái còn năm, con thăm một cái còn bốn, con ngón một cái còn ba, con tha một cái còn hai, con nhai một cái còn một, con lột một cái nữa...hết trơn!”.

Có lẽ trên đường đi máy cái bánh ít lá gai hấp dẫn này ám ảnh cậu dữ lắm! Cái ăn đôi lúc làm người ta lâm vào cảnh trăm đường khôn khổ, cứ hỏi mấy người tù “cải tạo” thì rõ! Có ai biết cách đầy đọa cái bao tử con người bằng Việt Cộng: "Đói thì đầu gối phải bò". Ai từng ở trong các nhà tù Cộng Sản mà không mơ tưởng tới miếng ăn? Đã có nhiều cựu tù nhân CS tâm sự “cái gì nhúc nhích đều ăn được” thì thấy ngay miếng ăn lúc ấy nó quan trọng đến dường nào!. Đọc cuốn “Trại Đầm Đùn”, ta thấy chế độ dã man của Cộng Sản, khiến người ta lúc nào chỉ nhớ đến một thứ là miếng ăn, ta mới ứa lệ, thương cho những sự cơ cực, đói khát của những tù nhân chính trị, quân dân, cán chính Việt Nam Cộng Hòa, bị thất thế, sa cơ, mà Cộng Sản đã hành hạ, trái thù sau khi cưỡng chiếm miền Nam 30-4-1975, họ luôn bị những cơn đói trên miền hành hạ.

Đói làm người ta mờ mắt, khó giữ nổi tư cách, lý trí, chỉ còn bản năng sinh tồn mà thôi, đó là trong những trường hợp tuyệt vọng đắm tàu ngoài biển khơi, người ta phải ăn thịt kẻ xấu số chết trước để được sống sót.

Ăn uống quá phàm phu tục tử, được coi như “ăn lông, ở lỗ”, như người tiền sử. Các người làm việc không có giờ giấc, ăn uống thất thường, đựng gì ăn nấy gọi là “ăn quấy, ăn quá”, “ăn qua loa”, hay “ăn ba hột” dần bụng.

Không phải lúc nào người ta cũng ăn những món ngon ngọt, mà nhiều lúc trong đời phải “ăn đắng, nuốt cay” có khi nghĩa bóng, như đau khổ tột cùng mà không biết ngỏ cùng ai. Nghĩa đen thì như ăn ớt. Ớt là một thứ rất cay, có loại cay xé họng, chứ đâu ngon lành gì, thế mà có người ghiền, không có ớt, không nuốt trôi cơm.

Ở Việt Nam khi xưa, chế độ thi cử khó khăn, muốn lấy được một mảnh bằng, phải trầy da tróc vẩy, không được phúc ông bà thì thi rớt, cái cảm giác lúc ấy là “thi không ăn ớt thế mà cay”. Lại có những món ăn người đời chỉ mơ ước nhưng chỉ tưởng thượng thôi, nghèo quá phải “ăn cá gỏi”, giàu thì mơ ăn trái đào tiên để sống dài, sống dai, sống dờ, không chết.

Nếu nói về món ăn thì nói cả ngày chưa hết chuyện, chỉ biết rằng “ăn” là đệ nhất khoái, trong tứ khoái “ăn, ngủ, làm tình và đại tiện”. Sống mạnh khỏe ai cũng muốn ăn đã đành, mà khi bệnh hoạn, bác sĩ cũng phải đặt một cái ống vào mũi, hay vào cổ họng rồi chuyển thức ăn vào thân thể để nuôi sống bệnh nhân. Ngay cả lúc sắp bị máy chém cứa cổ, tên tử tội còn được nhà tù đãi cho bữa cơm cuối cùng có rượu ngon thịt béo. Và ngay cả khi chết rồi, thân nhân cũng cúng quảy cho khỏi đói khát ở chốn âm ty. Chưa hết đâu, xuống âm phủ mà chưa được Diêm Vương thấu nhận, con ma sẽ được ăn cháo lú, trước khi bị trả về dương thế, để khỏi thèo lẻo những điều mắt thấy tai nghe ở chín tầng địa ngục. Đó! Người ta ăn từ lúc sinh ra đời, tới sau khi chết vẫn còn ăn!

Ở Mỹ này ta không còn được hưởng cái thú “ăn đêm”, như sau khi đi xi nê ra, đi ăn cháo gà, ăn phở, ăn bánh cuốn, ăn vịt lộn v...v...như ở quê nhà, không cần đi xa, đã có người gánh hàng

rong đi qua ngõ trong đêm khuya, tiếng ra lạnh lạnh, mời mọc mới thu hút làm sao! “phở đây!” “vịt lộn đây”. Ôi những bát phở đêm sao mà ngọt lịm. Những quả vịt lộn, nóng phồng môi, vừa húp, vừa hút, vừa xuýt xoa thôi! Lại còn những gánh chè ban đêm, nào chè hột sen, nào chè trôi nước. Còn ăn sáng, ăn trưa thì khỏi nói, đầu làng, cuối xóm, góc phố nào cũng đầy, không cần mở tiệm, như xôi đậu xanh, xôi gấc, xôi đậu đen, bánh bèo, bánh xèo, nem nướng. Buổi trưa có gánh bún cá ngừ, kê vào trong sân, ăn một tô vừa béo, vừa thơm. Món bò viên thì khỏi nói, ăn tới đâu, đã tới đó! Người gánh hàng rong, chỉ cần tráng cái tô nhỏ vào bát nước đục ngầu đã rửa cả mấy chục lần, rồi dùng cái khăn lau chén, chắc cũng xài cả trăm lần trong ngày, cũng chẳng thấy ai phản nản hay chê dơ dáy gì cả!

Món ăn Việt Nam nhiều vô số kể, mỗi thứ mỗi khác, chứ không như ở Mỹ, nơi nào cũng chỉ hamburger, hot dog, chỗ chợ nào cũng chỉ bày nhiều thứ trái cây, chứ không phải như ở xứ ta, Bắc có món Bắc, Trung có món Trung, Nam có món Nam. Chỉ cần nói món bún, là có cả hơn 10 thứ khác nhau: bún bò, bún thang, bún ốc, bún bung, bún thịt nướng, bún riêu...món gỏi cũng nhiều không kém: gỏi tôm, gỏi sứa, gỏi gà, gỏi cá, gỏi ốc v...v...không có đủ bụng để ăn!

Nội loanh quanh ở chợ Bến Thành, cũng có thể ăn hàng trăm món. Chỉ cần ngồi xuống cái ghế đầu nhỏ là ta có thể thưởng thức những đĩa bánh hời, chạo tôm, bún sông, bún tôm nướng, chè cháo,ngón vào miệng món chả cá vừa dai, vừa giòn, chả giò nóng hổi, ăn hoài không ngán. Nem chua chín tới, nhai dòn sừn sứt. Đi một vòng qua phố, ngừng lại ăn những miếng phá lấu thơm lừng, chêm vào một ly nước mía, ôi! đúng là “sống để mà ăn!”

Ban đêm ra bên Bạch Đằng hóng mát, nhai vài miếng mực khô trét tương ớt, hay đưa cay bằng mấy miếng xoài tượng, hay cóc ngâm cơm thảo, chua chua, ngọt ngọt, thấy đời thú vị biết bao nhiêu.

Trong khi chờ một ngày thanh bình được trở về quê cũ, thưởng thức những món ăn thuần túy dân tộc (chỉ cần nghĩ đến thôi, là nước miếng đã ứa đầy trong miệng), chúng ta hãy tạm thời nuốt những cái hamburger, nhâm nhi ly coca cola, để lòng thầm thía nỗi buồn xa quê hương, nơi có một thiên đường ăn uống tuyệt vời nhất trên thế gian!



Chuyến Xe Duyên

Thân tặng anh lính đa tình

Phạm Kim Khôi K19

*Không hẹn nhưng xuôi cùng chuyến xe
Thăm mơ chung một lối đi về
Ngước trông mền gửi lời trong mắt
Khẽ động hai hàng mi lắng nghe*

*Chưa nói nhìn nhau đã hiểu rồi
Mong đừng tao ngộ với chia phôi
Giống như lên xuống xe rồi bến
Như nhánh sông lơ lững rẽ đôi*

*Nên muốn làm quen để nhớ nhau
Hỏi thăm cô bé sắp về đâu
Còn anh là lính giang hồ vẫn
Xe dịch xa nhà tự bấy lâu*

*Thưa gửi ban đầu giới hạn thôi
Nhưng tâm theo ý chẳng theo lời
Nghe nao nức lạ niềm vui mới
Nghe nở hoa lòng trên cánh môi*

*Hẹn nhé hôm nào mình gặp lại
Đâu ngờ chung một chuyến xe duyên
Vừa chia tay đã thăm mong đợi
Có phải quen rồi rất khó quên*

50 NĂM MẤT HOÀNG SA **MỘT ĐỜI THƯƠNG TIẾC**

Nguyễn Đức Thu K16

Trận chiến kinh hoàng Điện Biên Phủ giữa Quân Đội Pháp và Việt Minh trong suốt 2 tháng đã chấm dứt ngày 7 tháng 4 năm 1954.

Ngày 21 tháng 7 năm 1954, Hiệp ước Genève được ký kết. Theo đó, Việt Nam bị chia làm hai, ranh giới là vĩ tuyến 17, thường được gọi là sông Bến Hải. Bắc Vĩ tuyến 17 thuộc Miền Bắc, Nam vĩ tuyến 17 thuộc Miền Nam. Một khu phi quân sự, rộng khoảng 5 cây số dài theo hai bờ sông Bến Hải, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 1954.

Hiệp định Genève công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Miền Nam Việt Nam trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Vào ngày 20 tháng 8 năm 1955 bằng một nghị định chính thức, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm bổ nhiệm Hải quân Thiếu Tá Lê Quang Mỹ (khóa 2 Trường Võ Bị & khóa 1 Trường Sĩ quan Hải quân Nha Trang) vào chức vụ Phụ Tá Hải Quân cạnh Tổng Tham Mưu Trưởng QĐQGVN (thay Tướng Đôn) để chỉ huy Hải quân và đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

Đầu tháng 4 năm 1956, khi Hải quân VNCH ra bàn giao quần đảo Hoàng Sa thì phát hiện một vài đảo phía đông trong đó lớn nhất là đảo Phú Lâm (Woody) đã bị quân lính Trung Quốc bí mật chiếm đóng. Chính quyền VNCH trên thực tế chỉ kiểm soát được các đảo phía Tây. Tuy nhiên, về mặt pháp lý, VNCH vẫn tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên các đảo mà Trung Quốc đã bí mật chiếm đóng bất hợp pháp phía đông quần đảo Hoàng Sa. Lúc này, trên đảo Hoàng Sa đã có nhà cửa, căn cứ quân sự, đài khí tượng, hải đăng trong hệ thống quốc tế, miếu Bà,

và bia chủ quyền của Việt Nam. Cùng thời gian này, quân lính Đài Loan đã chiếm đóng đảo Ba Bình (Itu Aba) trong quần đảo.

Cũng cùng trong thời gian này, HQ Thiếu tá Lê Quang Mỹ được Tổng Thống Ngô Đình Diệm thăng cấp HQ Trung tá để lãnh nhiệm chức vụ Tư lệnh đầu tiên của Quân chủng Hải quân Việt Nam Cộng Hòa (HQVNCH) .

Trong khi hai Chính phủ Việt Nam và Pháp đang đối đầu về chính trị, HQ VNCH ý thức ngay trách vụ bảo vệ các hải đảo ngoài khơi Biển Đông. Với tư cách Tư lệnh Hải quân của một Quốc gia độc lập, HQ Trung tá Lê Quang Mỹ thừa lệnh TT Ngô Đình Diệm ký lệnh bổ nhiệm các Sĩ Quan HQVN nắm lấy hết quyền chỉ huy của Sĩ quan Pháp trên chiến hạm cũng như tại tất cả đơn vị khác, kể cả Thủy Quân Lục Chiến (TQLC).

Giữa năm 1956, sau khi quân Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam, quân đội của chính quyền miền Nam Việt Nam (sau này là Việt Nam Cộng Hòa) dưới quyền Tổng tư lệnh của Tổng Thống Đệ Nhất Cộng Hòa Ngô Đình Diệm, một lần nữa khẳng định pháp lý và chủ quyền của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về chính quyền VNCH . Ông đã truyền lệnh gọi thêm một đơn vị TQLC và các chuyên viên khí tượng ra hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa để trấn thủ, xây dựng lại các cột mốc, để chứng tỏ cho Thế giới, một lần nữa chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Việt Nam và do Nước Việt Nam Cộng Hòa làm chủ.

Ngay khi có quyền điều động Chiến hạm, Tư lệnh Lê Quang Mỹ đã chỉ thị Hộ tống hạm Tụy Động HQ 04, trên đường hồi hương (sau chuyến sửa chữa đại kỳ ở Subic Bay về), tuần tiễu quần đảo Trường Sa để chứng minh chủ quyền lãnh hải của VNCH. Một số hải đảo quan trọng khác trên Biển Đông cũng đã được thủy thủ đoàn HQ VNCH cắm bia để xác nhận chủ quyền.

Mặt khác, HQ VNCH đồng thời vừa trợ giúp phát triển kế hoạch kinh tế vừa cung cấp phương tiện chuyển vận khai thác phân

chim trên quần đảo. Một kế hoạch tương tự cũng đã được dự trù cho quần đảo Trường Sa.

Để tuần dương hữu hiệu, HQ VNCH đã trang bị 3 Hộ tống hạm, chiến hạm Chi Lăng HQ 01, Vạn Kiếp HQ 02, Đống Đa HQ 03. Không lâu sau đó, Hải quân Pháp cũng đã bàn giao thêm hai chiếc hạm, chiến hạm Tuy Động HQ 04 và Tây Kết HQ 05.

Những ngày đầu của Hải lực đã thực sự xảy ra nhiều biến cố dồn dập, nhận lãnh tàu bè vội vàng trong khi HQVN còn thiếu kinh nghiệm, không đủ nhân lực và dụng cụ, lại thiếu thốn yểm trợ, sửa chữa. Các thủy thủ đoàn thì chưa quen đơn vị, đã phải hoạt động hành quân, thăm viếng, thao diễn, tác chiến liên tục...

Tuy vậy, khi nghe tin có một vài chiến hạm của Hải quân Trung cộng đang lảng vảng ở vùng biển Hoàng Sa, Tư Lệnh Hải Quân đã đích thân chỉ huy một Hải đội gồm các hộ tống hạm và vài loại chiến hạm khác nhau ra quần đảo Hoàng Sa để biểu dương lực lượng. Đó cũng là dịp để các Thủy thủ đoàn HQ VNCH thám sát quần đảo này lần đầu tiên.

Để đánh dấu những diễn biến trở thành quan trọng của Quân chủng Hải quân, HQ VNCH cũng đã tổ chức một cuộc diễn hành trên sông Sài Gòn để trong ngày Quốc Khánh 26/10/1956. Chủ tọa bởi Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Hải-Quân Hoa Kỳ (HQHK) cũng đã gửi Tuần Dương Hạm USS Los Angeles (CA-135), có gắn Hoả tiễn Talos đến thăm viếng thiện chí và tham dự Ngày Quốc Khánh đầu tiên của VNCH.

Hơn 2 năm sau, sáng ngày 21-2-1959, Hải quân VNCH phát hiện nhiều ngư dân Trung cộng tập hợp lên một số đảo phía tây quần đảo Hoàng Sa. Tất cả đều bị bắt giữ sau đó và được hoàn trả lại cho Trung quốc. Đây như là một tín hiệu cho thấy Trung quốc đang có kế hoạch lần chiếm Hoàng Sa.

Trong kế hoạch hiện đại hóa Quân Lực VNCH, tháng 7 năm 1959, Tổng thống ký nghị định cải tổ Trường Võ Bị Liên quân

Đà Lạt thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (TVBQGVN) song song với sự trưởng thành của QLVNCH trong một Quốc Gia độc lập.

Ngày 23 tháng 11 năm 1959, khóa 16 nhập học với chương trình 4 năm, đào tạo các Sĩ quan Hải lục Không quân hiện dịch cho QLVNCH.

Ngày 22 tháng 12 năm 1962, khóa 16 là khóa đầu tiên được mãn khóa tại Vũ Đình Trường Lê Lợi trên đồi 1515 của Quân trường mới, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. 226 Tân Sĩ quan Hải Lục Không quân đã hạ sơn, quyết tâm bảo vệ giang sơn, không gian và đại dương.

Ngày 23 tháng 12 năm 1962, trong quân phục tiểu lễ trắng truyền thống của Thiếu úy Hải quân, tôi đứng nghiêm chào Quốc kỳ trên Trường Võ Bị một lần chót trước khi ra phi trường Liên Khương bay về trình diện Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Tôi đã khóc thật sự khi phi cơ cất cánh và khi thành phố ngàn thông bắt đầu xa dần xa dần trong tầm mắt. Tôi thật sự đã giã từ Trường Mẹ, ngôi trường cao quý sau bao năm nuôi dưỡng, huấn luyện tôi thành người. Thật sự đã giã từ Đà Lạt và đồi 1515 thân yêu sau trên 3 năm tu luyện.

Ngày 2 tháng 1 năm 1963, nhận được sự vụ lệnh phải trình diện Hộ tổng hạm HQ 07 để tiếp tục chương trình huấn luyện Sĩ quan hải quân hiện dịch gồm 6 tháng thực tập hải nghiệp trên các chiến hạm trước khi nhập học Trường Sĩ quan Hải quân Nha Trang, tôi lên chiến hạm ngày 3 tháng 1 năm 1963.

Ngay ngày hôm sau, Hộ tổng hạm Đông Đa II trực chỉ Hoàng Sa có nhiệm vụ tuần dương, bảo vệ quần đảo vì có tin vài chiến hạm Trung quốc lại đang lai vãng trong vùng. Hạm trưởng là một Trung úy thâm niên. Ông không có vẻ bảo thủ như tin đồn về các vị hạm trưởng HQ, đặc biệt là các hạm trưởng có gốc Hải quân Pháp. Ngược lại, ông lại xem tôi như là một Sĩ quan vãng lai và được thủy thủ đoàn chào đón rất thân thiện. Nhưng chỉ vài giờ

sau, tôi đã trực diện một cuộc hải hành đầy sóng gió dữ dội đầu đời hải nghiệp khi chiến hạm vừa ra khỏi Vũng Tàu trên hải trình đến Hoàng Sa.

Một cơn bão cuối mùa từ biển Đông kéo đến. Khi chiến hạm càng ra xa Vũng Tàu, trực chỉ về Đông Bắc thì càng thấy mây mù bao phủ, biển động càng dâng cao, càng nghe tiếng gào thét của sức gió cực mạnh. Với vận tốc của chiến hạm trong trường hợp này, ít nhất phải mất 15 giờ mới đến được vùng Hoàng Sa. Chiến hạm phải vượt sóng ngang trong suốt khoảng thời gian trên. Nhiều lúc, con tàu chông chênh, ngất ngư trèo lên những ngọn sóng cao như núi, rồi chúc xuống như thác đổ. Cứ từng đợt, từng đợt, toàn thân chiến hạm nhiều lúc rung chuyển tưởng như đang gãy đổ trên đại dương.

Tưởng cũng cần nói qua về quần đảo Hoàng Sa, vùng biển đảo cách miền Trung Việt Nam khoảng một phần ba khoảng cách đến những đảo phía bắc của Phi Luật Tân, cách Cù Lao Ré của Việt Nam khoảng 200 hải lý và cách đảo Hải Nam của Trung Quốc khoảng 230 hải lý.

Nhờ nằm giữa biển Đông nên quần đảo Hoàng Sa có khí hậu điều hòa, không quá lạnh về mùa đông, không quá nóng về mùa hè nếu so với những vùng đất cùng vĩ độ trong lục địa. Mưa ngoài biển qua nhanh. Hoàng Sa không có mùa nào ảm đạm kéo dài, buổi sáng cũng ít khi có sương mù. Tháng 10 là tháng mưa nhiều nhất. Không khí biển Đông tương đối ẩm thấp hơn những vùng biển khác trên thế giới.

Bão biển Đông là bão nhiệt đới theo mùa, thường xảy ra những lúc giao mùa, nhất là từ tháng 6 đến tháng 8. Gió mạnh có lúc đến 90 dặm. Bão giảm đi từ tháng 9 nhưng cũng vẫn còn đến cuối tháng 1. Tuy vậy, vào giữa mùa gió Đông Bắc, bão làm biển trở nên động dữ dội hơn và kéo dài trong nhiều ngày. Chúng tôi đang ở vào đầu tháng giêng, tháng vẫn còn biển động.

Quần đảo Hoàng Sa được chia làm hai nhóm đảo là nhóm đảo An Vĩnh và nhóm đảo Lưỡi Liềm. Tên quốc tế của nhóm đảo An Vĩnh là Amphitrite. Tên này là đặt theo tên một chiếc tàu Pháp trên đường đưa các giáo sĩ châu Âu sang Viễn Đông, gặp nạn rồi đắm ở vùng Hoàng Sa vào cuối thế kỷ 17. Nhóm đảo Lưỡi Liềm (Crescent Group) bao gồm các đảo nhỏ ở phía tây nam của quần đảo. Nhóm này còn được gọi là nhóm Trăng Khuyết hay nhóm Nguyệt Thiềm. Đảo Hoàng Sa là đảo lớn nhất nằm trong nhóm này.

Sau trên 15 giờ vượt qua cơn bão biển, Hoàng Sa lộ dạng với những đàn hải âu bay đến, che kín cả một góc trời, như muốn chào đón, như mừng rỡ khi nhìn thấy chúng tôi đến. Biển bắt đầu dịu xuống, trời bắt đầu có màu xanh không còn mây đen bao phủ. Hoàng Sa của Việt Nam xuất hiện rõ như là một vùng san hô trắng xóa bao la nhiệm mầu.





Bia chủ quyền của VNCH vẫn còn đó. Thật là vô cùng xúc động để nhìn thấy một vùng biển đảo rất thấp của Quốc Gia, xa đất liền trên 200 hải lý nhưng hàng trăm năm vẫn phơ mình trên Thái Bình Dương qua bao cơn bão táp phong ba. Điều này đã chứng tỏ cho thế giới biết Hoàng Sa là của chúng ta từ xa xưa.

Ở tất cả mọi góc cạnh, hang hốc, bãi đá nào trên đảo cũng đầy trứng hải âu. Chúng tôi đặt chân lên đảo thật rón rén, nhẹ nhàng như một đàn chim lạ đang hạ cánh vì nơi đâu cũng đầy trứng chim, sợ rằng sẽ dẫm nát chúng và làm kinh sợ những hải âu đang nằm ấp trứng hay đẻ trứng mới.

Đoàn thủy thủ vui mừng, tha hồ nhặt trứng cho vào bao. Những khoảng đất vừa được ‘ khai quang ‘, chỉ trong vài giây phút là trên trời hàng trăm con hải âu dành nhau đáp xuống, tranh nhau chỗ đẻ trứng và rồi cả một vùng san hô rộng lớn lại đầy trứng trắng và hải âu. Thật là một thiên đường hiếm thấy của loài chim đại dương.

Sau một tuần lễ tuần tiễu quanh quần đảo, chúng tôi chẳng nhìn thấy chiến hạm nào của Trung cộng, nên được lệnh về tuần dương ngoài hải phận Đà Nẵng. Giã từ Hoàng Sa mà mọi người đều cảm thấy hãnh diện đã được thấy biển đảo thân yêu của Miền

Nam. Chúng tôi bụi ngùi lần cảm kích khi đưa tay chào các huynh đệ Địa phương quân, TQLC và các chuyên viên khí tượng phải ở lại để trấn thủ một quần đảo thật xa xôi ít có người biết đến trên Thái Bình Dương bao la. Biết đến bao giờ mới gặp lại. Trong tận đáy lòng, chúng tôi nguyện cầu cho họ sẽ được an bình, sẽ không bị áp đảo bởi những con cộp biển TC từ đảo Hải Nam đang rình mò ngày đêm để vô lấy quân ta, nguyện cầu cho họ sẽ được sống còn qua những trận bão táp cuồng phong.



Thời gian 6 tháng thực tập hải hành trên Biển Đông của 15 tân Thiếu úy khóa 16/TVBQGVN thuộc Quân chủng Hải quân cũng qua nhanh. Chúng tôi trở về Trường Sĩ quan Hải quân Nha Trang để hoàn tất chương trình 2 năm Sĩ quan hải quân hiện dịch. Tại đây tôi đã gặp Ngụy Văn Thà đang học năm thứ hai.

Thà tướng trông rất thư sinh, luôn mỉm cười và ít nói. Lúc nào gặp nhau, anh cũng chào tôi trước, có lẽ anh tôn trọng chúng tôi là Thiếu úy sinh viên, còn anh là sinh viên chuẩn úy (năm thứ hai). Nào ai có ngờ sau này anh trở thành hạm trưởng Hộ tống hạm HQ 10 và đã chết rất anh dũng theo chiến hạm trong trận hải chiến kinh hoàng với Hải quân Trung cộng, ngày 19 tháng một

năm 1974. Hạm phó của anh là HQ Đại Úy Nguyễn Thành Trí K17 Trường SQHQ. Năm 1967, tôi được BTL Hải quân chỉ định ra chỉ huy khóa 18 SVSQ/HQ và đã có cơ hội góp phần huấn luyện cho cả hai khóa SVSQ HQ này. Nguyễn Thành Trí rất quắc thước, nhiệt tình khi học trong trường, nên tôi không ngạc nhiên khi anh làm hạm phó cho Thà, anh đã can đảm trực chiến chỉ huy dàn đại pháo, bắn cháy ngay một chiếc hạm Hải quân Trung cộng trong những phút đầu tiên. Sau đó Trí đã bị thương trầm trọng, đứt một chân. Anh tắt thở trên chiếc bè nhỏ trong đêm cùng ngày. Ngoài ra tôi cũng đã có cơ hội làm việc với nhiều HSQ và Đoàn viên tại TTHLHQ Nha Trang, sau này một số cũng đã tử trận trên Hộ tổng hạm HQ 10, HQ 16, HQ 4 và HQ 5.

Tất cả 74 các anh đã liều chết để bảo vệ lãnh hải, thân xác các anh đã chìm trong lòng biển mẹ. Thật vô cùng thương tiếc !

Nói đến trận hải chiến Hoàng Sa là bất cứ người nào cũng muốn nói đến chiến hạm HQ 10 .

Để tưởng niệm 50 năm mất Hoàng Sa sau cuộc hải chiến kinh hoàng này, giữa Hải quân VNCH và Hải quân Trung cộng, tưởng không có ký ức lịch sử nào trong trận hải chiến thực tế hơn bằng trích đoạn dưới đây. Thân mời quý Huynh Đệ và thân hữu lắng nghe một phần chuyện kể đầy đau thương bởi một sĩ quan hải quân VNCH, HQ Thiếu úy Tất Ngưu, người về từ cõi chết hải chiến Hoàng Sa. Ông đã chứng kiến những giây phút sau cùng của Hộ tổng hạm HQ 10 trước khi chiến hạm này chìm xuống đáy đại dương như sau:

..." Tôi đã sống lại một kiếp sống thứ hai. Phải, tôi đã thoát chết, đã kinh nghiệm một cái sống khi tôi không còn một tia hy vọng trong trí não. Nhưng thật sự tôi đang còn đây, và tôi sẽ thuật lại một trận chiến hải hùng đầy cam go, và những ngày sống lênh đênh trên mặt biển liên tục bốn ngày ba đêm trên một chiếc bè nhỏ trong vùng biển Hoàng Sa."

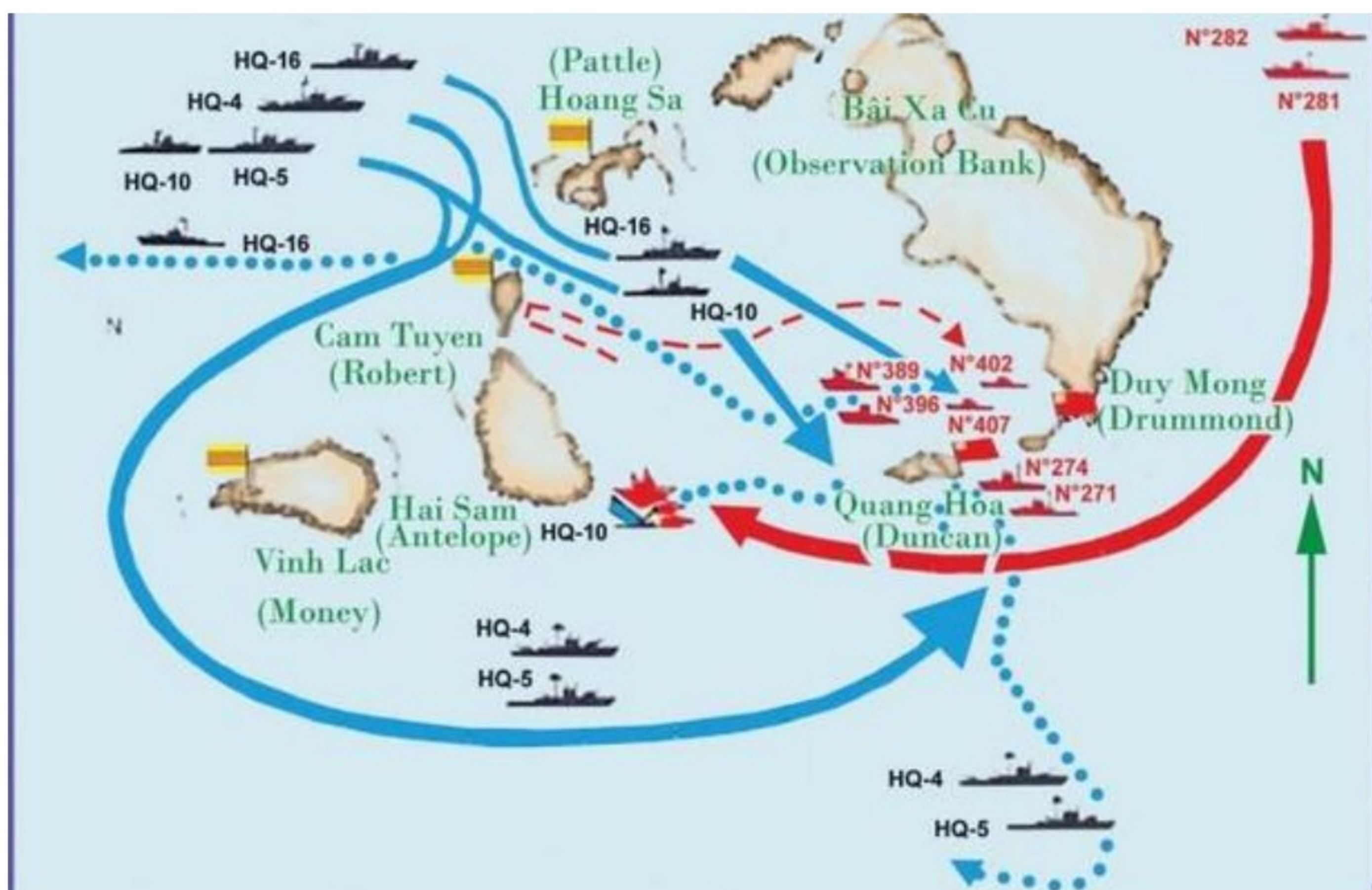
Sài Gòn ngày 30 tháng 5 năm 1974...

"...Hạm trưởng Ngụy Văn Thà hiên ngang đứng trên đài chỉ huy ra lệnh tháo giầy. Một số anh em khấp khiểng chạy về chiến hạm. Họ vừa đi nhậu về, hôm nay mới lãnh lương mà. Nhân viên trên tàu chỉ có thể, lãnh lương ra thì lại đi uống rượu.

“Nhanh lên, tàu rời bến, nhanh lên !”

Anh HS1TP (ha sĩ nhất trọng pháo) Tám chênh choáng rơi tùm xuống nước. Tôi thấy hạm kiều náo động, nghe tiếng hối thúc:

“Thả phao”, “Vớt người”, ...



Đó phải chăng là một đêm chẳng lành. Chúng tôi, thủy thủ đoàn của chiến hạm HQ 10, sau một đêm linh binh tuần tiễu tại cửa Đà Nẵng, nhận lệnh theo HQ 5 trực chỉ quần đảo Hoàng Sa. Nhiệm vụ của chúng tôi là yêu cầu các thuyền đánh cá của Trung Cộng rời khỏi thềm lục địa của đảo Quang Hòa (Duncan).

Mắt nhắm mắt mở tôi nhìn đồng hồ. Đã 2345H (11 giờ 45 đêm) rồi, nhanh nhả. Thời tiết tháng Giêng còn hanh lạnh, tôi khoác thêm một chiếc áo choàng màu navy blue. Nhận ca, tôi được biết chiến hạm đang thả trôi tại quần đảo Hoàng Sa. Có sự hiện diện của cả khu trục hạm HQ 4, hai tuần dương hạm HQ 5, và HQ 16.

Trong suốt ca trực từ 2400H đến 0400H, tôi cùng HSTP Lợi nói chuyện vui với nhau. Anh này vừa mới tân đào và đây là chuyến công tác đầu. Tôi nghe anh ta kể lại những ngày huy hoàng sống ở giang đoàn. Nào là bắt những con tôm càng, thịt cá ê hề, bánh mì gà sandwich thịt nguội, v.v... nghĩ mà thú nhỉ !

Vào khoảng 0100H, tôi nhận được chỉ thị – không đúng – một công điện khẩn thì đúng hơn: “0600H GIỜ THI HÀNH”. Tôi trình công điện lên hạm trưởng. Đêm đó hạm trưởng ngủ tại phòng vô tuyến phụ, cạnh đài chỉ huy. Thời gian đi như chớp mắt, mới đó mà đã đến gần 0400H sáng rồi. Tôi gọi:

“Anh Lợi ơi, xuống mời Thiếu úy Mai lên đổi ca giùm đi!” (ca là phiên trực hải hành 4 giờ trên đài chỉ huy).

Thế rồi hạm trưởng thức giấc. Đứng trên đài chỉ huy, ông ngó nhìn xung quanh để quan sát vị thế, rồi ra lệnh kéo còi nhiệm sở tác chiến. Một hồi còi rợn người nổi lên: “Tít ... Tít ... Tít ... Tít ... Tít ... Tít...” Tiếng của hạm trưởng vang trên hệ thống nội thông :

“Đây là Hạm Trưởng”

“Nhiệm sở tác chiến, nhiệm sở tác chiến”

“Tất cả vào nhiệm sở tác chiến”

“Nhiệm sở tác chiến”

“Tất cả vào nhiệm sở tác chiến”. “Tít ... Tít ... Tít ... Tít”

Tất cả anh em thủy thủ đoàn vội vã thức giấc. Ai nấy vào nhiệm sở của mình. Riêng tôi, vừa đi xong ca cách mạng (phiên trực hải hành từ nửa đêm đến tờ mờ sáng) lại vướng vào nhiệm sở tác chiến, cảm thấy mệt đừ. Ngay sau đó:

“Nhiệm sở phòng không”... “Nhiệm sở phòng không”

Tôi thấy ngay lập tức những nòng súng rộp rộp hướng lên trời góc 45 độ, nào là các đại bác 76 ly 2, bờ-pho 40 ly, 20 ly, đại liên 30, súng cối 81 ly.

“Đài chỉ huy, đây sân mũi, 76 ly, 2 cò điện bắt khiển dụng”

“Thôi được, cho dùng cò chân”

“Đài chỉ huy, đây 41, 42 tôi phát hiện một phi cơ bay từ ánh trắng hướng về phía ta, hướng 3 giờ.”

“Đài chỉ huy nghe rõ, tất cả các khẩu hướng về hướng 3 giờ”

“Đài chỉ huy, phi cơ bay vào mây và mất dạng”

Toàn thể nhân viên chiến hạm cứ luôn ở vào một tình trạng căng thẳng. Chắc hẳn mọi người, ai cũng đang linh cảm rằng một cuộc hải chiến sẽ xảy ra. Có lẽ cũng giống như các bạn đồng đội, đầu óc tôi đang nghĩ đến một chiến thắng huy hoàng, một ngày về với bộ tiêu lễ trắng tinh, hiên ngang đứng giữa hàng quân, trên ngực đầy những huy chương. Tất nhiên, không ai nghĩ đến hậu quả của một cuộc chiến, đó là thương vong.

Khoảng thời gian từ 4 giờ sáng đến 6 giờ sáng ngày 19 tháng Giêng, chiến hạm vẫn tiến, và nhân viên vẫn cảnh giác trước phi cơ của địch. Trời lơ mờ, chưa tỏ hẳn ánh dương, hải đội của ta lập thành một đội hình. Bên địch (Trung Cộng) cũng gồm hai chiến đỉnh 389, 396 và hai chiến hạm 271, và 274, vẫn chạy đan qua đan lại có vẻ như muốn khiêu khích. Lắm lúc như muốn đâm thẳng cả tàu vào chiến hạm của ta. Sau một thời gian kèm sát bên nhau, địch và ta dường như đang tìm những vị thế thích hợp để công kích nhau.

Sau một loạt đèn hiệu được choé sáng, từ một hòn đảo kế cận, bốn chiếc tàu đánh cá chạy nhanh về phía Bắc, theo sau là bốn chiến hạm và chiến đỉnh của họ vận chuyển song song để bảo vệ. Anh em trên chiến hạm thoáng nét vui mừng.

"Ồ! họ đã chịu lui bước, trả lại các hải đảo cho chúng ta rồi

". Nào ngờ sau khi bốn tàu đánh cá đi khá xa, bốn tàu địch quay đầu trở lại với lối vận chuyển đầy khiêu khích. Chiến hạm lại nhận được lệnh chuẩn bị tác chiến. Tất cả nòng súng hướng vào phía đảo để tránh sự khiêu khích với tàu địch. Trên tàu anh em xôn xao căng thẳng, chỉ chờ một hiệu lệnh tác xạ ban ra là những viên đạn vô tri này có thể phá tan các tàu của Trung cộng.

Trông chờ mãi, khẩu lệnh vẫn chưa được ban hành, thủy thủ đoàn có phần nản chí, không còn vẻ hăng say của thoát đầu, anh em xem những cuộc quần thảo giữa địch và ta tưởng như một trò đùa. Anh em trở nên bình thản, quên hẳn sự căng thẳng giữa địch và ta, hầu như không cần việc sẵn sàng của nhiệm sở tác chiến. Một số nhỏ hờ hênh còn để súng cá nhân xuống sàn tàu rồi cùng trò chuyện vui đùa với nhau. Thức dậy từ lúc tờ mờ sáng đến giờ không có gì lót dạ, anh em chúng tôi cảm thấy đói, riêng tôi như thấy kiến bò trong bụng, may quá chúng tôi được lệnh luân phiên nhau vào nhà ăn để dùng cháo.

“Th/úy Mai. Anh vào dùng trước, tôi sẽ ăn sau.”

Khi Th/úy Mai vừa dùng điểm tâm xong, chúng tôi được lệnh tác xạ ngay vào các chiến hạm địch. Bất kể nơi nào, thấy chiếc nào trong tầm thì cứ bắn, mục tiêu chính yếu là chiếc dương tốc đỉnh 396.

Và rồi những nòng súng nay đã được hướng vào chiến hạm địch. Rồi những chiến hạm của địch và ta lại tiếp tục quần thảo nhau.

Vào khoảng sau 0900H, một lệnh “BẮN” được ban hành mà tôi nghe được qua chiếc headphone. Riêng tôi, trong nhiệm sở tác chiến là sĩ quan đảm trách 2 khẩu 20 ly và súng cối 81 ly ở sân sau. Tôi vội vã hô to:

“Bắn, bắn nhanh lên”.

Những tiếng súng âm âm vang dội, những tia sáng thi nhau bay về phía địch, những đóm lửa lần lượt bao chụp lên chiến hạm địch.

Thượng sĩ trọng pháo Xuân hiên ngang đưa khẩu 20 ly qua lại, bắn liên hồi.

“Tạch ... Tạch ... Tạch ...”

“Ồi ! sao khẩu 20 ly không bắn nữa ?”

“Thưa Ch/úy, súng trở ngại tác xạ”

“Trở ngại thế nào ?”

“Kẹt đạn”

“Bắn một nòng”

“Tạch ... Tạch ... Tạch ...”

“Hết đạn”

“Nằm xuống, để tao”, Hạ sĩ nhất vận chuyển Tây thét lên, gạt Xuân ra, dứt lấy khẩu 20 ly.

“Tạch ... Tạch ... Tạch ..”

Trong khi đó Hạ sĩ vận chuyển Sáu lom khom chạy qua chạy lại lấy đạn 81 ly nạp vào khẩu súng cối.

“Ầm!” “Ầm!”

Tàu địch bốc cháy. Tôi thấy những viên đạn trọng pháo lớn nhỏ đua nhau bám vào tàu địch.

“Rầm !!!”

Có giọng nói giữa đám anh em đang hỗn loạn:

“Tàu Trung Cộng đang đổ bộ qua chiến hạm của chúng ta, anh em cẩn thận”.

Một loạt đạn M16 tủa bay ra từ đài chỉ huy. Nhìn phía trước, tôi thấy mũi tàu của ta đâm vào tàu địch. Thế rồi hai tàu từ từ đang ra. Tàu ta bất khiển dụng cả hai máy chánh, cứ vậy mà trôi lên đênh.

Sau khi hai chiếc tàu đụng nhau, tiếng súng lớn dường như im bật, chỉ còn nghe những tiếng súng nhỏ. Giai đoạn hải chiến hình như chấm dứt. Anh em đồng đội chuẩn bị cứu thương lẫn nhau. Hàm máy đang cháy, nhân viên phòng tai lo cứu hỏa. Một số nhân viên cơ khí chết thui dưới hàm máy. Những anh còn tỉnh thì được kéo lên boong chánh. Trung úy Huỳnh Duy Thạch (cùng là đàn anh của tôi xuất thân từ trường Việt Nam Hàng Hải Thương Thuyền, cũng là Cơ Khí Trưởng của chiến hạm HQ10, chẳng may đã tử trận trong hàm máy. Ôi ! tiếng rên la áo não ngàn nào. Đài chỉ huy hoàn toàn tê liệt, cả cầu thang từ trung tâm chiến báo (CIC) lên đài chỉ huy cũng bay mất một góc.

Phòng y tá hoàn toàn thiếu trụ. Trong phòng ăn sĩ quan (được sử dụng làm trung tâm phòng tai), sĩ quan phòng tai HQ Trung Úy Nguyễn Ngọc Bửu (Khóa 25/Võ Bị Đà Lạt) đang đau đớn với một chân trái bị bay mất, máu ướm đầm người. Vừa được đưa ra đến sân sau, anh đã trút hơi thở cuối cùng. Các anh em bị thương khác không có thuốc men cấp cứu gì hơn, chỉ dùng vạt áo để băng bó.

“Ồ ! HQ16 , anh Thương hãy đánh SOS cho họ đến tiếp cứu!”

Chúng tôi đánh hiệu bằng cờ, nhưng HQ16 như không nhìn thấy, chiến hạm chạy nghiêng nghiêng như bị trúng đạn trong sự thất vọng hoàn toàn của chúng tôi. Những tiếng súng lại bắn vang, cùng với những tiếng nổ trên tàu. Chính lúc này Thiếu Tá Hạm Trưởng Ngụy Văn Thà đã anh dũng hy sinh trên đài chỉ huy. Tôi còn nhớ là đài chỉ huy trước khi bị tê liệt hoàn toàn đã ra lệnh cho chúng tôi đào thoát. Những giòng tư tưởng quay cuồng trong tôi. Thế còn tàu của chúng ta ? và nếu có đào thoát, chắc hẳn có sống không?

Những tiếng súng lại vang lên, tiếng nổ trên tàu lại tiếp diễn. Nhìn ra phía sau, hai chiến hạm địch lù lù tiến đến, hướng về phía mình. HQ 16 khắp khênh càng ngày càng xa. Trên boong HQ 10, thấy xác ngổn ngang, chiến hạm trở trở mặc sóng gió đẩy đưa. Trên mặt biển, đồng đội lơ lửng trên những bè cấp cứu. Ôi thay! tôi tự hỏi mình có nên đào thoát hay không.

Hạ sĩ nhất cơ khí Nữ chạy đến với giọng rung rung:

“Ch/úy. Ch/úy biết bơi có gì Ch/úy kéo hộ tôi nhé!”

“Rồi cứ nhảy đi, tôi sẽ kéo ra bè cho.”

“Ch/úy, phao này cho hơi vào cách nào ?”

Tôi bèn kéo chốt cho hơi vào phao và nói anh ấy nhảy đi. Một chốc sau ngó xuống nước tôi lại không thấy anh ta đâu nữa. Tôi đoán có lẽ vì sóng to quá nên anh ta dạt vào thành tàu. Ngay lúc đó, anh trung sĩ vận chuyển Đa và Hạ sĩ cơ khí Hòa hấp tấp chạy đến:

“Ch/úy nhảy nhanh lên, kho đạn 20 ly và 40 ly đang nổ, nhảy nhanh lên!”

TSVC Đa, HSCK Hòa, và tôi cùng nhảy xuống. Tôi hoảng khi thấy bè thì quá xa, sóng lại to, ngấm không biết mình có thể bơi ra đến nơi không.

Xin mở ngoặc nơi đây là: Trước khi đào thoát, tôi có gọi luôn cả HS1VC Tây cùng nhảy, nhưng anh ta trả lời rằng: “Thôi, tôi ở lại ăn thua đủ với Trung Cộng. Ch/úy cứ nhảy đi.”

Thật đúng y như câu nói của người xưa: “Nhân sinh tự cổ thùy vô tử, lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh”. Chẳng biết HS1VC Tây có được đến trường để học và thấu hiểu câu nói thâm thúy này không? Anh có nghe ai bàn về câu nói ấy không? !! Thế mà anh đã thực hiện được sự việc đó mới là hay chứ. Việc mà chỉ có những đại anh hùng, các bậc trượng phu không biết “tham sinh úy tử” là gì họa may mới làm được. Thật là anh hùng. Tôi xin ngã mũ.

Lớp ngóp trên mặt biển, bơi mãi vẫn không đến bè được, tôi mới tiếc rẻ: “Ôi ! phải biết ở lại tàu còn hơn!” Chát thuốc màu vàng của bao thuốc trị cá mập trong phao cá nhân của tôi đã được bật ra,. Thuốc hòa lẫn với nước biển biến thành một vũng màu xanh lá cây. Tôi cứ bơi, bơi mãi, bè cứ dạt xa. Mỗi lần sóng đánh đến, nước biển lại tràn vào miệng cùng với thuốc trị cá mập, có vị đắng đắng cay cay, Ôi ! hơi sức nào để ý đến nữa, mục đích là sự sống. Chỉ làm cách nào bám vào được bè, mạng sống mới có thể vãn hồi. Nhưng mệt như rồi, còn sức đâu nữa mà bơi ra bè. Không, ta phải sống, bản năng sinh tồn lúc đó không cho phép tôi ngừng, cứ bơi, bơi mãi, đến khi bám được bè, nhìn thấy mặt anh em, tôi ngất đi trong giây lát. Phải chăng lực tiềm tàng trong cơ thể đã cạn, hay là ta đã tìm thấy sự sống nên lực đó không cần thiết nữa. Khi được kéo lên bè, người tôi lã đi vì đói khát mệt mỏi.

Thật là “họa bất đơn hành”, sau khi ngồi yên trên bè, kéo chung những bè lại, nhìn về hướng tàu, trong khi hai chiếc khinh tốc

đỉnh của Trung Cộng sấm sấm tiến tới, khẩu 20 ly trên HQ10 tiếp tục nổ vang. Hai chiến hạm của TC cũng không vừa, cứ vừa tiến vừa tác xạ, thế rồi khẩu 20 ly đành im bật. Những tiếng súng sau cùng đó... Hỡi ơi ! anh Tây, anh Sáu, các anh đã hy sinh đền nợ nước cùng một số đồng các chiến sĩ bất tử của HQ 10. Các anh ngã mình một cách anh dũng, nhưng có ai biết đến, chỉ có những đồng đội cùng tàu với hai anh mới thấu hiểu.

Hai chiến hạm của dòng khát máu Cộng Sản Trung Cộng vẫn không buông tha một chiến thuyền đã đang bốc cháy và bất khả vận chuyển. Chúng cứ luân phiên nhau vây đánh chiếc HQ 10, sau đó quay đầu tiến đến bè của chúng tôi. Chúng tôi nghĩ là nếu họ tác xạ mình thì anh em lại đào thoát lần thứ hai. Mất Thượng Đế vẫn còn đây, bầu trời xanh lồng lộng còn đó, mọi sự đã an bài sẵn. Tôi tự nhủ hãy phó thác mạng sống mình cho Trời Phật. Số đã sống thì không thể chết, số chết thì không sao cứu vãn được. May thay chúng lại bỏ đi. Tôi nghĩ rằng không phải chúng vì nhân đạo. Cộng sản làm gì có nhân đạo. Lý do chính là chung quanh đây chỉ có những đảo mà chúng chiếm và cả một mặt biển rộng mênh mông. Họ chẳng cần vớt người làm chi cho nhọc công, để chúng tôi chết dần mòn khỏi phải mang tiếng với quốc tế !

Qua mặt được Thần chết đầu tiên, tôi phải đương đầu với đại dương trùng sóng và đói khát. Người đã mệt lã đi, lại cứ nôn mửa suốt hơn cả tiếng đồng hồ. Tôi say sóng cũng thường rồi, nhưng lần này uống nhầm mấy ngụm nước có thuốc trị cá mập, tôi ói ra hết mật xanh, mật vàng. Vừa ói vừa rên, tôi cảm thấy người không còn chút sức lực nào.

Nhìn lại xung quanh, tôi thấy tất cả có năm chiếc bè, bốn lớn và một nhỏ, hầu hết đã bị bắn thủng. Chúng tôi cột chung các bè lại với nhau. Nhưng vì sóng to gió lớn, một cái bè bị tản mát. Mặc dù chúng tôi đã tìm mọi cách nhưng không thể lại gần nó được. Bè đông người và được cột chum nhau, chìm xuống mặt nước. Chúng tôi không có một dụng cụ nào khác để chèo ngoài những bàn tay hết sinh lực. Trôi đến chiều hôm ngày 19 tháng giêng, chúng tôi thấy một hoang đảo có nhiều cây cối. Mắt trông thật rõ

nhưng lấy tay khoát nước mãi vẫn không sao lại gần đảo được, vì hôm đó sóng quá rất to.

Bầu trời đã tốiมืด, sóng lại to hơn. Anh em mệt lắm người phân vì đói khát, phân vì mệt nhọc. Chúng tôi cứ mặc cho bè trôi quanh đây với hy vọng sáng sẽ bơi vào đảo được. Đêm hôm đó Hạm Phó Trí đã trút hơi thở cuối cùng. Thân xác Hạm Phó Nguyễn Thành Trí cũng đành giao cho thủy thần định liệu.

Suốt đêm cơn lạnh đã hành hạ cơ thể của tôi, với bộ quân phục ướt như chuột lột. Anh em cứ ôm gồng lấy nhau mà rung rẩy chờ đêm qua. Đêm sao qua chậm thế! Giờ này mới ba giờ đêm, bốn giờ, năm giờ, trời bắt đầu sáng. Thật là quái dị. Đêm vừa qua lại không trăng sao, sáng nay mặt trời lại không mọc. Phải chăng ông Trời cũng không dám diện kiến một cảnh tượng thê lương trên biển của thủy thủ đoàn HQ 10 !

Thân mệt nhừ, tôi quay qua quay lại nhìn đảo dắc, rồi lẩm bầm:

“Ừa ! đảo hôm qua đâu ?! Thôi rồi anh em ơi, chúng ta không biết đã trôi về đâu ?!”

Ai nấy đều lộ vẻ thất vọng. Khi Thượng sĩ nhất giám lộ Thương mang ra được một la bàn cầm tay thì chúng tôi mới hơi ới là hiện tại luồng nước xoáy đang đưa bè theo hướng Đông Bắc, nếu muốn vào đảo anh em phải chèo ngược lại theo hướng Tây Nam.

Cơn đói khát lại hành hạ. Sau khi kiểm điểm thì thấy bè số 1 không có bao thực phẩm nào cả dù rằng dây buộc vẫn còn đó. Bè số 2, 3 mỗi bè gồm một bao thực phẩm chứa 20 lon nước (cỡ chai coca-cola) và 12 bao kẹo, mỗi bao gồm 8 miếng kẹo. Thế rồi phải lấy ra gom lại chia đều ra. Trong đó có 6 bao kẹo không thể sử dụng được, nhưng cũng để dành lại đó. Chúng tôi khai những lon nước, mỗi người hớp một ít, và ăn một miếng kẹo.

Những người bị thương nặng như TS1GL Thương, TSQK Tuấn, có lẽ bị mất quá nhiều máu nên họ cứ đòi nước mãi. Ngày đầu tiên trôi dạt trên biển chúng tôi vẫn nuôi hy vọng sẽ lên được một đảo nào đó gần đây, hay có thể được chiến hạm của ta ra cứu vớt, nên vẫn đề uống nước ngọt chưa bị hạn chế. Nhất là nghe các anh

bị mất nhiều máu rên rỉ gọi khát chúng tôi không đành nên cho họ uống cả lon. Khoảng 9 giờ sáng ngày 20 tháng Giêng, TSQK Tuấn đã ra đi một cách âm thầm không một lời trời trần, mà cách đó ba bốn giờ đồng hồ miệng cứ kêu la khát, khát quá.... Ý thức được rằng sẽ còn nhiều ngày lênh đênh trên biển nữa, nước ngọt rất cấp thiết, chúng tôi tự hạn chế trong việc sử dụng nước ngọt và kẹo. Bè cứ mặc cho dòng nước đưa trôi. Sáng hôm nay lại nghe những tiếng súng nổ vang. Chúng tôi thắc mắc phải chăng chiến hạm tăng phái của ta đã đến và một cuộc hải chiến lại tiếp diễn?

“Anh em hãy gắng sức chèo về hướng Tây Nam, đúng hướng đó rồi, hướng của những hòn đảo hôm qua ta tranh giành.”...

“Cố lên anh em, chúng ta sẽ sống nếu gặp lại tàu bạn.”...

Khoát nước, chèo mãi vẫn không đi tới đâu.

“Thôi chúng ta tháo hai miếng ván của bè nhỏ để chèo đi, chèo mãi theo hướng Tây Nam sẽ đến đảo ngay.”

“Anh em cứ cố gắng lên, đừng nghỉ tay, nếu không công trình khoát chèo, bơi từ sáng đến giờ coi như hoang phí. Đêm nay chúng ta luân phiên chèo nhé!”...

Khoảng sáu bảy giờ sáng ngày 21 tháng Giêng, thành lĩnh tôi thấy hướng Tây Bắc có hỏa châu lóe lên rồi mất hẳn. Tôi mới hô to: “Có hỏa châu, một là chiến hạm tìm kiếm ta, hai là lính địa phương quân trên đảo. Anh em hãy chèo về hướng đó nhanh lên!”

Nhưng trời chưa tha bọn người đang chết từ từ như chúng tôi. Sáng hôm đó sóng quá to, hơn nữa lại phải chèo ngược sóng, cho nên cứ chèo mãi mà hình như bè vẫn ở tại chỗ. Buồn thay, buổi sáng nay thêm một bạn đồng nghiệp nữa lẳng lẳng ra đi không một lời từ biệt, đó là Thượng sĩ nhất giám lộ Thương. Buổi chiều, thêm Trung sĩ điện tử Thọ từ già anh em. Xin được chua xót ghi là “Sáng, thủy thần gọi, chiều, thêm người theo hạm trưởng xuống đại dương”.

Có lẽ trước vài tiếng đồng hồ mà thủy thần gõ cửa kêu tên, mọi người đều nghe văng vẳng bên tai một cách yếu ớt “Khát quá ... khát quá ...” Tinh thần của anh em lúc này có vẻ giao động, nghĩ

đến giây phút thân chết sắp gọi tên mình, nghĩ đến những bạn đồng đội đã đi “công tác trên tàu lặn với hạm trưởng.” Nếu không muốn nói là mọi người như sắp điên loạn. Thật vậy, đêm đó thêm Thượng Sĩ Châu đã mất trí !!

Ngày hôm sau, nhìn thấy chim hải âu bay qua lượn lại, chúng tôi cứ hy vọng gần đây sẽ có đảo. Nhưng nhìn đảo dắc, biển cả vẫn hoàn toàn biển cả. Kẹo và nước ngọt đều dùng cạn. Anh em bắt buộc phải dùng những lon không đã hết nước, pha nước tiểu với nước biển để uống. Lúc bấy giờ không ai để ý đến đói, nhưng cơn khát hoành hành cảm thấy thấm thía. Đêm đó ai nấy đều mệt nhừ, đến nỗi các giây cột các bè lại với nhau đứt hồi nào không hay.

Sáng hôm nay, ngày 22 tháng Giêng, tỉnh dậy tôi không còn thấy một bè nào cột bên cạnh bè mình. Nhìn về trước, một bè trôi khá xa. Ngó về phía phải cũng thấy một bè, nhưng cố gắng chèo mãi mà không sao tới nổi. Dần dần những bè đó khuất dần ngoài tầm mắt của tôi. Trưa rồi lại chiều. Chân tôi giờ này sưng thủng, không sao cử động được, miệng cứ tự động thều thào hai tiếng “khát quá ... khát quá”. Mắt, miệng đã sưng vù lên. Th/úy Mai đã nói lâm râm:

“Ch/úy Ngư chắc không qua khỏi đêm nay.”

Tai tôi vẫn nghe thấy những tiếng đó, đầu óc tôi cũng biết rằng mình không thể nào thoát khỏi tử thần trong đêm nay. Có lẽ giờ này hạm trưởng Ngụy Văn Thà đang cứu xét liệu xem tôi có đủ điều kiện để đi theo ông chăng?

Chiều hôm đó, khoảng sáu giờ, anh em chuẩn bị ôm lấy nhau để qua đêm rét buốt. Thành linh Hạ sĩ cơ khí Hòa thét lên: “ Có tàu! ”

“ Đâu đâu ? tàu đâu, tàu đâu?”

Một cứu tinh hiện trước mặt. Lúc đó tự dưng tôi bật đứng lên trên bè, tay gỡ áo phao đỏ mà phát. Tôi hy vọng họ sẽ phát giác ra mình, dù rằng chiếc tàu cứu tinh còn cách bè mấy hải lý.

“Phải rồi ! Chúng ta đã sống lại rồi, tàu đang ngừng đó, thấy không ?”

“Có lẽ họ đã phát hiện chúng ta, anh em cố chèo về hướng tàu nhanh lên, nếu đêm tối họ sẽ không nhìn thấy để cứu vớt chúng ta đâu, la lớn lên anh em.”

“ Một hai ba... Ô!” “ Một hai ba... Ô!” “123...Ah!” “123... Ah!”, một mặt lo chèo, mặt khác la to lên.

“Hình như bè không tiến tới chút nào cả, và tàu họ cũng không vận chuyển!”

“Anh em ơi, nhảy xuống bơi!”

Nhưng còn sức đâu mà bơi nữa. nhất là vùng này đầy cá mập, mà thuốc chống cá mập lại không còn.

“Ô kìa! tàu quay đi đâu? thôi chết rồi, hết hy vọng rồi, cố lên anh em!”

Hy vọng bây giờ là thất vọng. Màn đêm đang dần dà bao phủ thì ... bỗng xa xa kia, bất chợt như một phép lạ, đèn pha của con tàu cứu tinh sáng rực lên và con tàu cứu rồi kia đang quay trở lại...” Phải rồi, đúng là họ đang quay trở lại...”

Tất Ngưu và một số rất ít được cứu thoát. 74 đã hy sinh trong đó có Hạm trưởng HQ 10, HQ Trung tá Ngụy Văn Thà, bạn tôi , có hạm phó HQ Đại úy Nguyễn Thành Trí, đàn em tôi, có HQ Trung Úy Nguyễn Ngọc Bửu, HQ Trung Úy Nguyễn Văn Đồng, cả hai đều là những hiền đệ của tôi thuộc khóa 25 TVBQGVN (Đồng là Sĩ quan Hải pháo của Tuần dương hạm HQ 5) và nhiều huynh đệ HQ khác đã từng vui buồn với nhau trong cuộc sống hải hồ. Tất cả đã hy sinh thật anh dũng, trong trận hải chiến Hoàng Sa chống lại Hải Quân Trung cộng ngày 19 tháng 1 năm 1974 , dầu chúng ta đánh phải để mất Hoàng Sa !

Sự thắng bại của biết bao chiến trận là chuyện thường tình, cũng đã từng xảy ra thường xuyên trong hải sử thế giới, nhưng quyết định của Đồng minh đứng ngoài trận Hải Chiến Hoàng Sa ngày

19 tháng 1 năm 1974 để Hoàng Sa mất vào tay Trung Cộng là một sai lầm lớn trong chính sách về biển Đông, đưa đến sự lấn áp của Trung cộng đối với các nước nhỏ quanh vùng, dẫn đến những căng thẳng tranh chấp chủ quyền lãnh hải tại biển Đông ngày nay. Đây là một bài học chính trị đầy cay đắng nhưng vô cùng quý giá cho những nhà lãnh đạo nhân danh bảo vệ tự do, cho những nhà hải sử để viết lên những trang sử cho thế giới thấy kế hoạch bành trướng biển Đông của Trung Cộng là hiện thực, cho các bình luận gia khuynh tả hiểu rõ sự thật của trận hải chiến này, sự can trường của các chiến sĩ Hải Quân VNCH và sự hy sinh tuyệt đối của 74 huynh đệ Hải Quân đã nằm xuống trong lòng đại dương của Mẹ Việt Nam.

Dù đã trên 50 năm bị quân Trung cộng cưỡng chiếm, Hoàng Sa vẫn là hải đảo của ta, quần đảo Hoàng Sa vẫn là biển của ta. Nhất định chúng ta phải nhớ như vậy.

Nguyễn Đức Thu k16
(Hoa Thịnh Đốn, tháng Giêng buồn)



HQ 4 Trần Khánh Dư

THÁNG NGÀY CUỐI TRONG CUỘC CHIẾN CỦA SƯ ĐOÀN 5 BỘ BINH TẠI LAI KHÊ, BÌNH DƯƠNG

(Đăng bài viết này để tưởng nhớ đến Niên Trưởng
Từ Vãn đã ra đi vĩnh viễn vào ngày 16/5/2023)

"Tôi viết những dòng này để tưởng nhớ cố Chuẩn tướng LÊ NGUYỄN VỸ, Tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã tuần tiết khi QL/VNCH bị bắt buộc tan hàng. Ông tự sát để bảo toàn tiết tháo và danh dự của một Tướng lĩnh ngoài mặt trận, nêu cao tinh thần vì Tổ Quốc, Danh Dự, Trách Nhiệm của một quân nhân trong QL/VNCH. Khí tiết anh hùng và bất khuất đó để lại cho hậu thế danh thơm ngàn đời".

Từ Vãn, K12



Niên Trưởng Từ Vãn K12 Võ Bị Đà Lạt, San Jose 2008

I. Phối trí lực lượng – Nhiệm vụ:

Sư Đoàn 5 Bộ Binh là một trong 3 Sư Đoàn chủ lực của Quân Đoàn 3, có nhiệm vụ phòng thủ phía bắc của Thủ Đô Sài Gòn – yểm trợ an ninh lãnh thổ cho 3 tỉnh Bình Dương, Phước Long và Bình Long. Với địa hình phức tạp của khu vực trách nhiệm, phần lớn là rừng rậm, đồi núi, đồn điền cao su bạt ngàn, chạy dọc theo quốc lộ 13 từ Nam lên Bắc qua Chơn Thành, An Lộc, Lộc Ninh tới biên giới Miên. Sự phối trí lực lượng dựa trên các nguyên tắc:

tình hình, địa thế, nhiệm vụ – đồng lúc phòng thủ vững và có thể công phản kích khi tình thế đòi hỏi.

Sư Đoàn tổ chức thành 3 Chiến Đoàn được phân nhiệm như sau:

1. Chiến đoàn 9: Do Đại Tá Trần Phương Quế chỉ huy, phòng thủ mặt Tây và Tây-Bắc, bảo vệ Chi khu Bến Cát, hành quân thám sát trong khu vực trách nhiệm – củng cố hệ thống phòng thủ và đặt Bộ Chỉ Huy tại căn cứ Hoả Lực Rạch Bắp.

2. Chiến đoàn 7: Do Trung Tá Đỗ Đình Vượng chỉ huy, làm thành phần trừ bị cơ động, rải quân phía nam của Sư Đoàn tại Lai Khê, phối hợp chặt chẽ với Chiến đoàn 8 và 9 thiết lập các căn cứ hoả lực để có thể yểm trợ cho 3 hướng – tạo ra những hoả lực tiên liệu – sẵn sàng di chuyển khi có lệnh.

3. Chiến đoàn 8: Do Trung Tá Nguyễn Bá Mạnh Hùng chiếm lĩnh vùng Phú Giáo, Phước Vĩnh, phòng thủ và hành quân ở mặt Bắc và Đông-Bắc, ngăn chặn địch xâm nhập từ hướng Sông Bé và có thể yểm trợ tiếp cận cho Đồng Xoài, Phú Giáo – an ninh lộ trình từ Phú Giáo về Lai Khê Bình Dương.

4. Thiết đoàn 1 Kỵ binh: Do Trung Tá Nguyễn Văn Tánh chỉ huy, làm thành phần nòng cốt phản kích của Sư Đoàn tại Lai Khê được từng thiết bởi Trinh Sát 5 và 7.

Hoả lực pháo binh của Sư Đoàn được phân nhiệm cho các Chiến đoàn để yểm trợ trực tiếp gồm Tiểu Đoàn 51, 52, 53. Tiểu Đoàn 50 pháo binh 155 ly yểm trợ tổng quát, thêm vào đó có hoả lực của 2 khẩu pháo 175 ly được tăng cường đặt tại Lai Khê. Với hoả lực mạnh và chính xác, toàn hệ thống phòng thủ tuyến đầu của Sư Đoàn được bảo vệ vững chắc.

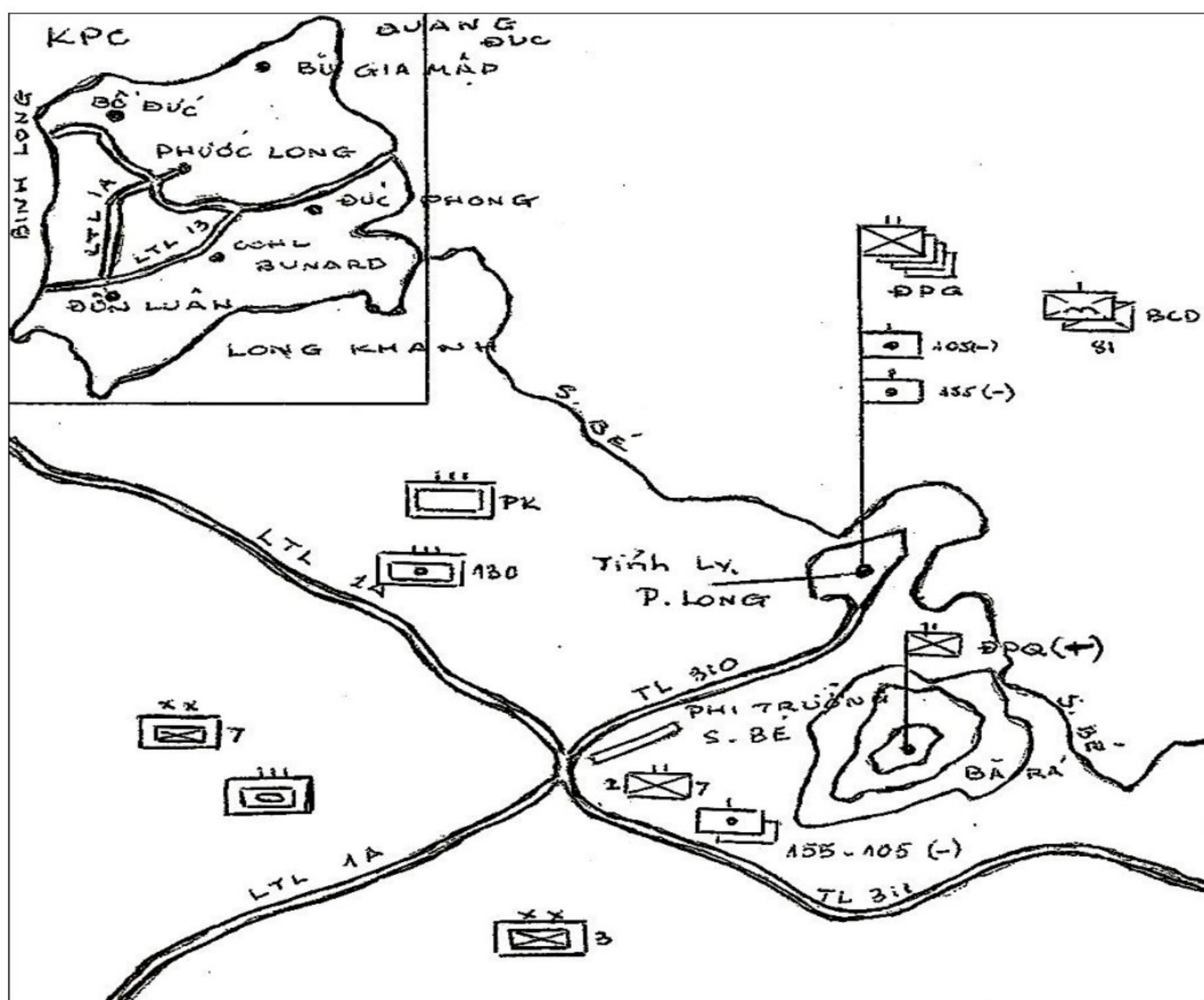
Trong khu vực trách nhiệm của Sư Đoàn, tình hình địch đã gia tăng hoạt động từ tháng 8 năm 1974. Ở phía Bắc Chơn Thành và Đông-Bắc Phú Giáo, Phước Vĩnh. Riêng vùng An Lộc địch chỉ hoạt động lẻ tẻ ở phía Bắc. Các đơn vị chính qui Bắc Việt gồm có Sư Đoàn 7, Sư Đoàn 9, một Trung Đoàn chủ lực miền, một số

tái phòng thủ. Tôi hướng dẫn hợp đoàn trực thăng trực chỉ quận Đồng Xoài vào vùng. Trước khi cất cánh, tôi đã thuyết trình tình hình địch và bãi thả cho phi hành đoàn cùng ĐĐT/ĐĐ5 Trinh Sát biết để thi hành. Ngoài ra, tôi còn căn dặn kỹ lưỡng ĐĐT/TS liên lạc trực tiếp với Chi Khu Trưởng để phối hợp hành quân. Khi xuống bãi tới vùng hành quân, tàu chỉ huy hạ dần cao độ, bay sát ngọn cây để dễ bề quan sát và tránh hoả lực phòng không của địch. Phi cơ bay nhiều vòng nhưng không liên lạc được với chi khu, quang cảnh bên dưới vắng lặng đáng nghi ngờ. Điểm quan trọng nhất là bãi thả quân chưa được trực thăng bắn dọn bãi nên tôi càng cẩn thận hơn. Khi hợp đoàn trực thăng gần tới mục tiêu, đột nhiên hoả lực phòng không của địch bắn vào đội hình trực thăng dữ dội. Phi hành đoàn vội lánh khỏi vùng để chờ lệnh. Với tình hình đó, tôi cho lệnh không đổ Đại Đội Trinh Sát xuống đó nữa. Hợp đoàn bèn quay về Lai Khê. Chuẩn Tướng Tư Lệnh cũng đồng ý với quyết định trên. Nếu thả thì cũng mất và có thể thiệt hại nhiều đến hợp đoàn trực thăng. Địch có thể đã lấy được quận và chờ viện binh đến để tiêu diệt. Ngoài ra địch còn phục kích khi Sư Đoàn mở cuộc hành quân tiếp cứu từ hướng Phước Vĩnh lên.

Đồng Xoài mất vào ngày 27/12/1974, từ Quốc lộ 14 chạy về Phước Long địch đã hoàn toàn kiểm soát. Phước Long sẽ hứng chịu nhiều áp lực địch trong những ngày sắp tới.

Trung tuần tháng 12/1974, Bộ Tư Lệnh QĐ III ra lệnh cho SĐ 5 chuẩn bị tăng viện cho Phước Long một trung đoàn. Nhưng khoảng 20/12/1974, lệnh thả một tiểu đoàn xuống trước cùng 4 khẩu 105 ly và 2 khẩu 155 ly. Nhận lệnh, tôi cùng Trung Tá Vượng, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 7 bay lên Phước Long gặp Đại Tá Thành, Tiểu Khu Trưởng để cho ông biết kế hoạch tăng viện và các chi tiết khác nếu Trung Đoàn 7 hiện diện đầy đủ. Cuộc đổ quân tại sân bay Phước Bình được an toàn theo như kế hoạch đã định. Trong những ngày kế, Chuẩn Tướng Vũ Tư Lệnh Sư Đoàn có lên Phước Long xem xét tình hình, hậu lượng định khả năng tăng viện của Sư Đoàn như thế nào. Trong thời gian này, tình hình Phước Long đã nguy ngập, các điểm tựa chung

quanh đã bị mất: Đồng Xoài, căn cứ hoả lực Bunard, Bù Đốp và Bù Gia Mập tạo cho Phước Long bị cô lập, bị bao vây. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đã nhiều lần nhắc Quân Đoàn kế hoạch đổ Trung Đoàn 7 vào tăng viện, nhưng Quân Đoàn nói chờ lệnh Tổng Thống. Rồi chuyện gì xảy đến sẽ phải đến. Ngày 28/12/1974, địch bắt đầu tấn công chi khu Phước Bình và sân bay, nhưng bị các chiến sĩ phòng thủ đẩy lui, nhất là hướng của tiểu đoàn 2/7 phòng thủ. Với quyết tâm, các chiến sĩ 2/7 đã truy kích đập tan ý định của địch, chúng phải để lại 4 tank T54 cùng nhiều vũ khí đạn dược. Sau đợt tấn công phủ đầu dữ dội nhưng lại bị tổn thất nặng, địch vẫn không chùn bước. Dựa vào sự vượt trội về quân số và hoả lực, chúng liên tiếp tấn công với cường độ pháo 130 ly – 120 ly càng lúc càng ác liệt hơn. Hệ thống phòng thủ của ta yếu dần, chi khu và tiểu đoàn 2/7 phải rút lui về tỉnh lỵ cố thủ. Chi khu và sân bay lọt vào tay địch ngày 29/12/1974.



Sơ đồ trận Phước Long (1/1/75-6/1/75) (không vẽ theo tỷ lệ)

Tỉnh Phước Long nằm trên một dãy đồi cao, phía trên là núi Bà Rá, rộng chừng 4 cây số vuông. Bao quanh về phía Bắc và Đông là Sông Bé, phía Nam là khu Sơn Giang, suối Dung và hồ Lạng Thủy. Hệ thống phòng thủ của tỉnh Phước Long tùy thuộc vào cao điểm núi Bà Rá do 2 đại đội Địa Phương Quân trấn giữ, nếu địch lấy thì Phước Long khó đứng vững. Tiếc thay đêm hôm sau, CS/BV sử dụng một tiểu đoàn đặc công tiến đánh cao điểm này và chúng đã thành công.

Ngày 2/1/1975, địch ồ ạt tung 5 trung đoàn của công trường 7 và 3 với sự yểm trợ của pháo hạng nặng tấn công nhiều hướng vào tỉnh, nhưng vẫn bị đẩy lui. Hệ thống phòng thủ của tiểu đoàn 2/7 bị co cụm lại về toà tỉnh. Trong thời gian này, không quân được gọi tới để yểm trợ trên 50 phi tuần. Kết quả súng phòng không của địch bị tiêu diệt gần hết. Nhưng một quả bom thả lằm đã làm sập hoàn toàn trung tâm hành quân của tiểu khu, sự liên lạc vô tuyến với bên ngoài bị cắt đứt. Phước Long bị hoàn toàn cô lập, chờ quân tăng viện.

Ngày 4/1/1975, Trung Tướng Dư Quốc Đống, Tư Lệnh QĐ III xin Bộ TTM/QLVNCH tăng viện để giảm áp lực địch bằng một BCH/Chiến Thuật, 2 biệt đội BCND được trực thăng vận xuống phía đông tỉnh. Đợt đầu an toàn, nhưng đợt 2 bị địch pháo kích và tấn công, một số thoát vào trong tỉnh lỵ bắt tay với toán đầu lập tuyến phòng thủ mới. Vị trí này còn có tiểu đoàn 2/7 và một số anh em ở chi khu Phước Bình rút lui về đang có mặt tại đó.

Ngày 6/1/1975, địch dốc toàn lực bộ binh, chiến xa, dưới sự yểm trợ của pháo, nã hàng ngàn trái vào vị trí phòng thủ của ta. Với ý chí chiến đấu kiên cường, dũng mãnh, ta đã đẩy lui được nhiều đợt xung phong biến người. Nhưng với quân số áp đảo – 10 chọi 1, địch dần dần kiểm soát toàn bộ tỉnh lỵ. Phước Long chìm trong khói lửa đạn pháo của địch, mất vào ngày 6/1/1975. Trận chiến kết thúc, Sư Đoàn 5 Bộ Binh mất một nửa tiểu đoàn 2/7 cùng 6 pháo và một số vũ khí. Các đơn vị bạn cũng cùng chung số phận.

Mất Phước Long, điểm tựa chính yếu cho tỉnh Quảng Đức, Bình Long, Chơn Thành, Bình Dương, Quốc Lộ 14 – 14A và các giao lộ khác, CS/BV tự do di chuyển người và vũ khí để đánh chiếm Ban Mê Thuột, tiến về Nha Trang, Phan Rang và Biên Hoà. Các điểm chiến lược quan trọng bị mất dần, hệ thống phòng thủ bị co cụm, gần nửa lực lượng tinh nhuệ của ta bị tổn thất. Mất QK1, QK2, kéo dây chuyền đến QK3, hệ thống chỉ huy không còn hữu hiệu, tuyến phòng thủ co cụm quanh Sài Gòn, và ngày 30/4/1975 ập tới một cách nhanh chóng.

III. Cuộc lui binh của BĐQ/QĐIII và Tiểu Khu Bình Long – An Lộc

Trong tháng 3 năm 1975, tình hình chiến sự tại QKI và QKII càng ngày càng xấu đi, bỏ Huế, Đà Nẵng, QKIII mất Ban Mê Thuột, bỏ trống Kon Tum, Pleiku. Bao nhiêu máu và nước mắt của quân dân ta đã đổ xuống một cách tức tưởi. Hơn nửa lực lượng cơ hữu của QĐII rút lui theo tỉnh lộ 7B từ Cheo Reo về Tuy Hoà. Kết quả thê thảm đã xảy ra, 2/3 đơn vị bị tổn thất cùng quân trang quân dụng. Rút tỉa những khuyết điểm của cuộc lui binh kể trên, Sư Đoàn 5 Bộ Binh đã nghiên cứu và đạt được một kế hoạch lui binh cho các đơn vị Biệt Động Quân QĐIII và tiểu khu Bình Long ra đi an toàn.

Vào khoảng 15/3/1975, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, Tư Lệnh QĐIII có ý định tới thăm SĐ5 tại Lai Khê nhưng đổi ý vào phút chót, đến thẳng BCH Hành Quân của Trung Đoàn 9 tại căn cứ hoả lực Rạch Bắp. Tại đây, sau khi nghe Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ thuyết trình về tình hình địch, bạn và diễn tiến hành quân trong vùng trách nhiệm, Tổng Thống ra lệnh rút bỏ An Lộc, lui về giữ Chơn Thành. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5 có nhiệm vụ đặt kế hoạch thi hành.

Vì tầm quan trọng của một cuộc hành quân lui binh, Chuẩn Tướng Vỹ ra lệnh trực tiếp cho Bộ Tham Mưu gồm: Đại Tá Trần Văn Thoàn, Tư Lệnh Phó, tôi Tham Mưu Trưởng, Đại Tá

Nguyễn Mạnh Tường, Sĩ Quan phụ Tá hành quân và Trung Tá Tổng Mạnh Hùng CHT/Pháo Binh Sư Đoàn, phác hoạ kế hoạch hành quân lui binh tổng quát bao gồm các yếu tố căn bản: bí mật, bất ngờ; lừa địch, nhanh gọn và hợp nhất chỉ huy. Kế hoạch được chia ra làm 3 giai đoạn:

1/ Chuẩn bị:

- Thiết kế 10 khẩu pháo 105 ly và 155 ly giả bằng các vật liệu tự chế trông như súng thật.
- Mở 3 cuộc hành quân nghi binh Bắc-Tây Bắc Bình Long, Đông Bắc Chơn Thành, Tây Bắc Rạch Bắp và Bầu Giang.
- Loan tin tăng cường 1 LĐ/BĐQ cho An Lộc – P2 + Biệt Đội Quân Báo thi hành.

2/ Thi Hành:

a- Ngày N-1 chuyển toàn bộ trang thiết bị cao cấp từ An Lộc về Lai Khê (hoả tiễn Tow, dụng cụ điện trì, dụng cụ phòng mìn, v.v...).

- Trực thăng vận từ Lai Khê lên An Lộc sẽ mang 8 khẩu 105 ly giả lên lấy 8 khẩu thật về.

- Ngày N-2 chuyển 1 LĐ/BĐQ và BCH/BĐQ/QĐIII về Chơn Thành thiết lập tuyến phòng thủ và lập đầu cầu để đón các đơn vị rút bằng đường bộ.

- Ngày N-3 chuyển thương bệnh binh và đơn vị còn lại về Chơn Thành. Khi trực thăng lên An Lộc sẽ cầu hết số pháo và mang súng thật về. Ngày giờ sẽ thông báo sau. Hợp đoàn trực thăng có mặt tại Lai Khê để lãnh nhiệm vụ không vận.

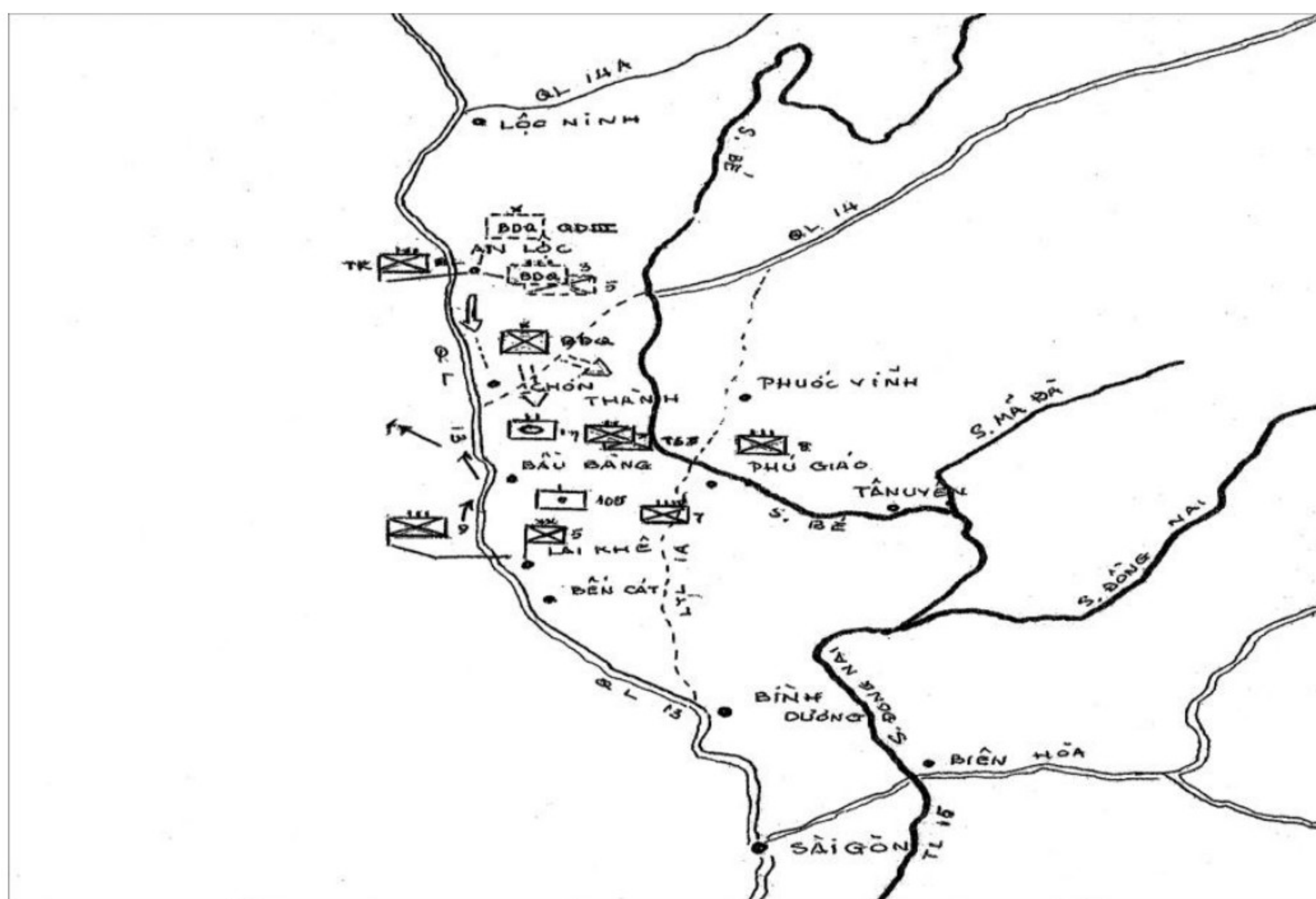
b- Ngày N+1

- Liên Đoàn BĐQ và tiểu khu sẽ di chuyển vào đội hình rút lui. Liên Đoàn Trưởng BĐQ chỉ huy tổng quát.

- N+1 cũng là ngày rút toàn bộ lực lượng ra khỏi An Lộc, phá huỷ tất cả các kho tàng (Quân Đoàn biệt phái một toán Công Binh chuyên môn phá huỷ đạn dược và công sự sẽ có mặt tại BCH/BĐQ/QĐIII tại An Lộc).

3/ Thiết lập tuyến phòng thủ tại Chơn Thành với 2 Liên Đoàn BĐQ và Chi Khu (gồm 2 tiểu đoàn Địa Phương Quân). Bộ Chỉ Huy BĐQ/QĐIII có nhiệm vụ phân nhiệm các tuyến phòng thủ cho các đơn vị trực thuộc, chỉ huy trực tiếp vào hệ thống chỉ huy khi có lệnh.

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng từng giai đoạn, tôi và Đại Tá Tường lên An Lộc gặp Đại Tá Chuẩn CHT/BĐQ/QĐIII để thông báo kế hoạch hành quân (bỏ An Lộc) và bàn luận một vài chi tiết, giữ bí mật tuyệt đối lệnh hành quân lui binh này. Theo kế hoạch dự trù, ngày 18/3 bắt đầu cuộc không vận từ Lai Khê lên An Lộc và ngược lại, từ trang thiết bị điện tử, hỏa tiễn Tow cho tới 10 khẩu 105 ly và 155 ly đều hoàn tất tốt, các đơn vị vào vị trí ấn định. Cuộc triệt thoái bằng không vận chấm dứt vào ngày 21/3/1975.



Sơ đồ lui binh của BĐQ/QĐIII (không vẽ theo tỷ lệ)

Cùng ngày đó, cuộc triệt thoái bằng đường bộ cũng tiến hành. 7 giờ tối ngày 21/3, tất cả các đơn vị vào đội hình di chuyển. Do giờ xuất phát đúng, xuất phát gọn nhẹ, bất ngờ, di chuyển nhanh, yên lặng tuyệt đối, với đoạn đường dài hơn 20 cây số, trực diện biết bao nguy hiểm, vượt qua một số vị trí mà ta nghi có chốt của

địch canh chừng, đoàn quân đã rút đi an toàn.

Với tinh thần kỷ luật cao độ, đoàn quân tới Chơn Thành vào trưa ngày 22/3/1975. Cuộc hành quân lui binh thành công ngoài sức tưởng tượng do những yếu tố mà Chuẩn Tướng Võ và Ban Tham Mưu đã ước tính, nhờ đó hoàn tất nhiệm vụ cấp trên giao phó. Chỉ có 5 binh sĩ bị thương do lựu đạn nổ bất ngờ, tất cả đều được đưa về Chơn Thành an toàn.

IV. Bỏ Chơn Thành, diễn tiến cuộc triệt thoái, lập tuyến phòng thủ mới:

Sau khi hoàn tất cuộc hành quân lui binh khỏi An Lộc, Bộ Chỉ Huy BĐQ/QĐIII đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của SĐ5/BB điều động trong khu vực trách nhiệm. Tuyến phòng thủ Tây Bắc Chơn Thành do một tiểu đoàn BĐQ trấn giữ cùng với lực lượng phòng thủ của chi khu Chơn Thành ngăn chặn địch xâm nhập và tấn công. Các tiểu đoàn 52, 31, 36 trấn giữ phía Đông Bắc và Đông Nam. Đại Đội Trinh Sát bảo vệ BCH Liên Đoàn và BCH/BĐQ/QĐIII tại khu sân trực thăng. Một Liên Đoàn nằm án ngữ tại mặt Tây và Đông Nam dọc Quốc Lộ 13 về hướng nam. Những ngày đầu các đơn vị ra sức củng cố vị trí phòng thủ, đào hào chống tăng, đặc biệt tuyến phòng thủ của tiểu đoàn 52 và chi khu, giúp đỡ dân chúng sửa chữa nhà cửa và trường học. Cuộc sống tại địa phương như đang hồi sinh.

Theo tin tình báo, địch tập trung một lực lượng lớn chuẩn bị tấn công Chơn Thành. Các đơn vị ta ở trong tư thế sẵn sàng nghênh chiến. Ngày 6/4/1975, cộng sản Bắc Việt mở cuộc tấn công thăm dò vào tuyến phòng thủ của tiểu đoàn 52 BĐQ. Nhờ hệ thống phòng thủ vững chắc và hỏa lực mạnh, các chiến sĩ tiểu đoàn 52 và Địa Phương Quân đã đẩy lui nhiều đợt tấn công ồ ạt của địch. Cùng thời gian, BCH/BĐQ/QK và BCH/LĐ30 cùng bị pháo kích nặng nề vào sân trực thăng và vị trí pháo đội 105 ly có nhiệm vụ yểm trợ trực tiếp cho các tiểu đoàn. Cộng quân tiếp tục tấn công mặt Bắc với sự trợ giúp của chiến xa T54 và pháo 130 ly. Tiểu đoàn 52 xin yểm trợ pháo nhưng không được thoả mãn vì pháo

của Sư Đoàn ngoài tầm yểm trợ, chỉ còn 175 ly có thể với tới nhưng không có hiệu quả cao. Tuyến phòng thủ Tây Bắc và Bắc của tiểu đoàn 52 co cụm dần để tải thương và cố thủ. Phi cơ quan sát được gọi tới, tôi là người bay để xem có thể giúp được gì cho tiểu đoàn 52 hay không. Khi vừa mới vào vùng thì hỏa lực phòng không 37 ly của địch bắn chặn dữ dội. Phi công phải rời vùng ngay nên khó bề quan sát. Tôi liên lạc được với tiểu đoàn 52 qua hệ thống L19, xin phi tuần oanh kích. Nhưng có lẽ phi cơ bay quá cao nên thả bom không hiệu quả. Tôi bay hơn một tiếng đồng hồ bao vùng rồi trở về báo cáo cho Chuẩn Tướng Tư Lệnh hay. Theo lời Thiếu Tá Trần Đình Nga cho biết cộng sản Bắc Việt tấn công nhiều lần bằng chiến xa và bộ binh, nhưng bị các chiến sĩ tiểu đoàn 52 sử dụng M72, hỏa tiễn Tow, 105 ly trực xạ hạ nhiều xe tăng địch. Một số nằm ụ dưới giao thông hào, không di chuyển được, làm mồi cho hỏa lực của ta tiêu diệt.

Ngày 8/4/1975, BTL/QĐIII ra lệnh rút rút một Liên Đoàn BĐQ về tăng cường cho mặt trận Xuân Lộc bằng trực thăng từ Chơn Thành về Lai Khê. Nhân cơ hội này, BCH/BĐQ/QĐIII đưa một số thương binh về Lai Khê chữa trị và chuyển về Quân Y Viện. Tình hình chiến sự càng ngày càng xấu đi. Các tuyến phòng thủ bị bỏ trống, lùi dần về phía sau. Vào khoảng 11/4/1975, Quân Đoàn ra lệnh rút bỏ Chơn Thành. Đại Tá Tường, Sĩ Quan Phụ Tá Hành Quân có lên gặp Đại Tá Chuẩn để bàn soạn kế hoạch triệt thoái BCH cùng Liên Đoàn 30 BĐQ, chi khu rút khỏi Chơn Thành an toàn. Bộ Tư Lệnh SĐ sẽ tổ chức một cuộc hành quân cấp Chiến Đoàn, sử dụng Thiết Đoàn 1 làm nỗ lực chính, tiến theo QL13 lên hướng Chơn Thành để làm đầu cầu tiếp đón các đơn vị triệt thoái. Thiết lập căn cứ hỏa lực ở Bầu Bàng yểm trợ trực tiếp cho cuộc hành quân. Ngoài ra, một tiểu đoàn của trung đoàn 7 được tăng cường ĐĐ5 Trinh Sát, tiến song song với thiết đoàn để yểm trợ và từng thiết. Trong thời gian này, chiến đoàn 9 mở cuộc hành quân thám sát phía Bắc và Tây Bắc căn cứ Rạch Bắp. Cuộc hành quân khai diễn vào ngày 12/4/1975 sau một ngày có lệnh rút bỏ Chơn Thành.

Cuộc triệt thoái các đơn vị ra khỏi Chơn Thành không theo như

kế hoạch đã định, vội vàng, hệ thống chỉ huy không thống nhất, tin tức bị tiết lộ, do đó cộng sản Bắc Việt bám sát các đơn vị triệt thoái gây nhiều thiệt hại đáng kể. Đơn vị tiền đạo của BĐQ rời vị trí sớm hơn dự định, các đơn vị sau như tiểu đoàn 52 không theo kịp và mất liên lạc. Tình hình mất ổn định, các đơn vị mất phương hướng rút lui, cứ hướng đông mà rút nên gặp nhiều nguy hiểm. Đại Tá Tường, Đại Tá Thoàn thay nhau bay đi tìm kiếm các đơn vị, đặc biệt không liên lạc được với Đại Tá Chuẩn, Đại Tá Biết, LĐT/LĐ30/BĐQ. Nhưng đến ngày thứ 4 thì phát hiện được vị trí của các đơn vị triệt thoái, trong đó có BCH/BĐQ/QĐIII. Sau đó, các sĩ quan và binh sĩ được trực thăng bốc về Lai Khê an toàn. Riêng các cánh quân của thiết đoàn cũng tiếp nhận được một số đông các quân nhân đi lạc sau gần 5 ngày ở trong rừng.

Chờ Thành lọt vào tay địch ngày 13/4/1975, vòng đai phòng thủ thu hẹp, cửa ngõ vào Biên Hoà – Sài Gòn xích lại gần. VC sẽ di chuyển về hướng Tân Uyên – Di An, uy hiếp các giao lộ để về Biên Hoà – Bình Dương một cách dễ dàng. Theo ước tính của SĐ, cộng sản Bắc Việt sẽ không tấn công tuyến phòng thủ của ta mà đi hướng khác thuận lợi hơn, tránh đụng độ với Sư Đoàn 5 Bộ Binh tại Lai Khê.

Giờ phút sau cùng của Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh tại Lai Khê, Bình Dương

Tình hình chiến sự càng ngày càng sôi động và xấu đi sau khi tuyến phòng thủ Long Khánh rút bỏ, Quốc Lộ từ Tây Ninh về Sài Gòn bị bỏ trống. Quân Đoàn III bỏ Biên Hoà về trú đóng tại trại Thiết Giáp ở Gò Vấp. Tuyến phòng thủ của Sư Đoàn 5 tại Bắc Sài Gòn vẫn nguyên vẹn. Ngày 28/4/1975, Sư Đoàn mất liên lạc với Quân Đoàn, may nhờ Trung Tá Tánh, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 1 liên lạc với Lữ Đoàn 3 Thiết Giáp, khi đó mới biết Bộ Tư Lệnh QĐIII về Gò Vấp. Với tình hình nguy ngập đó, Chuẩn Tướng Vỹ điều động Trung Đoàn 8 tăng cường một Chi Đoàn chiến xa 41, pháo binh về Bình Dương lập một tuyến

phòng thủ mới, cản bước tiến của cộng sản tấn công Bình Dương. Bộ Tư Lệnh nhẹ, do Đại Tá Thoàn, Tư Lệnh Phó, sẽ chỉ huy toàn bộ lực lượng này. Để trám vào hệ thống phòng thủ quận Phú Giáo và vùng phụ cận, tỉnh Bình Dương di chuyển một Liên Đoàn Địa Phương Quân lên thay thế do Trung Tá Không Trọng Uy đảm trách. Đường từ Bến Cát về Bình Dương đã bị Việt cộng đóng chốt, giao thông tạm gián đoạn. Ngày 29/4/1975, mọi liên lạc trong nội bộ Sư Đoàn vẫn tốt. Riêng cuộc họp tham mưu được bãi bỏ vì tình hình quá căng thẳng. Sáng sớm, tôi qua Trung Tâm Hành Quân, đã thấy Chuẩn Tướng Vỹ ngồi đó với Đại Tá Tường. Trông ông có vẻ lo lắng, suy tư nhiều, nhìn lên bản đồ hành quân toàn vùng với nhiều ước tính: những gì sẽ xảy đến với đơn vị bạn. Cuộc mạn đàm diễn ra cả tiếng đồng hồ rất sôi nổi, song không có câu trả lời nào rõ nét cho từng sự kiện. Buổi chiều, sau một cuộc họp ngắn với sĩ quan tham mưu, Chuẩn Tướng Vỹ tuyên bố tử thủ tại Lai Khê. Hai ngày trước, tôi và Đại Tá Tường có trình một kế hoạch rút quân về vùng IV, sử dụng toàn lực lượng cơ hữu của Sư Đoàn để triển khai kế hoạch, nhưng ông không chấp thuận. Tôi và Bộ Tham Mưu luôn nghĩ rằng ông không bao giờ đầu hàng địch, nên quyết định ở lại cho tới giờ phút cuối cùng. Ngay sau đó, tôi ra lệnh cho Phòng 1, 2, 3, Thanh Tra SĐ, An Ninh Quân Đội tiêu huỷ tất cả hồ sơ mật, hồ sơ SQ, hồ sơ tù hàng binh, chiêu hồi. Riêng Phòng 3 chuẩn bị bản đồ vùng Sài Gòn – Chợ Lớn, các tỉnh vùng IV Chiến Thuật.

Sáng 30/4/1975, trời Lai Khê có vẻ khác lạ, quang cảnh im lìm, sinh hoạt của BTL/SĐ như lắng đọng lại, thỉnh thoảng nghe tiếng pháo vọng về. Chiến tranh đã đeo đuổi đến mảnh đất này từ bao giờ. Sáng nay, tôi nhắc nhở Đại Úy Nguyên, Chánh Văn Phòng là súng lục của Chuẩn Tướng Tư Lệnh nên cất đi, khi nào ông đi đâu hãy đưa.

Mười giờ rưỡi sáng, đột nhiên đài Sài Gòn phát bản tin của Tướng Dương Văn Minh ra lệnh Quân Đội đầu hàng và giao nộp vũ khí cho Việt cộng. Khi nghe xong, ai nấy đều bàng hoàng, xúc động, uất hận. Tại sao lại như vậy? Tất cả đều xup đồ. Người lính đã mất một cái gì thiêng liêng nhất trong cả cuộc đời binh

nghiệp. Sau đó ít phút, Chuẩn Tướng Tư Lệnh cho họp các sĩ quan cao cấp của Sư Đoàn lại và tuyên bố từ giờ phút này ông không còn chỉ huy anh em nữa. Tiếng nói rõ ràng và dứt khoát, ông ra lệnh riêng cho tôi ở lại coi sóc anh em. Vẫn vóc dáng nhanh nhẹn, gọn ghẽ, đầy nghị lực, ông đi về hướng Trung Tâm Hành Quân. Khoảng nửa tiếng sau, ông mời một số sĩ quan ăn cơm tại TTHQ/SĐ, gồm có tôi, Đại Tá Tường, Trung Tá Văn, Trung Tá Hùng, Trung Tá Tánh, Trung Tá Chánh Thanh Tra SĐ, đến sau có Trung Tá Vượng và Đại Tá Quế. Không khí trong bữa ăn vẫn đượm tình chân thực của một người anh cả trong gia đình, vẫn nói chuyện nhưng không ai dă động gì đến lời tuyên bố của ông Dương Văn Minh. Với gương mặt trầm lặng, vàng trán cao vuông thể hiện một con người cương quyết làm hết sức mình, trọn tình trọn nghĩa với anh em. Gần cuối bữa, ông đứng dậy nói:

- Anh em cứ ăn, tôi xuống nhà có chút việc.

Khoảng 15 phút sau, Đại Úy Nguyên, Chánh Văn Phòng Tư Lệnh hối hả chạy lên báo cho biết Chuẩn Tướng Tư Lệnh đã tự sát rồi. Khi đó là 12 giờ 45 trưa 30/4/1975. Mọi người chạy vội xuống trailer, tôi là người đầu tiên bước vào căn buồng nhỏ, trong đó có đặt một chiếc giường lớn. Ông nằm đó với tư thế của một người đang nằm ngủ. Chân ruỗi thẳng còn mang giày trận, cả thân hình nằm ngay ngắn, tay trái ruỗi theo chiều xuôi, đầu nghiêng về bên phải, kê trên một cái gối màu trắng. Tay phải vung về phía trên. Gương mặt bình thản, đầy cương nghị, sự kiện đó nói lên lòng can đảm bất khuất, tự chọn cho mình một cái chết vinh quang. Ông nằm đó với nguyên bộ quân phục mà trước đó còn ngồi chung bàn ăn với chúng tôi, một vài vết máu vương trên gối và đầu giường. Một vết thương nhỏ từ cằm trở lên đầu, đường đạn đi thẳng, mạnh, đủ gây tử thương cho ông. Tôi lại gần và sờ tay thì còn hơi nóng, vội gọi Bác sĩ Đàm Quang Hiến, Tiểu Đoàn Trưởng TD5 Quân Y lại. Sau khi xem xét vết thương và bắt mạch, Bác sĩ Hiến nói: Chuẩn Tướng chết rồi. Trong bầu không khí đau thương đó, ai nấy bàng hoàng đau xót, mất đi người anh cả của Sư Đoàn. Anh em quân y làm phận sự lau chùi vết máu còn đọng lại trên mặt, da cổ và băng bó xong đặt nằm

ngay ngắn trên giường. Tôi lệnh cho Đại Úy Nguyễn thay quân phục mới, đeo huy chương cho Chuẩn Tướng. Trong giờ phút tang thương, thời gian như đọng lại. Tất cả anh em lặng nhìn Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ nằm đó, tất cả đứng nghiêm, chào tay lần cuối, vĩnh biệt người anh hùng. Sau đó, trung đội Chung Sự của Sư Đoàn đến tắm liệm và mai táng cạnh sân bay trực thăng. Được biết, 10 ngày sau, gia đình của Trung Tá Văn Tham Mưu Phó CTCT/SĐ là anh em cột chèo của Chuẩn Tướng Vỹ lên lấy xác ông về và mai táng tại nghĩa trang Gò Vấp.

Trong Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn lúc này vẫn vắng lặng, cổng Nam và Bắc vẫn đóng, Việt cộng chưa thấy xuất hiện. Các sĩ quan đơn vị trưởng vẫn ở cùng đơn vị, sự kiện này nói lên tinh thần kỷ luật của quân đội được duy trì tới phút chót. 2 giờ 30 chiều ngày 30/4/1975, tôi ra lệnh cho Chỉ Huy Trưởng căn cứ Lai Khê mở cửa phía Nam cho tất cả anh em ra đi, chấm dứt ngày đau buồn nhất của SĐ5 nói riêng và toàn QL/VNCH kêu hùng nói chung. Tôi vào văn phòng rồi ghé qua nhà lấy ít quần áo và tập hợp anh em cùng qua Thiết Đoàn 1 do Trung tá Tánh chỉ huy di chuyển về hướng sân bay Phú Lợi. Đi nửa đường thì Thiết Đoàn liên lạc và đón nhận Chi Đoàn Thiết giáp M41 từ Bình Dương di chuyển qua, hợp lực đi về hướng Phú Lợi với ý định nếu thuận lợi thì đi về vùng IV. Nhưng tiếc thay, gần đến sân bay Phú Lợi bị kẹt lại vì một cây cầu sập gây gián đoạn cuộc di chuyển.

7 giờ 30 tối ngày 30/4/1975 tôi và các sĩ quan BTL/SĐ5 bị cộng sản bắt, chấm dứt 20 năm trong đời binh nghiệp đã từng chiến đấu khắp 4 vùng chiến thuật.

Tiểu sử Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh

Cố Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ (1933-1975)

Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ sinh năm 1933 tại Sơn Tây, Bắc Việt, xuất thân khoá 2 (Lê Lợi) Trường Võ Bị địa phương Đập



Đá Huế (1950-1951).

Ra trường, ông từng phục vụ tại tiểu đoàn 19 Việt Nam tại miền Tây do Đại Úy Đỗ Cao Trí chỉ huy (cố Đại Tướng Đỗ Cao Trí đã tử nạn vì máy bay nổ tại Trảng Lớn, Tây Ninh năm 1971). Tiếp đó, đi học nhảy dù tại Pháp. Về nước, ông được điều động về Lữ Đoàn Nhảy Dù. Ông từng giữ những chức vụ Đại Đội Trưởng, Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng. Năm 1969, ông về Sư Đoàn 5

làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 8. Năm 1971 là Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 21. Ông luôn giữ được lòng kính trọng của thuộc cấp. Năm 1972, tại trận chiến An Lộc, ông là người đầu tiên sử dụng M72 bắn cháy xe tăng địch, làm gương và tạo nên một luồng gió mới cho binh sĩ các cấp thi nhau tìm tăng địch để hạ, làm thay đổi cuộc diễn trận chiến.

Năm 1973, trong một cuộc hành quân, trục thăng của ông bị rơi làm ông bị thương phải vào điều trị tại bệnh viện. Khi vết thương lành, ông được chỉ định đi học chỉ huy tham mưu cao cấp tại Mỹ. Trở về, ông phục vụ tại QĐIII với Trung Tướng Dư Quốc Đống. Năm 1974, ông được cử giữ chức Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh thay thế Chuẩn Tướng Lịch. Sau nhiều chiến công oanh liệt tại Rạch Bắp, Phú Giáo, ông được thăng cấp Chuẩn Tướng tại mặt trận. Ông làm việc hăng say, bất kể giờ giấc, ra sức củng cố đơn vị, đặc biệt xin thưởng cấp một số sĩ quan ưu tú về Sư Đoàn giữ những chức vụ quan trọng. Với tính tình cởi mở, kiên trì, can đảm, ông đã vượt qua nhiều thử thách khó khăn để Sư Đoàn mạnh về mọi phương diện: tinh thần tác chiến cao, tổ chức đơn vị chặt chẽ về kỹ thuật, thống nhất chỉ huy tạo dựng một Sư Đoàn có tiếng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

Từ Vấn

Sacramento, tháng 4-2009

Niên Trưởng Từ Vấn K12 Võ Bị Đà Lạt, cựu Đại Tá Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 5 Bộ Binh, đã ở bên cố Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ Tư Lệnh Sư Đoàn cho tới những giờ phút sau cùng ngày 30/4/75.

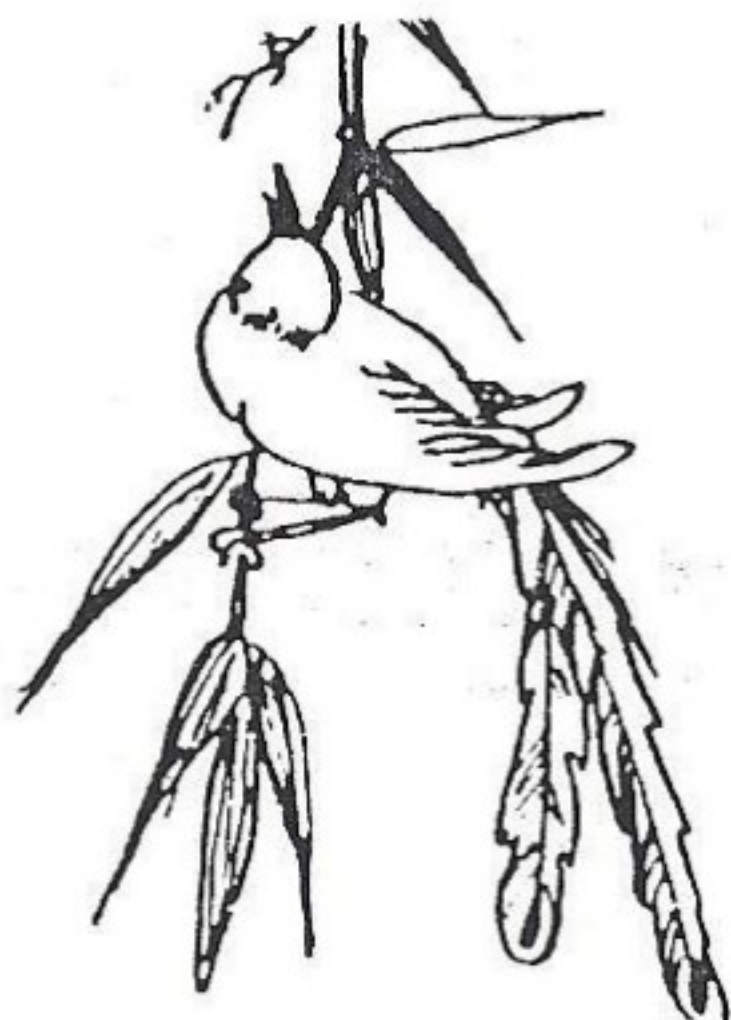
Niên trưởng Từ Vấn đã từng đảm nhiệm những chức vụ:

- ĐĐT Thám Báo SĐ22BB Kontum (1960)
- Toán trưởng Toán Thám Sát Lao Bảo Khe Sanh (1962)
- ĐĐT/ĐĐ2, ĐĐT/ĐĐ3 BCND/LLDB (1963-1966)
- CHT/B11, CHT/B20 LLDB Qui Nhơn Chi Lăng – Châu Đốc (1966-1971)
- CHT/BCH/41CT BĐQ Biên Phòng – Kiến Tường (1971-1973)
- Liên Đoàn Trưởng LD24 BĐQ Quân Đoàn 2 (1973-1974)
- Tham Mưu Trưởng SĐ5 Bộ Binh – Lai Khê (1974-1975)



Từ Vấn, Đại Đội Trưởng ĐĐ3 BCND

ÁO TRẮNG MỘT ĐỜI
STH



*Khung trời kỷ niệm chẳng riêng ai,
Áo trắng về đây áo trắng bay.
Thương quá những ngày còn đi học,
Đường đi phơi phới hoa mộng đầy.*

*Tà áo ai reo trong nắng mai,
Lòng tôi ngơ ngẩn cả đêm ngày;
Ước gì tôi biến thành gió nhẹ,
Len lén hôn lên tà áo dài.*

*Mấy mùa phượng nở lá thu rơi,
Lòng vẫn buồn khuâng thuở thiếu thời.
Bao năm áo lụa còn duyên dáng,
Duyên dáng càng thêm thắm nụ cười.*

*Một nhớ áo dài hai nhớ người,
Hai đành cũng chỉ một lòng thôi.
Từ nay tôi quyết ôm chung lại,
Kết nối tơ duyên chẳng để rời.*

*Áo trắng ôm người quyến luyến tôi,
Hình như từ thuở biết yêu rồi.
Tháng ngày mê mãi nâng niu lấy,
Một mảnh hồn trinh suốt cuộc đời.*

NGÀY NÀO CŨNG LÀ NGÀY XUÂN

NGUYỄN TẤN HIỆP k25

Tôi gặp lại nó sau hơn 27 năm kể từ ngày ra trường, ngày đó nó đang quản lý một “grocery store” tại một thành phố đông người Việt miền Nam Tiểu Bang Texas, tôi thấy công việc này cũng mang về cho nó đủ lợi tức để lo cho cuộc sống gia đình và con cái, nhưng dường như khi gặp nó lúc nào tôi cũng thấy nó suy tư, hiếm khi thấy được nụ cười. Bắt chước tôi, nó cũng ghi tên tham gia sinh hoạt với hội cựu SVSQ Võ Bị địa phương, và Tổng Hội CSVSQ Võ Bị. Nhưng trong các buổi họp mặt, ít khi nó bàn luận, nó nghe nhiều hơn nói.

Ngày xưa tôi cũng từng là một người sĩ quan tác chiến như nó, từng tham dự vài trận chiến lớn, nhưng thành tích không nhiều, cũng không có rằn ri binh chủng, nên chuyện “đánh đấm” không có gì đáng nói. Nhưng nó thì lại khác. Trong cuộc chiến tại quê nhà trước 1975, tôi từng biết nó là một sĩ quan chỉ huy gương mẫu, nhiều lần xông pha, lập chiến công lẫy lừng. Nhưng dù có “thành tích”, mà một lời nó vẫn không kể ra. Không giống như bao người khác, họ xum xoe với nhiều chiến công kể với bạn bè, kể trong các tài liệu, tập san của hội đoàn, và nhiều người còn viết sách hồi ký ... Nó thì không. Bạn bè hỏi nó vì sao mà không thích kể ra những kỷ niệm oai hùng, nó nói cuộc đời tẻ nhạt như mây trôi, có đáng gì đâu để mà kể.

Từ ngày gặp lại nó, dòng đời vẫn trôi, tính đến nay đã là hai mươi mấy năm dài, nó cũng như tôi, không thể nào cản được bước đi của tuổi già “xông xộc”. Hai đứa cùng đã nghỉ hưu, nhưng không ở chung thành phố. Mỗi lần gặp nhau, nhăm nháp ngụm cà phê, hay thỉnh thoảng cùng uống cạn chai “budlite”, tôi thấy nó cũng như thế, cũng luôn trầm tư ít cười. Chúng tôi hay nói cho nhau nghe về các đề tài văn chương, âm nhạc, các tin tức thời sự của nước Mỹ, của các cuộc chiến tranh với thế giới Hồi Giáo quá khích ... nhưng khi nhắc về Việt Nam thì nó lặng

sang chuyện khác, như thể không muốn nghe. Tôi vẫn cố kể cho nó nghe các tin tức mới nhất liên quan đến Phạm Minh Chính, Nguyễn Phú Trọng... nó gạt ngang:

-Mày đừng nói về Việt Nam được không?

Tôi ngạc nhiên:

-Sao vậy, đó là đất nước mình mà.

-Đâu phải. Đất Nước mình có Sài Gòn tha thướt hàng me bay trên đường Duy Tân, Đất Nước mình hiền hoà yêu kiều ngày nào trước khi mất Quảng Trị, Ban Mê Thuột, Sài Gòn vào tay Cộng Sản. Ngày xưa, miền Nam chính là Đất Nước của mình.

Tôi chợt hiểu khi nhìn thấy ánh mắt long lanh của nó sau cặp kính dày, vôi vàng đánh trống lảng:

-Ngày mai mày dắt cháu ngoại ra biển chơi với gia đình tao nha.

Tôi đến thăm nó thường xuyên hơn, sau khi nó vượt qua được một căn bệnh thật hiểm nghèo. Con gái nó mua cho nó một máy truyền hình HDTV và đặt một chương trình “Direct TV” để ba xem đài Việt Ngữ cho đỡ buồn. Có lần hai đứa cùng ngồi xem một chương trình phóng sự có nhiều hình ảnh oai hùng của các chiến sĩ quân lực VNCH trong cuộc hành quân Lam Sơn 719. Tôi thấy nó thờ dài, nói nhỏ:

-Sao quân đội mình có thể thua được? Vô lý hết sức. Tất cả chúng ta đều có tội với quê hương đất nước, mày ạ.

Tôi có hơi chống chế:

-Dĩ nhiên rồi. Nhưng nặng nhẹ tùy theo từng người. Các tướng lãnh có tội lớn, còn bọn mình chỉ là sĩ quan cấp nhỏ.

-Không. Ai cũng có tội như nhau. Nếu còn sống, dù ở nơi đâu, ai cũng đều mang tội với mẹ Việt Nam, chỉ có điều, quá nhiều người hiện nay không ai nhìn thấy tội lỗi của mình, và tao cũng vậy.

Phải nhìn nhận những điều suy nghĩ của bạn tôi ngẫm ra cũng rất chí lý, nhưng chắc vì nó suy nghĩ lung nên có hơi “gàn” chăng? Tôi biết nó đã suy nghĩ, lo toan ngay từ hồi còn trẻ. Có bao nhiêu tình thương, nó đều san sẻ cho người thân, bạn bè. Khi còn học trong quân trường, nó thường kể cho tôi nghe cảnh nhà túng thiếu, em út nheo nhóc, cha mẹ đau ốm. Dù còn là SVSQ hàng tháng với đồng lương ít ỏi, nó vẫn ráng tiết kiệm gửi về cho các em có chút quà sáng. Đứa em gái mười tám tuổi của nó kể lại cho tôi nghe trong lần về phép năm thứ nhất, nó đã đưa cô em ra nhà may Thanh Châu ở dốc Cầu Bông Đakao Quận Nhứt để đo may chiếc áo dài bằng lụa hoa đầu tiên trong đời cô ấy. Ngày nó cầm áo về, cô em nước mắt rùng rùng.

Những lần về phép Saigon, nó và tôi chỉ xem phim, uống cà phê. Chúng tôi đều không có bạn gái dạo phố trong những năm đầu tiên trong đời quân ngũ, dù cũng đồng phục “áo mao xanh xang”, nhưng có lẽ vì là con nhà nghèo, các cô chê. Thỉnh thoảng nó cũng nghe âm nhạc, đặc biệt chỉ thích nhạc về lính, nhưng lại không thích nhạc tình, Nó không ưa mấy ông nhạc sĩ trốn lính chỉ làm nhạc tình như Từ công Phụng, Ngô Thụy Miên Nó rất ghét các ban nhạc trẻ choai choai và các phòng trà, nó nói phòng trà ca nhạc có những cái tên như Đêm Màu Hồng, Arc En Ciel, Tự Do ... là nơi dành cho kẻ giàu có, quyền thế, chứ đâu có chỗ cho bọn chúng tôi. Vì ngay lúc đang có lệnh tổng động viên, bao nhiêu người bỏ mạng ở chiến trường, nhưng ở phòng trà, không biết nhờ vào đâu mà “người ta” vẫn cứ tỉnh bơ, quần là áo lụa, nhảy đầm hàng đêm?? Khi nhắc đến những người này, có lần tôi nghe nó nói:

-Thời đại này, không chỉ có vài người đánh mất lương tri, mà có cả khối người.

Đúng là lúc ấy có nhiều người “đánh mất lương tri” thật, dù rằng nước chưa mất, nhưng nếu không cùng hợp lực chống đỡ cuộc xâm lăng quy mô của quân Cộng Sản thì nước sẽ mất, và cuối cùng thì nước đã mất thật, biến cố sụp đổ miền Nam đã đi vào lịch sử...

Quê hương của chúng ta đang ở rất xa, xa vời vợi, xa khỏi tầm tay với của chúng ta rồi. Tôi không thích nhắc nhiều đến cái dĩ vãng chết chóc, tan nát trong chiến tranh, hay cái nguyên nhân khởi nguồn của đời sống tị nạn. Tôi tìm vui trong công việc và sống sao có ý nghĩa cho kiếp sống ngắn ngủi còn lại này.

Nhưng mỗi lần đi gặp thằng bạn thân quý, gần gũi nhất của tôi, tôi rất dễ bị nó lôi cuốn vào những cách suy nghĩ có hơi “gàn gàn” của nó. Từ khi về hưu, không hiểu tại sao nó không thích đám đông. Nó ít đi họp hành, tôi sợ nó buồn, nên hay rủ nó ra công viên cùng cháu ngoại của nó, cho cháu có chỗ chạy đùa đồng thời để chúng tôi trò chuyện. Nó nhắc nhiều về những thằng bạn cùng khóa đã hy sinh trong cuộc chiến. Theo nó, những người đã nằm xuống mới thật sự là những anh hùng. Ngày nào đất nước vẫn còn nằm trong tay kẻ thù, thì bao hào khí vinh quang phải thuộc về những người đã hy sinh, chứ hoàn toàn không thể thuộc về những người còn sống, dù họ đã từng chỉ huy quân khu này, binh đoàn nọ. Họ là những bại tướng mất thành, mà sách cổ có câu : “Bại binh chi tướng bất ngôn Dũng”. Những ngọn cờ được phát lên hôm nay phải dành cho một Việt Nam tự do trong tương lai, chứ không phải để chỉ ca ngợi một quá khứ hùng tráng phù du.

Nó kể cho tôi nghe hoàn cảnh chiến đấu và hy sinh của các bạn cùng khoá, trong đó có thi sĩ Trầm Kha, như một định mệnh, trong thời kỳ còn là SVSQ, bạn ấy đã viết trong một bài thơ đăng trên tập san Đa Hiệu, rằng:

Em có biết một đời trai du tử
Có khi nao ôm kiếm ngủ ngang trời ...

Những người lính hào hùng là như thế đó, họ không tiếc máu xương và chưa từng nhận về một chút vinh quang nào cho đến lúc xuôi tay nhắm mắt. Các bạn của tôi, hợp cùng hàng vạn chiến sĩ đã anh dũng hy sinh cho một Miền Nam tự do, họ đã vẽ lên một bức tranh hùng tráng tuyệt vời trong lịch sử chiến tranh Việt Nam cận đại. Còn lại chúng tôi, trong đó có tôi và nó, chỉ là những người đang tiếp tục sống một kiếp phù sinh hèn mọn mà thôi.

Ôi quê hương dấu yêu ngày nào của tôi ơi, kiếp này chắc không thể nào tìm lại được tự do, như thi sĩ Võ văn Lê đã viết rằng:

Giờ nhìn xuân giữa nọ hồng
Mà nghe cái lạnh tàn đông vẫn còn
Với tủi hận, với hao mòn
Của ta, của kẻ đầu non, cuối trời ...

Thằng bạn gàn dở của tôi có khi cũng bàn về nhạc, kể cả thơ văn. Hơn một lần nó nhắc đến hai câu Đường thi cổ:

Thương Nữ bất tri vong quốc hận
Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa

Trong thời gian còn chiến tranh, không ít người miền Nam chỉ lo vinh thân phì gi

a, nhiều kẻ hèn nhát, đút lót hối lộ, để trốn tránh trách nhiệm chung tay giữ nước, nên việc mất nước không thể không xảy ra. Những người đó người ta ví như con hát, ngày đêm chỉ biết xướng ca, vô tâm, không màng đến họa mất nước, gọi chung là những kẻ “bất tri vong quốc hận”, đầy dẫy ở miền Nam trong thập niên 1975.

Nhưng bây giờ thì ...

Hôm nay nó vừa vượt qua lần nữa một trận cấp cứu kinh hoàng trong bệnh viện. Tôi vào thăm nó sau khi đã ra khỏi phòng hồi sức, đang nằm tĩnh dưỡng ở phòng ngoài. Khi tôi đang cầm tay nó chưa kịp an ủi, thì thật bất ngờ nó đã nói với tôi:

-Là dân Võ Bị, mình có đến hai điều nhục: Nhục không giữ được nước bởi anh em ta thiếu mưu lược, bất tài; nhục không giữ được bạn, vì anh em ta có nhiều kẻ không chấp nhận bạn bè, còn hiềm khích chia rẽ.

Ngừng một lát nó lại tiếp:

-Không giữ được nước mà chẳng biết nhục, chính là Thương Nữ bất tri, còn không giữ được bạn, chia rẽ thành hai phe trước cộng đồng vẫn không biết nhục, chính là lão lang bất trí. Bất tri hay bất trí gì cũng là những điều sỉ nhục. Mày có thấy mình đang có cả hai điều sỉ nhục đó hay không?

Tôi đã tiếp lời:

-Mày nói đúng rồi. Nhưng nhục đất nước rơi vào tay giặc, đến nay chúng ta chưa làm gì được, âu cũng là do vận nước, con cháu sẽ giành lại sau. Còn nhục Võ Bị chia hai chúng ta sắp gột rửa được rồi. **Hai Tổng Hội Trưởng của hai Tổng Hội đã vừa bắt tay, hẹn tháng sáu năm sau cùng tổ chức Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu.**

-Thật vậy sao?

-Là thật. Mọi chuyện đang tiến triển tốt đẹp.

Nó mỉm cười. Nụ cười giữ trên môi rất lâu. Đoá hoa cười hiếm hoi hôm nay đang nở trên môi của nó.

Tôi bóp nhẹ vào lòng bàn tay nó khẳng khiu:

-Mày an tâm dưỡng bệnh. Mùa xuân sắp đến với chúng ta rồi. Mùa xuân năm nay mày khoẻ lại, gia đình mày sẽ rất vui, và bọn mình cũng sẽ rất vui.

Nó vẫn giữ nụ cười trên môi:

-Niềm vui của chúng ta không chỉ ở vào mùa xuân của tháng giêng tháng hai mày ạ. **Sau khi Võ Bị thống nhất rồi, thì ngày nào cũng là ngày xuân của Võ Bị chúng ta**, mày thấy đúng không?

Bạn bè cùng khoá chúng tôi đã về tề tựu đông đủ để dự nghi thức thăm viếng nó trước giờ hoả táng.

Nó đã ra đi bất ngờ, nghe kể là rất điềm tĩnh, còn yêu cầu quay video giã biệt bạn bè trước phút vĩnh viễn chia tay.

Bạn bè đến dự có cả hai phía, hiện vẫn chưa kết hợp, nhưng ôm, ghì chặt nhau trong nước mắt.

Thằng bạn thân cùng khoá của tụi tao ơi.

Tụi tao không bi lụy vì sống chết là vô thường, sẽ nhớ những lời mày nói, giữ mãi nụ cười trên môi chờ ngày thống nhất, vì Võ Bị thống nhất rồi thì **ngày nào cũng là ngày xuân** của anh em bọn mình.

Mày ở bên đó hãy mỉm cười nha.

Nhớ Trường

Cao Văn Bách k27

Khắc khoải sầu đưa nỗi nhớ trường
Bâng khuâng trong dạ những mến thương
Chim sa rời tổ thâm kêu mẹ
Cách bốn phương trời mỗi mắt tuôn
Những trong gặp lại niềm xưa cũ
Mãi mãi không còn bao vấn vương
Ra đi vĩnh biệt lòng mong nhớ
Có phải mơ xưa ngán lệ buồn
Tàn thu hiu hắt cây thay lá
Bóng dáng trường đây kỷ niệm buồn
Tiễn phúc con đi khắp núi sông
Mẹ ơi lần cuối hết chờ mong
Bao giờ trở lại trong tay mẹ
Chắc hết kiếp này hẹn mẹ lại kiếp lai sinh.

Kế Hoạch THANH TUYỀN

Ngũ Lang

Vì lý do riêng, một số tên nhân vật, một vài sự kiện nhỏ được thay đổi, nhưng những thay đổi trong chi tiết đó không làm mất đi tính chất xác thực của câu chuyện.

(Đại Tá Nghĩa là giả danh, người thật là Đại Tá Lê Quang Nhơn)

Mùa hè năm 1972.

Báo chí, các đài phát thanh trong nước Việt Nam và ngoại quốc loan tin cuộc đại tấn công mùa hè của quân đội nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà gọi tắt là Bắc Việt (BV) vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà gọi tắt là Miền Nam (MN). Qua cuộc tấn công này có lẽ các lãnh tụ BV muốn trắc nghiệm hiệu quả của chánh sách VN hoá của Tổng Thống Nixon. BV còn nhằm mục tiêu khác là tìm lợi thế trên chiến trường để thu lợi tối đa trên bàn hội nghị mà BV và Mỹ đã mật đàm từ 1968.

Quân BV tấn công bằng ba mũi dùi hướng vào ba quân khu 1, 2 , 3 của MN.

Đây là một trận tấn công đại qui mô bởi quân đội chính quy của một nước ngoài vào lãnh thổ MN với tất cả vũ khí tấn công hiện đại như thiết giáp, pháo binh tầm xa, chỉ thiếu có không quân. Lực lượng tấn công lớn hơn nhiều so với lực lượng tấn công Tết Mậu Thân. Trận tấn công này đã được trông đợi từ lâu bởi tình báo MN cũng như các quan sát viên quốc tế từ khi Mỹ tỏ ý định dứt khoát rút lui khỏi cuộc chiến với mỹ từ “**Việt Nam hoá chiến tranh**”.

Đến năm 1972, quân lực Mỹ không còn tham dự các trận đánh bằng bộ binh. Chỉ có Không quân và Hải quân Mỹ còn tác chiến trên qui mô nhỏ.

Đây là chiến trường Quân Khu 1.

Chiến trường gần giống như một hình chữ nhật bề dài độ 300 cây số, từ Quảng Trị phía Bắc đến Quảng Ngãi phía Nam. Bề ngang trung bình 40 cây số từ rừng Trường Sơn đến biển Đông. Đường tiếp tế chính là Quốc Lộ 1.

Miền Nam từ khởi đầu cuộc chiến năm 1960 đến khi Mỹ trực tiếp tham dự năm 1965 kéo dài cho đến năm 1972, lúc nào cũng bị đặt trong thế thủ với mục tiêu giữ đất, giữ dân toàn vẹn không cho BV và công cụ của họ là MTGPMN lấn đất, giành dân.

Để thi hành nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ Quân Khu 1, quân đội MN có Quân Đoàn I gồm ba Sư Đoàn bộ binh đánh số 1, 2, 3 và một số Chiến Đoàn Biệt Động Quân (BĐQ), một Lữ Đoàn thiết giáp cơ hữu của Quân Đoàn. Khi sự hăm dọa đại tấn công của BV ngày càng rõ rệt, Trung Ương đã tăng phái thêm Sư Đoàn Tổng Trừ Bị Thủy Quân Lục Chiến (TQLC) cho Quân Đoàn.

Lực lượng đó được bố trí như sau:

Mạn Bắc, khu vực bị hăm dọa nặng nhất có Sư Đoàn 3 và Sư Đoàn TQLC tăng phái thêm BĐQ và thiết giáp loại M41.

Sư Đoàn 3 tân lập do tướng Vũ Văn Giai chỉ huy trấn đóng các tiền đồn do quân đội Mỹ chuyển lại để bảo vệ tỉnh Quảng Trị và Bắc Quân Khu. Sư Đoàn này gồm đa số là tân binh quân dịch, thêm một số đào binh, quân phạm được ân xá từ Trung Ương đưa ra cho đủ quân số. Đây là Sư Đoàn yếu nhất của Quân Lực VNCH, chưa có kinh nghiệm tác chiến, nhưng lại được giao cho nhiệm vụ tại một khu vực có thể nóng bỏng nhất trên chiến trường MN nếu quân BV mở tấn công đại qui mô để xâm lăng MN từ lãnh thổ BV. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đặt tại Ái Tử cạnh thị xã Quảng Trị.

Tại sườn Tây của Quân Khu và của Huế, có Sư Đoàn 1 trấn đóng với nhiệm vụ bảo vệ Huế chống lại lực lượng BV xuất phát từ thung lũng AShau phía Tây đánh vào. Sư Đoàn 1 được xem là Sư Đoàn thiện chiến nhất trong các Sư Đoàn Bộ Binh. Tư Lệnh Sư Đoàn là Tướng Phú người thế cho Thiếu Tướng (sau thăng Trung Tướng) Ngô Quang Trưởng được điều về Nam làm Tư Lệnh QK4. Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đóng ở Dạ Lê phía Nam Huế.

Ở mạn Nam QK có Sư Đoàn 2 Bộ Binh với nhiệm vụ bảo vệ hai tỉnh Quảng Tín và Quảng Ngãi. Sư Đoàn này có giá trị tác chiến trung bình do Chuẩn Tướng Phan Hòa Hiệp làm Tư Lệnh đặt bộ chỉ huy tại Chu Lai.

Cuộc chiến mùa Hè năm 1972 là một cuộc chiến tranh với hình thức cổ điển do quân đội chánh quy của một nước láng giềng chủ động tấn công vào lãnh thổ MN chứ không còn là cuộc chiến tranh du kích kéo dài hàng chục năm trước.

Lực lượng tấn công hơn một Quân Đoàn đặt dưới quyền chỉ huy của Tướng Chu Huy Mân.

Đến năm 1972, quân đội BV được Liên Xô và Trung Cộng viện trợ cho đủ loại vũ khí bộ binh tối tân. Họ chỉ kém Quân Lực VNCH về Không Quân và Hải Quân. Về Lục Quân, BV có hai loại vũ khí vượt trội hơn MN là đại bác 122 ly của Liên Xô và đại bác 130 ly của Trung Cộng và chiến xa T54 của Liên Xô. Tầm bắn tối đa của đại bác BV là 28 cây số so với đại bác bắn xa nhất của bộ binh MN là pháo 155 ly bắn tối đa là 15 cây số. Chiến xa T54 mạnh hơn chiến xa M41 được Mỹ trang bị cho các thiết đoàn chiến xa MN. Tuy nhiên về mặt tác chiến phối hợp giữa bộ binh, chiến xa và pháo binh các sĩ quan BV tỏ ra vụng về vì chưa hề có kinh nghiệm trong hình thức chiến đấu hiện đại này.

Lực lượng tấn công chia làm hai mũi dùi, điểm và diện:

- **Điểm** nhằm mục tiêu tuyến phòng thủ Bắc Quảng Trị do hai Sư Đoàn BB 304, 308 và 6 Trung Đoàn của mặt trận B5 gồm một

Trung Đoàn đặc công, ba Trung Đoàn BB, hai Trung Đoàn pháo và tất cả chiến xa độ 200 chiếc tấn công.

- **Diện** nhằm mục tiêu tuyến phòng thủ sườn Tây Huế do một Sư Đoàn BB tấn công, Sư Đoàn 324 cộng thêm hai Trung Đoàn BB 5 và 6.

Đây là lần xuất trận đầu tiên của chiến xa BV. Tuy các sĩ quan BV còn lúng túng bờ ngỡ khi điều động tác chiến một số lớn chiến xa như vậy, nhưng sự xuất hiện chiến xa trước mắt các tân binh của Sư Đoàn 3 đã gây kinh hoàng cho những chàng bạch diện thư sinh tân binh. Quân BV đã chọc thủng tương đối dễ dàng tuyến phòng thủ của Sư Đoàn. Đơn vị này bị tràn ngập về hỏa lực và quân số. Một số đơn vị đã rã ngũ, bỏ chạy tán loạn làm cho Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn gần như không còn chỉ huy được nữa.

Sau khi mặt trận tan vỡ, quân BV tiến chiếm tỉnh lỵ Quảng Trị với khí thế của một cơn bão táp. Quân lính MN rã ngũ bỏ chạy về Huế bằng mọi phương tiện: đôi chân, xe Honda, quân xa kẻ luôn thiết vận xa M113. Lẫn trong đám tàn quân hỗn loạn là thường dân, giàu nghèo, sang hèn chạy theo. Trên quốc lộ 1 phía Nam Quảng Trị, trên quãng đường sau này được thế giới biết đến với cái tên rùng rợn “Đại Lộ Kinh Hoàng” một cuộc tàn sát tập thể xảy ra do pháo binh và súng cộng đồng của quân BV rót vào đám quân dân hỗn độn chen chúc nhau trên đường. Thật là một kỳ công về giết chóc!

Tình thế QK1 như ngàn cân treo sợi tóc. Cũng may là trong bầu không khí thua trận hỗn loạn đó, hai đơn vị của Quân Đội VNCH đã cản rằng chiến đấu không để cho quân BV thừa thắng xông lên chiếm Huế. **Sư Đoàn TQLC** bên cạnh Sư Đoàn 3 vẫn giữ vững hàng ngũ mặc dầu bị áp lực nặng nề của kẻ địch quá đông được chiến xa yểm trợ. Đơn vị ưu tú này vừa đánh vừa lùi về hướng Nam. Đến sông Mỹ Chánh ở giữa Quảng Trị và Huế, Sư Đoàn đã trụ lại được không để cho quân BV tiến thêm.

Ở sườn Tây của Huế, **Sư Đoàn 1** sau khi mất một vài tiền đồn quan trọng cũng trụ lại được và ngăn quân BV tràn xuống Huế. **Đây là đại lược tình hình QK1** .

Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, Tư Lệnh QK4 được Tổng Thống Thiệu gọi về Saigon sáng sớm một ngày thượng tuần tháng 5, hình như hai ngày sau khi thất thủ Quảng Trị. Sau khi trở về Bộ Tư Lệnh, ông cho biết được lệnh ra Vùng 1 cấp tốc ngay buổi chiều hôm đó. Giờ khởi hành là 4 giờ chiều, phương tiện chuyên chở là một chiếc vận tải cơ phản lực nhỏ của quân đội Mỹ cho mượn. Người thay thế chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn QK4 là Thiếu Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 BB. Không có lễ bàn giao giữa hai Tư Lệnh QK, một chuyện hết sức bất bình thường vì thời gian quá cấp bách.

Trung Tướng Trưởng đem theo một bộ tham mưu nhỏ gồm có :

- Chuẩn Tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư Lệnh phó Quân Khu;
- Đại Tá Lê Văn Thân, Tư Lệnh phó Sư Đoàn 7;

- Đại Tá Nghĩa phụ tá đặc biệt Tư Lệnh QK phụ trách phối hợp tình báo, an ninh và chiến dịch Phụng Hoàng.

Phi cơ đáp xuống sân bay Phú Bài, Huế sau gần hai giờ bay. Một chiếc trực thăng đã bốc tất cả sĩ quan về Bộ Tư Lệnh Tiền Phương (BTL/TP) Quân Đoàn I trong Thành Nội.

Đến 8 giờ tối, một lễ đơn sơ bàn giao chức vụ Tư Lệnh QK1 và Quân Đoàn I diễn ra tại phòng Hành Quân Bộ Tư Lệnh trước sự hiện diện của các sĩ quan cao cấp Quân Khu, viên tướng Mỹ cố vấn Quân Đoàn và bộ tham mưu nhỏ của Tướng Trưởng, tất cả độ 10 người. Một sĩ quan tổng quản trị đọc công điện của Tổng Thống chỉ định Trung Tướng Ngô Quang Trưởng thay thế Trung Tướng Hoàng Xuân Lãm làm Tư Lệnh Quân Khu, Quân Đoàn I. Hai vị tân cựu Tư Lệnh nói vài câu vắn tắt. Thế là xong lễ bàn giao.

Tối đêm đó, sau bữa cơm, Trung Tướng Trưởng cho lệnh miệng

Chuẩn Tướng Hình là Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Tiền Phương thế cho Đại Tá Hoàng Mạnh Đán trở về chức vụ Tham Mưu Trưởng Quân Khu ở Đà Nẵng. Đại Tá Thân làm phụ tá hành quân, **Đại Tá Nghĩa là phụ tá đặc biệt**, Trung Tá Đức làm Chánh Văn Phòng tại QK4 nay cũng đi theo và giữ chức vụ Chánh Văn Phòng như cũ.

Đại Tá Nghĩa với tư cách phụ tá đặc biệt, phụ trách phối hợp hoạt động tất cả cơ quan tình báo và an ninh quân sự cũng như dân sự tại QK1. ***Lần này Đại Tá Nghĩa không phụ trách chiến dịch Phụng Hoàng như ở QK4 mà lãnh một nhiệm vụ mới: chiến tranh ngoại lệ gồm một lô những chuyện lắm cảm như tổ chức đánh du kích sau hậu tuyến địch, chiến tranh tâm lý và các đòn lừa địch mà trong binh thư Mỹ gọi là COVER AND DECEPTION OPERATION gọi tắt là C&D Operation.***

Đại Tá Nghĩa nghe lệnh mà làm thăm trong bụng, đây đúng là chiến tranh của người nghệ sĩ. Không có tiếng kèn xung phong chứng kiến hàng hàng lớp lớp chiến xa, phi cơ rớt cái chết vào đầu địch. Ngược lại đó là chiến tranh chất xám, vũ khí là bộ óc sáng tạo, đấu trí với địch trong bóng tối. Minh giỏi thì nó chết, ngược lại dở hơn nó thì chết mà không có được một bằng tướng lục. Khó quá nhỉ, mà cũng thú nhỉ!

Sau một đêm ngủ mê vì quá mệt mỏi, Đại Tá Nghĩa thức sớm, mượn một chiếc xe Jeep của Tổng Hành Dinh ra phố để “thăm dân cho biết sự tình”. Nhiệm vụ trước mắt đòi hỏi phải báo cáo ngay cho vị tân Tư Lệnh biết tinh thần binh sĩ, tinh thần dân chúng, tình hình tại Huế ra thế nào.

Xe ra khỏi Thành Nội, nơi đóng Bộ Tư Lệnh/TP, chạy ra phố chánh chạy dọc sông Hương là đường Trần Hưng Đạo. Trước mặt, đây là phố buôn bán sầm uất nhất của Huế với khu nhộn nhịp là chợ Đông Ba. Trước đây, Đại Tá Nghĩa có dịp thăm viếng Huế nhiều lần. Hôm nay, ông ta cảm thấy mình đang chạy xe trong một thành phố xa lạ. Huế đẹp và Huế thơ thuở nào đã biến mất. Tiếng đại bác thỉnh thoảng vang lên ở xa là âm thanh

sống động, còn nơi đây, có vẻ là đất chết. Lăn lăn Đại Tá Nghĩa ý thức được thực tế phũ phàng. Thành phố mền yêu này đang trong cảnh hấp hối. Thực là đáng buồn và đáng sợ làm sao khi đi trong một thành phố như thế. Nhà nhà đóng cửa có lẽ với tỷ lệ 98% từ Thành Nội đến ngoại thành. Dân chúng Huế đã quá kinh sợ những kỷ niệm đẫm máu của trận Mậu Thân. Họ sợ, quá sợ là khác. Có thể trong nhà đóng cửa đó còn có một người ở lại coi chừng hay là chủ nhà chưa kịp chạy đi Đà Nẵng vì sợ tai nạn trước mắt do một số lính thất trận từ Quảng Trị chạy về biến thành cướp. Ngoài đường thỉnh thoảng một người hoặc một tốp vài người xuất hiện, không hẳn là lính vì quân phục không còn vẻ quân phục nhưng cũng không phải là dân. Họ trông mệt mỏi với bộ mặt thiếu ngủ, râu không cạo, quần áo đầy bùn đất. Trong người họ chỉ còn chút sống động là đôi mắt. Phần đông đôi mắt lơ lơ của những con chim bị đạn, có đôi mắt hắt lên sự căm hờn không biết căm hờn thua trận hay căm hờn cấp chỉ huy, có đôi mắt rực lên ánh lửa giết người của bọn cướp. Mà đúng là cướp thật. Đại Tá Nghĩa nghe kể chuyện vừa mới hôm qua, một đại úy bị một chú BÐQ chĩa súng vào bụng trần lột đồng hồ ngay trên Cầu Mới bắc qua sông Hương. Cảnh đó đang diễn ra dài dài trong thành phố Huế. Không còn quan, không còn lính, không còn nhà nước. Chỉ còn lại sự hỗn loạn, vô trật tự, vô kỷ luật của một thành phố sắp nếm mùi chiến tranh, cái mùi mà dân Huế đã kinh tởn tột cùng bốn năm trước khi được quân BV “giải phóng” trong Tết Mậu Thân. Thỉnh thoảng lại gặp một gia đình thường dân nghèo chạy loạn với đôi gióng gánh đựng đủ thứ đồ thập cẩm, quần áo, mền gối, nồi niêu xoong chảo. Điềm trên bức tranh quái đản đó là lửa và khói từ chợ Đông Ba cuộn lên nền trời xanh. Hiện chợ Đông Ba đang cháy mà không một ai buồn chữa lửa vì đêm trước một đám lính vào cướp các cửa hàng trong chợ và cao hứng đốt luôn chợ cho hả giận, không biết họ giận gì.

Chiến tranh là một trò đời. Khi bên mình thắng thì không biết bao nhiêu cảnh vui vẻ từ vòng hoa của một thiếu nữ e thẹn choàng lên cổ một anh chiến sĩ kiêu hùng đến cảnh quân dân ta ôm hôn nhau thấm thiết, hoa giấy, hoa thiên nhiên tung bay, rồi tiếng xích thiết giáp hoà lẫn với tiếng rít của phi cơ, tiếng reo hò

hân hoan của hàng vạn cổ họng. Thật là vui. Nhưng khi phe mình thua, bỏ chạy, địch sắp kéo tới thì kinh hoàng làm sao, nhất là kẻ địch là những bậc anh hùng có thành tích giải phóng Huế năm 1968 và mới vài hôm trước đây, trên quốc lộ 1, cảnh tàn sát lại tái diễn với qui mô lớn hơn giữa những người Việt có súng và người Việt chạy loạn. Dân Huế lo chạy để tìm cái sống, đúng là người người chạy, nhà nhà chạy. Người ta chen nhau, đạp nhau chạy đến đôi một số xe đã lộn xuống hố tại đèo Hải Vân. Một nỗi sợ không biết từ đâu phát ra xâm chiếm mọi tâm hồn. Ai cũng sợ vì không biết ngày mai số phận của mình ra thế nào, nhà còn không, vợ con còn không, bản thân còn nguyên vẹn hay là mất tay, mất chân và nhiều cái nữa. Sự sợ hãi, sự hỗn loạn là một bệnh dịch lây lan nhanh chóng trong một thành phố hấp hối và làm tê liệt ý chí chiến đấu của những tay gan lì nhất.

Trong bầu không khí đó, chỉ cần một tiểu đoàn người gầy nhom, đội nón cối, đi dép râu xuất hiện tại Huế, có lẽ số phận của QK1 đã được định đoạt kéo theo sự sụp đổ của VNCH và sụp đổ toan tính của cặp bài trùng Nixon-Kissinger tìm một giải pháp rút lui danh dự cho Mỹ để giữ cái ghế Tổng Thống cho ông Nixon thêm một nhiệm kỳ nữa.

Đại Tá Nghĩa cảm thấy có cái gì nguy hiểm cho bản thân mặc dù ông ta đang đi trong một thành phố mà quân mình còn làm chủ. Một cái gì rờn rợn có lẽ là sợ đang lần lần xâm chiếm ông ta, khiến ông ta vô tình đặt tay lên bả súng của khẩu Colt. May quá tại góc đường Phan Bội Châu còn một chị bán thuốc thơm. Ông ta bảo tài xế dừng xe lại bảo chị bán thuốc bán cho một gói thuốc thơm. Chị bán thuốc vừa thối tiền vừa xuýt xoa: ***“Ơ kìa, sao ông Đại Tá còn ở đây. Cháu thấy mấy ông tá chạy về Đà Nẵng hết rồi!”***

Lần này, Đại Tá Nghĩa cảm thấy bị một cú đập mạnh vào đầu. Cổ họng ông ta khô lai. Tuy nhiên, phản ứng tự nhiên của một quân nhân từng gặp nguy hiểm nhiều lần giúp cho ông ta giữ được bộ mặt bình tĩnh trong lúc tim đập mạnh. Với giọng nói, cố giữ bình tĩnh, nên gần như giả tạo, Đại Tá Nghĩa lớn giọng nói

với chị bán thuốc:

- Này chị nói ai vậy?

- Cháu nghe nói mà còn chính mắt thấy mấy ông lớn chạy về Đà Nẵng. Nghe nói Việt Cộng gần tới rồi. Cháu bán sáng nay rồi chiều nay về Đà Nẵng bằng thuyền của bà con.

Đại Tá Nghĩa chỉ cho chị bán thuốc huy hiệu QK IV đeo trên tay áo bên trái, nói thêm:

- Tôi cho chị biết, tôi là toán quân tiên phong từ QK4 ra đây tiếp viện. Quân ta nhiều lắm, đông như kiến, sẽ ra đến Huế vài hôm nữa. Cho chị biết thêm là trong đoàn quân tiếp viện có nguyên một Sư Đoàn Nhảy Dù, cả mấy chục ngàn người. Để rồi chị coi, tụi tui làm cỏ VC, đuổi tụi nó về Bắc, lấy lại Quảng Trị chớ làm gì VC đụng tới Huế được. Đừng chạy tốn tiền vô ích!

Mới ngày đầu, Đại Tá Nghĩa đã không mất công sức đi một đường chiến tranh tâm lý! Sau đó ngồi trên xe chạy đi, ông ta nghĩ ngay lúc này chỉ có cái đòn tuyên truyền xám, hay là nói láo có vẻ như thật, mới làm cho Huế lấy lại tinh thần, bỏ tâm lý chạy, từ đó tái lập được trật tự mới mong đánh đấm được. Bằng không thì chỉ biết giao số phận cho Đảng Tối Cao.

Ông ta lái xe ra vườn hoa ở bờ sông Hương, giao xe cho tài xế coi chừng, một mình xuống bậc thạch ngồi nhìn phong cảnh như một người nhàn hạ. Sự thực Đại Tá Nghĩa không ngắm cảnh đâu. Ông ta đến đây để cho những tư tưởng đối nghịch đang làm cho đầu ông ta nóng lên dịu mát bớt. Lời chị bán thuốc đã làm cho ông ta sợ. Đây là lần thứ nhì trong đời quân nhân, Đại Tá Nghĩa bị cái sợ dẫn vật. Lần đầu tiên biết sợ là khi còn là một thiếu úy mới ra trường, lần đầu đụng chạm với thực tế chiến trường. Dần dần cái sợ cũng quen đi rồi biến mất lúc nào không biết. Lần này, có lẽ ngoại cảnh hỗn loạn, tuyệt vọng lớn quá. Ông ta tự nói:

“Bọn nhát chạy hết. Hay là tụi nó khôn hơn mình. Tại sao mình ở lại đây để hứng đạn. Mình ở lại đây hy sinh liệu có thay đổi được tình hình không? Nếu bọn VC tiến tới nữa thì mình chạy đâu? Mình là dân Saigon không quen địa hình địa vật ở đây. Nếu mình chết vợ con mình ra thế nào?”

Đại Tá Nghĩa đã phì phà hết điều thuốc thứ nhì hồi nào không hay. Ông ta đã chứng kiến cảnh mua quan bán chức ở hậu phương, muốn làm tỉnh trưởng chung bao nhiêu triệu, trưởng ty cảnh sát bao nhiêu triệu, trưởng ty quan thuế bao nhiêu triệu và nhiều chuyện nôm mửa khác như báo chí gọi một ông tướng là Quế tướng công. Đại Tá Nghĩa chiến đấu không phải để bảo vệ những thứ bản thủ đó mà ông ta đã phỉ nhổ không tiếc lời với bạn thân. Nhưng cái gì làm cho ông ta đánh nhau chết thôi, đó là cảnh dân MN không chấp nhận sống cuộc đời nô lệ dưới ách Cộng Sản, hay nói cách khác chiến đấu để con người Việt Nam được quyền sống như con người tự do, cái quyền mà ông ta cho là thiêng liêng nhất trong tất cả loại nhân quyền. Đại Tá Nghĩa còn một cái yếu là ông ta thương người nghèo, nhất là người buôn gánh bán bưng. Ông ta cũng không hiểu tại sao thương những người này. Ông ta chiến đấu để hy vọng sau này hết chiến tranh cuộc đời bất hạnh của người nghèo bớt bất hạnh hơn.

Những tư tưởng thoáng qua trong đầu Đại Tá Nghĩa nói lên cái yếu trong con người của mọi quân nhân. Ai cũng biết sợ trước nguy hiểm, ai cũng còn ích kỷ để mạng sống của vợ con lên bàn cân để cân với số phận của toàn thể một dân tộc.

Đại Tá Nghĩa tính đến chuyện có thể đào ngũ như bao nhiêu người yếu tinh thần khác và ông ta có cái cơ là không thể bảo vệ sự thối nát lâu hơn nữa.

Quẹt diêm đốt điều thuốc thứ ba, rít một hơi dài, bỗng ông chợt thấy trên đường, một người đàn ông, có lẽ dân Quảng Trị chạy loạn với đôi gióng gánh đựng bao nhiêu thứ tạp nhạp, với đôi mắt tuyệt vọng thế nào trên một gương mặt mệt mỏi, cùng hai đứa bé đi theo. Không thấy mẹ chúng nó đâu, có lẽ đã chết đâu đây trên

đường chạy loạn. Bóng người đàn ông thất thủ trên đường như lời nguyên rủa của Thượng Đế trước cái tâm ác độc của con người. Ánh mắt tuyệt vọng này đã ám ảnh Đại Tá Nghĩa trong bao nhiêu năm dài, có lẽ sẽ đeo đuổi ông ta mãi đến trọn đời. Cũng đôi mắt tuyệt vọng này khiến cho một luồng điện ở đâu đó không biết xẹt qua óc ông ta.

Ba chữ **TỔ QUỐC, DANH DỰ, TRÁCH NHIỆM** in trên mũ Đại Tá của ông ta nhập vào tiềm thức ông ta từ ngày ra quân trường mà ông ta không ngờ. Lần này không biết là khói thuốc hay là dáng đi thất thủ của người chạy loạn làm cho những chữ đó từ bộ nhớ trong tiềm thức vọt lên. Ông ta bỗng nhiên tự thấy xấu hổ với chính mình khi có những tư tưởng hèn yếu tội lỗi vừa rồi. Đại Tá Nghĩa vất thuốc đứng dậy lẩm bẩm: “**Đ.M. (đây là quân nhân MN chính cống) đánh đến chết thôi! Hoặc tao chết hoặc mày chết**”.

Đại Tá Nghĩa về Bộ Tư Lệnh trình bày tình hình với Trung Tướng Ngô Quang Trưởng và đề nghị một số biện pháp khẩn cấp để giữ trật tự cho Huế và giữ tinh thần cho quân nhân.

Đài phát thanh, truyền hình những lời quân nhân và dân chúng chuyển tải với nhau: “Ông Tướng Trưởng là một người nghiêm khắc nhất về mặt kỷ luật. Đừng giỡn mặt với ông ta. Đã có một số quân nhân đào binh, vô kỷ luật, cướp bóc bị bắt và bắn tại chỗ hay đưa về toà án quân sự mặt trận và đưa ra bắn liền sau khi tòa kêu án. Những quân nhân bỏ trốn về Đà Nẵng cũng có một số bị bắn. Đã có nhiều đơn vị ở Trung Ương ra Huế tiếp viện trong đó có quân Dù. Quân ta bắt đầu phản công.”

Sự thật là những ngày đầu khi Tướng Trưởng đặt chân lên Huế, khi hỗn loạn và cướp bóc hoành hành dữ dội, chưa có một đào binh nào bị bắn và hình như suốt cuộc chiến cho đến khi lấy lại Quảng Trị chưa có một quân nhân nào bị bắt và bắn liền. Quân tiếp viện thì chỉ có một Sư Đoàn Dù nhưng cả tháng sau mới ra tới QK1. Tuy nhiên có những tay tỏ vẻ thông thạo tin tức đã quả quyết thấy lính Dù có mặt ở Gia Hội, ở Kim Long v.v..

Suốt mấy tuần đầu, Đại Tá Nghĩa đã tung ra đòn đánh giặc bằng mồm trong sự lo âu hồi hộp không biết mặt trận tan vỡ lúc nào, sự xuất hiện của những chiếc nón cối trên cầu Trường Tiền không biết lúc nào.

May mắn cho tất cả mọi quân nhân trong Bộ Tư Lệnh tiền phương, cái xấu không xảy ra. Sư Đoàn 1 và Sư Đoàn TQLC đã gan lì chịu đựng thêm được sự yểm trợ tối đa của Không Quân và Hải Quân Mỹ và Tổng Thống Nixon nhất định không thương thuyết trên thế yếu Sự yểm trợ của Không Quân và Hải Quân VN, các đòn tuyên truyền xâm trong chiến tranh tâm lý bắt đầu có tác dụng. Tâm lý sợ, ý muốn đào thoát về Đà Nẵng đã bớt đi. Kỷ luật quân đội, một thời xem thường, đã được mọi quân nhân tôn trọng. Binh sĩ rã ngũ từ mặt trận Quảng Trị chạy về đã bằng lòng theo Quân Cảnh lên xe về trung tâm huấn luyện Văn Thánh, nơi ông Tướng Trưởng làm chỗ tập trung tàn binh của đủ mọi thứ binh chủng, tái huấn luyện và ghép vào đơn vị tân lập. Triệu chứng rõ nét nhất của sự ổn định tình hình tại một thành phố sát tiền tuyến là một số nhà đã bắt đầu mở cửa . Số đó càng ngày càng tăng thêm. Mỗi ngày Đại Tá Nghĩa phấn khởi báo cáo với vị Tư Lệnh: hôm nay ước lượng 10% nhà mở cửa so với 8% hôm qua v.v..

o O o

Đến khi Sư Đoàn Dù ra Huế đầy đủ, cuộc sinh hoạt tại đây gần như trở lại bình thường.

Sau này khi thấy những “nhà ái quốc” hải ngoại hăng tiết vệt đầu võ mồm với nhau, Đại Tá Nghĩa không ngăn được chửi thề: “Mẹ kiếp! Phải các bố đem võ mồm về VN đấu với CS thì hay biết chừng nào! Đã ra thân ăn nhờ ở đậu nước ngoài vì mất nước mất nhà mà vẫn chưa biết nhục; vẫn hãnh diện với cái tật chia rẽ, tay nào cũng vỗ ngực chỉ có ta đây chống Cộng, ta đây ái quốc, tất cả những thằng khác đều là cò mồi. Rồi lăn vào nhau đấu võ mồm làm trò cười cho Cộng Sản và làm cho người bản xứ lăm bằm:

đám này đều xung chống Cộng nhưng đánh nhau quá hăng thảo nào mà không mất nước!”

Đại Tá Nghĩa lần lượt thăm các “thân chủ” là những đơn vị trưởng mà ông ta có nhiệm vụ phối hợp công tác và nhờ sự giúp đỡ của họ vì ông ta thực sự chỉ có hai bàn tay không và khẩu súng Colt bên hông. Ông ta đi thăm Đại Tá Chu Văn Sáng – Chánh sở 1 ANQĐ-, Đại Tá Dương Quang Tiếp- Giám Đốc Cảnh Sát QK1, trưởng đoàn công tác của đơn vị Tình Báo chiến trường 101 tại QK1; Đại Tá Lê Văn Hai- Chỉ huy trưởng đoàn công tác của Nha Nghiên Cứu tại QK1, Đại Tá Phó trưởng phòng II Bộ Tư Lệnh/TP, Đại Tá Phan Phiên- Tham mưu phó Chiến Tranh Chính Trị, Đại Tá (sau lên Phó Đề Đốc) Hồ Văn Kỳ Thoại- Tư Lệnh Hải Quân Vùng I, Đại Tá (sau lên Chuẩn Tướng) Nguyễn Đức Khánh- Tư Lệnh Sư Đoàn I Không Quân.

Mặt trận ổn định đã dần dần đưa đến sự thay đổi tương quan lực lượng khi vị Tư Lệnh chiến trường có thêm Sư Đoàn Dù đầy đủ tại Huế, cộng thêm một Liên Đoàn BĐQ, một Thiết Đoàn Chiến Xa M48 tối tân hơn M41, nhiều Tiểu Đoàn pháo tự hành 175 ly có tầm bắn xa tương đương với pháo 122 ly và 130 ly của địch.

Trên mặt trận phía Tây, các đơn vị Sư Đoàn 1 lần lượt tái chiếm các vị trí đã mất trước kia sau nhiều trận giao tranh đẫm máu. Nổi bật nhất là trận tái chiếm căn cứ Bastogne. Nhờ chiếm lại các vị trí này mà Bộ Tư Lệnh/TP mới hết bị pháo kích. Ở mặt trận Bắc, quân BV đã trở lại thế thủ và không ảnh cho thấy họ tổ chức các công sự phòng thủ vững chắc tại vị trí họ chiếm đóng từ sông Thạch Hãn (Bắc Quảng Trị) đến sông Mỹ Chánh (Nam Quảng Trị). Lực lượng phòng thủ ước lượng trên một quân đoàn, chia làm hai bộ phận. Bộ phận tiền tuyến cỡ hai sư đoàn. Sau một thời gian bị hao hụt trong tác chiến, bộ phận tiền tuyến lui về tuyến sau để cho hai sư đoàn khoẻ lên thay.

Trên mặt trận chỉ có giao tranh lẻ tẻ của bộ binh hai bên làm nhiệm vụ thám sát. Trận chiến chính yếu diễn ra giữa pháo binh đôi bên. Theo sự ước tính của P2 Bộ Tư Lệnh/TP, số đạn pháo

hai bên rót vào trận địa của nhau như sau: bên MN 60,000 quả trung bình mỗi ngày gồm đủ loại pháo trên bờ và dưới biển chưa kể bom của Không Quân chiến thuật và phi vụ B52. Phía BV, mỗi ngày bắn khoảng 10,000 quả. Trên một trận địa nhỏ hẹp như khu vực Quảng Trị, hỏa lực pháo binh của đôi bên sử dụng thật là khủng khiếp và không kém một mặt trận nào trong Đệ Nhị Thế Chiến.

Về Đại Tá Nghĩa, ông ta bận rộn với cuộc chiến tranh phi quy ước bên lề cuộc chiến quy ước. Ông ta nhờ Đại Tá Phan Bá Hoà, tỉnh trưởng Quảng Trị giới thiệu để tuyển mộ một số dân vệ tinh Quảng Trị chạy thoát được về Huế. Những chiến sĩ tình nguyện này được huấn luyện đánh du kích, võ trang nhẹ nhàng, sau đó thâm nhập trở lại Quảng Trị đang bị quân BV chiếm đóng để khuấy rối hậu phương địch. Đại Tá Nghĩa còn vươn cánh tay chiến tranh ngoại lệ ra xa trên đường mòn Hồ Chí Minh, phía sườn Tây của chiến trường với các toán Biệt Kích Dù của Đại Tá Hai. Người ngoài cuộc không rành tổ chức chiến đấu bí mật này gọi chung một danh từ là “biệt kích dù”. Đây là những con người can trường được huấn luyện đặc biệt, trang bị đặc biệt. Họ hoạt động từng toán 4 đến 5 người do một sĩ quan cấp úy chỉ huy. Họ được đưa vào hậu tuyến địch bằng cách nhảy dù hay được xâm nhập bằng trực thăng khi địa hình cho phép. Nhiệm vụ các toán này là quan sát các đơn vị, cơ sở địch và báo cáo về bộ chỉ huy để nơi này liên lạc với Trung Tâm Hành Quân Quân Đoàn cho phi cơ oanh kích. Nơi nào nằm trong tầm pháo binh thì dùng pháo tiêu diệt. Họ còn có nhiệm vụ phá hoại các cơ sở chỉ huy, các kho tiếp tế, đạn dược của địch cũng như khi cần thì đặt mìn trên các trục giao thông của địch. Sự thiết kế để mở một cuộc hành quân biệt kích như vậy rất phức tạp, từ nghiên cứu không ảnh, nghiên cứu địa hình, bãi đáp, cách thức xâm nhập, hệ thống liên lạc, xuất thoát. Về phần kỹ thuật thiết kế hành quân do Bộ Tham Mưu của Đại Tá Hai đảm nhiệm. Những khu vực hoạt động, nhiệm vụ riêng biệt, phối hợp hoạt động do Đại Tá Nghĩa ấn định với Đại Tá Hai theo nhu cầu chiến trường của Trung Tướng Trưởng. Ngoài những toán đang hoạt động thực sự, Đại Tá Nghĩa còn có 5 toán giả để chơi trò hư thực với địch. Những

toán giả này cũng liên lạc với bộ chỉ huy và thỉnh thoảng nhận lệnh từ bộ chỉ huy như các toán thực. Đại Tá Nghĩa được tình báo bạn cho biết là phía BV có một toán tình báo kỹ thuật do Tiệp Khắc yểm trợ để yểm trợ cho chiến trường Trị Thiên. Nhiệm vụ của toán này là tìm vị trí các đài phát thanh vô tuyến và giải mã các công điện mật. Họ đúng là đồng nghiệp của P7 Bộ TTM Quân Lực VNCH.

Dọc bờ biển của địch, Đại Tá Nghĩa đã tung các toán người Nhái biệt kích của Liên Đoàn Người Nhái Hải Quân để thu thập tin tức và phá hoại. Công tác của các toán người Nhái này được Trung Tướng Trưởng đánh giá cao.

Về phương tiện hoạt động, Đại Tá Nghĩa có một bộ tham mưu nhỏ gồm hai sĩ quan do Sở 1 An Ninh Quân Đội (ANQĐ) biệt phái là Thiếu Úy (sau lên Trung Úy) Trúc và Đại Úy Vệ và bốn Hạ Sĩ Quan do Phòng ANQĐ của Bộ Tư Lệnh/TP lựa lọc và thanh thoả an ninh. Thật may cho Đại Tá Nghĩa, hai sĩ quan biệt phái tuy mới lần đầu làm việc với ông ta, tỏ ra là những cộng sự viên đặc lực, tận tâm với công việc giao phó, làm việc hết mình nhất là trong bầu không khí chiến tranh, việc làm không giờ giấc, có việc là phải làm. Bộ tham mưu chiến tranh ngoại lệ này ít người đến mức không ai ngờ lại là công cụ hết sức hữu hiệu giúp cho Đại Tá Nghĩa điều hành những mặt trận khác nhau của trận chiến tranh kỳ cục này.

Giờ giấc làm việc của Đại Tá Nghĩa cũng kỳ cục như công việc của ông ta. Buổi sáng, sau khi nghe thuyết trình về tình hình địch bạn trong 24 giờ qua, ông ta đi làm việc với các “thân chủ” khác nhau ở nhiều địa điểm khác nhau trong thành phố. Người ngoài cuộc có lẽ lấy làm lạ, sao có một viên đại tá của Bộ Tư Lệnh/TP không có việc làm, chạy rong chơi ngoài đường như thế này. Buổi chiều, ông ta ngồi ở bàn giấy kế bên bàn của Chánh Văn Phòng trong phòng lớn dùng làm văn phòng Tư Lệnh vừa là phòng chờ đợi. Khách đến thăm Trung Tướng Trưởng đủ hạng người, đa số là chỉ huy trưởng đơn vị. Ngoài ra còn phóng viên báo chí, truyền thanh, truyền hình quốc tế và trong nước. Thỉnh

thoảng có những nhân vật cao cấp của chính phủ Trung Ương, các nhân vật chính trị, các đoàn thể nhân dân ủy lạo binh sĩ. Khi ngồi chờ đợi được vị Tư Lệnh chiến trường tiếp, có lẽ họ ngạc nhiên thấy trong phòng đó có một viên đại tá hình như rồi việc nhất tại Bộ Tư Lệnh, nơi mà mọi người làm việc tất bật. Viên sĩ quan này, trước mặt là một chồng báo, ngồi đọc báo một cách an nhiên tự tại, thỉnh thoảng ngừng phì phà vài hơi thuốc. Ít có ai đến tiếp xúc chuyện văn với ông ta. Trông ông ta giống như mấy người ăn không ngồi rồi, vào công viên, ngồi trên băng đọc báo, thưởng hoa.

Người nào có làm việc trong Bộ Tư Lệnh dưới quyền Trung Tướng Trưởng mới biết ông ta nghiêm khắc thế nào đối với thuộc cấp trong giờ làm việc. Đừng nói chỉ ngồi đọc báo, chỉ tùm lại đầu lảo vài câu cho đầu óc thư thả khi làm việc quá nhiều cũng ít có sĩ quan tham mưu nào dám làm trong bầu không khí “làm việc hết mình” tại Bộ Tư Lệnh/TP.

Ở đâu mà có một nhân vật nhàn hạ, một con chim lạ lạc vào không khí chiến tranh này! Đúng là chiến tranh thật vì thỉnh thoảng pháo tầm xa BV từ phía Tây Huế nã đạn vào Bộ Tư Lệnh. Trận pháo kích này kéo dài cả tháng trước khi các vị trí pháo binh địch bị Sư Đoàn 1 chiếm cứ. Nhờ phước lành của Ông Trên, sĩ quan pháo binh BV có lẽ là chính gốc bản cổ nông chưa biết tính toán nên bắn hoài mà không trúng toà nhà lầu cao và lớn nhất trong khu vực làm trụ sở cho Bộ Tư Lệnh/TP.

Nhân vật nhàn hạ này là Đại Tá Nghĩa được Trung Tướng Trưởng giao thêm cho một nhiệm vụ. Buổi chiều ông ta phải đọc một núi báo và tin tức các hãng thông tấn quốc tế, các đài phát thanh kể luôn bản kiểm thính đài Hà Nội và đài Giải Phóng để làm một bản tổng kết tình hình chiến lược và thuyết trình cho vị Tư Lệnh khi hết khách.

Trong chiến tranh, khi yếu ta phòng thủ, khi mạnh ta tấn công. Quân Đoàn 1 hiện đang ở thế mạnh đối với quân BV. Nhu cầu chính trị của Tổng Thống Thiệu là phải tái chiếm Quảng Trị

trùng hợp với mục tiêu của Tổng Thống Nixon về vấn đề Việt Nam trong cuộc chạy đua vào Toà Bạch Ốc nhiệm kỳ 2. Lấy lại Quảng Trị tất nhiên phải đổ nhiều máu, có thể rất nhiều máu của quân sĩ Bắc cũng như Nam. Phía Mỹ đã yểm trợ mạnh mẽ Không Quân và Hải Pháo để cho các đơn vị VNCH củng cố lại mặt trận sau khi Sư Đoàn 3 tan rã và một phần tỉnh Quảng Trị bị chiếm. Quân BV bây giờ đang xây dựng các hệ thống phòng thủ mạnh mẽ chứng tỏ họ có ý định ở lại Quảng Trị vĩnh viễn.

Chuyện tái chiếm lại Quảng Trị cũng là nỗi ám ảnh của quân nhân các cấp ở Quân Đoàn 1 vì quân nhân ở bất kỳ nơi đâu và thời đại nào cũng có chung một tâm trạng: không chấp nhận thua và rủi bị thua là phải phục thù nếu có cơ hội. Cơ hội đây là ý muốn của cấp lãnh đạo chính trị, nhất là về phía Mỹ họ sẽ yểm trợ tối đa về Không Quân, Hải Quân và Tiếp Vận. Cơ hội cũng là tình trạng tương quan lực lượng có lợi cho miền Nam.

Sự tái chiếm Quảng Trị đã được quyết định.

Một ngày tháng 7, một phiên họp tối cao và tối mật diễn ra tại Bộ Tư Lệnh/TP dưới sự chủ tọa của Trung Tướng Trưởng. Tham dự có Trung Tướng Lâm Quang Thi- Tư Lệnh phó, Thiếu Tướng Hoàng Văn Lạc- tân Tham Mưu trưởng thay thế Tướng Nguyễn Duy Hình được chỉ định làm Tư Lệnh Sư Đoàn 3 tân lập hiện đang được tái huấn luyện và trang bị tại một căn cứ cạnh Đà Nẵng. Về đơn vị trưởng có mặt các tướng Lê Quang Lương- Tư Lệnh Sư Đoàn Dù, Bùi Thế Lân- Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC, Tư Lệnh Sư Đoàn 1, Tư Lệnh Lữ Đoàn Thiết Giáp, Tư Lệnh BĐQ, Tư Lệnh Không Quân, Tư Lệnh Hải Quân Vùng 1. Sĩ quan Bộ Tư Lệnh có Đại Tá Nghĩa- phụ tá đặc biệt, Đại Tá Thân- phụ tá Hành Quân, các trưởng phòng 1, 2, 3, 4 và chỉ huy trưởng Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận Vùng 1.

Sau khi trưởng phòng 2 trình bày tình hình địch, trưởng phòng 1 tình hình quân số, trưởng phòng 4 tình hình tiếp vận, **Trung Tướng Trưởng cho biết ông ta quyết định tấn công lấy lại Quảng Trị và khu vực lãnh thổ Quảng Trị chạy dài đến sông**

Thạch Hãn, giới hạn của cuộc tấn công. Ý định điều quân của Tư Lệnh: sử dụng hai Sư Đoàn Dù và TQLC được tăng phái Thiết Giáp, Pháo Binh và BĐQ bố trí thành hai cột tiến song song từ Nam lên Bắc. TQLC cột phải, Dù cột trái. Mục tiêu là tỉnh lỵ Quảng Trị. Giới hạn tấn công ở sông Thạch Hãn. Tuyến xuất phát từ sông Mỹ Chánh. Ngày N tấn công sẽ cho biết sau trong lệnh hành quân. Hành quân được đặt cho mật danh Lam Sơn 72.

Tướng Trưởng ngừng lại một chút rồi tiếp tục:

- Trong cuộc tấn công này sự bảo mật tuyệt đối là một điều tối cần thiết, một trong những yếu tố thành công. Để phụ vào sự bảo mật mà các đơn vị trưởng áp dụng trong phạm vi đơn vị cơ hữu, cần phải làm cho địch hiểu lầm về ý định hành quân của ta, nghĩa là phải đánh đòn "Dương Đông Kích Tây". Trong ý định đó, Đại Tá Nghĩa được chỉ định mở cuộc hành quân lừa địch này. Kế hoạch hành quân lừa địch được gọi là phụ bản G của lệnh hành quân Lam Sơn 72 không phổ biến cho bất kỳ giới chức nào. Đại Tá Nghĩa sẽ trình bày riêng cho tôi lệnh hành quân của ông ta càng sớm càng tốt. Khi cần yểm trợ của các đơn vị, Đại Tá Nghĩa sẽ trình bày miệng với đơn vị trưởng.

Lệnh hành quân của QLVNCH làm theo mẫu của Quân Lực Mỹ mà các sĩ quan đi học các khoá Chỉ Huy và Tham Mưu trung và cao cấp được huấn luyện kỹ để viết ra. Thông thường lệnh hành quân ở cấp nào cũng có ba phụ bản: phụ bản 1 là tình hình địch do phòng 2 cung cấp; phụ bản 2 là kế hoạch tiếp vận do phòng 4 cung cấp, phụ bản 3 là đặc lệnh truyền tin. Lần này và lần đầu tiên trong suốt cuộc chiến tranh trên chiến trường Việt Nam, lệnh hành quân lại có thêm một phụ bản gọi là phụ bản G không phổ biến. Đây là kế hoạch hành quân lừa địch.

Sau buổi họp, Đại Tá Nghĩa ngồi thừ lại ở phòng họp trong đầu nghĩ vẩn vơ: "Lừa địch, C&D, Dương Đông Kích Tây ! Quái, ngày xưa Tôn Võ Tử, ngày nay các lý thuyết gia quân sự, tại sao

các ngài lại bày trò chơi chữ cho khổ thân con thế này! Lừa địch, nguyên tắc nghe hay lắm nhưng lừa cách nào bây giờ?. Mà địch là thằng chuyên môn lừa đảo, ăn gian nói dối. Trong môn lừa đảo phải nhìn nhận nó là bậc sư. Nó đã lường gạt toàn thể dân tộc Việt Nam và cả thế giới để từ con số không mà tạo ra cơ nghiệp ngày nay. Lừa gạt CS khác gì mình đi gạt một thằng chuyên tráo bài ba lá đánh bạc với mình để mình ăn gian nó! Mẹ kiếp! Đúng là số con rệp, lúc nào cũng được giao những nhiệm vụ kỳ cục nhất trong cuộc chiến này. Mình cũng đã trở tài lừa đảo khi mới đầu cuộc chiến để trấn an dân chúng và giữ vững tinh thần binh sĩ. Nhưng ngón tuyên truyền đó nhắm vào phe ta, làm gì gạt được thằng Cộng trong trận tấn công này. Khổ thật!”

Đại Tá Nghĩa rời phòng họp ra thẳng nhà Thủy Tạ bên sông Hương kêu một tách cà phê. Nhà Thủy Tạ này là Câu Lạc Bộ Club Nautique khi trước. Sau khi tạm đóng cửa trong những ngày hỗn loạn tại Huế, Câu Lạc Bộ mở cửa lại. Nếu là du khách hay người rỗi rảnh công việc, buổi sáng đẹp trời ra balcon nhà Thủy Tạ nhâm nhi một tách cà-phê nhìn sông Hương lững lờ trước mắt, xa xa những rặng núi xanh chen chúc in hình lên nền trời xanh phía Tây Huế, thì thật là thú vị cho những người biết thưởng thức thiên nhiên.

Hôm nay cũng dòng sông lững lờ đó, những rặng núi xanh đó mà Đại Tá Nghĩa hình như không ý thức được sự hiện diện. Đầu óc ông ta quay cuồng với hai chữ “**làm sao?**”. Ông ta nghĩ phải chỉ huy này Trung Tướng Trưởng nói thêm một câu như thế này phải dễ dàng cho mình biết bao nhiêu: ”Nhiệm vụ của Đại Tá Nghĩa thật đặc biệt mà cũng thật khó khăn. Tôi mong toàn thể đơn vị trưởng, vì lợi ích chung, triệt để giúp đỡ Đại Tá Nghĩa khi ông ta cần.”

Ông ta ao ước phải chỉ người ta giao cho mình một trung đoàn thiện chiến để đánh nhau thì thú biết mấy vì không phải nhúc óc như hiện tại. **Nếu mình thành công thì đỡ tốn xương máu cho anh em Dù và TQLC.** Nhưng để gì thành công trong hoàn cảnh chiến trường như vậy với phương tiện cơ hữu mình có trong tay

như bây giờ. Bao nhiêu “cái phải chi” diễn qua óc, cuối cùng cái chất nghệ sĩ đã giúp Đại Tá Nghĩa tìm thấy ánh sáng mặc dù còn lờ mờ.

Trong khi học Chỉ Huy Tham Mưu cao cấp nơi người ta dạy về Chiến Thuật và Cao Đẳng Quốc Phòng nơi dạy về Chiến Lược, Đại Tá Nghĩa thường tranh luận với đồng bạn về quan niệm tiến bộ kỹ thuật nhất là môn điện tử ảnh hưởng đến chiến lược và chiến thuật thế nào. Đa số cho rằng tiến bộ kỹ thuật sẽ đảo lộn các nguyên tắc chiến tranh. Có người cực đoan hơn cho rằng chiến lược, chiến thuật là những quan niệm cổ lỗ sĩ trong chiến tranh cổ điển. Họ nghĩ rằng với sự tiến bộ của môn điện tử áp dụng vào các hệ thống phóng hỏa lực vào mục tiêu địch, không cần chiến thuật, chiến lược. Thằng ngu nào cũng có thể chỉ huy, chỉ cần dám thò tay nhận nút là đủ. Đại Tá Nghĩa thì nghĩ khác. Các tiến bộ của môn điện tử trong các loại vũ khí và quân dụng giúp cho người cầm quân biết vị trí của địch rõ hơn, có hỏa lực bắn chính xác hơn. Những tiến bộ này chỉ ảnh hưởng đến chiến thuật tức là sự đụng độ trên chiến trường giữa hai lực lượng thù địch. Tiến bộ đó rút ngắn thời gian tác chiến, tiết kiệm xương máu, rút ngắn thời gian nếu biết khai thác về chiến lược. Riêng về chiến lược và những nguyên tắc chiến tranh là những yếu tố ít bị ảnh hưởng của tiến bộ kỹ thuật. Cứ nhìn quân đội Mỹ đánh nhau với CSBV. Trên thế giới này chưa có quân đội nào trang bị những máy móc tối tân bằng quân đội Mỹ trong việc dò tìm địch, sự chính xác của pháo binh trên bờ, dưới biển và sự chính xác của trái bom Không Quân. Thế mà Mỹ có thắng được BV đâu. **Mỹ không thắng là do lỗi lầm chiến lược chớ về kỹ thuật điện tử trong dụng cụ chiến tranh, có nước nào bằng Mỹ nổi. Như thế phải trở về vấn đề chiến lược.**

Chiến lược trước hết là một nghệ thuật, nghệ thuật làm sao mạnh hơn địch khi địch đánh ta hoặc ta tấn công địch mặc dầu lực lượng ta yếu hơn địch như danh tướng Napoléon đã nói. Mà đã nói nghệ thuật thì phải nói đến người nghệ sĩ dầu đó là “**nghệ thuật đánh nhau**”. Khi nói đến nghệ sĩ là nói đến sự sáng tạo của chất xám. Lúc ở trong phòng họp Đại Tá Nghĩa có ý nghĩ

trách Trung Tướng Trưởng giao nhiệm vụ mà không nói đến phương tiện. Bây giờ ông vỡ lẽ ra ông đã trách lầm vị chỉ huy của mình. **Trong trận đánh Dương Đông Kịch Tây, phương tiện ở trong đầu mình. Tất cả do mình biết vận dụng phương cách đó hay không. Mà vận dụng phương tiện trong đầu là sáng tạo, không ngót sáng tạo chớ còn gì nữa.**

Đại Tá Nghĩa khoan khoái rời nhà Thủy Tạ và đến gặp Đại Tá Tiếp Cảnh Sát. Hôm qua ông ta báo cáo cho Đại Tá Nghĩa biết một nhân viên đặc biệt của ông ta mới phát giác một ổ tình báo của BV tại Huế dưới nguy tích là một con đò trên sông Hương chở khách đi tìm hoa. Dưới đò có một cô gái độ 30 tuổi người Quảng Trị, với sắc đẹp khêu gợi, là nhân viên nòng cốt của tổ chức tình báo này. Đã có vài khách tìm hoa là sĩ quan hào hoa trong những màn ái ân nẩy lửa trên sông Hương đã vô tình tiết lộ cho người đẹp nhiều tin tức quý giá.

Đại Tá Tiếp xưa là đàn em của Đại Tá Nghĩa nên lời nói chuyện với thượng cấp cũ rất thân mật. Sau khi kể cho Đại Tá Nghĩa trường hợp nào nhân viên đặc biệt của ông ta phát giác được tổ quỷ này, Đại Tiếp đặt câu hỏi: “Sao anh Năm, chừng nào anh cho lính hốt ổ đây?”

Đại Tá Nghĩa nhìn thẳng vào mặt Đại Tá Tiếp hỏi lại:

- Chú thấy bắt nó lợi hay nuôi nó lợi hơn?

Ngừng một chút, ông ta tiếp:

- Tôi đang có liều thuốc độc muốn chuyển đến cha con nó. Tôi tin nội công của chú trong nghề này cũng thâm hậu lắm rồi nên mới giao cho chú làm chuyện khó khăn này. Chú nhớ công tác tối mật nhé. Đây là những việc chú phải làm:

Thứ nhất cho canh chừng thường trực mục tiêu. Nhớ lựa nhân viên canh chừng cho kỹ. Không cho bất kỳ cơ quan an ninh nào, Cảnh Sát Đặc Biệt, An Ninh Quân Đội bắt nếu họ phát giác. Nói

là có lệnh của tôi bảo nuôi.

Thứ nhì, tìm một sĩ quan người Nam bánh trai, đặc biệt là nhậu không say, đóng vai một đại úy Nhảy Dù hào hoa để bắt bớ với người đẹp. Đưa viên sĩ quan này đến gặp tôi liền nếu chú tìm được và thanh thoả an ninh.

Từ giã Đại Tá Tiếp, Đại Tá Nghĩa vào văn phòng nói với Trung Tá Đức, Chánh Văn Phòng, trình lại ông Tướng là ông sẽ đi công tác một tuần lễ, không có mặt tại Bộ Tư Lệnh.

Luôn ba ngày sau, sáng nào Đại Tá Nghĩa cũng ra nhà Thủy Tạ uống cà-phê. Ông ta ngồi lại rất lâu có khi đến trưa rồi kêu lên một đĩa cơm ăn luôn tại đó. Bình thường ông ta hút thuốc rất điều độ, ba điếu một ngày sau mỗi bữa ăn. Nhưng những lúc bắt bớ làm việc với tốc độ cao, ông hút hết điếu này qua điếu khác. Có khi vừa châm một điếu, chỉ rít một hơi rồi suy nghĩ làm ông ta quên, thấy điếu thuốc mới đốt. Ông ta cười các bác sĩ nghiên cứu tác hại của thuốc lá, khuyên bỏ thuốc vì nói hại đủ chuyện đến sức khoẻ. Điểm đó đồng ý nhưng các vị này quên khía cạnh lợi của nó đối với các nghệ sĩ. Các vị đó hãy nghe bài thơ Chiều của thi sĩ nào đó hình như là Hồ Dzếnh được phổ nhạc tuyệt vời trong đó có khói thuốc. Với người khác thì không biết nhưng đối với con người nửa lính nửa nghệ sĩ như cá nhân ông, khói thuốc là chất kích thích cho hoạt động trí não. Có lẽ nhờ nó mà bao nhiêu cảm hứng, ý kiến hay ho từ chất xám quyện lại với khói thuốc để sau cùng biến thành tư tưởng có mạch lạc, có hệ thống. Tuy nhiên, lần này hình như khói thuốc mất công dụng. Luôn ba ngày đã đốt không biết bao nhiêu điếu thuốc nhưng những câu hỏi hóc búa làm ông ta nhức đầu vẫn chưa tìm ra câu trả lời thoả đáng.

Câu hỏi đầu tiên: “Địch biết ý định tấn công của ta không?”

”Câu trả lời là tình báo CS chỉ cần đọc các điện báo (télégramme de presse) hàng ngày của thông tin viên quốc tế tại Việt Nam, các lời tuyên bố của các giới chức cao cấp Mỹ – Việt thì ý định đó rõ như ban ngày. Kết luận không thể dấu được.

Câu hỏi thứ nhì: “Mục tiêu tấn công”. Tại QK1, trong tình thế hiện tại, không có mục tiêu tấn công nào có giá trị chiến lược hơn Quảng Trị nghĩ là tác động đến tình hình chính trị. Với cách bố quân hiện tại thì một anh sĩ quan tham mưu bạch diện thư sinh nào cũng thấy mục tiêu hợp lý nhất nằm trong hai chữ “**Quảng Trị**”. Không thể nào gạt được địch về mục tiêu tấn công ví dụ làm cho họ tin rằng tấn công sẽ hướng mũi về sườn Tây, tuyến của Sư Đoàn 1 hoặc về phía Nam, tuyến của Sư Đoàn 2.

Trong điểm này, Đại Tá Nghĩa thấy các bạn đồng nghiệp phụ trách C&D trong quân đội Đồng Minh hồi Thế Chiến II đã may mắn hơn ông nhiều. Họ có nhiều điểm làm cho quân Đức phân vân không biết Đồng Minh đổ bộ ở đâu để giải phóng Âu Châu trên bờ biển Pháp đối diện với đảo quốc Anh? Nếu quân Đức tin là phía Bắc thì họ còn phân vân giữa bờ biển Normandie hay Pas de Calais gần trung tâm Bá Linh hơn? Những người phụ trách chiến dịch Dương Đông Kích Tây trong cuộc đổ bộ Normandie có rộng không gian điều động hơn Đại Tá Nghĩa nhiều. Hành quân Pôle Nord đã thành công gạt được Hitler tin rằng điểm đổ bộ chính là Pas de Calais. Normandie chỉ là hư chiêu. Tuy nhiên hành quân này đã phải hy sinh một số kháng chiến quân Hoà Lan để cho địch tin.

Suy nghĩ nát nước, Đại Tá Nghĩa đành phải chấp nhận là không thể che dấu được mục tiêu tấn công.

Câu hỏi thứ ba: “Lực lượng tấn công”. Ở điểm này chỉ cần đọc báo cũng biết tại QK1 chỉ có hai đơn vị có khả năng tấn công và cũng là hai đơn vị thiện chiến nhất của MN: Sư Đoàn Dù và Sư Đoàn TQLC cộng thêm BĐQ không hơn một Lữ Đoàn và một Thiết Đoàn Chiến Xa mới M48. Các sư đoàn cơ hữu của QĐ1 hiện đang kẹt cứng. Sư Đoàn 2 kẹt với mặt trận Quảng Ngãi, Sư Đoàn 1 kẹt ở sườn Tây Huế, Sư Đoàn 3 chưa hoàn tất tái thành thành lập ở Đà Nẵng.

Kết luận là không thể giấu được tầm vóc của đám tấn công.

Câu hỏi thứ tư: “Thời gian tấn công” hay là ngày N của hành quân Lam Sơn 72. Hiện giờ chưa ấn định dứt khoát nhưng có thể che giấu được nếu áp dụng triệt để quy luật an ninh tài liệu và an ninh công tác cộng thêm với công tác lừa địch.

Sau khi suy nghĩ nát nước về tất cả vấn đề đặt ra trong hành quân lừa địch này, Đại Tá Nghĩa ngao ngán đành tạm kết luận: **“Đứng về phía địch nhận xét, ý định tấn công, mục tiêu tấn công, lực lượng rõ như ban ngày không thể nào lừa được ở những điểm này. Về thời gian tấn công, nếu bảo mật giỏi thì cũng giấu được ngày N là ngày nào, còn khoảng thời gian nào thì không giấu được vì công việc chuẩn bị một cuộc tấn công lớn không thể nào che giấu được tai mắt của địch ở chung quanh các đơn vị lớn của phe ta.”**

Sau ngày đầu thoáng thấy ánh sáng ở cuối đường hầm, Đại Tá Nghĩa lại thấy mình lâm vào một mê hồn trận không lối thoát. Đúng là bài toán không có đáp số hay là mình còn ngu muội không thấy đáp số. Đại Tá Nghĩa lầm bầm một mình sau khi rời khỏi nhà Thủy Tạ với dáng điệu khổ não của một anh chàng thua bạc.

Qua ngày thứ tư, Đại Tá Nghĩa không ra nhà Thủy Tạ uống cà phê nữa. Ông bảo tài xế lái xe lên chùa Thiên Mụ. Con người thất vọng cuộc đời đen bạc này định quy y chăng? Nếu thế thì khá tiếc vì tuồng hát mới kéo màn sơ đoạn đầu đã sớm hạ màn với chữ Vãng tồn ten trên màn nhung. Khán giả đã mua vé rồi đời nào chịu như vậy! Đại Tá Nghĩa là bầu gánh cũng đâu chịu như vậy!

Không, Đại Tá Nghĩa không phải là người dễ dàng bỏ cuộc. Sở dĩ hôm nay lên đây là ông ta hy vọng đắm mình trong khung cảnh thoát tục của chùa, quên hết những gì suy nghĩ trong mấy ngày qua, đầu óc sẽ minh mẫn hơn, may ra có những tia sáng huyền diệu nào từ vô thức dấy lên. Có thể là trực giác một đôi khi bén nhạy của ông ta hướng dẫn hành động có vẻ lẩn thẩn như

vậy.

Đến chùa, Đại Tá Nghĩa xin phép vị trụ trì cho vào lễ Phật. Ông ta dâng hương, quỳ lạy với tất cả lòng thành khẩn trước tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, xin Người từ bi tha thứ cho kẻ trần tục mê muội đã phạm bao nhiêu lỗi lầm trong cõi trần tục lụy này, nay biết ăn năn hối ngộ đến vọng bái Người để xin tình thương bao la của Người. Sau đó, ông ta ra vườn hoa ngắm cảnh. Không khí hoà bình, thanh tịnh nơi đây giúp cho Đại Tá Nghĩa thấy dễ chịu hơn. Đâu đây tiếng líu lo của những con chim khuyên làm cho ông ta cảm thấy cất đi được quả tạ to lớn đã đè lên óc từ mấy ngày qua. Từ vườn hoa, ông ta xem bảo tháp, nhìn tượng hai ông Thiện-Ác trước cửa rồi ra trước chùa ngồi xem sông Hương êm đềm dưới chân đồi. Ông ta ngồi đó không biết bao lâu trong cảnh thân tâm an lạc. Không có thời gian, không có luân thế gian với chiến tranh, tội ác. Không có lo nghĩ gì hết. **Đúng là thoát tục.**

Cảnh thiên thai trong tâm kéo dài không biết bao lâu. Bỗng nhiên nhiều tiếng đại bác phía Lăng Gia Long lôi Đại Tá Nghĩa về thực tại. Lần này tự nhiên ông ta nhìn thấy một giải pháp cho những vấn nạn đã hành hạ tâm thức ông mấy ngày qua. Không biết giải pháp đúng hay sai, hay hoặc dở nhưng ít ra đó cũng là giải pháp.

Lần này với cái đầu thư thả, **ông ta nghĩ mình không thể lừa nó về mục tiêu tấn công, lực lượng tấn công, tại sao không lừa về ý định điều quân tấn công.** Bên mình tấn công trực diện với hai sư đoàn làm hai mũi dùi tiến song song từ Nam lên Bắc. Ý định hành quân này quá cổ điển, quá giản dị, thiếu sự sáng tạo. Nhưng phải tấn công như vậy vì phương tiện tấn công quá eo hẹp, chỉ có hai sư đoàn. Nếu có bốn sư đoàn thì Đại Tá Nghĩa đã đề nghị với Trung Tướng Trưởng một đòn tấn công khác mà ông cho rằng lợi hại hơn vì đặt địch vào thế bị tấn công gọng kềm. Ý định hành quân là tấn công với hai sư đoàn Bộ Binh đi làm hai cột song song đánh từ Nam lên Bắc, mục tiêu tỉnh lỵ Quảng Trị như kế hoạch của Trung Tướng Trưởng. Tuy nhiên mũi tấn công này là diện hay nỗ lực phụ. Điểm hay nỗ lực chính là mũi tấn công từ

Bắc xuống Nam ép lực lượng phòng thủ BV ở giữa hai gọng kìm từ Bắc xuống và từ Nam lên. Mũi tấn công chính này do Sư Đoàn Dù nhảy xuống khu vực Đông Hà chiếm ngã ba chiến lược này để ngăn quân tiếp viện và tiếp liệu từ lãnh thổ BV xuống mặt trận Quảng Trị. Sư Đoàn Dù sẽ phối hợp với Sư Đoàn TQLC đổ bộ lên Cửa Việt, một hải cảng nhỏ nằm ngang với Đông Hà trên bờ biển. Hai Sư Đoàn Dù và TQLC có giá trị chiến đấu ngang với bốn sư đoàn BV. Mũi dùi này phối hợp với cách quân Nam khép quân phòng thủ BV ước lượng trên một quân đoàn vào một cái rọ, đường tiếp tế và chuyển quân tiếp viện bị cắt đứt. Khi đó hải pháo, không quân kể luôn B52 sẽ có mục tiêu để tiêu diệt, điều mà suốt 7 năm chiến tranh các phương tiện hoả lực này chưa bao giờ có dịp.

Tiếc rằng điều quân như trên chỉ nằm trong tưởng tượng như kế hoạch hành quân lừa địch của mình. Đại Tá Nghĩa suy luận, sẽ **cố làm sao cho địch tin rằng bên mình sẽ đánh như thế và họ sẽ đưa đại quân về phòng thủ tuyến Đông Hà Cửa Việt, giảm bớt lực lượng ở khu vực tỉnh lỵ Quảng Trị tức là giảm bớt gánh nặng cho hai sư đoàn Dù và TQLC những ngày đầu tấn công. Nếu địch biết bị lừa trở lại mặt trận Quảng Trị thì họ sẽ mất một thời gian quý báu và chịu thiệt hại nặng nề vì hải pháo và không quân bắn đập vào các trục lộ di chuyển.**

Đại Tá Nghĩa rất bằng lòng về ý định hành quân lừa địch đó. Ông ta về nhà, lên giường ngủ một giấc dài.

Ý định hành quân có rồi, bây giờ đến giai đoạn biến ý định thành hiện thực. Giai đoạn này hết sức gay go đòi hỏi sự sáng suốt hoàn toàn mà trong binh thư không hề dạy vì mỗi hành quân lừa địch là một trường hợp cá biệt với biết bao nhiêu biến số. Đại Tá Nghĩa đã mất hai ngày để nghĩ ra một cuộc hành quân gồm bốn giai đoạn khác nhau nhắm vào mục đích làm cho địch dồn quân vào hai điểm Đông Hà và Cửa Việt. Ông ta sẽ đặt tên hành quân hay là **kịch bản lừa địch với tên Thanh Tuyền**. Sở dĩ có tên nữ ca sĩ có giọng ca ngọt ngào và truyền cảm lọt vào trò chém giết này vì ông ta rất ái mộ giọng ca Thanh Tuyền. Với lời đánh

giặc theo lối nghệ sĩ này, ông ta nghĩ, tại sao không đem tên nữ nghệ sĩ này vào để lưu danh hậu thế nếu cuộc hành quân thành công.

Đến đây một khó khăn bất ngờ hiện ra.

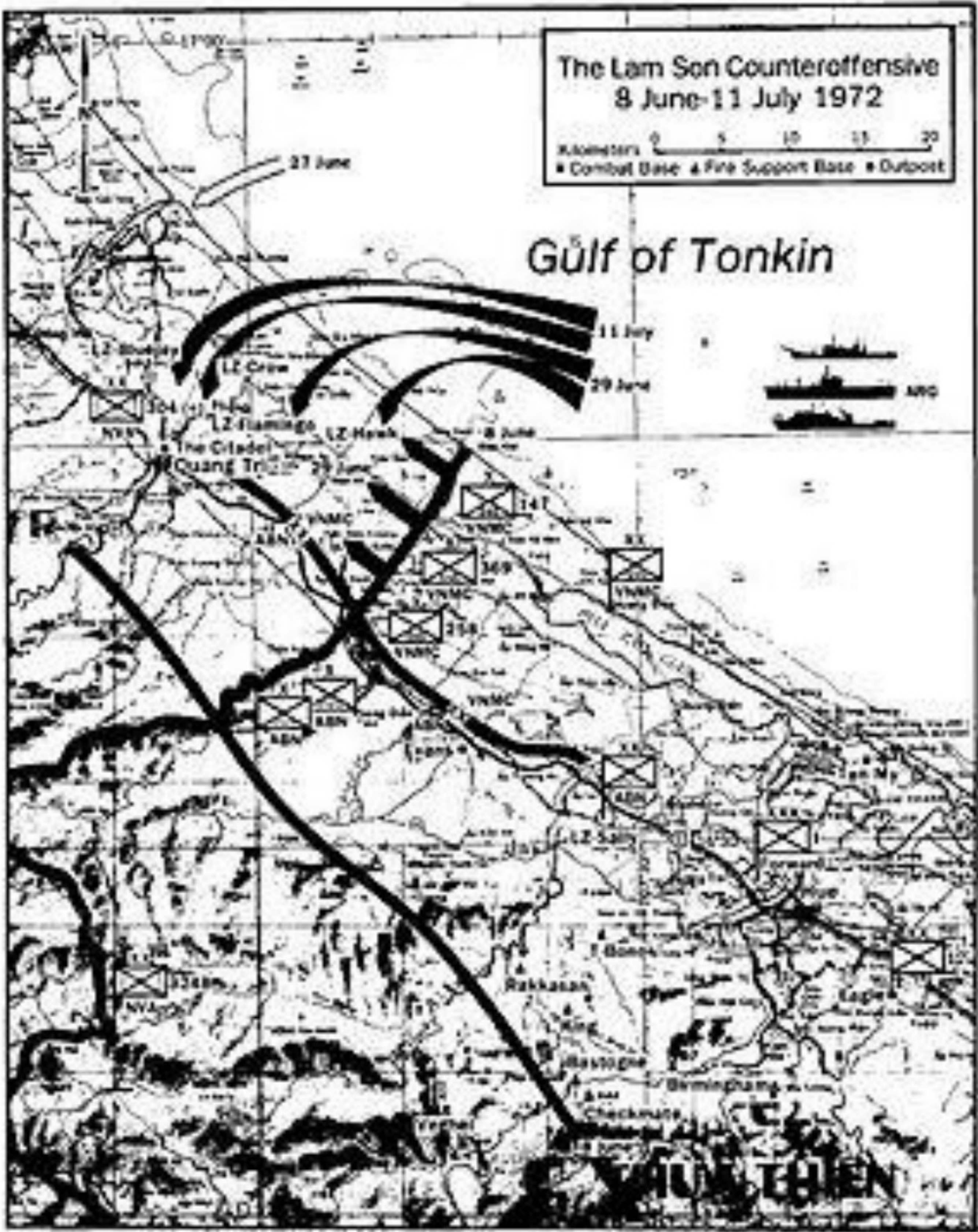
Có tư tưởng hành quân rồi, nhưng viết lệnh hành quân thế nào? Khi học trường Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp, Đại Tá Nghĩa được huấn luyện viên dạy làm một lệnh hành quân theo mẫu của Mỹ, có lẽ là mẫu hay nhất vì người Mỹ đã tổng hợp nghệ thuật chiến tranh với kỹ thuật quản lý. Trong thời cận đại lệnh hành quân là một sáng tạo tuyệt vời của bao nhiêu thế hệ lý thuyết của quân sự ở tất cả các nước có truyền thống đánh nhau trên thế giới. Lệnh hành quân là một kịch bản ngắn gọn nhưng có công dụng kỳ diệu điều động phối hợp tất cả đơn vị từ lớn đến nhỏ tham gia một cuộc tấn công theo ý định hành quân của người chỉ huy toàn diện trận chiến. Mỗi đơn vị tham gia hành quân, giống như một kịch sĩ biết rõ vai trò của mình trong màn hát chung, biết mục tiêu tấn công, đường tiến quân, bận ở hai bên sườn, đánh cách nào, tấn công trực diện hay bọc sườn, yểm trợ hỏa lực thế nào, liên lạc với vị chỉ huy hành quân thế nào, khi hết đạn, hết xăng, hết thức ăn lấy ở đâu, quân nhân bị thương chở về đâu v.v.. Tuy nhiên, đây là hành quân bình thường, còn hành quân lừa địch, các C&D operation này không trường chỉ huy tham mưu nào trên thế giới đưa ra mẫu lệnh hành quân. **Tất cả phải sáng tạo hay nói theo danh từ sân khấu là phải cương tất cả.**

Sau thời gian vài ngày, Đại Tá Nghĩa một lần nữa lại sáng tạo một lệnh hành quân lừa địch mang tên Thanh Tuyền gồm bốn giai đoạn gọi là Thanh Tuyền 1, 2, 3, 4 và trình lên Trung Tướng Trưởng vào một buổi chiều vắng khách. **Trung Tướng Trưởng ngồi nghe với vẻ mặt bình thản thường lệ. Đại Tá Nghĩa trình bày trên một tiếng đồng hồ diễn tiến hành quân mà không hỏi một câu nào. Cuối cùng ông ta gật đầu. Thế là hành quân Thanh Tuyền trở thành phụ bản G của lệnh hành quân Lam Sơn 72.**

o O o

QUANG TRI CITY REGAINED

109



(còn tiếp)

THƯƠNG LẮM SAO MAI

Nguyễn N Hà

*Một ngày buồn tôi về thăm trường cũ,
Trường Sao Mai, Gò Vấp thuở xa xưa.
Để tìm lại những dư hương ngày cũ,
Lòng băng khuâng thương cảm nói sao vừa..!*

*Hàng phượng vĩ vẫn nguyên màu đỏ thắm,
Vẫn ba tầng với lớp học kề nhau.
Vẫn những em ngoan vui đùa trong nắng,
Riêng tôi đứng đây xúc động nghẹn ngào...*

*Những thầy cô xưa, ai còn ai mất,
Những bạn xưa, giờ trôi dạt nơi nào.
Trường cũ lớp xưa, thầy yêu bạn quý,
Có gặp chẳng là... trong giấc chiêm bao..!*

*Tôi nhớ lắm những bạn xưa cùng lớp,
Ngày khai trường ngỡ ngỡ hỏi tên nhau.
Rồi thân quen nhau, trao nhau tâm sự,
Những bản khoả của buổi hẹn ban đầu...*

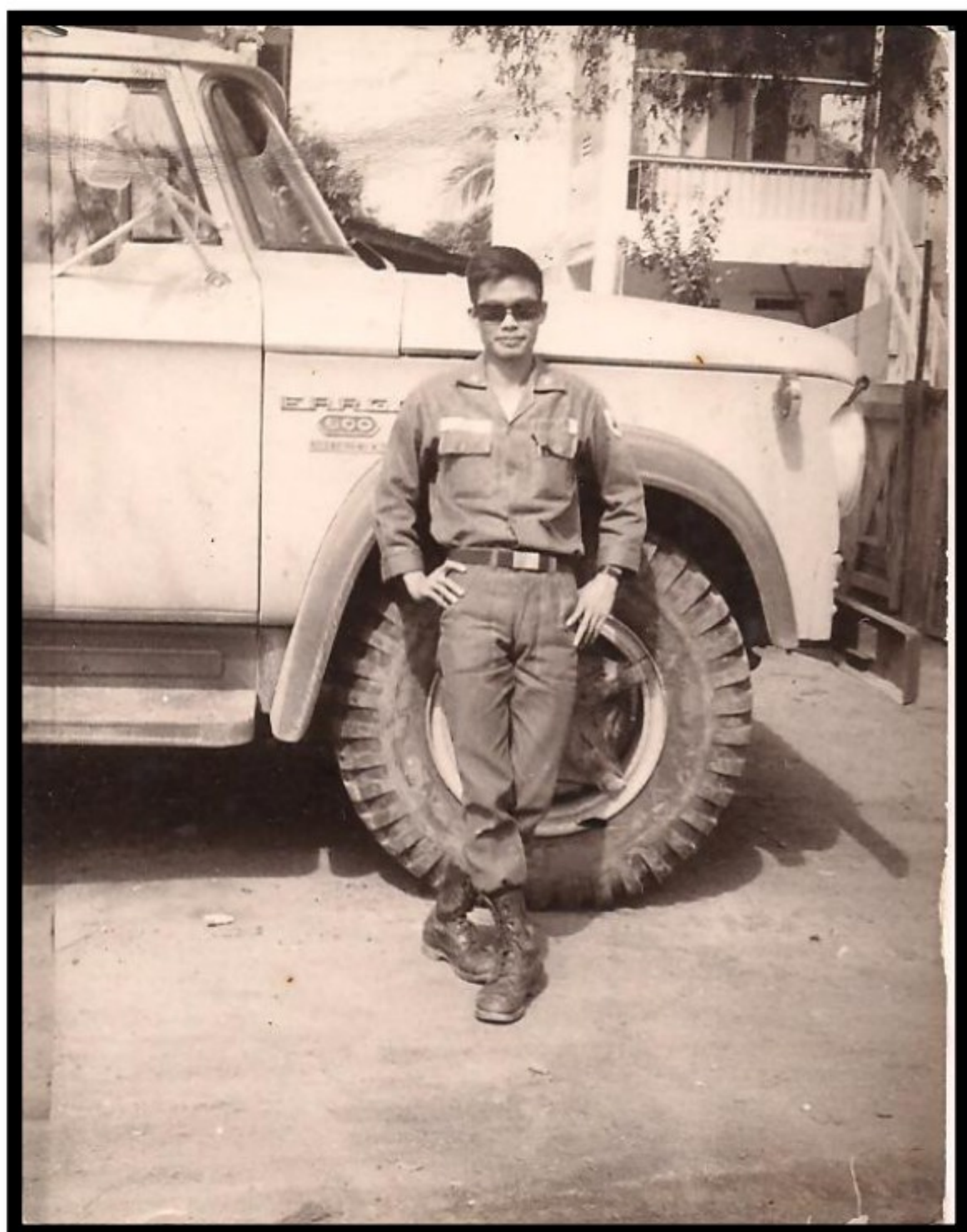
*Thời gian trôi theo tháng ngày cô quạnh,
Nhớ Giáo Đường xưa với tháp chuông cao.
Vẫn vang đâu đây dư âm thần thánh,
Dâng vào lòng tôi nỗi nhớ ngọt ngào..!*

*Nhớ những năm xưa ngày ngày đi học,
Những buổi tan trường có ai đón, ai đưa...
Những ngày mưa Ngâu có ai buồn, ai khóc..,
Ai băng khuâng khi gió chuyển sang mùa..!*

*Khung trời Sao Mai của những ngày thơ mộng,
Của những lần nao nức đến giờ chơi.
Ai nhặt hoa ép vào trang thư mỏng,
Dệt cho ai Xuân ấm của cuộc đời !*

Trận Đột Kích Biên giới Kampuchia Chiến Đoàn 222

Say Khìn – Lý A Sáng



Sau bốn mươi mấy năm, hồi tưởng lại đời lính, mặc dù chỉ hơn bảy năm quân ngũ, nhưng có rất nhiều buồn vui, nhiều hiểm nguy giữa sống và chết, nhiều tình thâm thiết giữa đồng đội trong những lúc vào sinh ra tử.

Vì đã chọn đời binh nghiệp từ thừa thiếu thời, nên tinh thần quân đội tôi rất cao. Tôi yêu đời lính và tôi hãnh diện cuộc đời quân nhân. Tốt nghiệp quân trường Thiếu Sinh Quân và Thủ Đức khóa 4/68, qua

trường pháo binh, tôi được phân phối về Sư Đoàn 25 Bộ Binh, một sư đoàn rất gần Sài Gòn. Tôi thỏa mãn phần nào về ước muốn này vì gần gia đình. Theo tôi được biết, sư đoàn này rất ít người Nùng. Sĩ quan Nùng cao cấp nhất là Đại Tá Trương Thắng Chức, tôi biết ông ta vì ông là sĩ quan của Sư Đoàn 5 Bộ Binh thời trước. Lẽ dĩ nhiên ông ta không biết tôi vì tôi thuộc loại cấp nhái. Vì tình cố hương và không muốn sự lẻ loi, dĩ nhiên tôi mong ước gặp được nhiều anh em cùng quê. Tôi không mong sự giúp đỡ, tính độc lập của tôi đã được huấn luyện ở quân trường Thiếu Sinh Quân cũng như trong gia đình. Sĩ quan Nùng trong Sư Đoàn 25/BB chắc cũng không ngoài mười mấy người kể cả Thiếu Úy Tsu A Cầu, người sĩ quan cuối cùng tốt nghiệp khóa 29 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, đến đơn vị vào tháng tư năm 1975. Thời bấy giờ Việt cũng như Nùng, tất cả đều cùng chung chí hướng chống cộng, giữ gìn quê hương để cho nhân dân được yên

vui hạnh phúc.

Sư Đoàn 25/BB có nhiệm vụ bảo vệ ba tỉnh Long An, Hậu Nghĩa và Tây Ninh. Tôi được phân phối yểm trợ cho Trung Đoàn 46, đóng tại Tỉnh Hậu Nghĩa. Tỉnh này có mặt khu Ba Thu và Bời Lời, địch dùng làm nơi trú ẩn quấy phá Long An và Hậu Nghĩa. Mặt khu Ba Thu tiếp giáp với tỉnh Svay-Riêng của Kampuchia.

Vào năm 1970 (nếu tôi không nhầm), sư đoàn được lệnh đánh qua biên giới. Đó là điều bộ chỉ huy sư đoàn mong muốn từ lâu. Biên giới là nơi trú đóng an toàn của Việc Cộng sau những lần quấy phá bên Việt Nam. Vào một buổi chiều sau cuộc họp, tôi đã được Ban 2 phát cho một đồng bản đồ, bao gồm vùng Tây Ninh xuống tới Mộc Hóa, gói gọn Ba Thu qua bên kia biên giới. Mặc dầu chưa có phóng đồ hành quân, tôi ước đoán được rằng cuộc vượt biên sẽ đến. Sáng hôm sau, tiểu đoàn được lệnh di chuyển lên Tây Ninh. Ngay tối hôm đó, tôi đã nhận được phóng đồ hành quân. Hai mục tiêu (MT) nằm trên đất Kampuchia, lúc đó tôi rất bồi hồi, không biết tốt lành ra sao, đối đầu quy mô với địch quân số lượng lớn, khác với các trận đánh du kích bên nội địa. Dù thế nào tôi cũng ao ước được đánh qua để trừ khử lũ chuột cứ thập thò bên đó, nhất là sau những lần đánh đuổi, quân lính ta đều bị ngưng truy kích tại lằn ranh giới. Duyệt lại sắp phóng đồ, tôi thấy có lều trại và kho lương thực của địch dọc biên giới. Lệnh đánh không được vượt quá 5 cây số sâu vào nội địa Kampuchia. Có cố vấn Mỹ nhưng Không Quân Mỹ không yểm trợ. Ngày xuất phát N, giờ D, gạo xáy, đồ hộp, nhét đầy ba lô của hai thằng em. Tôi cũng không quên mang theo café và vô đầy hai bình bi đông nước. Tôi check lại hai thằng mắc dịch của tôi có làm theo lệnh hay không (sau khi qua được hai ngày, một đêm thằng Bá đến bên tôi nói nhỏ, “ông thầy làm một hấp cho ấm bụng” tôi mới hay rằng nó đã đổi một bình nước thành bình rượu đế).

Đúng năm giờ sáng, tiểu đoàn được lệnh tuần thiết cùng thiết giáp (Thiết Đoàn 10 kỵ binh), ngồi trên xe M113 vượt Bến-Sỏi trực chỉ biên giới. Các toán biên phòng an ninh dọc hai bên lộ tiếp ứng. Bảy giờ sáng chúng tôi đã có mặt tại biên giới. Các chiến xa vượt qua từng gò mồi, vài chiếc đã bị đội mìn (chiến xa nằm trên gò, hai bên xích không chắm đất) làm trở ngại cho sự tiến quân. Qua khỏi đám gò, chiến xa đến khu đồng ruộng khô (sau khi thu gặt), dàn thành một hàng ngang khoảng năm trăm thước. Mỗi chiếc đều có cột anten, trên

đó cờ tam giác bầy phốt phorit sẵn sàng xung trận. Tôi đi chung xe với Tiểu Đoàn Trưởng 1/46, kế bên xe là Thiếu Tá Hồ Đăng, Chi Đoàn Trưởng, Chi Đoàn 1 Thiết Đoàn 10. Nhìn đám cưa đồng dàn hàng ngang làm tôi có cảm tưởng như cine trong phim đoàn thiết giáp của Trung Tướng George Patton Mỹ giao trận với đoàn thiết giáp Đức tại chiến trường Bulge.

Trong khi chờ lệnh, những chiếc điều hâu quần thảo trên cao, bắt đầu nhào xuống thả bom từng chiếc một, tiếp theo là những tràng pháo từ biên giới xé gió rơi vào mục tiêu, tạo thành một vùng khói mù mịt. Sau cùng một cột khói trắng bay lên, mọi phi pháo ngưng bật, đoàn thiết giáp bắt đầu tiến vào, tiếng đại liên 50 mang theo những vệt chớp nhoáng bay vào mục tiêu. Tiếng gầm của xe, tiếng bứt bùng của đạn, tiếng ra lệnh của truyền tin, tạo thành một màn cine hào hứng, trong đó có tôi. Hầu như tôi không nghe thấy tiếng đạn của địch bắn trả lại. Cuối cùng đoàn xe chiếm mục tiêu, tiếng súng ngưng dần, thỉnh thoảng vài tiếng M16. Bộ binh được lệnh tiến vào. Tôi vẫn ngồi trên xe, quan sát những chiến sĩ tiến vào mục tiêu thật oai hùng. Sau nửa tiếng lục soát, chúng tôi không tìm được địch, chỉ thấy nhà nát, cửa tan, cây cối đổ ngổn ngang. Đám dân Kampuchia, già, trẻ quì gối van lạy “lục ời, lục ời” coi thật thảm thương. Tôi bàng hoàng, một cảnh bi thương trước mắt, ân hận về sự tàn bạo của chinh chiến. Tôi không muốn nhìn cảnh tiêu tàn như thế. Tôi muốn nhìn thấy xác địch ngổn ngang trong trận đánh. Dân đen trong cuộc chiến nào cũng phải hứng chịu những tiêu tàn, khốn khổ. Tôi thảm oán cục tình báo đã không lấy được tin chính xác.

Sau khi lục soát các hầm hố không thấy địch, chúng tôi lên xe tiếp tục MT2. Lần này thì không phải đồng trống nữa, mà là những bụi cây, bụi trúc, những gò mồi cản trở sự tiến quân. Tôi để ý thấy có những ao rau muống, bạc hà, một sự báo trước có người Việt. Vì người Khờ-me thường chỉ trồng ớt. Không ai nói ai một sự im lặng chờ đợi. Tiếng gầm của thiết giáp, tiếng lệnh của truyền tin, mọi người ước đoán được một sự gì sẽ phải xảy ra. Khi gần mục tiêu, đột nhiên những tràng AK bắt đầu, lập tức các tràng đại liên trên xe đáp lại. Chiến xa cứ tiến, các chiến sĩ ngồi trên xe lắc lư, không biết khi nào những viên đạn sẽ xuyên qua thân thể. Đánh nhau là thế, lính thiết giáp không ngồi trong thùng xe, chỉ ngồi trên mui xe tấn công, ai xui thì trúng đạn. Người nào ngồi trong xe sẽ bị chết cháy nếu trúng đạn B40. Ngồi trên xe, xui thì trúng đạn, hên thì dăng xuống đất. Tôi ngồi

chung xe với anh xạ thủ mập tên Há (người Hoa), anh ta không ngừng nhả đạn trên đường tiến. Pháo binh can thiệp, lúc đó tôi không có thì giờ nghĩ đến cái chết. Đời lính sống chết là bình thường. Tôi bận rộn với bản đồ và gọi pháo binh. Súng nhỏ súng lớn, bên ta, bên địch, bắn lộn xà ngầu. Thiếu Tá Đảng, kẻ bên xe tôi ngồi bình tĩnh, chậm trễ ra lệnh cho các chi đội tiến quân. Tôi khâm phục vị chỉ huy này. Sau hai chục phút quần thảo, súng bên địch bắt đầu yếu dần, các xe thiết giáp tiến nhanh hơn, đột nhiên tôi thấy một chiếc chảy thật nhanh, đuổi theo một tên VC, các chiến sĩ từ trên xe nhảy xuống bắt được anh ta, và bị đánh tơi bời. Mục tiêu hoàn toàn bị chiếm gọn. Tôi thấy có những căn lều tranh, hầm hố và một kho gạo cộng muối. Khoảng một tiểu đội chính qui bị tiêu diệt. Đây chỉ là mục tiêu hậu cần.

Trời bắt đầu xuống dần, chúng tôi đóng quân tại một cánh đồng trống. Các chiến xa quay thành vòng tròn, đầu xe hướng ra ngoài, trước là lữ B40, xa hơn là đạn chiếu sáng được gài. Bộ binh đóng bên cạnh thiết giáp. Tôi không ăn mà chỉ uống nước, vì quá nóng và khô, bụi bám đầy mình, dòm ai ai cũng chỉ thấy đôi mắt và cái miệng. Màn đêm buông xuống. Tôi nằm trên đất ruộng gồ ghề với tấm poncho. Sau khi ghi xong những điểm tiên liệu trên phóng đồ hành quân, tôi bắt đầu đánh một giấc. Màn đêm mang đến sự hồi hộp chờ đợi. Đang miên man ngủ nửa tỉnh nửa mê, thỉnh thoảng một loạt đại liên rống lên. Tôi bắn mình chồm dậy, chụp lấy chiếc PRC25, Thiếu Tá Đảng lên tiếng, người lính gác báo cáo, có người hay vật làm bật cháy chiếu sáng. Thế rồi yên tĩnh trở lại, xa xa tiếng đại bác quấy rối thỉnh thoảng vang lên. Sự tỉnh giấc làm tôi ngủ lại không được. Tôi nhức mình vì đất ruộng lồi lõm. Tôi thêm một cái giường với tấm nệm êm mềm, thêm tô phở tái béo Bảy Hiền, thêm ly nước mía bên đường, ly café bên quán nhạc. Thêm những cái thật bình thường của người lính. Tôi nhớ Sài Gòn. Dân thành phố nhìn cuộc chiến một cách dửng dưng. Coi những thanh niên đi lính đánh giặc là nhiệm vụ đương nhiên. Họ có nghĩ rằng an ninh của đất nước là của chính họ đang bị đe dọa bởi VC hay không?

Tôi miên man trong giấc ngủ, khi tỉnh lại thì trời đã sáng. Kêu thằng em dùng chất TNT(Claymor) nấu ly café. Mùi café làm tôi tỉnh táo hơn. Khoảng 9:00 sáng ngày N+1, chúng tôi nhận được phóng đồ cho MT số 3. MT ở về phía đông sâu hơn vào đất Kampuchia. Thiết đoàn chia làm ba cánh, song song tiến quân. Kampuchia đất bằng, việc tiến quân đương đối dễ, những xóm nhà, bụi cây, khóm trúc lúi

dẫn về phía sau, rồi tiếp nối những đám khác. Chiến xa lăn xích, bụi bay mù mù. Đáng ngại nhất cho chiến xa là B40 (lúc đó chưa có hỏa tiễn tầm nhiệt). Có lẽ đây chỉ là vùng hậu cần của địch, cho nên chúng tôi ít gặp sự phản kháng.

Đến khoảng hai giờ chiều, thì chiếc xe đầu gặp phải sự kháng cự, những tràng AK nổ dồn bắn về phía chúng tôi. Khoảng một chi đội tiến thẳng vào mục tiêu. Những khẩu đại liên bắn tới tấp phủ đầu, làm cho địch khó ngược đầu lên nổi. Rồi MT cũng được chiếm xong. Ba, bốn tên VC nằm chết, số khác chạy trốn. Đây là kho lương thực vĩ đại, dưới lùm cây là từng đồng gạo không lồ, kế bên là muối, không mái che. Những kho lương thực như thế này, thường là để chuẩn bị cho đại quân đến trú đóng. Công Trường 7 và 9 được ghi nhận thưởng hiện diện tại vùng biên giới này.

Sau thời gian ngắn để tiêu hủy kho lương thực, chỉnh đốn lại hàng ngũ, đoàn xe tiếp tục hành trình. Di chuyển khoảng vài trăm thước chúng tôi bị pháo kích. Đạn 82 ly nổ trước mặt, sau lưng rồi tiếp tục AK, thượng liên, B40 bắn tới tấp. Tôi hồi hộp ngồi trên xe không sự che chở, không biết lúc nào AK hay B40 sẽ hất tung tôi xuống đất. Tình hình khá căng thẳng, không thì giờ để mà run rẩy. Tôi chụp lấy máy, lúc đó tần số rất ồn ào, các toán tiền sát la oai oái. Tôi đành nhường cho sĩ quan liên lạc cấp cao điều khiển pháo. Đoàn chiến xa ùn ùn tiến vào mục tiêu. Một quả B40 bay vụt qua bên xe T/Tá Đảng, rơi xuống phía sau nổ ầm. Một chiếc khác cách mục tiêu khoảng chục mét thì bị đứt xích. Chiếc kế bên trái lui về, xe gạt qua quá nhanh làm một anh lính bộ binh rơi xuống, bị xích xe cán vào đùi. Hỏa lực bên địch bắn khá rát. Cả một tuyến hơn trăm mét đều có địch. Vì bám sát vào MT nên pháo kích của địch vô hiệu. Khoảng hơn hai chục phút giao tranh, thấy khó chiếm được MT, các chiến xa được lệnh lùi về phía sau hơn trăm mét, nhường cho phi pháo bắn phá. Tôi thấy VC nhảy vào lùm tre lần trốn, phi cơ bắt đầu oanh tạc, cây sới các lùm tre. Khói, bụi, tre bay mù mù. Lợi dụng lúc bụi khói che phủ, chiến xa xung phong vào. Súng nhỏ lớn bắn ào ạt, cướp tinh thần địch. Mặc dù bị bom đạn, hỏa lực địch vẫn còn mạnh. Khi máy bay thả bom, VC trốn vào hầm kín dưới gốc tre, khi ta tiến vào thì địch chảy ra giao thông hào phía trước bắn trả. Các chiến xa chỉ nhấn vào các bụi tre xả kích, thì ra địch ở phía trước bụi tre. Càng tiến gần, hỏa lực B40 của địch xoay xở càng khó. Chiến xa xông thẳng vào mục tiêu. Các chiến sĩ trên xe bắn ào ạt vào giao thông hào. Bộ binh được

lệnh nhảy xuống xông vào MT. Từng tên địch được thanh toán. Sau khoảng một tiếng giao chiến, hỏa lực địch yếu dần. Xác địch nằm ngổn ngang khắp nơi và dưới giao thông hào. Phía sau vài chục thước, bảy tên xác địch và khẩu 82 ly cùng đạn được tìm thấy (bị trực thăng xả kích). Bộ binh tiếp tục lục soát các hầm hố và vùng chung quanh để thu dọn chiến trường. Bên ta, số chết và bị thương được trực thăng di tản, các chiến xa hư được sửa và kéo theo.

Trời xế chiều, chúng ta lùi khoảng hơn cây số rồi đóng quân. Hai ngày sau, về tới Chi-Pu (cách Gò Dầu mười mấy cây số). Lúc đó vùng Ba Thu được cánh quân khác tảo thanh. Hơn một tuần vất vả, hầu như vùng biên giới Việt-Miêm đã được thanh toán. Hậu cần quân địch hoàn toàn bị tê liệt. Quân Bắc Việt bị một vố thất bại nặng nề. Yếu tố bí mật, bất ngờ, biết địch biết ta đã giúp đạt được thắng lợi vẻ vang.

M41 Walker Bulldog



Thân Phận Người Lính Miền Nam Sau Cuộc Chiến 1975

Nguyễn Đức Quyền K28

Sơ lược tiểu sử

_Cựu SQ/QLVNCH, Tốt nghiệp TVBQGVN Khóa 28 Hiện Dịch
_Thiếu Úy Phụ Tá Ban 3 Liên Đoàn 9 Biệt Động Quân
_Cựu Tù Nhân tại Trảng Lớn-Tây Ninh, Bù Gia Mập, Bù Gia Phúc,
Rừng Phước Long Sông Bé

Bối Cảnh Lịch Sử Đệ I và Đệ II VNCH

Chiến Tranh Việt Nam (CTVN) là cuộc chiến tranh ý thức hệ của những người Việt Nam yêu chuộng Tự Do chống lại sự xâm lăng của Chủ Nghĩa Cộng Sản (CNCS). Trong hoàn cảnh Thực Dân Pháp đang đô hộ VN, CNCS đã xâm nhập vào VN từ năm 1930, được sự hỗ trợ của các nước CS trên toàn thế giới. Chúng đã chiếm được một nửa nước VN vào năm 1954 bằng Hiệp Định Genève.

Năm 1955, Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) được thành lập ở phía Nam Vỹ Tuyến 17 dưới chính thể Tự Do và Dân Chủ. Cộng Sản Bắc Việt lập tức phát động cuộc xâm lăng VNCH bằng quân sự và chính trị. Trước nguy cơ CNCS sẽ nhuộm đỏ cả vùng Đông Nam Á, Hoa Kỳ đã trợ giúp chính phủ VNCH để chống lại Chủ Nghĩa Cộng Sản. Từ năm 1965, Hoa Kỳ đã trực tiếp đưa quân tham chiến, đã hy sinh 58.000 quân nhân Mỹ tại miền Nam Việt Nam.

Tiếc thay, vì những tính toán trên bàn cờ quốc tế, Hoa Kỳ đã bỏ rơi VNCH bằng Hiệp Định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973; để một mình Quân Lực VNCH chống lại sự tấn công của toàn khối Cộng Sản Quốc tế. Chỉ hai năm sau, VNCH đã bị Cộng Sản Bắc Việt thôn tính vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

THÂN PHẬN NGƯỜI LÍNH VNCH SAU NGÀY 30 THÁNG 4 NĂM 1975.

Cuộc sống của toàn dân VNCH bước vào một giai đoạn bi đát, khôn

cùng. Ngoài những sĩ quan của QLVNCH, các công chức, các đảng phái... bị tập trung giam cầm và lao động khổ sai trong các trại cải tạo, người dân Miền Nam cũng chịu muôn vàn cay đắng: Bị phân biệt đối xử, bị áp bức đủ điều, bị mất các quyền tự do căn bản, bị đày đi vùng Kinh Tế Mới, con cái bị xem xét lý lịch khi đi học, đi làm... Ý thức được những đau thương mà dân chúng Miền Nam đang phải chịu đựng, Tổng Thống Hoa Kỳ Reagan đã phát biểu: “Chấm dứt Chiến Tranh Việt Nam... cái giá phải trả cho loại hòa bình đó, là ngàn năm tăm tối cho thế hệ sinh ra tại Việt Nam về sau.”

Trước tình cảnh bi đát đó, người dân Miền Nam đã tìm mọi cách vượt thoát khỏi chế độ Cộng Sản. Họ tìm cách vượt biên bằng đường biển trên những con thuyền mong manh, vượt qua sóng gió của đại dương, trốn tránh công an Cộng Sản vây bắt, của hải tặc để mong đến được bến bờ Tự Do. Họ cũng vượt biên bằng đường bộ qua ngã Campuchia Thái Lan. Theo phỏng đoán của Liên Hiệp Quốc, đã có khoảng 500 ngàn người Việt Nam bỏ mạng trên con đường tìm kiếm Tự Do, vì bão tố, hải tặc, bạo bệnh, bị khủng bố...vv.

Nhân chứng lịch sử

Tôi đã là nhân chứng của nỗi khổ đau cùng cực và khổ ải mà kết cục của đoạn đời là tôi trở thành phế nhân.

Năm Mậu Thân -1968, lúc tôi đang học lớp Đệ Tam (lớp 10 ngày nay), tôi đã chứng kiến cảnh tàn sát vô cùng dã man và tàn bạo của cộng sản nằm vùng với đồng bào Huế. Chính tôi đã đi đào tới hố thứ bảy mới thấy xác Thầy Minh Tổng Giám Thị. Rất dễ nhận ra vì ông bị cụt chân trái. Ông đã bị trói hai tay sau lưng, xô xuống hố, chôn sống và lấp đất. Tôi không thể quên cô (*vợ của thầy*) và các em nhào tới ôm xác khô cứng của chồng, cha mà khóc thảm thiết.

Hình ảnh Vành Khăn Tang cho Huế ám ảnh tôi, đã thôi thúc tôi tình nguyện thi vào Trường Võ Bị Đà Lạt Khóa 28 Hiện Dịch năm 1971.

Vào những ngày cuối tháng 3/75 tình hình chiến sự càng căng thẳng, chúng tôi đang học Nhảy Dù, thì được lệnh về Trường. Tình hình chiến sự thay đổi từng ngày với những bất lợi nghiêng về phía ta.

Trường Võ Bị di tản về Long Thành.

Ở đây không bao lâu, ngày 21/4/1975 có lệnh hai Khóa 28, khóa 29 ra trường. Lễ mãn khóa được tổ chức vô cùng đơn giản, không ngờ tới. Các sinh viên sĩ quan tốt nghiệp trong quân phục tác chiến với nón sắt, không phóng viên, không một tấm hình kỷ niệm, không người thân tham dự. Nếu có điểm đặc biệt là một đoàn xe quân vận đang chờ để chở các tân thiếu úy ra ngay mặt trận, không một ngày phép mãn khóa.

Tôi được xe binh chủng BĐQ đưa đi trình diện Bộ Tư Lệnh đường Tô Hiến Thành ở Sài Gòn, được bổ sung về Quân Đoàn III và cuối cùng đi bộ trong đêm về Ban 3 Liên Đoàn 9 BĐQ ở Củ Chi-Hóc Môn. Ngay tối hôm đó, bạn bè tôi đã được lệnh đi canh gác gò mồi cùng lính, còn tôi ở lại Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn, hằng đêm bay trực thăng hai lần quan sát trong đêm, rồi tan hàng khi Dương Văn Minh ra lệnh buông súng.

Than ôi! Thật bất ngờ đầy nghiệt ngã! Ngày 30 tháng tư, 1975 trở thành Ngày Quốc Hận. Sau đó tôi cố ở lại Sài Gòn. Tôi phải bám Sài Gòn mà sống, dù không có thân bằng quyến thuộc. Tôi chỉ dựa vào gia đình vợ chồng người anh thời niên thiếu cùng ở cô nhi Viện Bảo Anh Huế. Mà anh chị cũng không hơn gì đồng bào Sài Gòn, cùng cảnh ngộ, cơ cực đem bàn ghế, tủ giường ra đường bán kiếm gạo...

Hằng ngày tôi lo phụ anh chị kiếm gạo mà sống. Chưa định hình được phải sống như thế nào, thì tôi bị cộng sản gạt lừa đi tù với mỹ từ “cải tạo”. Gần 3 năm chịu đựng khổ nhục, không một lần thăm nuôi khiến bạn tù nhìn tôi với ánh mắt tội nghiệp con bà phước.

Tháng 5/1978, tôi được thả khỏi trại tù, tạm trú và bị quản chế ở địa chỉ nhà anh chị Tâm Hảo. Vì quá cơ cực anh chị lên kế hoạch vượt biên. Sợ bị công an Cộng Sản để ý, theo dõi nên tôi đã xin vào lò gạch Biên Hòa, làm việc tay chân, như xáo đất, chạy gạch, vô ra lò mà sống mà đợi ngày G đi.

Ai ngờ tới giờ G, người tổ chức kêu đi lại 12 giờ đêm, lúc đó đâu có điện thoại mà gọi, nên tôi lại bơ vơ một mình.

Năm 1980, tôi may mắn gặp lại người đàn anh Võ Bị K27, vừa trốn trại ra, Anh này rất mạnh mẽ, từ “cải tạo” về là tổ chức vượt biên ngay. Anh bị bắt kết án 15 năm tù vì có súng trong người. Thế mà 3 năm sau

anh lại trốn thoát lần nữa, gặp tôi bàn tìm mọi cách trốn thoát tiếp.

Tôi là người đã tìm đường vượt biên bằng đường biển, nhưng đã không thành công. Vợ con tôi ở tù ba tháng ở Nhà Bè. Lần thứ hai đi tiếp vẫn thất bại. Tôi đã bị Công An truy đuổi, bị bắn ngay khi tôi đã không còn kháng cự, đứng lại chịu trói. Thế mà họ chỉ súng vào chân tôi bắn bất ngờ. Tôi bị mê mang bất tỉnh bốn ngày ba đêm. Ôn trời, tôi không chết mà mất một phần thân thể năm 1980. Tôi đã bỏ lại chân trái trên quê hương cho khát vọng Tự Do của mình, khi không còn chiến tranh. Ôi thật trớ trêu!

Năm 1983 lại dân thân một lần nữa với một chân cụt trên đầu gối. Thời cơ vẫn chưa tới, tôi bị bắt và ngồi tù chín tháng tại Trại Tà Niên. Vượt biên không được, tôi lại bon chen chương trình HO. Tôi cũng bị loại vì tù thiếu 28 ngày. Thế là hết, buồn ơi chào mi. Nhưng tôi vẫn phải sống, phải kiếm công ăn việc làm để nuôi sống chính mình và vợ con. Chân cụt không làm công việc nặng được, may có chút khiếu hội họa lúc còn học Trung Học, tôi xin vào ban khắc vẽ lò gốm. Tôi sống với nghề tay trái đó nuôi sống gia đình. Hằng đêm hai vợ chồng bỏ đồ gốm chung bày trong ngày xuống, ngủ trên cái kệ bệ ngang một thước.

Thật tôi nghiệp cho tôi, cũng như người lính Việt Nam Cộng Hòa khác cùng hoàn cảnh, ở trên đất nước mình mà là kẻ TẠM DUNG, không một tấm giấy lận lưng, ngoài tờ giấy photo Tạm Tha khỏi trại Tù mà thôi. Tờ giấy chính của tôi đã bị công an Phường thu lại.

Hằng ngày tôi chống nạng lên lò gốm làm việc. Không có chân giả vì không có hộ khẩu lại là lính “Ngụy”, bên thua cuộc, nên tôi phải chấp nhận mà thôi. Hằng đêm, tôi nhìn trời trăng sao mà than:

Còn trời, còn đất, còn non nước.
Chẳng lẽ ta đâu mãi thế này

Khát vọng tìm Tự Do trong tôi vẫn mãnh liệt nên tôi tìm đủ mọi cách. Cuối cùng Ông Trời cũng nhìn lại tháng 8/năm 2011 tôi đến được Hoa Kỳ, định cư vùng đất Tự Do với hai hình ảnh một đời người, qua bảo lãnh của người vợ yêu dấu, sau 36 năm trời rông rã, mệt mỏi.

PHẦN ĐẦU ĐỂ XÂY DỰNG LẠI CUỘC ĐỜI

Đến được vùng đất Tự Do, vùng đất của cơ hội, những người Việt Nam đã hăng say xây dựng lại cuộc đời mới. Họ làm việc chăm chỉ, cật lực để nuôi sống gia đình và thực hiện “giấc mơ Mỹ”: Đó là một cuộc sống sung túc, con cái được học hành đàng hoàng, được đối xử công bằng, và trên hết là một đời sống tự do, và phẩm giá con người được tôn trọng.

Con cái của những người Việt Nam đến Mỹ cũng nhanh chóng hội nhập vào cuộc sống của một đất nước văn minh. Các cháu phải cố gắng nhiều hơn so với người bản xứ, để thành công trong việc học, và tìm một chỗ đứng trong xã hội. Va chạm của hai nền văn hóa Việt Nam và Hoa Kỳ, đôi lúc tạo nên những xung đột trong nhiều gia đình tỵ nạn, đòi hỏi những bậc cha mẹ phải rộng lượng, bao dung và thông cảm cho con cái, để hướng dẫn và hóa giải những vấn đề gặp phải, đồng thời khuyến khích con cái không quên cội nguồn và bản sắc của dân tộc.

Đến thế hệ cháu chắt, chúng ta cần cho thế hệ này hiểu biết, tại sao người VN đã có mặt ở Hoa Kỳ và tại nhiều quốc gia Dân Chủ trên thế giới. Đây là lúc mà lịch sử của Dân Tộc Việt Nam và lịch sử của Chiến Tranh Việt Nam cần được truyền bá một cách trung thực, khách quan. Chính vì thế những tài liệu lịch sử được biên soạn một cách công phu, bởi những tác giả đáng tin cậy, là vô cùng quý giá để các thế hệ hậu sinh biết trân trọng những hy sinh, gian khổ của tiền nhân đã phải trả giá chỉ vì hai chữ TỰ DO. Ngoài ra chúng ta cũng phải nỗ lực duy trì việc dạy Việt Ngữ cho con cháu vì: “Tiếng Việt còn, thì Nước Việt Còn”. (Phạm Quỳnh).

Khi tới đất nước Tự Do tôi đã 60 tuổi, cái tuổi xế chiều đời người. Tôi vẫn lao vào đi xin việc, nhưng vì tàn tật, vì sức khỏe không cho phép nên tôi chỉ làm part time ở Viet Museum. Ở đây những hình ảnh người lính, huy chương, thuyền nhân, những kỷ vật này làm sống lại trong tôi, cờ Vàng tung bay ngày đêm. Lòng tôi rộn ràng. Tinh thần tôi mạnh mẽ giúp tôi làm việc không nề hà bất cứ việc gì mà Giám Đốc Vũ Văn Lộc giao phó. Rất tiếc ngày 8/2/2022 tôi lại phải mổ đầu gối phải, đành từ giã công việc mà tôi yêu thích, giúp gìn giữ:

ĐEM TRO TÀN LỊCH SỬ, TA XÂY DỰNG BẢO TÀNG,
LẤY QUÁ KHỨ HUY HOÀNG, GỬI TƯƠNG LAI VĨNH CỬU.

Khi chương trình xây dựng Trung Tâm Dịch Vụ Phục Vụ Việt Mỹ (VASC) này xúc tiến, tôi nhận thấy chương trình rất hay, bổ ích cho người Việt luống tuổi như chúng ta. Tôi đã tham dự hầu hết và ngay từ đầu những buổi họp vận động. Cuối cùng qua bao năm tháng Trung Tâm đã hoàn thành, đã giúp ích cho những người cao niên cùng hưởng phúc lợi hằng ngày, lãnh thức ăn, học vi tính, học Anh Văn thi quốc tịch, học khiêu vũ v. v..

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã mở ra một chương buồn thảm nhất trong lịch sử Việt Nam thời cận đại, nhưng đồng thời cũng là một cơ hội để những người Việt Nam toả ra khắp thế giới, mang theo khát vọng Tự Do và một nền văn hóa nhân bản với bản sắc Việt Nam giới thiệu đến với nhiều quốc gia trên thế giới. Riêng bản thân, tôi là người lính BĐQ cái giá tôi phải trả khi tìm Tự Do, là phải bỏ lại cái chân trái trên quê hương dầu yêu. Đau đớn thay!

Đã 48 năm trôi qua, nhưng những người VN không bao giờ quên biến cố đau thương của ngày 30 tháng 4 năm 1975, đồng thời luôn chân thành tri ân những quốc gia Dân Chủ, mà đứng đầu là Hoa Kỳ, đã cứu mang hàng triệu người VN tỵ nạn Cộng Sản. Chúng ta vẫn luôn hy vọng rằng: Sẽ có một ngày, Tự Do và Dân Chủ sẽ lại trở về trên Quê Hương Việt Nam.

Việt Nam Cộng Hòa Muôn Năm!
28/4/2023



QUÊ TÔI

Chị Lê Xuân Trạch K20/1

(Thân gửi đến các anh chị K20
để nhớ những lần họp mặt nơi đây)

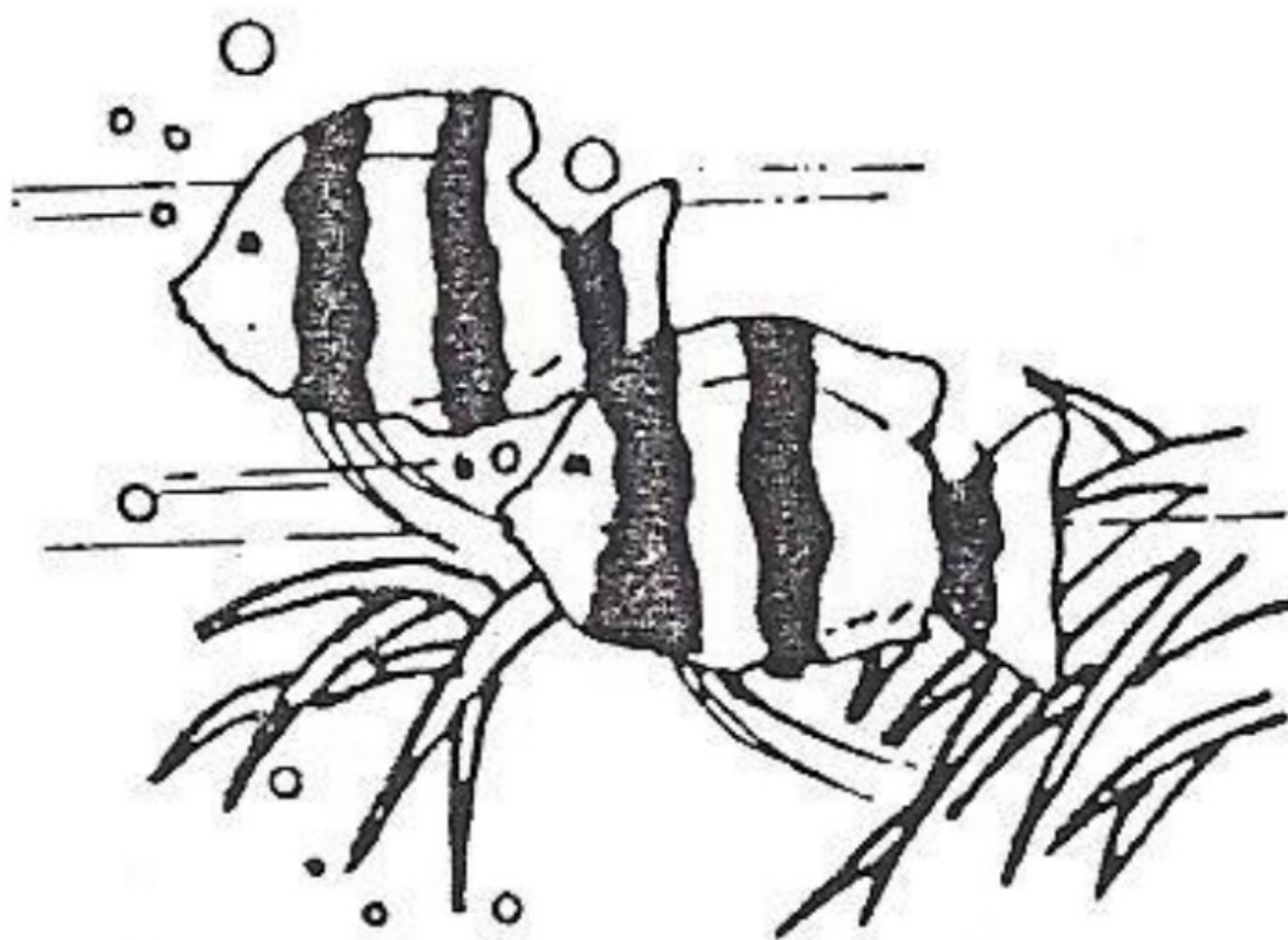
Quê tôi ở cạnh Sài Gòn,
Đồng Nai chi nhánh có vài sông con.
Khi tôi còn bé tí hon,
Nhà tôi nằm cạnh rạch con cuối dòng,
Sát bên dựa mía lòng đường.
Quanh năm thơm phức mùi thơm mía đường.
Khoảng tôi vào tuổi đến trường,
Nhà tôi được dọn qua bên kia đường.
Cây trồng đủ loại ngoài vườn,
Bóng rợp, tàn mát là hàng dừa xanh.
Có cam, bưởi, quýt trĩu cành,
Bốn mùa hoa nở, hương chanh dạt dào.
Mỗi líp đất một mương đào,
Có cây khế ngọt, mận hồng đào thật say.
Mẫu đơn từng khóm mọc dài,
Mỗi lần gió thoảng hương bay ngạt ngào.
Xa xa có mấy hàng cau,
Thân cây mảnh khảnh quán bao bởi trầu.
Qua mương có ván bắt cầu.
Cây ổi xá lị, mãng cầu, cây na.
Sầu riêng lâu chẳng ra hoa?
"Sa phô chê" lòng trứng, Ba tôi trồng,
Trái to như trứng ngỗng hồng.
Cây xoài lủng lẳng, lòng thông trái treo,
Cây Vú sữa thấp dễ trèo,
Mấy bụi Chuối trổ bắp nải treo thật dày.
Có đu đủ có thơm Tây.
Có khóm lá dứa xanh vây líp trà.
Trước ngõ thay thế cây Đa,

Bằng Lăng, phượng đỏ nở hoa suốt hè
Lối vào con có cây me.
Hàng Mai tứ Quý phủ che sân ngoài.
Trước Tết tính nhẩm từng ngày,
Xúm nhau lật lá cho mai nở nhiều
Sắc vàng trông thật đáng yêu
Buổi sáng gió thoảng buổi chiều gió bay
Có hoa thơm giữa ban ngày,
Về đêm Dạ Lý đưa hương vào phòng
Những đêm trăng sáng trời trong
Kéo nhau trang lứa cầm lồng đi soi (cá)
Ham vui cũng có mặt tôi
Dưới mương cá ngủ xâm coi dễ dàng.
Có khi chỉ đặt lờ ngang,
Sáng ra thức sớm giờ hàng đêm hôm
Cá rô, cá sặc, tép tôm...
Cá trê, cá tra, cá lóc thì gom,
Cá lụi chôn giữa đồng rơm,
Lửa tàn cá chín mùi thơm lạ thường.
Món ăn mộc mạc dễ thương
Gỏi bưởi, khế, đu đủ thường trộn nhau ?
Sau vườn còn đủ thứ rau
Thêm ít bánh tráng nạo dừa cuốn chung
Khoai mì hấp trộn ăn cùng.
Thèm chè thì sẵn có thùng dừa khô
Món ăn giả dị thô sơ
Giờ đây hồi tưởng mà ngơ ngẩn thêm
Mong về quê cũ để xem,
Nhấn ai qua đây nhớ đem chút quà
Thẳng theo Quốc lộ mười ba (13)
Qua cầu Bình Triệu, Fatima, chợ Chiều
Hương về Thủ Đức Lái Thiêu,
Ngang ấp Bình Phước, xả kê Hiệp Bình
Nơi có quán phở Hoà Bình
Một thời vang tiếng "Hoà Bình tuyệt Chiêu"
Lạ quen khách ghé rất nhiều
Thưởng thức Tô phở bao nhiêu nghĩa tình!
Làm sao quên được quê mình?
Sài Gòn, Bình Phước bóng hình thân yêu.
Sài Gòn giờ mất tên kêu,

Quê tôi cũng mất rất nhiều hương xưa!

Một dịp về thăm

**Ra đi vẫn nhớ Sài Gòn
Quê tôi biến dạng không còn như xưa
Chẳng còn thấy bóng cây dừa
Biến mất lớn, nhỏ, chẳng còn cây chi
Đau lòng kẻ ở người đi
Hỏi mình giờ phải làm gì được đây?
Hay đành nhắm mắt xuôi tay!
Hỏi trời sao nỡ đọa đày dân tôi?**



QUÂN TRƯỜNG VÀ CHIẾN TRƯỜNG

Trương Văn Út K22



...Thế là tôi âm thầm giã từ đôi mắt lén lách u uẩn chiều tiền đưa của cô láng giềng, người em gái nhỏ lên đường vào quân ngũ! Tôi nhập trường Võ Bị Quốc Gia (Đà Lạt) vào tháng 12 năm 1965. Tính đến nay (2023) đã hơn nửa thế kỷ, năm mươi tám năm trôi qua cũng khá dài so với đời của một con người. Chặng đường “Bình Nghiệp” tuy không dài lắm đối với thiên lý tuế nguyệt và gió bụi thời gian, nhưng với tôi thân phận phạm nhân “bị” cuốn trôi lăn ngập chìm trong biển lửa, máu, nước mắt của chiến tranh và hoài niệm cảnh cũ, người xưa với “thương hải biến vi tang điền” chẳng qua chỉ là định mệnh. Chưa phải là thiên lý du du bỉ phương, nhưng có lẽ vừa đủ để ký ức đọng đầy những kỷ niệm mà nét thời gian hằng chuyển chuyển nhật tân lại chông chát nhật tân...nhật nhật tân, tưởng chừng đôi lúc như đã lãng quên, bồi xóa nhật nhòa đâu đó. Nhưng “nó” vẫn còn lảng vảng quanh đây như hiện tiền chưa chịu phai với nhiên khứ lai hề, thiên thu giả mộng mà mỗi khi nhắc đến thì dĩ vãng lại hiện ra như một đoạn phim sống thật còn lưu trữ tận trong tiềm thức của chính mình. Nửa đời oan nghiệt, lẫn lộn tiếc nuối, chua xót cho thân phận của một thế hệ "sinh bất phùng thời"! Hai năm trong Quân Trường, tám năm với Chiến Trường, bốn mươi tám

năm trời lận đận với tù tội và lưu vong xứ người, cảm cảnh:

”Quê Hương khuất bóng hoàng hôn,

Dậy lên khói sóng cho buồn lòng ai” !

Nay ở đây, Tổ Quốc là “tổ quốc” của người, Dân Tộc là “dân tộc” của người, Tổ Tiên là “tiên tổ” cũng của người, đất đai mả lạ quắc, lạ quơ! Còn lại cho riêng trong tôi vẫn là dòng sông ký ức một thời với Quân Trường và Chiến Trường.

- Quân Trường: Nơi đó tôi có “đàn anh, đàn em: Khóa 21 (K21), Khóa 22 (K22) Khóa 23 (K23) và các Sĩ Quan Cán Bộ, Sĩ Quan Tham Mưu Hành Chính được gọi là "Đồng Môn" cùng đã đổ mồ hôi như nhau, cùng dìu dắt nhau trên ngưỡng cửa binh nghiệp với biết bao nhiêu ân tình nghĩa lụy in hằn thành kỷ niệm có mấy ai quên!

- Chiến Trường: Nơi đó tôi có đồng đội cùng đồng cam, cộng khổ với máu và nước mắt qua những tháng năm miệt mài khói lửa mà sự sống và cái chết chỉ cách nhau một sợi tóc, cái còn, cái mất như bọt nước chóng tan vỡ tựa bong bóng phù du. Nhưng nó lại rất thực và siêu nhiên mỗi lần vuốt mắt cho bạn bè đồng đội đã ngã xuống với vết đạn cày sâu ghim trong thân thể hãy còn chút hơi ấm và đang lạnh dần mà hồn thiêng như u uất vương váu, lẫn khuất đâu đây rờn rợn dưới làn gió âm u thổi qua và đạn pháo của quân thù đang nổ vang rền trên chiến địa.

“Quân Trường Đổ Mồ Hôi - Chiến Trường Đổ Xương Máu”

Tháng 12 - 1967, tôi tốt nghiệp Khóa 22 Võ Bị Đà Lạt (K22 TVBQGVN), sau đó tôi về trình diện Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt (BTL-LLDB) và được bổ nhiệm về Tiểu Đoàn 91 Biệt Cách Nhảy Dù (TĐ 91 BCND) cùng hai người bạn cùng khóa. Hãnh diện sung sướng biết bao khi trình diện vị Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Lê Như Tú (K11 VBĐL), rồi được giới thiệu Đại Úy Tiểu Đoàn Phó Nguyễn Quang Vinh (K14 VBĐL), Đại Úy Bình-Ban Ba (K17 VBĐL), Đại Úy Táo - Ban Truyền Tin (K20 VBĐL), Đại Úy Hưởng Trưởng Ban An Ninh (K19 VBĐL), Đại

Đội Trưởng Đại Đội 1- Trung Úy Thăng (K20 VBĐL), Đại Đội 6-Trung Úy Tuấn (K20 VBĐL), Đại Đội 3-Trung Úy Lâu (K21VBĐL), còn nhiều nữa kể không hết.

Tôi cảm thấy ấm lòng vì ngây thơ với ý nghĩ lạc quan: “*may quá, mình may mắn về tiểu đoàn khét tiếng này vì toàn là “dân” Đà Lạt không hà, chắc mầm thế nào cũng được bao che và nâng đỡ*”! Nhưng tôi đã lầm to, cho dù các niên trưởng có "phe đảng" bao che cho mình như thế nào chẳng nữa, thì có tài thánh cũng không ngăn chặn được súng đạn vô tình, và niên trưởng có quyền thế cũng không nâng đỡ được nếu mình tỏ ra kém khả năng chỉ huy, hèn nhát và khiếp nhược trước họng súng của quân thù, nhất là trước mặt thuộc cấp dưới quyền của mình trong tình huống dầu sôi lửa bỏng! Và chỉ mới có một tuần lễ sau, ngay trong đêm giao thừa Tết Mậu Thân năm 1968...Thiếu Tá Lê Như Tú Tiểu Đoàn Trưởng tử trận, Đại Úy Vinh-Tiểu Đoàn Phó bị thương nặng không còn khả năng tác chiến và ba người bạn cùng khóa K22 của tôi, Trần Thiện Chấn, Huỳnh Kim Tiến, Đặng Văn Lợi phút chốc cũng đã bỏ bạn bè, đồng đội hồn bay về nơi đâu khi tiết Xuân thì hãy còn khoe sắc lụa mượt mà trên những đọt chồi non mơn mớn và mấy nụ mai vàng đang lung linh rung nhẹ trước gió sớm đầu mùa! Rồi lại thêm nữa một Đại Đội Trưởng bị tử thương và lại thêm nữa Đại Đội Trưởng khác bị thương mất một chân! Cũng may Đại Đội Phó Đại Đội 3 là niên trưởng Nguyễn Đăng Lâu (K21) lên thay thế chỉ huy, điều động tác chiến! Thời gian chỉ có bốn tháng kể từ ngày ra trường, tôi đã trải qua ba cuộc hành quân chớp nhoáng với cường độ khốc liệt, đẫm máu trên 3 vùng chiến thuật: Vùng I, Vùng II và Vùng III với những cuộc hành quân: Giải Tỏa Thị Xã Nha Trang, Thung Lũng Ashau, A Lưới, Giải Tỏa Mặt Trận Cây Quéo - Cây Thị. Chỉ khoảng thời gian chưa đầy nửa năm mà Đại Đội 3 của tôi đã phải thay đổi tới bốn vị Đại Đội Trưởng cho tới vị Đại Đội Trưởng thứ năm là niên trưởng Nguyễn Văn Lân (K17 VBĐL) từ trại Lực Lượng Đặc Biệt biên phòng “Pleimoreng” (vùng tây nguyên Pleime) về chỉ huy đại đội, với dáng người cao dong dỏng, gương mặt trẻ như sinh viên đại học dù nước da rám nắng, ứng xử với ngôn ngữ nhã nhặn, dịu dàng, lịch sự với cả cấp trên

lần người dưới. Khi nhận bàn giao xong, Anh bảo tôi giới thiệu đơn vị và quân nhân các cấp cho Anh, sau đó gọi tôi vào phòng riêng căn dặn :

- Út đã ở đơn vị này từ ngày ra trường cho đến bây giờ, Út giúp cho Anh trông coi đơn vị, có gì trở ngại hay cần những quyết định quan trọng báo cho Anh biết ngay... nếu đơn vị dưỡng quân ở hậu cứ, ngày thường anh em tà... tà rong chơi, Út nên cùng anh em sinh hoạt như: huấn luyện, chiến tranh chính trị, bảo trì vũ khí quân trang-quân dụng... hãy chú trọng vấn đề lãnh đạo chỉ huy cho các cấp trưởng, vào những ngày cuối tuần, Anh cho xã trại 100%, riêng phần Anh tự chính mình cắm trại 100%. Út có thể sử dụng xe Jeep của Anh cùng các Sĩ Quan, đi chơi. Nhưng nhớ giữ kỷ luật đừng đánh lộn đánh lạo, làm mang tiếng xấu cho đơn vị...

Nhưng rồi "tai nạn" cũng “phải” xảy ra một vụ bắn lộn. Anh Lân nghe báo cáo, vội phóng ra đồn Quân Cảnh Nha Trang thì lại gặp Ông Đồn Trưởng là Đại Úy Trương Văn Cao (K18 VBĐL)) thế là mọi việc được “xử” êm xuôi trong tình “Huynh Đệ Chi Bình” với vài lời khiển trách nhẹ nhàng của hai Ông niên trưởng. Niên Trưởng Trương Văn Cao trách:

- Mới ra trường chưa nứt mắt mà bắt đầu làm trò khỉ rồi!

Vài ngày sau đó, đơn vị tham dự hai cuộc hành quân xâm nhập Chiến Khu C, Chiến Khu Đ, giải tỏa Núi Bà Đen, Núi Heo, Núi Cậu. Chính ngay trong những chiến địa này, Anh Lân đã chỉ dẫn, trao truyền cho tôi những kinh nghiệm máu xương của chiến trường. Anh là người đã khuôn đúc cho anh em thuộc cấp chúng tôi như những viên gạch vững chắc để tôi vững bước trên con đường khói lửa chiến chinh sau này. Anh chỉ chỉ huy Đại Đội 3 Biệt Cách Nhảy Dù (ĐĐ3 BCND) chưa đầy một năm thì được chỉ định giữ chức vụ Tiểu Đoàn Phó cho Thiếu Tá Trần Phương Quế (K10 VBĐL). Vị Sĩ Quan khác đổi về thay thế Anh, tôi vẫn là Đại Đội Phó ĐĐ3 BCND. Ba tháng sau, Anh gọi tôi lên Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn cười cười nói :

- Chuẩn bị tâm tư nhận lệnh phạt đó em!

Thì ra Anh Lân và các niên trưởng khác đã hết lời thuyết phục Tiểu Đoàn Trưởng bổ nhiệm tôi quyền làm Đại Đội Trưởng Đại Đội 5 Biệt Cách Nhảy Dù (ĐĐT/ĐĐ5/BCND) khi tôi vừa tròn 23 tuổi, một Đại Đội Trưởng “măng non” miệng còn hôi sữa, chưa có “bề dày” chiến trường so với các Đại Đội Trưởng khác cùng đơn vị, nhưng ắt hẳn thượng cấp đã nhận xét với kinh nghiệm “thép tôi luyện” lịch lãm chuyên nghiệp chiến trường, tương lai tôi sẽ là một tay “yên hùng” có “sổ má” dày dặn máu lửa của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, mặc cho có vài tiếng xâm xì thị phi, phản nân, dèm pha của một vài Sĩ Quan cấp Trung Úy thâm niên hơn tôi: "phe đảng"....!

Tôi tự hỏi thầm: “ mẹ... đảng gì đây” ? Đảng Tự Thắng!
Tự Thắng Để Chỉ Huy! Phương châm của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Tháng 12-1969:

Đơn vị của tôi được cải danh thành Đại Đội II Trinh Sát Nhảy Dù (ĐĐ2 TSND) thống thuộc quản trị hành chính của Lữ Đoàn II Nhảy Dù (LĐIIND). Sau hai tháng thụ huấn khóa viên thám ở trung tâm tàn phá sắc đẹp Dục Mỹ, Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp, một số Hạ Sĩ Quan được gửi đi học mật mã truyền tin, tình báo...rồi lại bắt đầu tham dự những cuộc hành quân cùng với các đơn vị khác. Phương thức và kỹ thuật tác chiến của hai binh chủng có nhiều khác biệt như: Bên 81 BCD không bao giờ sử dụng pháo yểm mà hoàn toàn lệ thuộc vào không yểm. Nhảy Dù thì phối hợp cả hai trong bất cứ điều kiện cần thiết của chiến trường. Tôi ngỡ ngàng vì là một Đại Đội Biệt Lập mà người Đơn Vị Trưởng phải phối hợp trực tiếp với Lữ Đoàn hoặc Sư Đoàn và lo liệu mọi bề! May mắn thay, “lù khù có ông Cù độ mạng” Thiếu Tá Trần Đăng Khôi (K16 VBDL) Trưởng Ban 3 Hành Quân của LĐIIND trạc trên dưới 30 tuổi, dáng người thanh nhã với ống bíp Havana trên tay, bụng hơi phệ, nếu nói khẳng khái thì mọi điều hợp hành quân đều do Anh thiết kế. ĐĐ2TS của tôi tham dự chiến dịch "Lùng và Diệt Địch" (Search And Destroy), kế hoạch của Tướng Westmoreland và Tướng Đỗ Cao

Trí, cuộc Hành Quân Toàn Thắng vùng Tây Ninh, Phước Long và Campuchia. Tôi lạng quạng, lờ quờ, ngu ngơ đến nỗi “ông Cù” Khôi Nguyên phải gọi vào trình diện riêng trong hầm hành quân của Lữ Đoàn (TOC) moral “quốc văn giáo khoa thư” với thái độ và giọng nói từ tốn, chậm rãi cố cho tôi hiểu:

- Anh báo cáo diễn tiến hành quân, báo cáo tổn thất, báo cáo tình hình địch... quá luộm thuộm, nhất là phối hợp pháo binh Nhảy Dù và Trục Thăng võ trang... Anh nên nhớ rằng có rất nhiều cặp mắt đang nhìn vào Anh và họ thêm rõ dãi chỗ của anh... Điều quan trọng nhất là chúng ta đang phối hợp hành quân với đệ nhất Sư Đoàn 1 Không Kỳ Hoa Kỳ (US-1st Cavalry), chỉ với một lời báo cáo negative của cố vấn Mỹ bên cạnh anh, thì anh sẽ bị trả về đơn vị gốc của anh ngay...!

Tôi yên lặng thần thờ ngồi nghe...! Anh lại tiếp lời:

- Thôi được rồi. Tôi nói sơ sơ rồi ngày mai anh bay với tôi. Hành Quân Phối Hợp GAP (Ground and Air Preparation) là kỹ thuật dùng Pháo Binh và Air Strike cùng một lúc để dọn bãi đáp (LZ) hay bãi bốc (PZ), điều phối hành quân sơ xuất hay không chính xác là pháo binh bắn rơi phi cơ, hoặc phi cơ nã Rocket vào đầu quân bộ chiến thì cả đám đi chỗ khác để “ngồi chơi xơi nước” muôn đời Lục Quân Việt Nam...!

Anh còn sắp xếp thời giờ để cho tôi gặp các trưởng ban: Ban 4 Tiếp Liệu, Ban 1 Quản Trị quân số, Ban 2 Tình Hình bạn địch để nắm vững dữ kiện trước khi lên trục thăng chỉ huy C&C thả toán viễn thám hay trung đội trinh sát vào vùng. Như vậy trên những bước đường chập chững của hai binh chủng Biệt Cách Dù và Nhảy Dù tôi đã quá may mắn được hai ông “Đàn Anh” đỡ đầu, hướng dẫn và bao che cho tới khi đủ lông, đủ cánh! Nếu nói lên lời “biết ơn” thì khách sáo quá, tôi chỉ xin hứa với cái đầu đội “mũ nồi Võ Bị” và hai cầu vai “Greenberet và Redhat” là cố gắng sống trọn tình nghĩa với “Huynh Đệ Đồng Môn” chứ biết nói sao cho vừa?

Năm 1972 - Đường Vào Bình Lửa:

Nhắc đến năm 1972 là phải nói đến tác phẩm “Mùa Hè Đỏ Lửa” từ ngữ của nhà văn Quân Đội Phan Nhật Nam (K18 VBĐL), Niên Trưởng Đoàn Phương Hải (K19 VBĐL), Niên Trưởng Huỳnh Văn Phú (K19 VBĐL) viết về những trận chiến khốc liệt năm 1972 trên khắp bốn vùng Chiến Thuật đã quá nhiều rồi, lại còn thêm hàng vạn trang sách báo viết về “Chiến Trận Mùa Hè 1972” bằng máu, nước mắt và thân xác của đồng đội thuộc tất cả Quân Binh Chung đã ngã xuống và biết bao nhiêu đồng bào trong chiến nạn đã may mắn sống sót, lê lét tám thân thương tật trở về xóm làng điêu tàn tan hoang nhà cửa, ruộng vườn xơ xác sau cuộc hành quân giải toả, nên tôi chỉ gói ghém ngắn gọn những gì còn nhớ như có một cái “Lẽ” là đầu của giếng mối Nhân Luân trong đó “nói” nên lời tình tự với Võ Bị Đà Lạt và những “Chiến Binh Kiệt Xuất” đã không hổ danh Tự Thắng Đề Chỉ Huy thiện xảo phát huy hết tất cả tài năng ứng chiến và quyền biến trên khắp mặt trận khốc liệt nhất ở giai đoạn Mùa Hè 1972, tiêu biểu như chỉ một An Lộc thôi đã:

*Tháng Sáu mưa đầu mùa rơi rớt
Hàng mộ hôm qua đã lợp cỏ non
Xác người nằm, hồn vẫn sắt son
Giữ vững An Lộc địa danh vào Lịch Sử.*

Sau chiến thắng có những vinh quang cho những Huynh- Đệ được tưởng thưởng vinh thắng thì cũng có những đau thương như xé rách tâm hồn vì những Anh Em vừa xanh cỏ để tôi được đỏ ngực...!

Tháng 3 -1972, đơn vị ĐĐ2 TSND được triệt xuất khỏi đồn điền Memot (Campuchia) trở về hậu cứ Long Bình chờ lệnh. Hai ngày sau lên C130 trực chỉ Kontum. Xuống phi trường "tái ngộ" ngay với niên trưởng Lân, Anh đang giữ chức vụ Lữ Đoàn Phó LĐ81BCD vừa được triệt xuất ra khỏi vùng Tam Biên. Anh kéo tôi ra nói vội vàng vài ba câu trước khi lên C130 về Sài gòn:
- *Út...em phải hết sức thận trọng, nhớ và áp dụng kỹ thuật tác chiến của Biệt Cách Dù để tránh tổn thất. Sư Đoàn Thép 320 của chúng nó đã áp sát Kontum với trọng pháo 130 và tăng T54 nữa đó...!*

Hai ngày sau, tôi dẫn cả đại đội ĐĐ2 TSND lên trực thăng vận đáp ngay trên chóp lên đỉnh 1049 (Căn Cú Delta) cách hơn 10Km về hướng tây Căn Cú Võ Định nơi đóng quân của BCH/LĐ2ND thì bị Việt Cộng “phục kích độn thổ “. Ngay tức khắc “hand by hand” Đại Úy Cố Vấn Budard hét lên trong máy báo cáo với cấp chỉ huy của hắn trong tiếng súng nổ vang trời! Tôi lại nghe trong máy của tôi tiếng của Thiếu Tá Nguyễn Văn Thành tự “Thành Râu”(K19 VBĐL)) phụ tá hành quân của Lữ Đoàn từ chiếc trực thăng C&C do Đại Úy Phạm Công Cẩn (K21 VBĐL) Trung Tâm Trưởng Hành Quân Phi Đoàn 229, Thiếu Tá Lê Văn Bút Phi Đoàn Trưởng đang vận vũ trên không phận vùng đồi Delta:

- *Út Bạch Lan...cho tôi biết cái gì đang xảy ra...!*

- *Đích thân chờ một chút... chúng tôi bị phục kích độn thổ!*

Lại có tiếng réo của niên trưởng Nguyễn Trọng Nhi (K20 VBĐL) Trưởng Ban 3 Lữ Đoàn:

- *Út Bạch Lan... báo cáo tình hình ngay... 207 đang ngồi đây chờ... (207 là ám số của Đại Tá Trần Quốc Lịch LĐT/LĐ2ND)...!*

Tôi “ne pas”, để mặc cho họ chờ, chờ thì chờ...tôi làm gì có thì giờ để báo với cáo, tay đâu còn mà ôm hai ba cái ống liên hợp để “tường trình” cung cách quý phái thừa bầm với trình “Đích Thân” như hồi còn làm “học sinh” trong Trường Võ Bị Royal! Tại “hiện trường” tôi và mấy ông Tây (cố vấn Mỹ) đang cận chiến “face to face” vật lộn với VC ”vi ci ” tung búng banh xác pháo. Chúng tôi ném lựu đạn xuống hầm đếm 1-2-3...chưa tới 6 thì chúng quăng ngược trở lên, thầy trò “hồi bộ” bò lăn bò cang hồn phi phách tán. Mọi người sốt ruột lo lắng cho tôi, nhất là niên trưởng Thành Râu trên trực thăng C&C 24/24, Nguyễn Trọng Nhi cứ năm ba phút rống lên trên tầng số máy RC hỏi ra sao rồi, niên trưởng Công Cẩn thì hét to trong máy:

- *UBT qua tần số UHF, tôi sẽ cho biết tình hình chung quanh của UBL...UBL đang bị bao vây rồi đó, chúng nó đông như kiến...*

nói với Tây (Cố Vấn Mỹ) xin khẩn cấp Trục Thăng Võ Trang (Cobra) trang bị M79, ngồi với tôi có niên trưởng Thành Râu, ở dưới đất có niên trưởng Nhi lo Pháo rồi... Nghe rõ trả lời?

Trước áp lực nặng nề của địch quân càng lúc càng thậm chí nguy! Nhưng tôi vẫn cảm thấy yên tâm vì trên trời, dưới đất lúc nào cũng có những “Ông thần hộ mạng” là những Niên Trưởng đã một thời là "hung thần" hét ra lửa, mưa ra khói của những Sinh Viên Sĩ Quan khóa đàn anh trong trường mẹ, họ đã hiển thị uy dũng truyền thống phạt chúng tôi khoá đàn em tôi tả như cái mền rách bướm! Nay đang trên trời ban ngày thì “Thành Râu” với “Công Cẩn”, ban đêm thì “Thẩm Quyền Bút”, dưới đất thì “Trọng Nhi” sáng trưa chiều tối thường trực trên tần số, kề bên có niên trưởng “Ngọc Ngà” (K19 VBĐL) Tiểu Đoàn Pháo-Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù, Lê Thơm (K22 VBĐL) ngày đêm ghìm súng chờ “giặc từ ngoài Bắc vô đây, bàn tay chúng mày bắn giết đồng bào...”

Hai ngày sau Căn Cứ Delta tạm lắng dịu vì có phi pháo yểm trợ tôi đa, tôi tạm được một chút nghỉ “dưỡng quân”, ngâm điều thuốc, hớp một hớp cà phê, tôi chợt nhớ đến niên trưởng Khôi giờ này đang điều động TĐ7ND đang trên đường vào vùng chiến địa cùng với TĐ11ND. Tôi nhớ đến niên trưởng Khôi vì hôm nay tôi đã nhuần nhuyễn phối hợp hữu hiệu với cố vấn Mỹ và Pháo Binh Nhảy Dù áp dụng kỹ thuật GAP từ niên trưởng Trần Đăng Khôi đã truyền dạy cho tôi hai năm về trước.

Một tuần lễ sau TĐ11ND vào thay TĐ2ND ở Căn Cứ Charlie, cách phía bắc Căn Cứ Delta khoảng hơn một cây số. Trung Tá Nguyễn Đình Bảo (K14VBĐL) TĐT TĐ11ND, Thiếu Tá Lê Văn Mễ (K18VBĐL) TĐP, Trưởng Ban 3 Hành Quân Đại Úy Đoàn Phương Hải (K19VBĐL), ĐĐT113- Hùng Mập (K22VBĐL), ĐĐT112- Hùng Móm (K22VBĐL), ĐĐT111- Thịnh (ĐĐP của TS2ND) vừa được bổ nhiệm.

TĐ7ND vào thay thế TS2ND ở Delta, TĐT/TĐ7ND Nguyễn Đăng Khôi, TĐP/TĐ7ND Nguyễn Lô (K18VBĐL), Trưởng Ban 3 Võ Trọng Em (K19VBĐL), ba ĐĐT nòng cốt: Đăng

(K22VBĐL), Hải (K22VBĐL), Cao (K22VBĐL)...

Trình Sát II Nhảy Dù được bốc về Căn Cứ Võ Định "dưỡng quân" hai ngày nằm dưới giao thông hào tránh "sơn pháo" 130, sau đó lại được bốc thả vào Căn Cứ Charlie tăng cường cho TĐ11ND. Vừa đặt chân xuống bãi đáp nằm bên cạnh sườn đồi Charlie thì niên trưởng Hải đã chờ sẵn ở đó rồi:

- Út theo tôi lên gặp Đích Thân cái đã...!

Trong căn hầm tối mù mù với ánh đèn pin vừa đủ soi bản đồ, niên trưởng Nguyễn Đình Bảo nói:

- Út giúp cho tôi tăng cường phía Bắc với Hùng Mập, phía Nam có Hùng Móm, phía Đông có Thịnh, phía Tây tương đối không lo ngại vì phải qua một khe núi sâu khoảng 100 mét...!

Tôi vâng lệnh đeo ba lô, súng đạn lên đường gặp Hùng Mập đang ngồi chàng hăng dưới gốc cây bên cạnh hồ cá nhân như Thổ Địa trần trạch, "thằng ma cà rồng" này cùng ĐĐE22 Võ Bị Đà Lạt với tôi, nó là dân "Bắc Kỳ rì cừ" nên mồm chửi ròn rã "địt bố, địt... " ... tùm lum, hiển dưng "món ngon vật lạ " khó nuốt ... tôi hỏi nó:

- Cái đồi này tên gì vậy Hùng mập...?

- Đồi Bắc... đồi bên kia Charlie là đồi 1515... !

Tôi ra lệnh cho binh sĩ nghỉ ngơi, ăn uống đồng thời chỉ định ba toán Viễn Thám sẽ xuất hành đêm nay thì thằng Hùng Mập nghe qua cười khình khịt khôi hài trong cổ họng, đầu lắc qua, lắc lại có ý chế giễu:

- Địt mẹ... Tank54 nó nằm đây ở dưới chân đồi như cua đồng chờ trầy hội mấy ngày nay, mẹ nó tao không hiểu sao nó dẻo thềm bò lên, nghe mày lệnh lạc cho các toán "Vịt Tiềm" của mày bung rộng lục soát như đang đóng phim "giả" chiến Hong Kong mà tao lạnh toát mồ hôi... !

Đúng như lời Hùng mập "phán" bông đùa chiều nay, đêm hôm

đó ba toán Viễn Thám báo cáo y chang với vài tấm ảnh Tank T54 chụp được bằng máy hình hồng ngoại tuyến. Tôi được lệnh trở lại đồi Charlie để qua hướng Tây đóng quân trên ngọn đồi thấp hơn Charlie về phía tây khoảng 150 mét. Nhưng muốn qua đó phải vượt qua khe núi đá dựng đứng sâu hơn 100 mét và phải mất tới 3 tiếng đồng hồ toàn bộ Đại Đội mới lên được đỉnh đồi với hai toán Viễn Thám đã thám sát trước. Chưa kịp nghỉ chân và bố trí quân thì bị Bắc Quân "Tapi" phủ đầu chúng tôi ngay. Đại Úy Budard (CV/TS2ND) hét trong máy với Đại Úy Muffy (CV/TĐ11ND):

- *Help... Help... do or die... do or die... !*

Đầu máy bên kia Đại Tá Mike (CV/LĐ2ND) xen vào tần số:

- *Budard... listen to me... camldown... I will give some things right now... calm down...ok...ok... !*

Chúng nó tràn lên như kiến, tôi hét Budard:

- *Be careful... don't shoot to my soldiers back... !*

Năm phút sau John Paul Vann Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn II (CVT/QĐ2) với chiếc Log và chiếc C&C của niên trưởng Công Cảnh cùng Đại Tá Lịch, niên trưởng Thành Râu đã có mặt trên không phận. Lệnh của Đại Tá Lịch:

- *UBL... step by step Romeo-Juliet... you understand what I mean... ?*

- *I got... it... 207 ...!*

Tôi liền áp dụng phương pháp "cóc nhảy lui" vì rút lui đồng loạt sẽ bị địch tràn ngập ngay và mặc cho cấp trên hò hét lệnh lạc điều động thế nào tôi không có "quờn" nghĩ tới nữa, "thầy trò đường tăng" chúng tôi "bung" hết khả năng nhuần nhuyễn xuất thần để vượt thoát hiểm địa thiên la, địa võng bom đạn, chỉ thấy sau lưng của tôi là cả một biển lửa đỏ rực cháy bùng lên nóng hừng hực giống như trong phim "We Are The Soldier" hàng loạt Bom Napalm từ những phi tuần trên không dội xuống đốt cháy vạn vật như "giời cao" huỷ diệt sinh linh quả địa cầu tròn trịa này. Kinh hồn và khiếp hãi như ngày tận thế. Phải bỏ lại hai toán Viễn Thám và hơn 20 Hạ Sĩ Quan, Binh Sĩ chết tại chỗ và bị thương nặng nhẹ. Xót xa đau đớn nhưng thôi cũng đành xin lỗi

các bạn... ”*không phải tại anh cũng không phải tại em, tại trời xui khiến nên chúng mình xa nhau...*”, tử biệt sinh ly mỗi giây phút, mỗi giờ và mỗi ngày. Chinh chiến mà, có mấy ai trở lại. Đau thương cũng đành thôi vì chúng tôi còn sống chết đón chờ phía trước !

Ngày hôm sau TS2ND được bốc ra khỏi Charlie sau một đêm cùng TĐ11ND nằm vắt giò lên miệng hầm nghe tiếng “mưa rơi” từ hai Pass B52 thả bom cách Charlie chừng 300 mét. Sự việc đã phá lệ duy nhất trong Lịch Sử Chiến Trường Thế Giới và chỉ có ở tại Charlie - Việt Nam 1972 vì khoảng cách an toàn để Pháo Đài Bay B52 Chiến Lược dội bom tối thiểu phải 1000-1500 mét vòng đai để tránh thiệt hại cho chung quanh quân ta. Tôi ngồi trên chiếc trực thăng Mỹ cuối cùng rời Charlie, không một vẫy tay chào nhau, không một lời giã từ "Đội Bắc" nơi đó có Hùng Mập E22, "Đội 1515" có các niên trưởng thân tình với tôi mà chỉ cách đây hai tuần lễ còn ăn nhậu một nghỉ tại CLB/TĐ11ND với niên trưởng Nguyễn Đình Bảo, niên trưởng Lê Văn Mễ, niên trưởng Đoàn Phương Hải, Hùng Móm, Thịnh. Vài ngày hôm sau số phận Charlie kết thúc, để người Anh đáng kính Cố Đại Tá Nguyễn Đình Bảo của Căn Cứ Nguyễn Huệ Long Bình nay được vinh danh "Người Ở Lại Charlie" qua dòng nhạc xót xa tiếc nuối của Trần Thiện Thanh (Nhật Trường) và “bia bẻ” trên công viên thành phố nhộn nhịp dòng người ngược xuôi với đèn xanh đèn đỏ tiếc thương thì cũng thế thôi, chinh chiến mấy người đi mà trở lại! Tưởng như vậy đã xong. Nhưng có bao giờ Nhảy Dù biết hai chữ "chấm hết" ?... chỉ trừ khi nhắm mắt “an nghỉ” giấc ngàn thu!

Có lệnh LĐ2ND được Galaxy C5 tại phi trường Pleiku không vận về Sài gòn khẩn cấp để "trên đường ra Quảng Trị...". Trước khi rời khỏi Kontum, Quân Đoàn 2 "cân hồ" sử dụng lực lượng Tổng Trừ Bị Nhảy Dù theo kiểu vơ vét củ chót cạn lán: TĐ7ND và TS2ND được “vé trực thăng” của Thiếu Tá Lê Văn Bút và Đại Úy Phạm Công Cẩn thuộc Phi Đoàn 229 nhảy xuống đỉnh Chu Pao trước khi về phi trường Pleiku. Chúng tôi nhìn nhau cũng lại là “dân Đà Lạt”: Niên trưởng Lô (K18), cùng với Đăng (K22) ,

Hải (K22) ... đăng vận hạ thổ ngay trên đỉnh Chu Pao, niên trưởng Khôi, niên trưởng Em (K19) cùng Cao Lùn (K22) dẫn quân "tam bộ nhất bắn" xuôi Nam, "Út Bạch Lan" tôi dẫn quân "thiên lôi" nhảy xuống phía Tây Nam dưới chân đồi thì Công Cẩn bay C&C bao biện ban ngày, Thiếu Tá Lê Văn Bút bay suốt đêm để yểm trợ. Mạnh ai nấy lo trong tình huống tứ bề thọ địch này. Chỉ trong hai ngày, hai ĐĐ của TĐ7ND dưới quyền của Sông Lô cùng Trinh Sát bứng tất cả các chốt nằm trên đỉnh và chung quanh đồi Chu Pao, bàn giao lại cho một tiểu đoàn BĐQ rồi trực chỉ phi trường Pleiku. Bộ chỉ huy Lữ Đoàn được trực thăng vận về căn cứ pháo binh 43 diện địa nằm về phía đông quốc lộ 14 khoảng một cây số. Ngay đêm hôm đó căn cứ này bị một tiểu đoàn đặc công Bắc quân tấn công, quân trú phòng cùng bộ chỉ huy LĐIIND đẩy lui. Rồi nhiệm vụ nào cũng xong.

Đại Đội Trinh Sát 2 Nhảy Dù chúng tôi đứng sắp hàng chờ lên vận tải cơ C5 Galaxy và đây là lần đầu tiên đơn vị Nhảy Dù được không vận bằng C5 của Mỹ, anh em chúng tôi nhìn nhau với ánh mắt buồn vương đau xót không nói được nên lời vì đã bỏ lại sau lưng những đồng đội đã ngã xuống mà xác sẽ đưa về nghĩa trang cùng thành phố Kon Tum với giòng sông PoKo có cô "sơn nữ phà ca" để vú trần mang gùi đi đổi muối...!

Đường Vào Quảng Trị

Có thể ví von là "dân Đà Lạt "du ngoạn" vào tử địa Quảng Trị vì LĐ2ND làm mũi dùi chính trên đường tiến quân chiếm lại cổ thành Định Công Tráng. Cổ Thành có dạng hình vuông và con sông Thạch Hãn bao bọc phía Tây uốn quanh tới một phần phía Bắc, phía Đông là Làng Tri Bưu, Hạnh Hoa Thôn nơi đóng quân của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 304 Cộng Sản Bắc Việt, phía Nam là nhà thờ La Vang và ngã ba Long Hưng.

"Phái Đoàn Đà Lạt" chúng tôi gồm có:

-TĐ5ND/ niên trưởng Nguyễn Chí Hiếu (K15), niên trưởng Bùi Quyền (K16), niên trưởng Chí (K20), niên trưởng Sĩ (K21), Việt (K23).

-TĐ7ND/ niên trưởng Trần Đăng Khôi, niên trưởng Nguyễn Lô, niên trưởng Em, ba Đại Đội nòng cốt Đảng, Hải, Cao, TV Quyền.

-TĐ11ND/ niên trưởng Mễ , niên trưởng Thành, niên trưởng Hải, Hùng Móm, NVN Long.

Tăng cường: TĐ6ND/ niên trưởng Nguyễn Văn Đĩnh (K15VBĐL), niên trưởng Tùng K19 VBĐL và 2 Biệt Đội 81BCD dưới quyền chỉ huy của niên trưởng Lân... Như vậy là “dân ĐàLạt” toàn phần nếu không “tiểu ngạo giang hồ” gọi đó là "Phái Đoàn Đà Lạt" thì đã khoa ngôn chi thiện xảo ư từ chẳng ...? Với hai mươi bảy (27) ngày đêm phái đoàn được đón tiếp bằng “pháo bông” rực rỡ mãn thiên hoa đạn liên ti tù ti từ nổ chụp trên đầu tới cày nát đại địa và đêm pháo bông Tết Tây ở Time Square New York chỉ là bản “nhạc” dạo đầu. Chỉ có điều trớ trêu là “nhân sự” trong phái đoàn thường lăm địa pháo, sơn pháo và luôn phải căng hết tất cả giác quan để cảnh giác tối đa, đỏ mắt chong súng, nón sắt che đầu, ẩn nấp dưới giao thông hào hay hố cá nhân ngập nước bùn sinh như giống thủy sinh để đánh giặc trên bờ hào. Tôi có một kỷ niệm khó quên ở đây khi dẫn quân đã xâm nhập vào được Quận Châu Thành-Mai Lĩnh, cả đại đội nín thở ém quân chờ TĐ7ND còn đang bị khựng lại ở ngã ba Long Hưng, tới lúc nửa đêm về sáng thì “Sông Lô” Nguyễn Lô TĐP/TĐ7ND một mình với hai Hạ Sĩ Quan mang máy PRC25 vượt một đoạn đường gần một cây số để bắt tay với TS2ND chúng tôi trong khi Bắc Quân bủa vòng vây kín, tứ bề thọ địch và chiến xa T54 của chúng đang chạy rần rần tuần tiểu trên đoạn đường này. Niên Trưởng ”Lô Lọ Rượu” mừng rỡ ôm chầm Út Bạch Lan tôi cười khằng khặc trong cổ họng sáng khoái như Kiều Phong gặp lại Đoàn Dự, cả hai đang nốc hồ rượu ta muốn “trút” về phương mô cho cát bay đá chạy chôn trăm ngàn xác quân “Sinh Bắc Tử Nam” mà chưa cạn một Hồ Trường...! Sông Lô cất giọng “trọ trẹ”:

- *Mạ mi... Ta không ngờ mi mò vô được tới đây!?*

- *Tụi tôi là “Chuột” mà... Niên Trưởng !* (Huy hiệu Trinh Sát Dù

là con Hải Sư nhưng trông giống như con chuột). Tôi và “Ôn Lô Lô” nhìn nhau cảm khái tình Huynh Đệ Chi Bình âm vang như dậy sóng trong tình cảnh hiểm nguy với bốn bề quân giặc vây kín trùng trùng ...

Vì Danh Dự Trách Nhiệm Tổ Quốc... mà “đàn anh-đàn em” cùng chung dưới mái Trường Mẹ Võ Bị Đà Lạt kéo nhau lao vào những cuộc binh đao “chơi hết lạng” bằng máu, nước mắt và thân xác gói Poncho miếng còn, miếng mất...! Tôi đã mất đi Niên Trưởng Tùng (K19), thằng bạn Hùng Móm cùng khóa 22, “thằng khóa đàn em” Nguyễn Viết Long (K23) và còn nhiều nữa đã bị loại ra khỏi vòng chiến làm sao mà nhớ hết trong suốt quãng đời chinh chiến khói lửa bom đạn mịt mù. Chỉ một phút cúi đầu để dấu đi những giọt lệ khô.

Đã có rất nhiều "cây viết có tầm cỡ", đã viết diễn tả lại những trận chiến như: Kontum, An Lộc và Quảng Trị với nhiều công sức truy tầm, nghiên cứu trên tài liệu quân sử, sách báo. Nhưng hầu hết họ không thể và làm sao để có thể “lột tả” diễn đạt được hết những khốc liệt trên chiến trường mà người chiến binh phải vượt qua nỗi chết để giành lấy sự sống khi thế chiến đấu ở An Lộc là Tử Thủ, Quảng Trị là Tử Chiến. Một là Thủ hai là Công, hai tính chất khác biệt nhau nhiều lắm. Vậy cho nên dù là Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù, Biệt Động Quân, 81 Biệt Cách Dù, Bộ Binh, Thiết Giáp, Không Quân, Hải Quân, Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, Nhân Dân Tự Vệ... trong số những đơn vị của toàn thể Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà đã có không ít những “đứa con yêu” của trường Mẹ Võ Bị Đà Lạt nói riêng và của Tổ Quốc nói chung, đã một mai rơi rụng như chiếc lá lìa cành dưới những tràng đạn, những cơn mưa pháo, lưới đạn phòng không nổ kinh hoàng làm nên cơn địa chấn và vùng trời đầy bão lửa cháy rực đỏ thôn làng. Máu xương dân lành đã đổ xuống, anh em cùng một bọc thai bào sinh ra gọi nhau là “Đồng Bào” lại tàn sát lẫn nhau. Có oan khiên nghiệt ngã nào hơn khi anh em cùng một Mẹ Âu Cơ lại cầm súng giết hại và tàn sát lẫn nhau.

Thua cuộc hay thắng cuộc? Tôi còn nhớ trong Đệ Nhất Thế

Chiến khi Danh Tướng Fox đi ngang ngôi mộ của Napoleon có ghé lại chào và viết một câu trên mộ bia: "*Công danh, sự nghiệp của một con người không phải là lúc khởi đầu mà là lúc kết thúc*". Hay câu viết của niên trưởng Lâm Quang Thi: "*Chúng ta thua một trận chiến, chứ chưa phải thua một cuộc chiến*".

Trải qua bao thế sự thăng trầm, và sau nửa đời người một phần hai thế kỷ, ngày nay kẻ còn người mất, giàu - nghèo, sang - hèn có khác gì nhau khi đã có mang chung một "dòng máu Võ Bị", Nhảy Dù qua ngưỡng cửa phi cơ cùng tung cánh dù lộng gió lơ lững giữa trời không, Biệt Động Quân cùng nhảy ào ra khỏi lòng Slick trực thăng lội bãi sinh lầy gian khổ, Thủy Quân Lục Chiến đổ quân hay nhảy ùm xuống bờ biển nông sâu lồm bồm lội vào bờ trước họng súng đang đồng loạt khai hoả của quân giặc rồi thấy người ngã xuống, Không Quân lao vào lưới đạn phòng không nã hoả tiễn, rải từng tràng đạn liên thanh, bay sát mục tiêu để "thấy lỗ" từng trái bom nổ bung xác giặc như những con thiêu thân đang tràn ngập căn cứ quân bạn hoặc bay vút lên còn "lắc cánh" chào quân bạn dưới chiến địa và hẹn ngày mai tương phùng, hay anh em Thiếp Giáp với pháo tháp chiến xa chia thẳng nòng đại bác bắn trực xạ và đập ga phóng tới húc càn trên xác địch mà giành lấy mạng sống cho bản thân để còn về phép mà thăm lại vợ con nheo nhóc trong khu gia binh an bình... Và còn nữa biết bao các Anh - Em Võ Bị Đà Lạt trong hàng quân : Hải - Lục - Không Quân đang ngày đêm khổ nhọc với nhiệm vụ và công tác chiến trường liên miên bất tận... !

Quân Trường chỉ có đổ mồ hôi, nhưng Chiến Trường đổ mồ hôi, máu và nước mắt. Các cấp Tướng lãnh, các Đại Niên Trưởng thì... thì... đổ mồ hôi " hột " nhiều hơn, bởi... "Nhất Tướng Công Thành Vạn Cốt Khô" cũng phải lau giọt lệ khi nghe tin một khóa đàn em vừa nằm xuống hay vừa bị mất một quận một tỉnh nào đó. Không biết giọt mồ hôi hột có nóng hơn giọt máu đào hay không. Nay ngồi đây với nỗi nhớ ngập tràn qua ly rượu của ngày mùa Đông lạnh lạnh thấm thân nơi xứ người, đôi mắt cay cay lung linh ảnh hiện cảnh chiến trận thời qua, hồn mệnh mang hồi tưởng lại chỉ một đoạn đường Kontum thôi mà đã bỏ lại sau lưng

mấy Niên Trưởng, vào An Lộc nằm xuống bao kẻ "đồng môn", ra Quảng Trị chôn vùi bao nhiêu thân bách chiến và đoạn đường nào đốt cả quăng trời xanh!

Mệnh nước tận, vận nhà mạt, tháng tư đen oan nghiệt vút súng đạn nước mắt chảy dài trên áo trận, người lưu vong kẻ tù đày... nay chỉ còn lại một mớ ký ức lộn xộn giữa tình đồng môn (Quân Trường) và tình đồng đội (Chiến Trường). Người còn kẻ mất. Kẻ mất đã yên bình trong giấc ngủ ngàn thu, người còn chỉ còn lại một chút tình đồng môn đồng đội mong manh như hạt mưa bong bóng, dễ hợp dễ tan, dễ kết dễ ly, còn gìn giữ được cái gì hay cái đó.

Trong cuộc sống xô bồ chạy theo gia tốc danh vị lợi ngày nay, tôi có quyền tự cho mình những giây phút thảnh thơi tâm tư lắng đọng để nghĩ và nhớ đến những người bạn đồng môn, những chiến hữu đồng đội đã một thời chinh chiến.

"Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu. Cổ nhân chinh chiến kỷ nhân hồi."



Trương Văn Út K22

Đà Lạt Và Dư Âm Bài Hát Ngày Xưa

Phạm Tín An Ninh

Định cư ở Nauy hơn bốn năm, sau khi ổn định công việc làm ăn và việc học hành cho mấy đứa con, tôi tổ chức một chuyến Âu du bằng xe hơi cho cả gia đình gồm 8 người. Tôi và đứa con trai lớn vừa mới đủ tuổi lấy bằng lái xe thay nhau làm tài xế. Bà xã và cô con gái lớn chịu trách nhiệm xem bản đồ và theo dõi lộ trình.

Hơn một tuần ở Paris, chúng tôi xuôi về miền Nam nước Pháp. Thành phố Nice nằm bên bờ Địa Trung Hải, gần thành phố Cannes, nơi qui tụ những tài tử điện ảnh hằng năm, và không xa đất nước Monaco với những sông bài và những chuyện tình nóng bỏng của mấy nàng công chúa. Mười ngày nằm trên thành phố biển này, tôi tạm quên những bất hạnh trong quá khứ và những gì đang xảy ra trên trái đất có quá nhiều phiền muộn này.

Rời Nice, chúng tôi trở lại Paris trước khi về Nauy. Trời mùa hè đang nóng, bà xã và mấy cô con gái của tôi đề nghị chạy ban đêm, vừa cho mát vừa được ngắm những thành phố rực rỡ trong ánh đèn. Nhìn trên bản đồ, tôi thấy trên đường đến thành phố Lyon, mình có thể dừng lại Grenoble rồi rẽ sang Genève của Thụy Sĩ, xem thử nơi đã cho ra đời cái hiệp định làm khốn khổ quê hương mình ra sao. Như được trở lại thời trận mạc xa xưa, tôi gọi cả bầu đoàn thể tử lại để ban bố “lệnh hành quân”. Chúng tôi không đi theo xa lộ 85 mà chọn con tỉnh lộ nhỏ trực chỉ Grenoble. Tôi đích thân xem bản đồ hướng dẫn cho cậu con trai làm tài xế.

Rời Nice lúc 7 giờ tối. Sau hơn ba giờ từ “tuyến xuất phát”, tôi mới biết là mình đã sai lầm khi sử dụng con đường tắt này. Bởi chúng tôi bắt đầu chạy qua một khoảng rừng và những đồng lúa mì mênh mông, không thấy một bóng người. Đang mơ màng thì nhìn thấy phía đầu xe bốc khói. Tôi ra dấu cho đứa con trai dừng lại, bảo cả nhà xuống xe gấp. Khói trước xe vẫn còn bốc lên mờ mịt. Tôi tái mặt, vì bao nhiêu năm nay, từ lúc còn ở Việt Nam cũng như sang đây, ngoài việc cầm vô-lăng và đổ xăng ra tôi có biết gì về xe cộ nữa đâu. Chờ cho khói tan hết và rờ vào nắp xe thấy không còn nóng, tôi mở nắp xe lên bảo cậu con trai rọi đèn pin vào máy nhìn thử. Đến đường cùng thì làm như phản xạ tự nhiên vậy thôi, chứ tôi có biết cái gì trong máy đâu mà xem. Nhìn quanh một chập, tôi cảm giác có điều gì lạ lạ. Cuối cùng tôi

mới phát hiện là sợi dây cu-roa không còn nữa. Nước trong bình đã bốc hơi không còn một giọt. Thấy tôi xách đèn pin trở lại, bà vợ và đám con gái đang nằm trên bờ ruộng lúa mì, ngồi bật dậy. Nghe tôi ra lệnh “đóng quân tại vị trí” vì xe hư không biết khi nào mới chạy được, bà vợ xỉ vả cho tôi một trận, bảo hèn chi ngày xưa ông đánh giặc thua là phải, đừng có đổ thừa tại tội Mỹ nó phản bội bỏ miền Nam.

Tôi bảo đám đàn bà con gái lên xe nằm và khóa cửa lại cẩn thận, vì biết đâu khu này có thú dữ. Đàn bà coi dữ vậy chứ nhát gan, riu rít tuân lệnh. Tôi và thằng con trai đi vòng vòng xem có nhà cửa gì không. Nhưng tất cả đều tối om, tĩnh mịch. Đến gần một giờ sáng, khi tôi đang nằm mơ màng trên ruộng lúa thì nghe có tiếng động. Dường như là tiếng của một loại động cơ nào đó, càng lúc càng gần hơn. Một lúc sau, tôi thấy có ánh đèn từ khu ruộng lúa chạy ra. Một chiếc máy cày. Ai đi cày ruộng vào giờ này? Chưa kịp tìm câu trả lời cho thắc mắc của mình, chiếc máy cày đã dừng lại trước mặt tôi. Qua ánh đèn xe, tôi thấy một người đàn ông trẻ, có lẽ là người Pháp, bước xuống tiến lại phía chúng tôi. Cử chỉ anh ta không phải là một người gian. Tôi yên tâm. Anh hỏi chúng tôi bằng tiếng Pháp, anh nói từng chữ vì sợ chúng tôi không hiểu :

- Chắc là xe các anh bị hư ? Có cần tôi giúp điều gì không ?

Lúc còn đi học, Pháp vẫn là sinh ngữ chính của tôi. Vậy mà lâu quá không xử dụng, tôi hiểu tiếng được tiếng mất, vừa trả lời vừa ra dấu :

- Xe tôi bị đứt dây cu-roa, khô hết nước, không chạy được nữa.

- Các anh ở tỉnh nào tới ?

- Chúng tôi từ Nauy sang, chứ không phải ở Pháp. Trên đường từ Nice về, thì xe bị hỏng.

Anh bảo bây giờ đã khuya rồi, nhà anh cũng ở gần đây, anh sẽ giúp chúng tôi kéo xe về nghỉ tạm, rồi ngày mai sẽ tính. Tôi mừng rỡ gật đầu. Anh ra dấu cho tất cả chúng tôi lên xe.

Chiếc máy cày kéo xe và chúng tôi chạy lòng vòng chỉ khoảng mười phút thì về đến nhà. Trời tối, tôi không thấy gì ngoài mấy cái nhà khá lớn nằm dưới những tàng cây. Anh đưa chúng tôi vào một gian phòng rộng, mang thêm vài tấm nệm và mấy cái mền mỏng. Một chập sau anh lại mang vào bánh mì, phô- mát, và một ấm cà phê nóng, rồi chúc mọi người ngủ ngon.

Lạ nhà, nhưng có lẽ vì mệt quá, nên khi chúng tôi thức dậy thì trời đã sáng tự lúc nào. Kim của chiếc đồng hồ lớn treo trên tường chỉ 8 giờ 10 phút. Mở cửa sổ nhìn ra ngoài, tôi mới biết đây là một nông trại khá lớn. Chưa kịp gọi bà vợ và mấy đứa con dậy xem, thì có tiếng gõ cửa. Anh bạn trẻ tốt bụng tôi hôm qua đến dắt tôi chỉ khu nhà tắm, nhà

vệ sinh, rồi dặn tôi khoảng 45 phút nữa, anh sẽ trở lại đón chúng tôi ăn sáng.

Ngồi vào bàn ăn, anh giới thiệu vợ và hai đứa con nhỏ. Cô vợ khá xinh, vui vẻ, lúc nào miệng cũng cười, vừa nói vừa làm dấu với mấy đứa con gái của tôi.

- Các anh là người Việt nam ? anh ta vừa bung tách cà phê vừa hỏi.

- Nhưng làm sao anh biết được vì ở Bắc Âu cũng có nhiều người Tàu, người Đại Hàn, người Thái Lan và cả người Nhật nữa? Tôi không trả lời mà hỏi ngược lại anh.

- Tôi không nói được nhưng hiểu một ít tiếng Việt. Bà ngoại tôi là người Việt Nam mà. Mẹ tôi cũng sinh ra và lớn lên ở Việt Nam. Lúc còn sống bà nhớ Việt Nam lắm và thường kể cho chúng tôi nghe những thắng cảnh bên ấy. Đặc biệt, bà thường nhắc đến một thành phố có tên là Đà Lạt. Bà bảo nơi đó thật thơ mộng và có những nơi hò hẹn thật dễ thương cho những cặp tình nhân. Tội nghiệp, bà mới mất hơn hai năm nay, trong một tai nạn xe hơi cùng cô em gái duy nhất của tôi.

Ăn điểm tâm xong, anh đưa chúng tôi vào thăm phòng đọc sách. Một tấm bản đồ Việt Nam thật to treo trên vách. Anh chỉ cho chúng tôi thành phố Đà Lạt mà mẹ anh thường kể cho anh và cô em gái nghe mỗi lần bà nhớ về quê mẹ.

Càng lúc chúng tôi càng thấy gần gũi và thân thiết với gia đình anh bạn trẻ có một chút gốc gác Việt Nam này. Anh bảo vợ anh đưa chúng tôi đi thăm khu nuôi bò sữa và vắt đem về vài lít sữa tươi để chúng tôi dùng thử, trong khi anh lấy xe chạy ra phố tìm mua sợi giây cu-roa để thay cho xe chúng tôi. Mấy cô con gái của tôi rất thích thú khi được cô chủ nhà chỉ cho cách vắt sữa bò. Sau đó chúng tôi vào thăm một vườn nho.

Khi trở về, thì anh ta đã sửa xong cái xe và đang cho máy nổ thử. Thấy chúng tôi, anh cười đưa ngón tay cái lên báo hiệu là xe đã tốt. Anh tắt máy xe và giao chìa khóa lại cho tôi. Tôi chưa kịp trả tiền sợi giây cu-roa và nói lời cảm ơn thì anh đã vỗ vai mời chúng tôi ở lại chơi với gia đình anh vài hôm. Anh bảo là lâu lắm anh mới gặp được những người đến từ quê ngoại. Thấy ông bà chủ hiếu khách, phong cảnh ở đây hữu tình, lại có sẵn sữa tươi và rượu nho, bà xã và mấy cô con gái cười nheo mắt nhìn tôi. Tôi hiểu ý và nói với anh là chúng tôi chỉ có thể ở lại một đêm. Trưa ngày mai chúng tôi phải lên đường.

Ăn cơm chiều xong, trời dịu mát, anh đề nghị chúng tôi đi thăm khu vườn cam nằm trên ngọn đồi. Vào vườn cam, chúng tôi có cảm giác như lạc vào một chốn thiên thai nào đó. Những hàng cam thẳng tắp,

trữu vàng những quả, mùi hoa cam toả ra thơm cả một góc trời. Giữa vườn cam là một công viên nhỏ, trồng đủ các loại hoa. Bên kia công viên, ngay giữa đỉnh đồi là khu nghĩa trang nhỏ của gia đình. Vợ chồng anh mời chúng tôi đến thăm mộ của ba má anh và cô em gái. Ba ngôi mộ xây đơn giản, nhưng lại có nét đẹp cổ kính. Trên mỗi mộ bia đều có một tấm ảnh lồng trong khung kiến. Đến trước từng ngôi mộ, tôi cung kính cúi đầu, chắp hai tay trước ngực và đọc thầm từng tên khắc đậm trên bia. Khi đọc đến tên người mẹ: **JACQUELINE CUVÉRO GAULTIER** - tôi bỗng giật mình. Cái tên này tôi thấy quen quen. Bà mất lúc còn khá trẻ, mới tròn 40 tuổi. Nhìn tấm ảnh thật lâu, tôi nghĩ đến một người.

Khi về nhà, tôi ngỏ ý muốn xem những tấm ảnh lúc cha mẹ anh còn trẻ. Anh bạn chủ nhà mang đến cho chúng tôi mấy quyển album. Bà xã và mấy cô con gái thì tranh nhau xem quyển album lúc ông bà làm đám cưới và nức nở khen mấy cái áo của cô dâu. Riêng tôi dành lấy tập album cũ với những tấm ảnh đen trắng mà nhiều cái đã ngả màu vàng. Bỗng tôi lạnh người khi xem những tấm ảnh của mẹ anh thời con gái, đặc biệt là tấm ảnh có mái tóc cắt ngắn giống ca sĩ Sylvie Vartan thời cô ta đang nổi tiếng. Chẳng lẽ lại là nàng ? – Không thể nào ! Tôi lắc đầu nói thầm trong miệng.

Khi rời Nha Trang chân ướt chân ráo vào Sài Gòn học, tôi chẳng có ai quen, ngoài một bà cô họ xa, trước lấy chồng Tây. Chồng chết, bà ở với mấy đứa con mang hai dòng máu ở sau khu tiệm phở Tàu Bay, Tàu Thủy, trên đường Lý Thái Tổ. Tôi không ngờ trong khu này đa số là những gia đình có con lai Pháp, trắng có đen có, được toà đại sứ Pháp cử mang lo lắng từ việc sinh sống tới việc học hành. Hầu hết đều mang quốc tịch Pháp và được theo học ở các trường Tây Sài Gòn, Đà Lạt. Những ngày cuối tuần tôi thường ghé lại đây chơi. Đang cô đơn ngơ ngác thì được mấy người con của bà cô họ giới thiệu cho tôi nhập bầy với đám Tây lai này. Họ cũng dễ thương và dĩ nhiên là có phong cách tây lắm. Chiều cuối tuần họ thường tụ tập để ăn uống và nhảy đầm. Anh con cả của bà cô họ tôi là trưởng nhóm, chỉ định một cô bé tóc vàng, có mái tóc ngắn và đôi mắt thật dễ thương dạy tôi nhảy đầm và cũng làm partner cho tôi khi có tiệc tùng. Nghe mọi người trong nhóm gọi cô là Sylvie Vartan, tôi cũng gọi theo, nhưng biết vì khuôn mặt và mái tóc của cô giống người ca sĩ Pháp đang được ái mộ này nên bè bạn gọi đùa, chứ đó không phải là tên thật của cô.



(Sylvie Vartan)

Vừa gốc nhà quê, tiền bạc thiếu thốn, tôi ngại, nên thỉnh thoảng mới nhận lời tháp tùng ông anh. Chỉ đi chơi với nhóm một vài lần gì đó, thì tôi vào quân trường Thủ Đức. Hôm lễ gắn alpha, thấy anh em mời thân nhân bạn bè nhiều quá, tôi cũng tủi thân. Gia đình tôi và một số bạn bè thân ở tận Nha Trang, còn ở Sài Gòn này thì tôi tứ cố vô thân. Cuối cùng tôi nghĩ đến ba người con lai Tây của bà cô họ và mời họ đến dự lễ gắn alpha, rồi sau đó cùng đi dự tiệc với tôi. Hôm ấy cả ba người đều đến và còn dẫn theo nàng con gái Sylvie Vartan. Họ rất thích thú với khung cảnh quân trường và sinh hoạt của lính. Ai cũng chụp chung với tôi một tấm ảnh có mang cầu đai alpha.

Sau đó, trong những lần về phép ngắn ngủi, tôi cũng có ghé thăm họ một đôi lần. Đêm ra trường, họ cũng đến dự. Sau đó đưa tôi về Sài Gòn, họ làm một buổi tiệc chia tay tôi, và lần này tổ chức tại nhà cô gái có tên Sylvie Vartan. Gia đình cô không ở trong khu Lý Thái Tổ mà có một biệt thự riêng, khá xinh, nằm trên một con hẻm lớn trên Tân Định.

Tôi không gặp ai trong gia đình của cô hôm ấy, chỉ xem tấm ảnh người cha ruột của cô chụp với mẹ cô khi còn rất trẻ, và cả tấm ảnh chụp gia đình cô bây giờ, với ông cha Việt Nam, một người em gái cũng lai Tây như cô và hai người em nhỏ cùng mẹ khác cha. Mẹ cô có nhan sắc, nên ông chồng mới sau này thuộc loại nhà giàu. Tôi nghĩ như thế.

Tới hơn hai giờ sáng tiệc mới tàn. Khi nói lời chia tay, không hiểu vì xa họ không biết khi nào gặp lại hay vì nghĩ đến đời lính chiến nay mai trên rừng núi cao nguyên mà tôi chạnh lòng, muốn khóc. Nàng

cũng nhìn tôi ghen ngào. Khi mọi người đi tìm áo khoác và mang giày, nàng kéo tôi ra phía sau, tặng tôi một tấm ảnh, rồi bất ngờ hôn tôi trên má.

Ngồi trên máy bay ra trình diện đơn vị, bất chợt nhớ đến nàng, tôi mở xách tay ra tìm tấm ảnh. Nàng có mái tóc thật dễ thương, nhìn kỹ đúng là giống cô ca sĩ Sylvie Vartan. Sau tấm ảnh nàng viết một câu ngắn ngủi «*A toi, avec tout mon coeur.*» Phía dưới cô cũng chỉ ký hai mẫu tự *S.V.* Tôi đoán là Sylvie Vartan, cái tên mà bọn tôi vẫn thường gọi đùa thay cho tên cô.

Nhớ tới nụ hôn bất ngờ tối hôm qua, tôi đưa tay lên sờ má, thấy vẫn còn thoang thoảng một mùi hương. Tôi mỉm cười và nói thầm một mình : Đúng là lãng mạn như Tây.

Tôi ra đơn vị đúng vào lúc chiến trường cao nguyên bắt đầu sôi động, cùng lúc nhóm người Thượng Fulro nổi loạn, giết một số sĩ quan, viên chức hành chánh người Kinh, chiếm một vài nơi, đặc biệt là tỉnh Quảng Đức và một vài quận ly. Đơn vị tôi đang tiếp viện cho chiến trường Quảng Nhiêu còn mịt mờ lửa đạn ở bắc Ban Mê Thuật thì được lệnh di chuyển về phi trường Phụng Dực, xử dụng máy bay dân sự của hàng không Việt Nam để đáp xuống Nhơn Cơ, một phi trường bỏ hoang nằm cách tỉnh lỵ Quảng Đức khoảng ba mươi cây số, do một đơn vị Lực Lượng Đặc Biệt mũ xanh của ta kiểm soát. Thăng trung đội trưởng mới ra trường như tôi làm sao có khả năng để ứng phó với một chiến trường nửa ta nửa địch, mà trong sách vở quân trường không hề nói tới. Lòng tôi thật băn khoăn. Nhưng cuối cùng thì mục tiêu cuộc hành quân Dân Thắng này cũng đạt được. Đơn vị tôi không hề tổn một viên đạn. Mấy lãnh tụ người Thượng thấy quân chủ lực bao vây bốn hướng, cộng với lời thuyết phục tài ba của vị chỉ huy nào đó, đã ra lệnh cho những lực lượng người Thượng buông súng.

Nằm trong cái tỉnh khỉ ho cò gáy mà dân chúng sống rải rác trong các buôn làng hầu hết là người Thượng, mấy thằng lính trẻ như tôi chỉ có buồn muốn khóc. Ai cũng mong sớm chuyển đi tỉnh khác Vậy mà riêng tiểu đoàn của tôi được lệnh nằm lại đây để giữ an ninh cho dinh điền Đạo Nghĩa nằm trong một thung lũng gần biên giới Cam Bốt. Một trong những dinh điền do tổng thống Ngô đình Diệm sáng lập vừa để thu hút di dân sau 1954, vừa là một trọng điểm chiến lược.

Ra trường đã hơn hai năm. Đời lính cao nguyên thật là vất vả và buồn. Nhiều lúc nằm giữa rừng già, nghe tiếng chim kêu vượn hú, tôi thường chạnh lòng nhớ tới thời còn đi học, và khuôn mặt những người quen. Đôi khi tôi cũng chợt nhớ tới cô con gái lai Tây và lấy tấm ảnh ra xem. Đến bây giờ tôi cũng không biết tên thật của nàng. Mà biết để

làm gì. Vì giữa nàng với tôi là cả một thế giới cách biệt. Tôi, một thằng lính trận, gốc gác nhà nghèo, không biết sống chết ra sao. Còn nàng lại là một cô con gái lai Tây, xinh đẹp và quý phái. Nàng quen với tôi, thích tôi một chút, cũng là cái thích lãng mạn của một tiểu thư sống trong thành phố lâu ngày được bất ngờ ra thăm một vùng dân giả, thế thôi.

Ở Quảng Đức gần hai năm, đánh nhau một vài trận, tôi được mấy cái huy chương rồi lên làm đại đội trưởng. Trong mấy thằng đại đội trưởng, tôi là thằng trẻ nhất, và cũng nghèo kinh nghiệm chiến trường nhất. *“Ra trường gần hai năm rồi mà trông mày vẫn cứ như thư sinh”*. Ông tiểu đoàn trưởng bảo tôi như thế trước khi cho tôi dẫn đại đội “solo” xuống núi biệt phái cho Tiểu khu Lâm Đồng.

Đoàn xe chở đại đội tôi vừa vào ranh giới Lâm Đồng, tôi nhận lệnh ông tiểu khu trưởng, trực chỉ đến khu cầu Đại Ngà để giữ an ninh cho công binh làm lại mấy cây cầu trên quốc lộ 20, từ Sài Gòn chạy lên Đà Lạt, vừa bị VC giựt sập hai đêm trước.

Đến vị trí, tôi phối hợp với một đại đội địa phương quân đã có mặt tại chỗ và một đơn vị công binh mới từ Đà Lạt xuống, bố trí quân theo nhu cầu. Riêng ban chỉ huy đại đội cùng trung đội vũ khí nặng nằm trên một đồn điền trà có cao độ tốt cho việc phòng thủ và yểm trợ hỏa lực. Phía dưới khu đồn điền này là cầu Đại Ngà, cây cầu dài nhất vừa bị phá hoại.

Sau khi công binh làm xong mấy cái cầu tạm, lưu thông hoạt động trở lại. Do ứ đọng mấy hôm trước, nên ngày đầu tiên có khá nhiều xe đò từ Sài Gòn chạy lên Đà Lạt. Hơn nữa bây giờ đang là mùa hè, người Sài Gòn rủ nhau lên Đà Lạt nghỉ mát. Để bảo đảm an ninh, trước khi xe chạy vào khu quân sự, đều phải dừng lại, tất cả hành khách xuống xe để được kiểm soát giấy tờ. Trạm kiểm soát là một căn nhà bằng ván do công binh vừa mới dựng lên, toán quân báo của đại đội tôi phối hợp cùng với ba nhân viên cảnh sát đảm trách. Mỗi ngày tôi lái xe đi kiểm tra các cây cầu và thường ghé lại ngồi nghỉ trong trạm kiểm soát này.

Buổi chiều, trời vừa tắt nắng, tôi định trở về vị trí đóng quân, thì một đoàn xe đò chạy tới. *“Có lẽ đây là mấy cái xe cuối cùng từ Sài Gòn lên”*. Anh cảnh sát báo với tôi như thế. Trong số những hành khách xuống xe bước qua cái cổng chắn làm bằng kẽm gai đã chiến, tôi để ý tới một cô gái tóc vàng, mặc một cái jupe màu vàng sậm. Khi cô móc ví lấy giấy tờ, ngược mặt lên nhìn anh cảnh sát, tôi thấy thật quen và vội chạy ra.

- À, cô Sylvie Vartan, cô lên đây làm gì ?

Tôi hỏi bất ngờ, rồi quay sang bảo anh cảnh sát : cô này là người nhà của tôi. Anh cảnh sát trao lại cho tôi tấm thẻ căn cước bằng tiếng tây mà anh chưa kịp hiểu.

Cô nhìn tôi cười rạng rỡ :

- Anh là anh Ninh, phải không ? Máy năm rồi tụi mình không gặp. Em lên Đà Lạt đón cô em về Sài Gòn nghỉ hè. Nó học trên Lycée Domaine de Marie.

- Tôi đóng quân trong đồn điền trà nằm trên đồi cao kia. –Tôi vừa nói vừa chỉ tay về hướng đồn điền -. Đẹp lắm, và ông chủ hình như cũng là người Pháp. Mời cô ghé lại chỗ tôi chơi. Tôi sẽ đón chuyển xe sau gởi cô về Đà Lạt.

Cô ngần ngừ một chút rồi gật đầu. Tôi đưa cô lại xe lấy túi hành lý và nói với anh tài xế:

- Cô này là người nhà của tôi, cô ở lại đây chơi với tôi rồi lên Đà Lạt sau.

Anh tài xế trẻ, nhìn tôi nhoẻn miệng cười.

Tối hôm ấy nàng ở lại với tôi. Có lẽ nàng cũng biết là chuyển xe của nàng là chuyển cuối cùng. Chẳng còn có chuyến sau nào để tôi gởi nàng lên Đà Lạt, như lúc tôi hăm hở nói với nàng, mà không biết là mình đang nói dối.

Giữa cảnh núi rừng, nàng đẹp rực rỡ như một bông hoa. Không biết nàng đã nói gì với ông chủ người tây, ông dành riêng cho cô một phòng ngủ và mời chúng tôi dùng bữa cơm chiều với ông. Bữa cơm đầy đủ hương vị tây, mà chai rượu chất ông khoe đã gởi mua từ bên Pháp. Sau bữa cơm, tôi đưa nàng đi dạo trong đồn điền trà.

Bây giờ đang là mùa hè, bầu trời trong vắt, ánh trăng tỏa vàng xuống cả một đồi trà. Đêm cao nguyên trời bắt đầu lành lạnh, thơ mộng như một mùa thu. Chúng tôi nắm tay nhau bước tung tăng dưới ánh trăng, nghe từng nhịp đập của trái tim giữa một vùng đất trời tĩnh mịch. Nàng kể cho tôi nghe về một ước mơ của nàng : muốn có lần trở về quê cha, thăm ngôi mộ của người và bà nội già còn đang sống ở đó với mấy người cô. Quê nội nàng đẹp lắm lại là một đất nước với nhiều thi ca lãng mạn. Chúng tôi đã xuống cuối chân đồi, nghe tiếng nước chảy từ một con suối nhỏ. Nàng bảo tôi dừng lại và dìu tôi đến ngồi xuống một bãi cỏ. Bên kia con suối là một cánh đồng cỏ rộng mênh mông

- Anh có thấy gì lạ không ?

Tôi đang ngơ ngác, thì nàng chỉ cho tôi mấy hàng cây bên kia bờ suối

- Bây giờ là mùa hè, mà sao có nhiều lá vàng đang rơi. Anh

không thấy sao?

Nàng âu yếm dựa sát vào tôi và hỏi tôi có biết bài thơ Les feuilles mortes của Jacques Prevert không ?

- Lúc học Littérature Française, anh có học, nhưng lâu quá, anh chỉ còn nhớ một đôi câu. Bài thơ thật hay và cảm động.

Tôi đã đổi cách xưng hô từ lúc nào không biết.

Nàng cất tiếng khe khẽ hát bài thơ Les Feuilles Mortes được phổ nhạc. Hát xong bài hát nàng chậm rãi đọc lại mấy câu :

*Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
Tout doucement, sans faire de bruit
Et "le vent" efface sur la "plaine"
Les pas des amants désunis.*

Tôi hỏi sao nàng dám đổi lời một bài thơ hay của tác giả. Nàng không trả lời mà ôm tôi hôn thật lâu. Trong say mê tôi cảm thấy có cái gì lạnh lạnh trên gò má. Tôi sờ tay lên mân mê: nước mắt.

Nàng ôm tôi ngồi khóc, nàng bảo là nàng có nhiều bạn bè, nhưng nàng có cảm tình thật nhiều với tôi từ khi nhìn tôi mặc áo lính. Nàng thấy ở tôi có cái gì khác lạ so với mọi chàng trai lai Pháp mà nàng quen. Và cũng ở nơi tôi nàng được thấy lại hình ảnh của cha nàng. Cũng làm lính cả một thời trai trẻ, rồi quê hương, rồi chết sớm ở xứ người bỏ lại mẹ và hai chị em nàng. “*Những người con gái mang hai dòng máu. Buồn lắm phải không anh ?*” mấy lần nàng hỏi tôi như thế.

Đêm hôm ấy nàng không ngủ trong căn phòng sang trọng mà ông chủ đồn điền đã dành sẵn cho nàng. Nàng ra ngồi trong căn lều phủ poncho của tôi cùng uống trà tươi mà tâm sự thâu đêm. Nàng rủ tôi ngày mai cùng nàng lên Đà Lạt vài ngày để nàng làm thủ tục đón cô em gái về và đưa nàng đi thăm các thắng cảnh thơ mộng ở đây.

Sáng hôm sau, tôi lên máy gọi về trung tâm hành quân tiểu khu Lâm Đồng gặp ông tiểu khu trưởng, xin ông cho ba ngày phép và được sử dụng chiếc xe jeep của Tiểu Khu biệt phái, đón người vợ sắp cưới vừa mới lên Đà Lạt. Tôi tả oán thêm là cả một năm nay, phải tham dự nhiều cuộc hành quân, nên hai đứa chưa được gặp nhau. Ông tiểu khu trưởng tốt bụng, vui vẻ chấp thuận, và dặn dò tôi phải bàn giao công việc thật kỹ càng cho anh đại đội phó.

Ba ngày ở Đà Lạt là ba ngày thần tiên nhất trong đời lính của tôi. Sau khi đưa nàng đến trường thăm cô em gái và làm một số thủ tục cần thiết, chúng tôi lấy phòng ở khách sạn Palace nằm trên một ngọn đồi cao gần hồ Xuân Hương và cách khu phố Hòa Bình không xa lắm. Ban

ngày chúng tôi đi tắm ở thác Cam Ly, thăm hồ Than Thở, cưỡi ngựa ở sân Cù, bơi thuyền trên hồ Xuân Hương. Buổi tối đi ăn bê thui, uống rượu vang, rồi ra nhà Thủy Tạ ngồi tâm tình đến khuya. Ngày hôm sau, chúng tôi rời thành phố. Sau khi thưởng thức cà phê Tùng, chúng tôi chạy về hướng thác Prenn. Nàng chỉ đường cho tôi tìm đến một hotel nằm trên núi, ông chủ cũng là một người Tây. Lấy phòng và gửi hành lý xong, chúng tôi đi bộ xuống thác Prenn, nằm không xa phía dưới. Nàng kéo tôi xuống tắm dưới dòng thác. Hai đứa ôm nhau trong cái lạnh của nước từ trên núi cao đổ xuống. Nàng dắt tôi chạy vào khu rừng phía sau để đùa với mấy con khỉ, con gấu và cả một con cọp nữa trong vườn bách thú. Rồi nàng đi trốn, giả vờ làm nàng Jane mắc nạn để bắt tôi làm Tarzan đi cứu. Nàng hò la và ôm tôi cười vang cả một khu rừng.



(thác Preen- Đà Lạt)

Trong ba ngày, nàng đã cho tôi tất cả những gì hạnh phúc nhất mà không đòi hỏi ở tôi bất cứ một điều gì. Hôm cuối cùng, tôi đưa nàng trở lại trường Domaine De Marie để gặp lại em nàng. Ngồi trên xe, nàng trầm ngâm không nói một lời. Đến cổng trường, nàng bảo tôi dừng lại. Nàng hôn tôi thật lâu. Tôi nghe tiếng nàng khóc. Tôi định nói một lời gì đó, nhưng nàng lấy một ngón tay để trên miệng tôi, không cho tôi nói, rồi bảo tôi ngồi yên trên xe chờ nàng. Hơn hai mươi phút sau nàng chạy ra, cầm tay tôi và trao cho tôi một tờ giấy nhỏ, rồi vụt chạy vào phía sau trường. Trên mảnh giấy nàng viết vội vàng bằng tiếng Việt.: *Xin cảm ơn và tạm biệt anh ở đây. Em và đứa em của em sẽ về Sài Gòn vào sáng sớm ngày mai. Anh hãy trở lại đơn vị, đừng chờ*

và cũng đừng tìm em nữa. Rồi có lúc nào đó và ở một nơi nào đó, mình sẽ gặp lại nhau. Hôn anh.

Tôi vội vàng bước xuống xe, chưa biết gọi nàng bằng tên gì, thì nàng đã mất hút phía sau trường. Tôi ngồi trên xe nhìn thần thờ vào khu trường. Tất cả đều vắng lặng, chỉ nghe một vài tiếng lá rơi từ những hàng cây đứng chờ vơ im lìm trước cổng.

Tôi trở lại nhà Thủy Tạ, tìm lại bóng dáng và mùi hương của nàng. Buổi trưa, bốn bề yên lặng. Một con chim lạ, có dáng của một con hải âu, đậu xuống con thuyền bơi phía trước, kêu vài tiếng, vụt cánh bay sà xuống mặt hồ, rồi biến mất trong rừng thông. Cả một khung trời Đà Lạt nhạt nhòa trong nước mắt. Tôi không biết mình đã khóc tự bao giờ.

Tôi lái xe trở về đơn vị mang theo một nỗi buồn kỳ lạ, dường như trong lòng chỉ còn là một khoảng trống bao la.

Suốt đêm hôm ấy, tôi lang thang trong đồi trà, ngồi một mình bên bờ con suối nhỏ, nhìn mấy chiếc lá vàng rơi xuống và trôi theo dòng nước, bàng bạc dưới ánh trăng. Nửa đêm tôi trở về căn lều cũ, đun đầy một ấm trà tươi mà không uống.

Tôi ngủ vùi từ lúc nào không biết. Thức giấc, mặt trời đã lên cao. Tôi vội vã xách xe chạy xuống trạm kiểm soát. Ngồi suốt cả ngày hôm ấy, tôi vẫn không tìm thấy bóng dáng của nàng.

Hai ngày sau, khi thay bộ đồ trần ra giặt, thò tay vào túi áo lấy mọi thứ ra, bất ngờ tôi thấy tấm thẻ căn cước của nàng, viết bằng tiếng Pháp do tòa đại sứ cấp. Tôi nhớ anh cảnh sát đã giao tấm thẻ này cho tôi hôm ở trạm kiểm soát và tôi đã quên trả lại cho nàng. Đến bây giờ tôi mới biết được tên thật của nàng : *Jacqueline Cuvéro*.

May mắn trong tấm căn cước có cả địa chỉ. Tôi gửi trả lại nàng tấm thẻ căn cước, viết kèm theo bốn câu thơ trong bài thơ *Les feuilles mortes* mà nàng yêu thích.

*Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
Les souvenirs et les regrets aussi
Mais mon amour silencieux et fidèle
Sourit toujours et remercie la vie*

Tôi phập phồng chờ thư hồi âm, nhưng không thấy. Tôi viết thêm vài cái thư nữa cho nàng nhưng tất cả đều biệt vô âm tín. Ba tháng sau tôi xin bảy ngày phép thường niên về Sài Gòn. Trước khi tìm đến nhà nàng, tôi trở lại khu đường Lý Thái Tổ thăm gia đình bà cô và rú

người anh họ cùng đi. Anh bảo là nàng cùng cô em gái đã về định cư bên Pháp hơn hai tháng nay. Không biết khi nào mới trở lại Việt nam.

Tôi lang thang ở Sài Gòn hai ngày thì lấy xe đò về Nha Trang để thăm cha tôi. Nhưng ngày nào tôi cũng đi lang thang trên bờ biển, nhìn sóng đổ vào bờ cuốn theo tất cả mọi dấu chân mình trên cát, và nhớ đến nàng.

Tôi trở lại đơn vị, đúng vào lúc đại đội tôi nhận lệnh rời khỏi Lâm Đồng để di chuyển về Phan Thiết, tăng phái cho Tiểu khu Bình Thuận, hành quân phối hợp với một đơn vị thiết kỵ của Hoa Kỳ vừa mới đến Việt Nam, giải toả mật khu Lê Hồng Phong.

Kể từ ngày ấy, trên bảng tên may trên nắp áo lính, ngay phía dưới tên tôi, có thêm một chữ nhỏ : *Jacqueline*, màu vàng. Máy chú lính bảo sao tôi lại có tên con gái. Tôi giả vờ: tại vì tớ ái mộ bà vợ của tổng thống Kennedy.

Sáng ngày mai gia đình chúng tôi phải rời nông trại GAULTIER thơ mộng này để trở về Nauy. Vợ chồng anh chủ nhà cùng mấy cô con gái của tôi đang rượt bắt mấy con gà Tây. Anh muốn đãi chúng tôi một bữa ăn Tây truyền thống. Tôi đi lang thang khắp nơi trong khu nông trại, như để cố tìm ra những dấu tích của nàng.

Buổi chiều, khi bà xã và mấy đứa con đang ngồi ở phòng khách, say mê theo dõi một cuốn phim trên truyền hình, tôi một mình lặng lẽ ra vườn cam, rồi tìm vào khu nghĩa địa.

Tôi ngồi trước mộ nàng rất lâu, hình dung lại hình ảnh của nàng trong những ngày cùng tôi trên đồn điền trà ở bên cây cầu Đại Ngà và tung tăng khắp nơi ở bờ hồ, thác Prenn và trong rừng thông Đà Lạt.

Một cơn gió xào xạc, mấy chiếc lá vàng trên tàng cây chậm chậm rơi xuống mộ nàng.

Tôi đưa tay sờ tấm ảnh nàng trên mộ bia, nói thì thầm trong gió:

*Et la chanson que tu me chanta
Toujours, toujours je l'entendrai. !
(Và bài hát mà em đã hát cho anh nghe
Mãi mãi, mãi mãi, anh vẫn còn đang nghe đây)*

Phạm Tín An Ninh

TẢN MẠN

Trần Hiệp, K28

Nguyễn Thành Hường K28

Những ngày cuối đông, nơi Hiệp ở còn lạnh và mưa tuyết. Nhiệt độ ban ngày vẫn chưa qua khỏi 60°F (15°C.) Hiệp muốn gặp Tuấn—người bạn đồng hương đã cùng sống với Hiệp những ngày đau thương, không thể nào phai nhạt trong trí nhớ tại trại tù Ái Tử. Hiệp vẫn chưa gặp lại Tuấn dù cả hai cùng ở Mỹ đã trên 23 năm. Hiệp bàn với “*nhà tôi*” về chuyện đi thăm người bạn tù. “*Nhà tôi*” phán một câu xanh rì: “Đi thăm bạn tù, anh nên đi một mình.” Thiệt hạnh phúc biết bao. Cánh chim trời được sống lại những tháng ngày áo ôm, khô rách. “Tự Do ơi! Tự Do!” Tự do của kiếp sống tha hương trên đất Mỹ vào thập niên 80.

Dallas—Tiểu Bang Texas, nơi người bạn đồng hương và đồng tù Tuấn ở—Hiệp cũng có người bạn học Trường Võ Bị Dalat cùng khóa với Hiệp tên Hường. Hiệp đã gặp Hường nhiều lần trong những buổi họp mặt ở những tiểu bang khác nhau trên đất Mỹ, nhưng chưa một lần nói chuyện với nhau lâu hơn vài câu xã giao chào hỏi; vì thời gian những cuộc họp quá ngắn và gia đình cùng đi theo nên Hiệp và Hường chưa một lần tỉ tê tâm sự chuyện chúng mình, kể từ ngày tan hàng sau cuộc chiến.

Hường có nhà riêng ở Flower Mound. Vì có tiệm Nail nên bạn sống ở Midland cách Flower Mound 5 giờ lái xe. Hẹn gặp nhau ở Dallas. Hiệp trên đường từ Houston, TX về Dallas bằng xe bus. Hường cũng lái xe từ Midland trở về Flower Mound—để ngày mai hai thằng có những giây phút tâm sự trong căn nhà rộng rãi mà chỉ có một mình con trai của Hường đang sống. Từ chuyện vụn vặt tình học trò trong thời áo trắng, đến chuyện hàng ngày của đời lính SVSQ trên đồi 1515 Dalat; chuyện sau tháng Tư tang thương—tù đầy, tình yêu, sinh tồn và vượt biên của hai thằng lính chiến bại sau cuộc chiến.

Trong Trường Võ Bị Dalat tôi biết Hương, bình thường như biết những người bạn khác vì chúng tôi không có cùng một điểm chung nào cả. Không cùng một liên đội, không ở chung một building và những giờ học văn hóa, quân sự cũng không cùng chung lớp. Bạn người Huế, tôi Quảng Trị. Hương là một thiên tài về hội họa, còn tôi thì không có một chút kiến thức và tài năng gì về lãnh vực này. Tàn cuộc chiến hai mảnh đời Hương và Hiệp cùng trầm luân, cùng theo vận nước nổi trôi, nhưng mỗi người mỗi cảnh, hoàn toàn khác nhau.

Hương không khờ khạo như Hiệp tìm đường về quê, nên thời gian tù của Hương ở trong Miền Nam đến khi được thả ra là sau 3 năm. Chuyện ra tù trước và sau 3 năm cũng là một chuyện cười ra nước mắt của những người lính Phương Nam, muốn thoát khỏi xã hội Vietnam sau cuộc chiến mà mảnh đời Hương là một trong câu chuyện mà Hiệp nghĩ chỉ có trong phim ảnh.

Trở lại Huế sau khi ra tù, bạn có cơ may là bà chị cho mượn tiền để vượt biên. Những ai có nhiều tiền nếu hỏng chuyến vượt này thì đi chuyến khác. Chị Hương cho mượn chỉ đủ một lần. Không may cho chuyến vượt biên, Hương mất tiền nhưng mạng còn sống nên chuyện vượt biên cũng chỉ là chuyện mơ ước cho những ngày sống tiếp nối tại Huế. Với một tấm thân tàn và đói rách nhưng “*huong xua*” của người SVSQ Dalat vẫn còn đâu đó trong cuộc sống, nên có người con gái sông Hương (người bạn đời bây giờ) giang tay mở rộng, chia xẻ, đùm bọc. Để đền đáp ân tình đó, Hương thề nguyện với sự chứng giám của Sông Hương-Núi Ngự: sẽ cùng em đi trọn đường trần để đền đáp ân tình mà người con gái Sông Hương, mở lòng cứu vớt mảnh đời đen như đêm 30 Tết của người lính bại trận sau cuộc chiến.

Có bạn đời bên cạnh cuộc sống, nên giấc mơ đánh cuộc đời mình cho biển cả, để đổi lấy tự do chỉ còn là câu chuyện dĩ vãng. Có gia đình thì phải lo kiếm tiền để sống. Với lý lịch “*Ngụy quân*” trong xã hội bạo tàn Cộng Sản thì không có nghề nào cho kẻ chiến bại; duy chỉ còn nghề đi buôn lậu với muôn vàn hiểm nguy, sanh tử.

Hương chọn nghề đi buôn hương trầm. Hiệp hỏi hương trầm là gì. Hương cho Hiệp biết, Hương Trầm là nhựa một loại cây dó (*aquilaria*.) Cây dó bị thương do chiến tranh hay do con người thì nhựa cây trầm tiết ra bao phủ vết thương ấy. Qua ngày tháng, mủ tích tụ lại thành những mảnh trầm hương. Có nhiều loại trầm và chất lượng khác nhau,

chỉ có những người trong nghề mới biết quyết định để mua bán sao cho chính xác, mới kiếm được tiền. Trầm được tìm kiếm trong rừng Miền Nam ra đến Miền Bắc, sau đó lan qua biên giới, sang tới Hạ Lào và Thượng Lào vùng Tam Giác Vàng. Nghề buôn trầm này cũng tương tự với nghề buôn lậu thuốc phiện qua biên giới nên rất là nguy hiểm. Chuyện sống với chết chỉ mong manh như đường tơ kẽ tóc.

Hướng tham gia nghề này như một trong những đầu mối thu mua trầm và đem qua Campuchia bán kiếm lời. Muốn có trầm để mua phải tuyển người đi tìm trầm, phải cung cấp thực phẩm và phương tiện cho người đi tìm trầm và hẹn họ ngày trở lại để thu mua. Chuyện tuyển người đi tìm trầm và thu mua không đơn giản, vì tìm trầm là bất hợp pháp (buôn lậu) nên chuyện mua chuộc công an, lính biên phòng, điểm phát xuất vượt biên giới và mưu mẹo để thu mua được trầm là chuyện dài “trăm phương nghìn kế.” Ngoài ra còn phải đối phó với những người đi tìm trầm, vì đâu phải lúc nào họ cũng trung thành với người thuê họ đi. Còn phải đút lót cho công an, dân chúng địa phương nơi xuất phát đi tìm trầm và chọn lọc điểm gặp mặt sau khi những người đi tìm trầm trở lại. Chuyện trao đổi trầm và tiền bạc. Nghe Hướng kể, Hiệp cảm thấy chuyện xảy ra sao mà giống như chuyện trong phim God Father, loại phim Mafia của Mỹ hồi thế kỷ trước. Để sống sót trong xã hội chuyên dùng bạo lực và xảo trá cần phải thông minh và bản lĩnh. Hiệp có lẽ sẽ không bao giờ làm được nếu rơi vào trường hợp phải đi buôn trầm như Hướng.

Chuyện đáng nhớ nhất là chuyến buôn cuối cùng của nghề buôn trầm. Trầm được mua bằng 4 cây vàng để chuyển qua Campuchia bán. Nếu chuyển được qua biên giới sẽ bán được giá gấp đôi. Hướng đã móc nối liên lạc được với một người lính bộ đội trong đoàn quân chuyển lương thực qua Campuchia. Giá cả đã được thoả thuận khi đến Campuchia sẽ giao tiền. Hướng phải đóng kịch là người lính bộ đội đi cùng xe qua biên giới với món hàng trầm được giấu trong xe chuyển lương thực.

Trầm luôn luôn bên cạnh người của Hướng, nhưng trong công việc chuyển lương thực lên xe, anh bộ đội nói Hướng không được vào bên trong nhà kho của khu quân sự. Hướng phải đưa ba lô trầm cho anh ta mang vào dấu cùng với lương thực. Không chút nghi ngờ, Hướng lên xe cùng với anh lính bộ đội di chuyển về hướng biên giới. Khi đến biên giới thì có lính và công an lên kiểm soát xe. Họ dí súng

vào lưng Hường bắt ngay vào đồn với tội buôn lậu trầm, cùng tang vật. Balo trầm mà Hường nhìn thấy không phải là trầm của mình. Người lính bộ đội lái xe thì vẫn tiếp tục di chuyển công việc. Trong tù, Hường mới nghiệm ra rằng, anh bộ đội đã trao trầm của Hường với một trầm loại khác ít giá trị hơn, còn báo cho công an biên phòng bắt Hường để hấn có được mớ trầm của Hường, sẽ bán được nhiều tiền hơn so với số tiền được Hường trả công. Thế là mất cả vốn lẫn lời cộng thêm 4 tháng tù. Gia đình sống trong lo âu vì chẳng biết tin gì về Hường kể từ ngày leo lên xe Molotora tiến thẳng ra biên giới. 4 tháng sau, ra tù trở lại Saigon, Hường nhất định chấm dứt nghề buôn trầm vì vợ đại con thơ sẽ sống ra sao nếu không may Hường không trở về lại được nhà. Hường biết sinh mạng người đi buôn trầm qua biên giới rẻ như bèo trong thời buổi còn chiến tranh.

Hiệp hỏi Hường, buôn trầm bạn có biết người mua trầm để làm gì không. Hường trả lời, đến hôm nay Hường vẫn không biết người ta mua trầm hương để làm gì trong những ngày tháng đó. Chuyện buôn trầm hương của Hường sau 4/75 cũng huyền bí như chuyện ngậm ngải tìm trầm mà khi còn bé Hường thường được nghe kể.



Hường trở lại nghề trời ban: vẽ chân dung. Bạn tôi thuê một căn phố vẽ chân dung tại Saigon. Khách hàng là những người qua lại trên đường phố; không kiếm được nhiều tiền nhưng cũng đủ để sống qua ngày tháng. Nơi đây dần dần trở thành điểm dừng chân của bạn bè trên

mỗi bước đường xuôi ngược trong cuộc sống. Có bạn dừng chân sau một cuộc mưu sinh thất bại; bạn khác cần có bữa cơm lót lòng; người thì ghé thăm lần cuối cho chuyến vượt biên sắp đến. Có người Hương đã gặp lại trên đất Mỹ, nhưng cũng có người chẳng bao giờ gặp lại—chỉ còn hình ảnh buổi chia tay lần cuối trong trí nhớ Hương, mỗi khi có ai nhắc đến tên người bạn xấu số đó.

Cuộc sống với nghề vẽ âm thầm trôi cho đến khi có chương trình Tái Định Cư những Tù Nhân Chiến Tranh của Hoa Kỳ đối với cuộc chiến VN. Chuyện làm giấy tờ để đi Mỹ cũng là một chuyện dài “lời cuối cho nhau của một cuộc tình kẻ thắng và người thua” của xã hội VN sau chiến tranh. Vì mưu sinh phải chạy trốn Huế để vào sống không hộ khẩu tại Saigon, nên giấy tờ ra trại Hương chẳng còn lưu giữ, vì nghĩ rằng tờ giấy được tha ra khỏi trại tù chẳng cần thiết gì. Khi chương trình HO ra đời Hương phải dùng cái tài điêu khắc, làm con dấu giả của mình để có tờ giấy ra trại, phải đút lót tiền bạc từ địa phương tới trung ương để có được con dấu đỏ cho tờ giấy thả ra trại là thật, cộng thêm với những hình ảnh của bạn khi đang huấn luyện tại trường Võ Bị Dalat nên được chính phủ Mỹ chấp thuận cho Hương và gia đình đi về một chân trời mới.

Chính phủ Mỹ cả tin vào chính quyền Vietnam, nhưng đối với xã hội Cộng Sản Việt Nam sau 75, có tiền là có thể làm được mọi chuyện. Nếu đặt Hiệp vào địa vị của Hương, có lẽ bây giờ Hiệp đang sống một kiếp sống đau thương đâu đó tại quê nhà vì không đủ bản lĩnh (tiền và tài) để đối phó với một xã hội tàn bạo, đầy dẫy bất công và tham nhũng sau cuộc chiến.

Cũng như bao gia đình HO khác, bạn Hương cũng trải qua những khó khăn ban đầu khi mới tới định cư tại Mỹ, nhưng bạn đã vượt qua và thành đạt trong cuộc sống vì trong xã hội Mỹ tài năng của bạn được đơm hoa kết trái. Bước vào tuổi nghỉ hưu, bạn nói chỉ làm thêm vài năm nữa rồi cũng rũ ào từ “quan” để về vẽ lại chân dung của chính mình, “đưa em tìm động hoa vàng” như lời thề hứa cùng với người bạn đời trong cuộc sống trên đất thần kinh thương đau năm xưa.

Chiếc Áo Trắng

Những ngày cuối Thu, đặc biệt vào những cuối tuần của đầu tháng 12; thời gian như ngừng lại để mọi người trang hoàng nhà cửa

với những ánh đèn điện và mở lòng với tha nhân để chào đón mùa Giáng Sinh và năm mới sắp đến. Hiệp lục lạo lại trong những ngăn tủ xem có gì giá trị thì đem đến Nhà Thờ để Hội Từ Thiện họ phân phối đến những ai cần, Hiệp bắt gặp lại chiếc áo trắng cũ mà Hiệp đã phải bỏ quên trong góc tủ. Kỷ niệm xưa lại chậm chậm trở về.

Hiệp quen Trang vì nàng là người tình của Tuấn—người em thân thiết của Hiệp. Thỉnh thoảng cuối tuần, Tuấn rủ Hiệp đến nhà nàng để được mẹ nàng nấu cơm cho ăn. Có lẽ thằng bạn đi thăm em một mình thì run nên muốn Hiệp đi cùng. Hiệp nghèo vì còn đi học, không thân nhân nên nghe đâu có cơm Vietnam không tốn tiền là đi liền.

Gia đình Trang đến Mỹ trong vòng hơn một năm theo diện di dân. Gia đình sống tại Sài Gòn trước khi qua Mỹ—người mẹ và ba cô con gái. Đặc biệt ba chị em có tên bắt đầu bằng mẫu tự T. Ba chị em khá xinh nhưng lòng Hiệp không chút vẩn vương gì, vì biết thân phận mình chưa có đủ tiền để nuôi thân, đâu dám mơ chuyện lứa đôi, dù tuổi đời đã qua khỏi 30. Cuối tuần được bữa ăn ngon thuần túy Việt trong vùng hiếm người Việt là thấy hạnh phúc rồi. Cô thứ hai có cảm tình với Hiệp nhưng “tim tôi băng giá tự bao giờ” nên một năm sau thì được tin cô lấy chồng. Tuấn có dự đám cưới hay không tôi không hỏi, nhưng riêng Hiệp thì không được biết, chỉ nghe Trang nói lại sau đó. Ba năm tiếp theo, thỉnh thoảng cùng Tuấn đến thăm hai chị em và người Mẹ. Có nhiều kỷ niệm với gia đình Trang, tất cả đều xem Hiệp như một người thân trong gia đình.

Nhưng thời gian đâu cho Hiệp rong chơi mãi. Hiệp cũng liêu “nhắm mắt đưa chân” từ bỏ miền Đông-Bắc Mỹ để tìm cho mình một mái ấm gia đình. Buổi chia tay, Trang tặng Hiệp chiếc áo trắng. Ngày Hiệp lên “xe bông” từ bỏ kiếp sống rong chơi, Tuấn bay qua để làm chứng trước mặt Cha Phương—ký giấy xác nhận lời thề “chung một lối về” của Hiệp với người bạn đời là sự thật. Trong bữa cơm đoàn tụ cùng Tuấn tại Seattle, Hiệp cũng khoe với bạn đời “*nhà tôi*” chiếc áo trắng Trang tặng.

Hiệp cứ đinh ninh rằng, có ngày sẽ trở lại miền Đông-Bắc để chung vui cùng Trang và Tuấn. 5 năm sau Hiệp nhận thiệp cưới của Tuấn. Nhưng ai đâu ngờ, đọc thiệp hồng của bạn mới biết tình xưa của Tuấn chẳng còn. Trên đường về New York dự đám cưới của Tuấn vào cuối tuần, thứ năm Hiệp ghé Washington DC thăm lại Trang. Cuộc gặp gỡ

rất thân tình và khá buồn. Trang tâm sự mọi việc kể từ ngày Hiệp rời xa miền Đông Bắc. Khi ấy Hiệp mới biết Trang đã tốt nghiệp kỹ sư điện và đang làm cho FAA (Federal Aviation Administration.) Trang cũng cho Hiệp biết là sẽ lấy chồng. Chồng làm cho AT&T Telecom. Hiệp cũng gặp lại cô chị vẫn còn độc thân. Hai chị em ở trong căn nhà mới khá đẹp. Trước khi chia tay, Trang nhờ Hiệp chuyển lời chúc Tuấn hạnh phúc. Có chụp chung một tấm hình chia tay.

Lên New York dự đám cưới của Tuấn thật là vui vì gặp lại bạn bè thuở hàn vi xưa. Hiệp không kể chuyện Hiệp gặp Trang, cũng không chuyển lời chúc Trang cho Tuấn. Sau đám cưới của Tuấn có lẽ ai cũng bận rộn với cuộc sống riêng của mình. Để các bạn quên chuyện ngày xưa, vui vẻ với duyên mới, Hiệp không liên lạc với Tuấn và Trang. Hiệp mất liên lạc với Trang. Chỉ còn nhớ đến Trang mỗi khi mặc chiếc áo Trang tặng.



Nhưng một ngày nọ, khi Hiệp lấy chiếc áo trắng Trang cho, mặc để đi Lễ Chúa Nhật cùng gia đình thì được nghe: “Sao anh thích mặc chiếc áo Trang cho vậy?” Hiệp nghĩ vì sự khác biệt văn hóa Trung Bắc và để tránh những cãi vã không đáng có, nên từ đó Hiệp xếp gấp lại và cất vào trong góc kín. Cách đây hơn một năm, Hiệp có nhờ Lai K28, bạn thân ở gần nhà, làm cho FAA tìm Trang; nhưng bạn Lai K28 “suy bụng ta ra bụng người” không tin lời Hiệp (nghĩ Trang là tình xưa gì đó của Hiệp) nên chẳng tìm. Hiệp có nhờ Cường K30, bạn đồng hương

Quảng Trị cũng làm cho FAA ở tiểu bang xa. Chẳng biết Cường K30 có tìm hay không, chỉ cho biết không có Trang trong FAA. Có lẽ Trang không còn làm hay đã thay tên đổi họ sau khi lấy chồng. Vì một lời trách của “*nhà tôi*” mà chiếc áo phải cất đi, rồi quên hẳn. Hôm nay tình cờ “gặp” lại, các bạn được biết câu chuyện đời xưa của Hiệp.

Trong không khí của những ngày cuối năm 2017, chuyện ngày xưa chỉ còn là kỷ niệm. Hiệp vẫn mong gặp lại Trang và Gia đình. Cảm ơn những ân tình đã dành cho Hiệp có những bữa cơm gia đình ấm cúng, trong những tháng ngày tha hương đơn côi trên vùng đất lạ.

Chinh Phụ K25

Vừa đến nhà sau một ngày tham gia cuộc văn nghệ vui chơi tất niên của Hội Võ Bị WA, đang chuẩn bị sửa soạn cho bữa ăn tối, vì thức ăn tại nhà hàng Tàu thật là dở và nguội lạnh, thì nhận được phone của Vũ Văn Lai K28 qua nhà Niên Trưởng (NT) Vương Tịnh K25 để tiễn đưa NT Trần Hữu Hạnh K25 ngày mai quay trở về Cali. Nửa giờ sau, vợ chồng Lai K28 qua đón Hiệp (bà xã Hiệp thì bận nấu ăn nên không đi.) Vì mùa đông nên mới 5 giờ chiều mà trời đã tối và mát hơn 30 phút sau mới đến chỗ hẹn. Tới địa điểm thì đã có vợ chồng Nguyễn Sanh K28, NT Hạnh K25 và vợ chồng chủ nhà, tổng cộng tất cả có 8 người. Trên bàn có nhiều món ăn nhẹ, chị Tịnh hỏi mọi người ai muốn ăn phở? Ai cũng nói “No” chỉ có mình Hiệp là đói rách nên “Yes” và được chị Tịnh cho một tô phở nóng cho buổi ăn tối.

Cuộc trao đổi trong bàn nói rất nhiều vấn đề; từ việc văn nghệ ban chiều tại nhà hàng, cây nhà lá vườn nhưng đã mang lại cho mọi người tham dự buổi sinh hoạt tất niên, một buổi chiều đáng ghi nhớ, qua những mục văn nghệ rất là chuyên nghiệp của những cặp Lai, Sanh, Đông K28 và các chị trong Hội Võ Bị WA; đến chuyện Hội Võ Bị trên thế giới tranh cãi về chuyện sinh hoạt hàng ngày trong cuộc sống. Có lẽ những chàng trai năm xưa nghĩ mình còn trẻ trung hay là những người lãnh đạo chỉ huy của một đơn vị, nên đã dùng những lời lẽ không tế nhị để gây ra những xích mích không đáng có trong một tập thể, mà mọi người cố tình không biết là đang tàn phai và mất hút với thời gian phía trước.

Nhưng khi bàn qua về chuyện người chinh phụ hoá đá của nhạc

cảnh Hòn Vọng Phu ban chiều, NT Hạnh K25 nói: “Người thiếu phụ mong chồng trở lại sau khi tiễn chồng đi vào nơi gió cát đã trở thành tượng đá, nói lên tấm lòng thủy chung của người đàn bà Việt không phai mờ trong cuộc trường chinh dựng và giữ nước.” Một lời khen cho Lai K28 đã diễn xuất cảnh đau khổ tốt cùng của người chinh phu khi tìm gặp lại người vợ bé nhỏ và con thơ đã trở nên người muôn năm của non sông Việt. Trong tiếng nhạc đệm nhẹ nhàng không lời “nhưng không chết người trai khói lửa mà chết người vợ bé nhỏ phương nam,” Lai quỳ gục bên tượng đá Chinh Phụ Thu mà mong đợi là vở kịch chấm dứt, để Lai dìu Thu bước xuống sân khấu trở lại với cuộc sống thực hàng ngày (Thu mà biến thành đá thì Lai sẽ trở thành người homeless thật sự.) Và có lẽ chị Tịnh thấy chuyện xưa—người thiếu phụ còn nhiều may mắn hơn hình ảnh của chị 40 năm về trước, chị bắt đầu vẽ lại bức tranh của chị trong những ngày trước và sau tháng tư buồn của quê hương thân yêu.

Ngày 26 tháng 4 đường Sài Gòn-Bình Dương còn đi lại được, anh Tịnh ghé về thăm cha mẹ và vợ con. Đơn vị anh đóng ở Bầu Bàng cách Saigon không xa. Với một tình thế không sáng sủa như vậy, chị muốn anh ở nhà để lo cho cha mẹ bệnh tật và vợ con nhỏ dại. Chị nói vì trách nhiệm của một Sĩ Quan được đào tạo từ trường Võ Bị Dalat, anh trả lời anh còn phải lo đơn vị anh trước đã. Bao nhiêu người lính vẫn đang cần đến anh và anh quay trở lại đơn vị cùng ngày, bỏ lại chị với đứa con còn nhỏ và cha mẹ già yếu trong một thành phố hỗn độn, hoang mang và sợ hãi.

Với những tin tức đồn dập về chính trị và quân sự không mấy tốt lành cho chính quyền Miền Nam, không có tin tức gì từ hôm anh trở lại đơn vị. Hai ngày sau, chị lại vội vàng lên chỗ đóng quân của anh để hy vọng có tin gì về anh. Đến được chỗ đóng quân, biết anh còn sống nhưng chị phải ở trong hầm để tránh đạn pháo của Bắc quân suốt ngày và đêm 28, vì Bắc quân đang cố dứt điểm Sài Gòn nên đơn vị của anh là trọng điểm pháo để cầm chân đơn vị.

Ngày 29 thì có xe tiếp tế lên và Tiểu Đoàn Trưởng Đồng Duy Hùng quyết định gọi chị và vợ của một anh lính theo xe tiếp tế về bộ tư lệnh Sư Đoàn 5 ở Lai Khê. Từ Lai Khê về Sài Gòn xe cộ đều không còn hoạt động nhưng xe ngựa vẫn còn, nên chị và vợ người lính về đến Phú Văn khoảng 4 chiều và ghé nhà bà Y (vợ Tiểu Đoàn Phó) để xin ngủ qua đêm và hy vọng có hầm trú ẩn để tránh pháo. Vào nhà, bà Y

chỉ cái hầm mà chị thấy rất nông cạn chỉ cần trái B40 bắn vào nhà thì xác người cũng không còn chớ nói gì đến đạn pháo binh. Bà Y an ủi và quả quyết là Việt-Cộng (VC) sẽ không pháo vào đây, vì bà cho biết hàng xóm bà là một tay chỉ điểm của VC, nó không pháo vô nhà của nó đâu. Thiệt tình người Miền Nam biết kẻ thù ở ngay cạnh nhà mình mà vẫn đề yên lành, có lẽ chỉ mưu cầu an lành cho riêng mình mà quên đi hiểm họa cho đại cuộc hay là ấu trĩ về chính trị và quân sự.

Sáng ngày chị cùng gia đình bà Y đi về Phú Lợi và chia tay. Chị và người vợ lính vẫn tiếp tục đi bộ về hướng Sài Gòn. Trên đường đi, chị nghe tiếng depart của súng cối, chị liền kéo chị vợ lính cùng đi vào ẩn núp dưới một ống cống vỡ của con đường. Sau khi nghe tiếng nổ, nhìn lại thì đứng ngay vô chỗ chị và người bạn vừa chạy trốn trước khi lọt vào ống cống. Nếu chậm đi vài giây phút, có lẽ không có chị ngồi đây để kể lại câu chuyện này. Kinh nghiệm chị có được về chiến tranh là do trong những dịp thăm chồng, khi đơn vị đang hành quân di chuyển mà chị đi cùng. Ngưng tiếng pháo chị và người đàn bà lại tiếp tục di chuyển về hướng Sài Gòn.

Đang trên đường đi thì chị thấy có một chiếc xe Jeep phía sau đang tiến về phía chị. Vì xe chạy chậm khi ngang chỗ chị và người đồng hành, nên cả hai đu được và bám vào chiếc bánh “xơ cua.” Trên xe rất đông người, phủ kín tất cả chỉ còn một chỗ hông cho người tài xế thấy phía trước. Xe vẫn tiếp tục di chuyển với tốc độ chậm, khoảng một tiếng đồng hồ sau thì thấy đằng trước khoảng 50 m là một nhóm người với quần áo du kích và súng ống đã xuất hiện trên đường. Xe dừng lại và khi ấy chị mới thấy ông Đại Tá, có lẽ Tỉnh Trưởng Bình Dương bước lên vào những bụi cây bên lề đường với chiếc vali nhỏ trong tay và biến mất. Chị và mọi người khi ấy mới vào nhà dân kế bên đường và được biết Tổng Thống Dương Văn Minh đã đầu hàng. Chị tiếp tục di chuyển đi bộ băng qua những xác chết, còn chưa được ai dọn dẹp của những trận đánh vào sáng sớm hôm nay, vừa mới dứt tiếng súng sau khi có lệnh đầu hàng. Những thảm cảnh hãi hùng của người chết và bị thương của hai bên vẫn còn ám ảnh chị nhiều tháng sau đó. Cuối cùng chị cũng về đến nhà, để gặp lại con gái thân yêu với một ngày mai đen tối đang đón chờ gia đình chị.

Ngày 1 tháng 5, bà vợ của NT Đồng Duy Hùng hẹn chị lên nhà bà để cùng nhau đi tìm xác chồng (chị nhấn mạnh là bà chị ấy nói đi tìm xác) vì không biết được một tin gì về anh cả. Ngày 2 tháng 5 chị đến

nhà bà Đồng Duy Hùng, dùng xe gắn máy để đi tìm xác chồng. Để đi lại dễ dàng, chị Đồng Duy Hùng K21 đã dùng một lá cờ Mặt Trận Giải Phóng cầm tay để dễ dàng vượt qua những trạm gác. Khi đến chỗ đóng quân xưa của chồng, thì được biết tất cả lính tráng đang bị tập trung tại khu rừng cao su để phân loại. Chị cũng được biết là, từ cấp trung úy trở xuống thì sẽ được cho về nhà để đợi lệnh của chính quyền mới.

Tháng sau, chồng chị (NT Vương Tịnh K25) cùng tất cả quân cán chính của Miền Nam được lệnh mang 10 ngày lương thực để tham gia học tập cải tạo của chính quyền “Cách Mạng.”

Cuộc sống của người thiếu phụ còn trẻ (23 tuổi) với đứa con thơ và bà mẹ chồng già yếu, bệnh tâm thần vào những tháng năm kế tiếp được chị kể lại trong niềm đau thương, tủi nhục và nổi thống khổ của một thiếu phụ có chồng đi cải tạo—trong một quê hương Việt được “Giải Phóng.”

Chị đi bán cà-rem để có tiền nuôi con và ba mẹ chồng. Chị phải che mặt, tránh gặp những người quen để khỏi phải mặc cảm và tủi hổ cho thân phận mình. Nhưng một ngày kia, có người lính cũ của đơn vị chồng nhận ra chị. Chị phải chạy trốn vào trong đám đông của chợ để anh lính lạc mất dấu vết của chị.

Ngày nọ, khi chị về nhà sau một ngày bán cà-rem, vừa bước vào cửa nhà thì đã thấy anh lính cũ đang ngồi đợi chị trong nhà. Không còn cách nào để tránh gặp mặt. Chị hỏi sao anh biết nhà chị, anh cho biết là hỏi tin những người lính mà ngày trước có lần đến nhà cùng chồng chị. Anh ta nói là anh ta muốn gặp chị để hỏi thăm 391 (ám số truyền tin của chồng chị ngày trước.) Chị trả lời, anh ơi giờ này mà 391, 392 gì nữa! Đó là lý do mà anh cố tìm gặp chị cho được, không ngoài ý định muốn biết tin người chỉ huy mình năm xưa—giờ này ra sao trong chính sách cải tạo đang được phổ biến trên phương diện truyền thông—là một chính sách khoan hồng nhân đạo nhất của những người CS, đối với những người lính Phương Nam bại trận.

Hơn một năm sau, chị nhận được lá thư với số hòm thư. Chị hoảng hốt nghĩ rằng chồng mình đã chết và được liệt trong hòm có ghi số. Mở thư đọc, thấy có nét chữ của anh và bảo rằng vẫn khỏe mạnh đang “hăng say” học tập và lao động. Anh khuyến khích vợ đừng ưu tư cho chồng vì đã có chính quyền “Cách Mạng quan tâm và giúp đỡ.” Cuối

thư, hẹn ngày đoàn tụ và cùng chị dựng xây một mái ấm gia đình yên vui trong một quê hương không còn chiến tranh.

Nhưng sống với chế độ Cộng Sản (CS) hơn một năm, chị đã hiểu được đâu là sự thật từ những lời nói hoa mỹ. Chị hỏi quanh những người hàng xóm thì họ cho biết hòm thư là hộp thư chó không phải chiếc hòm (quan tài) đựng xác chồng như chị nghĩ. Đây là địa chỉ để biết thư, từ đâu gửi tới nhưng không viết thư trả lời được.

Cuộc sống vẫn trôi, chị ước mong chồng trở về để chia xẻ gánh nặng của gia đình và để cùng anh quyết định số phận căn nhà đang cư ngụ—vì chính quyền địa phương luôn luôn thúc giục gia đình chị đi kinh tế mới, để chiếm đoạt căn nhà nhỏ bé của chị. Chị hứa với họ rằng, nếu chồng tôi được tha về, tôi sẽ tình nguyện rời nơi này vào ngày hôm sau. Nhưng ước mơ chồng trở về để chia xẻ nỗi khổ cùng chị và những kẻ muốn tiếm đoạt nhà chị không xảy ra—vì chuyện người tù cải tạo trở về là một ảo thuật gian manh chính trị, một hành động trả thù đê hèn của người CS Việt.

Hai năm sau bà nội vào thăm chị. Chị trở về sau một ngày đẩy xe bán cà-rem trên đường phố. Về gần đến nhà thì hàng xóm cho biết có bà nội từ miền Trung (Quảng Ngãi) vào thăm chị. Để tránh nỗi tủi nhục và không muốn bà nội xót xa cho đứa cháu, đang lam lũ trong cuộc sống hiện tại; chị phải gọi chiếc xe Cà-rem cho một nhà người hàng xóm để khi vào nhà, hy vọng bà nội không thấy tình cảnh đau thương của người cháu xinh đẹp năm nào, giờ đây vì đâu nên nỗi này. Nhưng vải thưa làm sao che mắt thánh, không thấy cháu đang kiếm sống với cái nghề tận cùng của xã hội, nhưng bà nội nhìn qua cuộc sống hàng ngày, và những vật dụng trong nhà đang có thì cũng biết là đứa cháu thân yêu của bà đang “hạnh phúc” ngập tràn trong thiên đường xã hội chủ nghĩa CS như thế nào rồi.

Có lẽ cuộc đối thoại của hai bà cháu hơn 40 năm trước, đầy nước mắt khi phải đối diện với thực tế náo nề. Chị Tịnh hôm nay kể lại trong căn phòng âm áp vang dội những tiếng cười vui của anh em trong tình huynh đệ Trường Võ Bị Dalat năm xưa, mà chị cũng không kiềm chế được những tiếng khóc và nước mắt của khổ đau gần 40 năm về trước. Chị kể: bà nội nói không được rồi cháu ơi! Thôi hãy bồng con về với quê nội để sống. Sao con thương chi người lính Dalat ấy để rồi mới xảy ra cảnh khốn cùng hôm nay. Chị trả lời: vì hoàn cảnh thời

thế nội ơi và cháu cũng không thể rời bà mẹ chồng được, vì đã làm dâu nhà họ Vương thì con nguyện một lòng cho trọn với chồng trong tình cảnh bi đát này. Con xin nội đừng buồn, con không nghe lời nội được và con xin nội nếu thương con, cho con xin một ít tiền để sống. Con thật lòng xin nội đấy. Nghe lời kể bi ai và náo nề của chị, Hiệp và mọi người không tránh khỏi nước mắt tuôn trào, cảm xúc cho tấm lòng thủy chung của chị đối với gia đình chồng trong một tình huống bi thảm. Vì cùng chung một cảnh ngộ từ dạo ấy, bị đối xử phân biệt, nên những giọt nước mắt của mọi người tối nay chính là khóc cho thân phận mình và quê hương Việt sao lắm cảnh đọa đày.

Bốn mươi năm trôi qua, nhưng vết thương lòng chị vẫn chưa lành hẳn, đặc biệt là những lần chị về quê Việt để thăm cha mẹ. Chị vẫn gặp những cảnh vùi tiền sống sượng của hải quan cửa khẩu. Chị nguyện với lòng đừng về VN nữa, để khỏi thấy những điều phi lý, bất công xảy ra hằng ngày trên đất Việt bởi những người mang danh là “Giải Phóng.”



Chuyện K27—Cái Hữu Sáu và Hiệp—Mười năm tái ngộ

Hiệp nhập Trường Võ Bị Dalat vào ngày Noël 1971. Để trở thành một người Sinh Viên Sĩ Quan (SVSQ) Hiệp phải trải qua 8 tuần huấn nhục Tân Khóa Sinh (TKS.) TKS như những người máy (robot) chỉ biết tuân lệnh và thi hành. Mọi liên lạc với thế giới bên ngoài đều cắt đứt và những quyền riêng tư của cá nhân đều bị tước bỏ trong suốt thời gian huấn luyện. Không may cho những ai, trong thời gian ấy, có thư

tình gửi tới đều phải đọc trước mọi người và những câu tình ái yêu thương đặc biệt đều được đọc lặp lại nhiều lần, trước đại đội trong giờ sinh hoạt trước khi ngủ. Và đêm kế tiếp phải viết thư trả lời, cắt đứt chuyện tình đôi ta theo lời chỉ dẫn của Cán Bộ đàn anh với những câu như sau:

“Anh đã hiến dâng đời cho quê hương. Anh không muốn em vắn khấn tăng khi tuổi đời còn trẻ. Em hãy xem như anh đã hy sinh vì nợ nước.”

“Quê hương đang đắm chìm trong lửa đạn, ngày thanh bình còn trong giấc mơ, hàng hàng lớp lớp chưa về, hàng hàng nói tiếp câu thề, thì em ơi, chuyện chúng mình chỉ còn là dĩ vãng.”

“Luật quân trường trong thời gian 4 năm không được lập gia đình. Vậy em hãy quên anh đi và tình ta chỉ có vậy thôi.”

Không may cho những TKS có những bức thư tình trước khi chấm dứt mà viết “Nhớ anh nhiều và hôn anh ngàn lần.” Để đền đáp lại ân tình em đã trao cho, TKS có thư phải hôn bức tường ngàn lần để trả nợ đời em đã viết cho anh. Tám tuần huấn nhục là cơn ác mộng cho những chàng trai có một mối tình học trò mang theo vào Trường Võ Bị Dalat.

Hai tháng TKS trôi qua, SVSQ được hoàn trả lại những bức thư từ chối mối tình học trò, kèm lệnh phạt chạy 5 vòng sân cỏ với tội danh: “Vào Võ Bị mới hai tháng mà đã quên người yêu, còn viết thư từ bỏ những lời thề hẹn ước mới trao cho nhau trong ngày tiễn anh lên đường vào chốn Dalat mù sương.”

Hiệp thì khờ khạo, nên chẳng có một mối tình nào khi vào trường Võ Bị Dalat. Các bạn phải viết thư từ bỏ người yêu khi nhận được thư tình, riêng Hiệp chẳng phải làm. Trái lại, Hiệp nhận được một gói kẹo từ những người đàn anh đồng hương Quảng Trị. Để nhận được gói kẹo về, phải thi hành lệnh phạt 100 cái hít đất. Sau 8 tuần tôi luyện TKS trở thành SVSQ, Hiệp được biết người cùng đồng hương Quảng Trị gặp nhau để giúp đỡ tinh thần lẫn nhau trong thời gian đang thụ huấn tại quân trường. Nhờ vậy, Hiệp mới biết đến Cái Hữu Sáu.

Cái Hữu Sáu thi đậu Đề Thất (lớp 6) Nguyễn Hoàng nhưng chuyển trường vào học Hàm Nghi-Huế vì Cái Hữu Sáu được sinh sống tại một cô nhi viện do chính quyền VNCH thành lập có tên Viện Bảo Anh Huế. Sau biến cố Mậu Thân phải quay trở về Quảng Trị học 2 năm cuối tại Nguyễn Hoàng. Đậu tú tài 2, Sáu gia nhập Trường Võ Bị

Dalat cuối năm 1970. Cuối tuần khi không được phép ra phố Dalat, chúng tôi đồng hương Quảng Trị thường qua phòng nhau để tán gẫu và cũng từ đó Hiệp được biết Sáu có một người tình khá đẹp với cái tên của một loài hoa Thủy Tiên. Nàng là con gái cưng của một nhân viên ngoại giao đang làm việc tại Nam Hàn. Hiệp dốt về hoa chẳng biết loài hoa Thủy Tiên như thế nào. Bây giờ, nhờ internet Hiệp biết Thủy Tiên có tên tiếng Anh là Daffodils. Tại miền Tây-Bắc Mỹ, trong vườn nhà Hiệp và hầu hết nhà ai cũng có trồng. Khi thấy những nụ hoa Thủy Tiên vươn lên từ mặt đất là dấu hiệu mùa Xuân đang đến sau những ngày băng giá lạnh lẽo.

Hiệp không hỏi, làm thế nào Sáu lại quen một cô gái xinh đẹp như vậy. Có những ngày Chúa Nhật trong khi Hiệp và bạn cùng nhau chơi bóng chuyền để đốt cháy thời gian không được đi phố Dalat, thì Sáu được gọi tên trên loa (loud speaker) ra hội quán để gặp thân nhân. Hiệp vẫn nhìn Sáu như một thần tượng về việc chinh phục gái đẹp. Phải chăng vì tính tình thân thiện, cởi mở và tài khéo nói. Nhìn đôi môi Sáu nói các cô khó mà quay mặt làm ngơ...

Sáu đã có những ngày cuối tuần nên thơ cùng người yêu trên thành phố Dalat mộng mơ. 4 năm trôi qua, Sáu tốt nghiệp, đời lính chiến đi vào vùng lửa đạn ở những ngày cuối năm 74. Vào giữa tháng 4 /75 khi chính quyền Miền Nam đang trong cơn hỗn loạn và tuyệt vọng, Sáu được gia đình người yêu nhắn về Saigon gấp và chuẩn bị di tản ra nước ngoài. Cha Thủy Tiên làm trong ngành ngoại giao nên biết Miền Nam sẽ không thể tồn tại. Sáu trả lời người yêu là anh không thể bỏ đơn vị để chạy trốn vì danh dự sĩ quan Nhảy Dù xuất thân từ Quân Trường Dalat. Mặc cho Thủy Tiên khóc lóc và năn nỉ, Sáu vẫn quyết định trở lại đơn vị và 2 ngày sau thì gia đình Thủy Tiên rời Vietnam.

Như tất cả mọi người đã biết, Sáu cũng như bao nhiêu người lính Phương Nam thua cuộc, được ném mùi chính sách “khoan hồng nhân đạo” của người anh em đồng chủng Phương Bắc. Sáu ra khỏi trại tù sau khi đã gõ hơn 3 cuốn lịch. Không biết làm sao Sáu có tiền hay có người giúp đỡ—Sáu vượt biên và thoát được đến Mỹ năm 1979. Theo lời Sáu kể lại, có gặp Thủy Tiên khi đến Mỹ—nàng đang theo đuổi học ngành Y. Với thân phận của một thằng ty nạn mới tới Mỹ, chút tự ái và sĩ diện hão, Sáu gặp lại Thủy Tiên và nói cho nhau lời cuối, chia tay cuộc tình.

Hiệp khờ khạo hơn Sáu, nên sau 30/4/75 trở về quê cũ Quảng Trị. 5 năm đếm tháng ngày trong đói khát và tủi nhục của kiếp sống lưu đầy. Đến Mỹ muộn màng và đang ghi danh đi học tại UB Connecticut. Tại đây Hiệp mới biết Sáu đã tốt nghiệp Electrical Engineer tại trường mà Hiệp theo học và đang làm việc tại Lowell Massachusetts (MA.) Hiệp cũng biết thêm là trong thời gian đi học tại UB, với tài ăn nói trời ban, Sáu cuỗm một cô gái Ba-Lan tóc vàng xinh đẹp cũng là dân tỵ nạn và hiện là vợ của Sáu.



Hiệp liên lạc phone và Sáu nói mua vé xe bus để lên chơi vài hôm. Sáu không thể về thăm Hiệp được vì vợ đang trong thời kỳ sinh đẻ không thể rời nhà. Cuối tuần thứ bảy, Hiệp đi xe bus lên thăm. Đến nhà khoảng 6 PM. Tắm rửa và cả hai chuẩn bị ngồi vào bàn ăn cơm tối, vừa cầm đũa để bắt đầu ăn thì có tiếng kêu “Sauu! Sauu!” của vợ trong phòng vọng ra. Sáu bỏ đũa chạy vào cùng vợ, khi trở ra nói với Hiệp “Vợ tau đau bụng đẻ. Tau phải chở vào nhà thương ngay. Mà giữ nhà cho tao.” Chỉ còn lại một mình Hiệp ăn cơm tối và suốt đêm ngồi xem TV chờ đợi Sáu trở về. 8 giờ sáng hôm sau, Sáu trở lại và nói với Hiệp “Vợ tau đẻ rồi! Thôi nấu mì gói ăn rồi tau chở mày ra bến xe bus để trở về lại Connecticut. Vợ đẻ thì chẳng còn giờ đâu mà nói chuyện cùng mày.” Thế là 10 phút sau lại vẫy tay chào nhau cho cuộc hội ngộ lần đầu trên đất Mỹ sau hơn 10 năm xa cách.

Sợ con quên mình là gốc Việt nên Sáu đặt tên cho con là Việt. Hiệp có gắp lại thằng bé tên Việt nhiều lần khi còn sống trên Miền Đông-Bắc Mỹ. Sáu có ba thằng con trai, có lẽ mang dòng máu thông minh

của cha mẹ nên cả ba đều đã tốt nghiệp Y khoa tại các đại học danh tiếng Miền Đông-Bắc Mỹ.

Nhưng hai mảnh đời ty nạn Đông và Tây có những văn hóa xung đột không thể cùng nhau đi trọn đường trần. Sáu cô đơn và buồn chán, bỏ làm hãng xưởng và chuyển sang làm thương mại. Nhờ làm thương mại, Sáu gặp lại người bạn gái Việt có tài và đảm đang, nên đôi vợ chồng sau này khá thành công trong thương mại.

Đã sống trong Cô Nhi Viện, thấm nỗi buồn của kiếp nghèo, nên Sáu rất cảm thông với những người không may mắn. Những cuộc quyên góp tiền của Hiệp để giúp những người nghèo cô đơn tại quê nhà Quảng Trị, Sáu là một trong những người làm cho cuộc đóng góp có kết quả. Hiệp dự định quyên góp chút tiền để giúp những em bé mồ côi Quảng trị. Hiệp đợi chờ vé máy bay on sale sẽ về Miền Đông để đòi món nợ “giữ nhà, tau chở vợ đi đẻ,” để giúp các bé có một nụ cười vào những ngày cuối năm trong Cô nhi Viện.

Không như cuộc gặp mặt lần đầu trên đất Mỹ. Hy vọng Hiệp và Sáu sẽ có nhiều giờ hơn để chuyện trò trong lần hội ngộ này.

Trần Hiệp K28
Thanksgiving 2019



CHIẾC NHÃN NGÀY XƯA

(Kỷ niệm 49 năm " lễ trao nhãn " K28)

Trần Thiện Tuấn K28

Chiếc nhãn năm nào tôi vẫn mang,
Kỷ niệm dấu yêu thuở huy hoàng,
Đánh dấu một thời trai Võ Bị,
Dấu chút công danh sớm lỡ làng.

Chiếc nhãn ngày xưa vẫn còn đây,
Một chút hoài niệm mang trên tay,
Để yêu một thời đầy nhiệt huyết ,
Dù nay sự nghiệp theo gió bay.

Màu đỏ hay màu xanh ước mơ,
Khắc nổi tên trường yêu dấu xưa,
Quần quít rông thiêng ôm đất mẹ,
Hai tám dấu ghi đậm chưa mờ.

Chiếc nhãn còn đây, chẳng phút rời,
Là niềm kiêu hãnh mãi trong tôi,
Tang bồng hồ thi, liên quân chủng,
Bốn năm tình bạn thật tuyệt vời.

Nâng niu kỷ vật của một thời,
Nhớ về tình nghĩa thuở xa xôi,
Chỉ dấu anh em cùng trường mẹ,
Dấu đã cách xa vẫn rạo ngời.

TÌNH XUÂN TUỔI XẾ

Vũ Ngọc Văn

Đã lâu lắm rồi, hôm nay tôi được tái ngộ quý bạn đọc bằng một bài truyện ngắn. Có lẽ khi đọc tựa đề TÌNH XUÂN TUỔI XẾ trên đây, độc giả cảm thấy có gì không ổn lắm. Tuổi đã xế bóng thì tình còn mặn nồng xuân xanh cái nỗi gì? Thú thật, từ khi tôi mon men tập tễnh viết văn đăng báo tính đến nay đã hơn hai mươi mấy năm rồi, kể từ truyện ngắn đầu tay “Tình chị duyên em”, đến “Hai mươi năm tình cũ”, “Tình vẫn trao em”, rồi “Tình vẫn trao sui” và đến nay ”Tình xuân tuổi xế”. Không biết cơ duyên nào đưa đẩy, tên truyện ngắn nào của tôi đều có một chữ “tình” trong đó. Có những lúc tình lãng mạn đắm đuối, khi thì tình éo le ngang trái, rồi có khi tình nuối tiếc dở dang. Thôi thì định mệnh an bài cả, mình có lẩn tránh thế nào cũng chẳng làm sao thoát ra được:

Trót mang lấy một chữ tình

Khăng khăng mình buộc lấy mình vô trong.

Mới đây, tôi được mời đến nhà một người bạn thân vùng Sunshine dự tiệc sinh nhật lục tuần. Trên bàn tiệc, chỉ vồn vện bốn cặp vợ chồng bạn bè thân giao là gia đình tôi, và gia đình ba người bạn thân khác tạm gọi là anh A chủ nhà, anh B và anh C. Tôi đối với ba anh này ngoài tình bạn vong niên còn thêm tình cùng chung màu cờ sắc áo quen nhau từ khi sang Úc. Riêng ba anh bạn trên còn có tình cảm thấm thiết gắn bó với nhau suốt bốn mươi năm trường: nhập ngũ từ thời tướng Nguyễn Khánh cầm quyền năm 1964, đến khi định cư tại Úc gặp lại nhau cùng cư ngụ chung một tiểu bang. Ngày nào quen nhau ở lứa tuổi đôi mươi khi vừa nhập ngũ, trưởng thành trong khói lửa chiến tranh đến khi sảy đàn tan ghé, tan tác hoạn nạn mỗi người một nơi. Cuối cùng tái ngộ nhau cùng định cư tại thành phố Melbourne này, sau những năm dài làm việc vất vả để tạo lập cuộc sống mới, đến nay con cái đã trưởng thành và đã hoàn thành trách nhiệm dựng vợ gả chồng cho đàn con lập tổ ấm riêng, bạn bè càng cảm thấy gần gũi thân thiết với nhau hơn. Để cùng nhau trò chuyện, chia sẻ những tâm tư buồn vui thầm kín vì có những điều không thể thổ lộ cùng con cháu. Tuổi đã cao, chúng ta ngoài tình yêu thương vợ chồng, con cháu trong nhà còn

vun đắp thêm tình bè bạn thâm giao. Trải qua bốn chục năm trường với bao vật đổi sao dời, tôi băng khuâng nhìn họ ngày nào của một thời trai trẻ, bây giờ gặp gỡ ăn mừng sinh nhật sáu mươi trên đất khách mà lòng dâng tràn nguồn cảm hứng, ghi lại những mẫu tâm tình do họ kể cho nhau nghe trong bữa tiệc mà dạ bồi hồi không biết đặt tên truyện là “TÌNH XUÂN TUỔI XẾ” hay là “TUỔI XẾ TÌNH XIÊU” đây?!



“TÌNH XUÂN TUỔI XẾ” hay là “TUỔI XẾ TÌNH XIÊU”?
(Hình <http://hoiquanphidung.com/>)

Sau tuần rượu đầu cùng ly chúc mừng sinh nhật anh A chủ nhà, anh B đại diện anh em lên tiếng chúc:

- Thay mặt anh em, tôi thân chúc bạn A hôm nay vừa tròn 60 tuổi lúc nào cũng vui vẻ trẻ trung tráng kiện như hồi ngày nào bọn mình mới đi lính! Nhất là lúc nào cũng cho bà xã hài lòng như thời mới cưới, tôi mạn phép mượn thơ cụ Nguyễn công Trứ sửa đổi vài chữ gửi tặng bạn hiền:

*Hiền thê dục vấn lang niên kỷ
Tứ thập niên tiền nhị thập niên.*

Cả bàn tiệc cười vang, anh C được dịp tiếp lời:

- Hay, hay lắm, bốn mươi năm về trước bạn hiền tôi mới hai mươi. Tôi cũng xin chúc anh A nhân sinh nhật lục tuần hôm nay, anh chị lúc nào cũng hạnh phúc mặn nồng như thưở mới quen nhau của thời gần 40 năm về trước. Tôi mượn bài thơ phổ nhạc này để tặng bạn hiền:

*Nếu anh còn trẻ như năm cũ
Quyết đón em về sống với anh
Những quăng chiều buồn phơ phất lại
Anh đàn em hát níu xuân xanh.*

Anh A cười vui hơn hờ, đáp lời:

- Cảm ơn các bạn. Những lời chúc của các bạn làm tôi nhớ đến Anh Thy với một nhạc phẩm ngày mới quen nhà tôi:

*...Nhìn trùng dương dậy sóng
Lòng mơ ước em anh
Khi tàu xuôi bến cũ
Yêu áo trắng anh mang
Yêu vài câu hát buồn
Trong bài ca “Hoa Biển”
Và yêu chỉ mình ...anh!
(Đừng gọi anh bằng chú)*

Tôi lúc đó mới bắt đầu góp chuyện:

- Anh Thy là một trong những nhạc sĩ tài hoa của Hải Quân chúng ta. Chẳng thế mà trong cuốn Hải sử phát hành tại California vừa qua, chỉ đăng duy nhất một nhạc phẩm “Hoa Biển” của Anh Thy, chàng Trung sĩ Trọng Pháo Phạm Văn Khôn ngày trước. Mặc dù anh đã mất từ năm 1973, đã ba mươi mấy năm rồi nhưng anh đã để lại cho đời, cho Hải quân chúng ta một bài hát thật hay.

Anh B chúm chim cười nhìn vợ, góp chuyện:

- Đúng vậy, tôi thích nhất câu cuối của bài Hoa Biển: “*Em ơi, giận hờn xem như hoa sóng tan trong đại dương*” mà tôi vẫn thường hát cho nhà tôi nghe những khi bị vợ dỗi hờn. Kết quả một trăm phần trăm, Hoa Biển cất lên là nhà tôi có giận bao nhiêu cũng đều xí xoá hết. (Bạn ơi, tôi bảo là bạn chỉ hát có một câu duy nhất, nhưng hát bao nhiêu lần là còn tùy thuộc vào tài năng và tội trạng của bạn nữa chứ). Hát từ những ngày hai đứa mới quen nhau, yêu nhau, lấy nhau rồi sống bên nhau mấy chục năm trời mà bà ấy vẫn còn thích nghe không chán! Cảm ơn Anh Thy đã để lại cho Hải Quân chúng ta di sản vô giá này. Hoa Biển để dành người yêu, năn nỉ vợ hiền đều tuyệt. Chẳng thế mà ngày trước Anh Thy theo đoàn Tâm Lý Chiến Hải Quân đi công tác dân sự vụ trên chiếc Bệnh Viện Hạm HQ.400 khắp các vùng duyên

hải, sông ngòi Việt Nam, đi đến đâu là các cô gái xuân thì đều nô nức đến xem trình diễn văn nghệ để chiêm ngưỡng tác giả bài Hoa Biển là ai?

Anh C tiếp lời:

- Ngoài AnhThy, chúng ta còn có Nguyễn-Vũ với những nhạc phẩm “*Sao rơi trên biển*”, “*Thoáng giấc mơ hoa*”; Trường Sa Nguyễn-Thìn với “*Một lần xa bến*”, “*Mùa Thu trong mưa*”, nhạc sĩ nào cũng có nét tài hoa độc đáo riêng, cũng được nhiều người ái mộ. Chẳng thế mà Trường Sa tuy đang sống trong cảnh cô đơn vì goá vợ bên trời Canada giá rét, tuổi đã sáu bó rười rùi, thế mà trong kỳ họp khoá Đệ Nhất Song Ngư kỷ niệm 40 năm tốt nghiệp ra trường tại Houston, Texas năm 2004 anh vẫn được các bà, các cô ân cần sẵn đón tỏ ý nâng khăn sửa túi cho nhạc sĩ hết quãng đời còn lại.

Anh B đôi mắt mơ màng, liếc nhìn vợ nói:

- Thế mới biết những con người nghệ sĩ bao giờ cũng được phái nữ ưu ái dành cho nhiều cảm tình nồng hậu. Thuở chúng ta mới đi lính, các cô gái Sài gòn hồi đó mê như điên đảo hình ảnh oai hùng các chàng tài xế máy bay là do đọc cuốn “*Đời Phi Công*”. Nhà văn Toàn Phong đã làm nức lòng bao chàng trai thời đó hăm hở tình nguyện vào Không quân, ước mơ trở thành phi công với hy vọng được làm người yêu của “*cô Phụng*” nhân vật chính trong truyện!

Anh A tủm tỉm cười vui, cặp mắt mơ màng kể chuyện:



Cựu Đại Tá Nguyễn Xuân Vinh, Tư Lệnh cũ của Không quân VN
(Hình <http://teolangthang.blogspot.com.au/>)

- Mấy năm trước, cựu Đại Tá Nguyễn Xuân Vinh vị Tư Lệnh cũ của Không quân Việt nam có sang Úc thăm viếng anh em Không quân. Các anh chị trong Hội Không quân tiếp đón niềm nở gia đình người anh cả, nào là tiệc tùng, nào là đưa đi thăm viếng danh lam thắng cảnh... Tác giả “Đời Phi Công” đã làm cho các phi công đàn em cúi đầu tâm phục, khẩu phục bằng tấm chân tình đôn hậu, biểu lộ tình cảm thăm thiết của hai ông bà đối với nhau trước mặt mọi người, dù tuổi hạc đã cao trên bảy mươi rồi, nhưng ông bà vẫn âu yếm, xưng anh gọi em ngọt lịm. Tiếng “em” nghe ngọt hơn đường cát, mát hơn đường phèn, như hai người đang thời kỳ tán tỉnh nhau, làm cho các chị Không quân chạnh lòng ganh tị, cảm thấy thua thiệt vì ông xã chẳng bao giờ gọi mình tiếng “*em*” say đắm tình tứ đáng yêu đến như thế. Giá như được chồng gọi mình một lần tiếng “*em*” thiết tha ngọt lịm thế này, dầu có chết ngay cũng cam lòng! Thế mới biết “*anh hoa phát tiết ra ngoài*”, con người tài hoa thì người bình thường chẳng thể nào sánh được. Thế mới hay tác giả “Đời phi công” đến nay vẫn sống hùng, sống mạnh còn “Hoa Biển” thân phận bọt bèo đành yếu mệnh ở đèo Rủi ngoài Nha Trang lâu lắm rồi!

Chị A chủ nhà nghe ông xã vui vẻ kể chuyện, khúc khích cười góp chuyện:

- Ngày xưa, các “cô Phụng” mê phi công là vì đọc cuốn Đời Phi Công của ông ấy. Nhưng em được biết, gia đình Hải Quân cũng có nhiều chị tên Phụng lắm cơ mà. Các “cô Phụng” này chỉ yêu Hoa Biển mà thôi, yêu kiếp sống hải hồ của các anh áo trắng, thích nghe kể chuyện trăng sao mây nước mỗi khi tàu về bến và những lời hứa hẹn làm quà tặng người yêu: “*Nào là hái hoa biển về tặng em, nào là ngắt cánh sao trời dưới đáy trùng dương về cho em thêu áo...*”. Anh A ơi, đêm nay sinh nhật của anh cũng là kỷ niệm 35 năm ngày cưới chúng mình. Hoa Biển của em có còn đẹp như thuở ban đầu không? Các anh chị ạ, anh A dạo này sao mà hay quên lắm, đêm đêm vợ có nhắc nhở cũng ậm ừ quên lãng, lại còn “*cứ hẹn mai kia rồi mốt nọ*” chán lắm cơ! Ôi còn đâu thuở ban đầu mới cưới anh vẫn thường thỏ thẻ bên tai em:

*Ta yêu lắm Phụng hồng trên áo trắng
Khi đơn sơ môi Phụng dẫn đo cười
Nhìn lá biếc Phụng thêu chùm đỏ thắm
Nghe trong hồn công chúa Phụng lên ngôi!*

(Phượng vĩ - Duyên Anh)

Mọi người cất tiếng cười vang thích thú. Thấy chủ nhà cười mở, anh B thừa dịp nói vô:

- Bạn tôi bây giờ vừa yêu hoa biển, vừa yêu thơ Thế Lữ để cảm thông cho một kiếp “*Hổ nhớ rừng*” gợi nhớ những ngày oanh liệt hào hùng của một thuở xa xưa:

*Ta sống mãi trong niềm thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Nhớ tiếng gió gào ngàn, nhớ giọng nguồn hét núi
Ôi những đêm trăng mờ bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống bóng trăng tan...*

Anh A cũng ôm bụng cười ngất, đôi mắt mơ màng kể chuyện góp vui:
- Nhớ lại những năm tôi ở trong lực lượng Hải quân, với những chuyến công tác đêm trên chiếc PTF xâm nhập vịnh Bắc Việt, anh em trên tàu đều thân thiết, quý mến nhau còn hơn anh em ruột thịt vì các chuyến công tác hiểm nguy, đi dễ khó về. Có một anh bạn nọ kể một câu chuyện ngày xưa mà nay tôi còn nhớ mãi về tình bạn như mấy đứa chúng mình. Này nhé, ngày xưa có hai người bạn rất thân chẳng may sinh ra trong thời chinh chiến loạn lạc. Một người vừa lấy vợ thì được lệnh quan phải lên đường nhập ngũ ra biên cương đánh giặc chống ngoại xâm. Anh ta đành gửi gắm vợ mình cho bạn thân may mắn ở lại, nhờ cậy bạn mình trông nom giúp đỡ trong thời gian mình vắng nhà. Buổi sáng ra đi, người chồng ân cần dặn dò trao gửi vợ mình cho bạn, nếu sau ba năm nếu thấy không về thì coi như đã chết, da ngựa bọc thây thì vợ mình thủ tiết như thế cũng đủ rồi, cứ yên lòng lấy chồng khác. Nói xong anh ta mở túi lấy ra một cái khoá, tạm gọi là khoá “trinh tiết” hay là “tiết hạnh khả phong” khoá lại rồi giao chìa khoá cho bạn mình cất giữ, sau ba năm không thấy trở về thì hãy mở khoá trả tự do cho vợ mình đi thêm bước nữa. Xong xuôi anh ta bịn rịn ôm hôn từ biệt người vợ trẻ, bắt tay từ giã bạn hiền, phóng lên lưng ngựa ra đi. Cảnh biệt ly đẹp nào nùng và thơ mộng như trong truyện Kiều tả cảnh Thuý Kiều sụt sùi đưa tiễn Thúc Sinh:

*Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san
Dặm hồng bụi cuốn chinh an*

*Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh
Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi
Vàng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gôi chiếc, nửa soi dặm trường.*

Buổi biệt ly nào cũng buồn thảm, nước mắt đầy vơi nhưng kẻ ra đi vẫn cảm thấy an ủi yên lòng vì có vợ hiền, bạn thân quyến luyến tiễn đưa, dõi theo từng bước chân đi. Một lát sau, chinh phu ngoảnh đầu nhìn lại thì bóng người thân đã mờ nhạt cách xa:

*Cùng ngoảnh lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh chỉ mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?
(Chinh phụ ngâm)*



Chiếc PTF3 của Hải quân Việt Nam Cộng Hoà

Thế rồi người chồng cưỡi ngựa ra biên cương đánh giặc, ra đi mới hơn một tiếng đồng hồ gì đó thì chàng bỗng nghe tiếng vó ngựa dồn dập đuổi theo, cát bụi mịt mù cùng tiếng gọi ới ới sau lưng. Ngạc nhiên, người chồng ghì cương cho ngựa dừng lại đợi chờ, nhận ra bóng dáng bạn thân đang rồi rít phóng ngựa đuổi theo.

Đến nơi người bạn vừa thở hồn hên, vừa nói:

- Bạn hiền ơi! Bạn đã tin tôi trao chìa khoá cho tôi thì vui lòng trao cho đúng chìa, chứ bạn đưa tôi nhầm chìa thì kẹt tôi quá! Bạn đi rồi để tôi ở nhà hì hục loay hoay mở mãi mà không có ra!?

Thế nên bạn bè đã tin nhau thì tin cho trót, lỡ trao chìa khoá cho bạn rồi thì nên đưa chìa khoá thật, chứ nỡ lòng nào trao nhầm chìa khoá

giả chỉ làm phiền lòng bạn quý phải cười ngựa đuổi theo để đổi chìa khóa lại, vất vả lắm cơ!”

Mọi người ôm bụng cười nghiêng ngả.

Anh B thấy chủ nhà kể chuyện tình bạn dí dỏm ý nhị, nên cũng kể một chuyện khác góp vui:

- Thế mới biết tình bạn của anh A kể tôi thấy sao mà nó giống chuyện Lưu Bình & Dương Lễ thế nào. Nhưng mà tôi thắc mắc một điểm ở đoạn Dương Lễ bày ra một kế cho bạn mình ném mùi khỏ nhục, mong bạn từ bỏ thói ăn chơi lêu lổng mà quyết chí tu thân học hành để thi đỗ ra làm quan như ông bạn hồng hách của mình. Thế nên khi Lưu Bình gặp một thiếu nữ trẻ đẹp (do ái thiếp của Dương Lễ cải trang) hai bên đã quyến luyến nhau, ngỏ ý yêu thương thề ước chung sống với nhau. Nàng đã xuất tiền ra làm nhà đắp xây tổ ấm, nuôi tằm, quay tơ không nề hà gian khổ cho chàng ăn học để ba năm sau tiến đưa chàng ra kinh đô ứng thí. Cái cảnh một túp lều tranh, hai trái tim vàng thơ mộng và đẹp như bài ca dao:

Sáng trăng trái chiếu hai hàng

Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ

Cảnh tình nhân âu yếm sánh đôi bên nhau nhưng vẫn dè nén được ngọn lửa yêu đương đang ngùn ngụt bốc cháy trong lòng, nàng vẫn cương quyết khuyên chàng dốc tâm chăm lo đèn sách để mai sau thi cử đỗ đạt cho tròn mộng ước lứa đôi:

Em thường khuyên sớm khuyên trưa

Anh chưa thi đỗ, thì chưa... động phòng!

Theo tôi thì cảnh này không ổn lắm, chỉ có trong tiểu thuyết mà thôi. Chứ ngoài đời làm gì có cảnh hai kẻ yêu nhau chung sống trong một mái nhà, đêm ngày vai kề má áp kề cận bên nhau mà vẫn giữ một lòng thanh tịnh suốt ba năm? Làm sao chịu nổi cảnh mỡ treo bắt mèo nhin đói, “*em như hoa đẹp trong vườn cấm, anh khách si tình ngắm thế thôi*” ngắm nhau suông rồi ngoan ngoãn chăm chỉ học hành, thử hỏi kinh sách, chữ nghĩa thánh hiền nào học cho vô? Thôi thì... khóa này anh không thi đỗ thì hẹn em khóa sau, khóa sau chưa đỗ thì khóa sau nữa, em ơi, yêu nhau đi, chiều hôm tối rồi, có phải đẹp và thực tế hơn không? Tôi mà như Lưu Bình sẽ mượn bài thơ “*Giục Giã*” của Xuân Diệu uốn ba tác lười năn nỉ giai nhân Châu Long:

*Mau với chứ, vội vàng lên với chứ
Em, em ơi, tình non đã già rồi
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi
Mau với chứ, thời gian không đứng đợi
Tình thổi gió, màu yêu lên pháp phối
Chỉ đôi ngày tình mới đã thành xưa
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ
Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết?
Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài
Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai*

.....

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm
Em vui lên rằng nở ánh trăng rằm
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự
Mau với chứ, vội vàng lên với chứ
Em, em ơi, tình non sắp già rồi.*

Cả bàn tiệc cất tiếng cười vang thú vị. Anh C thấy hai bạn mình đêm nay ăn nói có duyên nên cùng cao hứng góp phần:

- Tình bạn của hai bạn vừa kể mới đẹp, mới đúng là chuyện của con người trên cõi đời tục lụy. Tôi xin góp vui kể một câu chuyện của một chàng thủy thủ cuối năm 1969 mới ra trường đổi về Vùng 4 Sông Ngòi tại bến Ninh Kiều, Cần Thơ. Một buổi chiều nọ, chàng thủy thủ nhà ta đang đi trong doanh trại, bỗng gặp một giai nhân mặt hoa da phấn nõn nà, mặc bộ đồ thủy thủ, đội nón polo trắng đang từ xa đi lại, dáng đi nhún nhảy, bộ ngực phập phồng. Chàng thủy thủ chính hiệu con nai vàng thấy người đẹp thủy thủ này hồn bỗng dựng si dại, ngẩn ngơ. Chàng vừa đi vừa ngắm nhìn giai nhân không chớp mắt, qua mặt nhau rồi mà chàng vẫn ngoái đầu vừa đi vừa nhìn lại. Thế rồi, bỗng một tiếng “bốp” vang lên, đầu chàng thủy thủ va vào cột đèn một cái đau điếng, anh chàng mới tỉnh giấc mơ hoa, lui thủi trở lại phòng làm việc ôm đầu nhăn nhó.

Tối đó, chàng ta vừa thoa dầu cù là trên trán sưng to một cục bằng trái ổi, vừa suýt soa lật tờ bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hoà mới đăng bài thơ “*Em chỉ yêu anh binh nhì*” mà lòng đầy mê mớ mớ mớ:

*Em là phận gái thuyền duyên
Mười hai bến nước kén duyên bến nào?
Hằng đêm em vẫn ước ao
Người chồng lý tưởng em trao bình nhĩ
Em không mơ tưởng những gì
Mai vàng, mai bạc nữa chi cánh gà....*

Đọc bài thơ xong, chàng cảm thấy bồi hồi xao xuyến, hỏi dò bạn bè trong đơn vị về thân thế gia nhân thủy thủ mà chàng vừa gặp ban chiều. Hoá ra đó là phu nhân Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn Xung Phong ở Long Xuyên theo chồng về hợp tham mưu hàng tháng, chàng ta vì mới tân đáo nên bé cái lắm.

Sau này, chàng thủy thủ đó vượt biên và định cư tại Úc năm 1981 vẫn còn độc thân vui tính, vẫn lặn lội về đường tình duyên. Các cô gái Việt nam sang Úc thời đó có giá hơn tôm tươi, một cô năm bảy cậu giành. Bốn trung tâm tiếp cư quanh thành phố Melbourne là Midway, Eastbridge, Wiltona và Enterprise tràn ngập các thanh niên Việt nam vào sẵn đón các bóng hồng từ các trại tị nạn mới sang. Chàng thủy thủ cũng học được kinh nghiệm đắng cay trên chốn tình trường, là tác giả bài thơ “*Tổ Tình*” đăng báo gây sôi nổi một thời:

CHÀNG:

*Anh cũng như em, một nỗi lòng
Cuộc đời băng giá lắm long đong
Nếu em cho phép thì anh sẽ:
Chia sẻ cùng em cái lạnh lùng.*

NÀNG:

*No car, no job, no money
You can go home, don't talk please!
I can't love you, sorry so much
You have to love a factory.
Không xe, không việc lại không tí
Anh hãy về đi chớ nói gì
Đừng bảo yêu em buồn tủi lắm
Anh về yêu lấy kiếp cu-li !*

Hơn hai chục năm sau, bài thơ *Tổ Tình* trên đây được Mạnh Quỳnh phóng tác thành bài vọng cổ bằng tiếng Anh, thêm thắt một chút “*no car, no job, no money, no home*” hát và diễn chung với Phi Nhung và

Nguyễn Ngọc Ngạn trên Paris By Night số 67.

Thấy các bạn vui vẻ kể chuyện, nói cười rộn rã chẳng lẽ tôi đành chịu lép, nhâm nhi ly rượu và ngồi im nghe chuyện mãi. Mọi người vừa cười vừa quay lại nhìn tôi như ngầm nhắc nhở. Cuối cùng tôi đành lên tiếng góp một chuyện vui:

- Đêm nay, tôi được nghe chuyện tình của các anh kể, chuyện nào cũng hay, cũng thú vị. Tôi xin kể ra đây một câu chuyện tình bằng thơ mà tôi đọc hồi năm 1986 cho các anh chị nghe nhân ngày sinh nhật sáu mươi của anh bạn chủ nhà. Hai bài thơ này kể lại một câu chuyện tình thơ mộng, lãng mạn nhưng cũng nhiều ngang trái, hận thù vì hai người trong cuộc yêu nhau trong thời chinh chiến. Buổi đầu thâm yêu nhau từ thời cách mạng mùa Thu năm 1946, đến năm 1954 quân Pháp đầu hàng chàng về thành sau đó di cư vào Nam, nàng từ khu chiến trở về Hà Nội thì người yêu đã xuống tàu há mồm vào Nam mất rồi. Sau đó, đất nước chia đôi, mỗi người một chiến tuyến khác nhau. Nàng là cán bộ cao cấp, sau đó làm dân biểu quốc hội Cộng sản miền Bắc. Chàng cũng là công chức cao cấp trong Bộ Thông Tin của chế độ miền Nam tự do, đến ngày 30/4/1975 theo đoàn tàu di tản qua Mỹ tị nạn, sống đời lưu lạc buồn tủi với vợ con cho đến ngày nay. Còn nàng cũng có gia đình, sau đó vào Nam công tác, vẫn dỗi mắt tìm kiếm người xưa, nhưng hỡi ơi “*Tìm anh như thể tìm chim, chim bay biển Bắc em tìm biển Nam*” cố nhân đã bỏ nước ra đi lưu xứ mịt mù bên kia bờ Thái bình dương mất rồi. Yêu thương, hận tủi, oán hờn của một tình yêu thời chiến suốt bốn mươi năm dài mà hai kẻ yêu nhau tha thiết bị đẩy vào hai chiến tuyến hận thù đã thể hiện rõ nét qua bài thơ của nàng gửi tặng cố nhân, tựa đề “*Nghìn trùng xa cách tiếc thương nhau*”. Bài thơ lục bát khá dài, khá hay và nhiều điển tích như truyện Kiều, nhưng cũng có vài ngôn từ của phe đối nghịch và lời lẽ trách móc nặng nề cố nhân:

*Xa nhau lâu quá là lâu
Bốn mươi năm chữa gặp nhau một lần
Nhưng dù núi cách sông ngăn
Đường đi khác hướng tình thân không nhòa
Thuở nào hai đứa chúng ta
Kề vai sánh bước xông pha dặm ngàn
Dù không thệ hải minh san
Tình đồng chí, nghĩa kim lan mặn nồng
Lòng riêng, riêng những nhủ lòng
Rồi người dưới nguyệt chén đồng là đây...*

Kể đó là những đoạn thơ kể lại những lần nàng khổ công lặn lội tìm kiếm người xưa “*Miền Nam thăm thăm chín lần ra vô*”, sau đó thất vọng nảo nề khi biết chàng đã cùng đoàn người bỏ nước ra đi. Yêu cũng nhiều mà hận cũng lắm, sau cùng nàng lên giọng kẻ chiến thắng mắng mỏ người yêu:

*Biết tin xúc động tột cùng
Giận thương mà lại thẹn thùng cho ai
Cách nhau biển lớn đường dài
Thì ngày đối diện hẳn ngoài ước mơ
Trùng phùng chẳng biết bao giờ
Giải lòng thương tiếc mượn thơ đôi vắn
Trách ai không vững tinh thần
Một làm, hai lỡ xa dần nẻo ngay
Thân voi ì ạch vững lây
Tình sâu đã phụ, nghĩa dày cũng quên
Trách ai lập chí không bền
Nay thay, mai đổi chẳng nên tương gì
Phải đâu vụng dại ngu si
Phải đâu ngại tiếng thị phi chê cười?
Khen ai tài trí hơn người
Mà loay hoay cả một đời uổng công?
Hỏi rằng có được gì không
Hay là chỉ mấy cái “lòng thiếu...dê”?*

Còn chàng, sau bốn mươi năm xa cách, bỗng dưng nhận được bài thơ của cô nhân đăng trên báo, lòng cũng bồi hồi xốn xang, cũng ngập tràn thương hận. Chàng lúc đó đã là ông lão sáu mươi như các anh bạn ở đây, họa lại một bài thơ lục bát hồi âm đáp lễ cô nhân. Tuy nhiên, vì phải đón đỡ những vần thơ tấn công hiểm hóc của nàng nên bài thơ “*Đập chén chia tay*” của chàng bị lâm vào thế thụ động kém hay:

*“Từ ngày đập chén chia tay
Bốn mươi năm đã vèo bay trước thềm
Quãng xa càng hoá xa thêm
Sau ngày cả nước bóng đêm mịt mù
Thế nên khôn xiết lạ lòng
Thấy người xa mặt cách lòng chưa quên
Bồi hồi nhưng rất ngạc nhiên*

*Băn khoăn tự hỏi vì duyên có nào?
Bấy chầy vắng bắt âm hao
Bỗng dưng nước nở nghẹn ngào tiếc thương
Phải đâu là gái dung thường
Mà lìa ngó ý, còn vương tơ lòng...”*

Bài thơ của chàng cũng dài như của nàng, nhưng chỉ chống đỡ chứ không nở mắng mủ lại cố nhân. Còn chuyện chàng bị người xưa mắng là “*mê lòng thiếu... g*” thì chàng gân cổ lên cãi “*Râu dài chưa hẳn chê lòng thiếu... dê*”, ý nói Hồ chí Minh, lãnh tụ của nàng đâu có thần thánh gì, cũng “*mê lòng thiếu... g*” như bao người đàn ông khác. Chẳng thế mà có đứa con rơi sau này lên làm Tổng Bí Thư đó hay sao? Chẳng qua là nàng quá thương nhớ cố nhân, lặn lội tìm kiếm mấy chục năm trường không gặp, yêu quá biến thành hận, hờn ghen bóng gió nên mắng chàng cho qua cơn hận tủi. Có lẽ mấy câu thơ cuối bài của nàng nên dành tặng cho tướng Nguyễn Cao Kỳ thì hay hơn, dẫu sao chàng vẫn còn tư cách, liêm sỉ hơn tướng Kỳ nhiều lắm!

Sau này, tôi được biết chàng và nàng còn làm thêm một số bài thơ đăng báo gửi tặng nhau. Lời lẽ không còn trách móc hận thù mà đầy thiết tha âu yếm gửi cho nhau như hai người bạn cố tri cách xa nhau nửa vòng trái đất. Tính cho đến nay, hai người tuổi đã bát tuần, chúng ta thử tưởng tượng một ngày đẹp trời nào đó, chàng đặt chân về Hà Nội thăm lại người xưa, thăm lại một chuyện tình “sáu mươi năm tình cũ”, chắc chắn là hay, tình tiết éo le hơn hẳn truyện Kiều, thời gian xa nhau gần gấp bốn lần câu chuyện tình của Thúy Kiều và Kim Trọng “*mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình*”.

Chúng ta hãy hình dung ra cảnh chàng nay đã là ông lão tám mươi đóng vai Từ Thức về làng, trở về Hà Nội sau hơn nửa thế kỷ để gặp gỡ người yêu đầu đời, nào có khác chi cảnh sum họp Kim Trọng với Thúy Kiều ngày xưa:

*Khi hương sớm, khi trà khuya,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên*

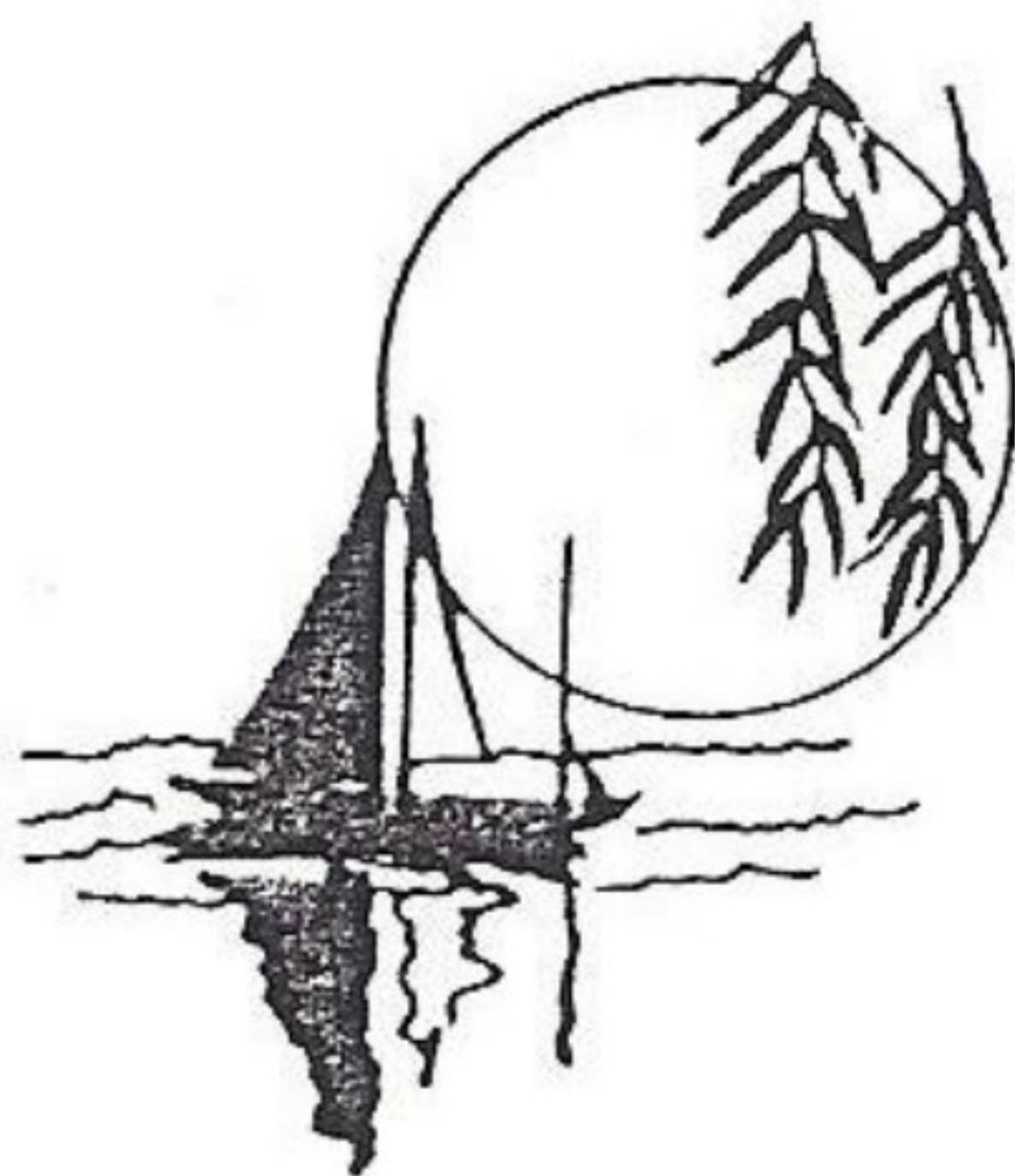
.....

*Chàng còn nghĩ đến tình xa
Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cò
Nói chi kết tóc se tơ
Đã buồn cả ruột mà nhớ cả đời*

Chàng và nàng cũng nên quên hết những người thân yêu vương bận chung quanh để cùng nhau hưởng những giây phút chạnh lòng, cùng nhau dạo bước bên bờ hồ Hoàn Kiếm bồi hồi nhớ lại thuở xa xưa. Chàng sẽ run run cầm lấy bàn tay nàng, đôi mắt kèm nhèm nhìn thẳng vào gương mặt nhăn nheo da mồi má hóp của nàng, âu yếm cất lên tiếng hát nhạc phẩm “*Niệm khúc cuối*” của Ngô Thụy Miên tặng nàng: “*Rồi mai đây tôi xin đưa em đến cuối cuộc đời... Tình ơi, dù sao, dù sao đi nữa, tôi vẫn yêu em...*”.

Đêm cũng quá khuya, câu chuyện tâm tình của ba người bạn tôi nhân tiệc sinh nhật sáu mươi kể đến sáng mai cũng chưa hết. Giật mình nhìn lại computer, truyện tình tôi viết đầy kín 6 trang báo rồi, hết chỗ thêm vào hình ảnh, tôi xin mạn phép kết thúc nơi đây. Biết đâu có quý độc giả nào đó chau mày, bảo là viết chuyện dông dài, “*con oanh học nói trên cành mĩ mai*”, bão tố ập đến thì lại lắm nỗi oan trái trở trêu. Cuộc đời như giấc mộng phù du, hãy trao tặng nhau những niềm vui, nụ cười. Tác giả đã qua rồi thời tuổi trẻ để viết lên những truyện tình diễm tuyệt éo le ngang trái. Biết đâu những mối tình già trên cõi đời này vẫn có những nét duyên ngầm, dí dỏm đáng yêu chứ nếu không thì cũng trở thành “*tuổi xế tình xiêu*”!

Vũ Ngọc Văn



Quán Vắng

Phạm Kim Khôi K19

Nửa đời chưa tỉnh cơn mê
Chợt nghe tiếng khóc nã nê tử sinh
Thơ Nguyễn Anh Tuấn

Hôm ấy trời mưa quán vắng thêm
Một người khách quý đó là em
Chờ em không đến nghe buồn đến
Anh thăm cơn sâu dâng mãi lên
 Gặp lại bây giờ anh mới biết
 Em không đến được không vì mưa
 Mà không đến được vì không thể
 Nước mắt thay lời đau đớn chưa
Em ngỡ tâm tư có muện màng
Hay là thôi để lãng quên luôn
Nhưng em cảm thấy lòng điều dừng
Khi biết rằng anh đã rất buồn
 Trang tặng riêng anh một đóa hồng
 Em về trên bến đợi hư không
 Nhớ ơi là nhớ màu tha thiết
 Trong mắt nhìn theo chó nã nùng
Em biết em ân hận lỡ lời
Kiếp này mang nợ xót xa thôi
Cầu mong tái ngộ luân hồi kiếp
Xin trả cho anh suốt cả đời
 Hôm nay nắng lạ dãi bên thêm
 Nhưng quán đời anh lạnh lẽo thêm
 Tiễn biệt tiêu điều hoang vắng quá
 Hơn cả hôm nào mưa gió lên

KỶ NIỆM BẾN NINH KIỀU & ĐƠN VỊ CŨ

CHÂU ĐÌNH LỢI

Tình cờ xem một video trên YouTube quay cảnh thành phố Cần Thơ chú trọng vào Bến Ninh Kiều của người quay sinh sau năm 1975 với giọng nói đặc sệt dân quê Rạch Giá đầy nét chất phác làm tôi tò mò theo dõi. Tuy lời kể thỉnh thoảng có dùng những ngôn từ của người trong nước đem đến cho ta dị ứng nhưng khi nhìn thấy cảnh Bến Ninh Kiều ở cuối khúc sông nơi trước đây là TRẠI YẾT KIỀU của Bộ Tư Lệnh Vùng 4 Sông Ngòi đặt bản doanh đã làm tôi dâng tràn cảm xúc khi nhìn cảnh biên dậu toàn cảnh các ngôi nhà xưa không còn nữa để thay thế bằng công viên, khách sạn. Kỷ niệm xưa dồn dập hiện về nào có khác chi tâm trạng của thi sĩ Tú Xương khi nhìn thấy con sông xưa nơi quê mình chập chờn trong ký ức:

*Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi đò.*

Tôi đã từng phục vụ ở Vùng 4 Sông Ngòi 52 năm về trước lúc đó Trại Yết Kiêu KBC.3304 cuối góc Bến Ninh Kiều có 3 đơn vị trú đóng: Thủy Xưởng Miền Tây, Căn Cứ Hải Quân Cần Thơ và Bộ Chỉ Huy Hải Quân Vùng 4 Sông Ngòi. BCH/HQ/V4SN là đại đơn vị chỉ huy 7 Giang Đoàn Xung Phong trong đồng bằng sông Cửu Long gồm có GĐ.21 và 33 XP hậu cứ ở Mỹ Tho, GĐ.23 và GĐ.31XP ở Vĩnh Long, GĐ.25 và 29 XP hậu cứ tại Bình Thủy (Trại Phan Văn Sanh) và GĐ.26 XP tại tỉnh lỵ Long Xuyên.

Lúc đó Hải Quân Đại Tá Nguyễn Văn Ánh chỉ huy, sau khi rời chức vụ Tham Mưu Trưởng Hải Quân sau Tết Mậu Thân. HQ Trung Tá Nguyễn Bá Trang là CHP kiêm TMT. Bộ tham mưu được phân chia làm 3 khối riêng biệt: Khối Hành Quân do HQ Đại úy Phạm Hữu Khoa phụ trách, Khối Nhân Viên do HQ Thiếu tá Nguyễn phúc Bửu Diên chỉ huy và Khối Tiếp Vận do HQ Thiếu tá Nguyễn Công Tâm chỉ huy. Thủy Xưởng Miền Tây do HQ Thiếu tá Trần Quốc Tuấn làm

CHT, riêng CCHQ Cần Thơ do Thiếu tá Chiến Binh Trần Ngọc Trinh làm CHT. Thiếu tá Trinh trước đó là CHT Giang Đoàn 29 Xung Phong, tốt nghiệp Khóa 14 Võ Bị Đà Lạt, ra trường phục vụ trong binh chủng Pháo binh vài năm, sau đó chuyển sang quân chủng Hải Quân là em ruột của Trung tướng Trần Ngọc Tám. Tư gia của ông Trinh có cửa tiệm uốn tóc trên đường Phan Đình Phùng trong thành phố Cần Thơ. Tết Mậu Thân, VC mưu sát gia đình ông bằng cách rải lựu đạn vào xe Jeep đậu trước cửa nhà ông, bà vợ ra xe ngồi trước, ông Trinh vào nhà lấy món đồ gì đó rồi mới ra sau thì quả lựu đạn phát nổ. Bà vợ cùng các con chết thảm, ông Trinh thoát chết, căn nhà lầu hai tầng có tiệm uốn tóc MAI LAN là tên ghép của bà vợ ông Trinh cùng người em vợ, từ đó gỡ bỏ chữ MAI chỉ còn trơ trọi chữ LAN mà thôi.

Tôi về Cần Thơ được nghe kể câu chuyện trên và gặp ông Trinh trong các buổi thuyết trình hàng ngày có đông đủ thẩm quyền tham dự. Ông Trinh là người vui vẻ, hoạt bát, giao thiệp rộng và thường giúp đỡ anh em. Tôi đã nhờ ông ấy lo dùm bằng lái quân xa với 2 con dấu vì ông có bạn thân làm việc trong Sở Quân Vận của Quân Đoàn 4. Mỗi buổi sáng lúc 9.30 là giờ thuyết trình của P2, P3 và Sĩ Quan Đại Diện Vùng 4 Duyên Hải, ông Trinh thường vào sớm để tán gẫu với các sĩ quan tham mưu, chuyện trò vui vẻ trong khi chờ hai sếp lớn đến chủ tọa.

Nào ngờ cuối năm 1970, vì buồn chuyện gia đình, ông Trinh đã uống thuốc độc quyên sinh để lại bao thương tiếc cho toàn đơn vị. Tang lễ của ông được tổ chức đặc biệt cho linh cữu từ nhà riêng chạy vào Bến Ninh Kiều để thăm Căn Cứ Hải Quân Cần Thơ lần cuối. Hàng rào kẽm gai chặn con đường dọc theo Bến Ninh Kiều tiếp giáp đường Ngô Gia Tự được mở ra cho đoàn xe tang chạy thẳng vào. Đây là lần duy nhất hàng rào này được mở ra, bình thường cổng vào đều từ con đường Ngô Gia Tự tiến vào nơi đặt một trạm gác kiểm soát, rồi quẹo trái chạy dọc theo con đường lộ ngăn chia khu quân sự để tới cổng chính cách đó 100 mét với bảng hiệu TRẠI YẾT KIỀU với lính gác và quân cảnh kiểm soát cẩn mật.

Vào bên trong cổng, sát bên cổng chính về tay mặt là căn phòng riêng biệt của Phòng Tình Báo sát cạnh bờ sông Cần Thơ, dưới sông có một pontoon bằng các thùng phuy ghép lại để cho chiếc ca nô của cố vấn Mỹ cập tại đó, thường dùng trong các buổi trượt nước hoặc đi công tác trong những nơi lân cận. Phía bên trái cổng chính là các cơ xưởng của Thủy Xưởng Miền Tây có ụ nề kiến trúc bằng đường rây dẫn ra bờ

sông, thỉnh thoảng các giang đình lên xuống ụ phải chạy qua con đường chính nên xe Jeep phải ngừng lại nhường đường. Bên cạnh đường rầy gần Phòng 2 còn miếng đất trống nên sau này được xây cất căn nhà dành cho sĩ quan độc thân có 8 phòng để cư ngụ, không còn phải ở chung với các sĩ quan có gia đình và các sếp lớn nơi khu nhà cách đơn vị khoảng 200 mét nữa.

Qua khỏi đường rầy, bên mặt là cầu lạc bộ cho toàn đơn vị do một thượng sĩ giải ngũ làm quản lý, anh này bị thương khi ở Giang Đoàn 29 Xung Phong, kể đến là sân cò trái nhựa khá rộng. Trung Tâm Hành Quân nằm đối diện nhìn thẳng ra sân cò và toàn cảnh sông Cần Thơ và Xóm Chài bên kia sông. Kế đến là tòa nhà chính 2 tầng do Hải Quân Pháp để lại với lối kiến trúc khá đẹp là nơi đặt các Phòng Ban của Khối Tiếp Vận kể cả P6 nơi góc trái hướng Bắc. Từ cầu thang đi lên lầu, bên mặt là phòng Cố vấn Trưởng, bên trái là Văn phòng CHT, kế đến là Phòng CHP và phòng CHT có phòng họp rộng lớn có cửa sổ nhìn xuống sân cò. Các phòng có vách tường ngăn cách kế tiếp là P1, P4, Phòng HCTC... Phía dưới lầu có P5, Kho Tiếp Liệu và doanh trại riêng của CCHQ Cần Thơ quản trị. Phía sau cùng là nhà kho xăng dầu và nhà bếp cạnh con rạch Cái Khế nơi sau này xây cất thành cây cầu đi bộ dẫn ra Cồn Ấu tiếp giáp bờ sông Hậu Giang.

Từ chỗ sân cò ra bờ sông có cây cầu bằng bê tông, tương tự như cây cầu L của Bộ Tư Lệnh Hạm Đội tại sông Sài Gòn, nơi dành riêng cho các LST cập cầu. Cây cầu chữ T này khá kiên cố, tuy có bất tiện cho các tàu bè cập bến vì nước thủy triều lên xuống. Nơi đây đã được sử dụng làm khán đài để TT Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp chủ tọa ban hành luật Người Cày Có Ruộng ngày 26-03-1970 trước Tòa Hành Chánh Tỉnh Phong Dinh và buổi chiều đến khán đài tại cây cầu này để chủ tọa xem biểu diễn nhảy dù và cuộc đua chèo thuyền hào hứng trên sông Cần Thơ. Phải nói là các anh lính Nhảy Dù là những huấn luyện viên cự phách biểu diễn nhảy dù xuống sông Cần Thơ và được các ca nô phóng đến vớt ngay lên tàu, khá nguy hiểm vì đôi chân mang bột đờ sô xuống nước. Các thuyền đua từ 16 tỉnh Miền Tây kéo về tham dự trong ngày hội lớn và dân chúng đứng đen kín hai bên bờ sông reo hò náo nhiệt. Cũng cần nói thêm, muốn dựng một khán đài trên cầu cho Tổng Thống và các yếu nhân ngồi tham dự, Quân Đoàn 4 đã trưng dụng một Tiểu Đoàn Công Binh làm việc ngày đêm trong 3 ngày để hoàn thành cấp tốc, tôi đã chứng kiến họ làm việc và BCH đóng đô trong TTHQ suốt mấy ngày đó.

Thế nhưng chỉ hơn một tháng sau, Cần Thơ liên tiếp mất hai vị chỉ huy đầu não. Thiếu tướng Nguyễn Viết Thanh Tư Lệnh Quân Đoàn 4 và Quân Khu 4 tử trận khi công tác thị sát mặt trận tại Mộc Hóa ngày 02-05-1970 cùng với cố vấn Mỹ. Đại tá Nguyễn Văn Khương, Tỉnh Trưởng Phong Dinh tử trận khi ngồi trên chiếc xe Jeep đến thăm một quận bị VC phục kích. Hai biến cố liên tiếp xảy ra làm dân chúng xứ Cần Thơ xôn xao và liên quan khiến cho một công trình thời xáng để xây dựng của một công ty Nhật phải hủy bỏ.

Trong suốt năm 1970 có nhiều chuyện liên quan đến Vùng 4 Sông Ngòi. Đầu tiên là việc cải danh đơn vị, nâng cấp từ BCH lên thành Bộ Tư Lệnh Vùng 4 Sông Ngòi (không có chữ Hải Quân) đồng loạt với các Vùng Duyên Hải, Vùng Sông Ngòi, Biệt Khu Thủ Đô, Hạm Đội và các Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm Thủy Bộ, Tuần Thám, Duyên Phòng, Trung Ương nên các vị này được gọi là Tư Lệnh, khác với trước đây chỉ có duy nhất Tư Lệnh Hải Quân mà thôi. Đầu năm đó, quân nhân Hải Quân từ cấp HSQ trở lên không được phép mặc quân phục ka ki màu xanh hay màu vàng như trước nữa, chỉ còn màu tím mà thôi. Vì thế, mỗi quân nhân được cấp vải để đủ may hai bộ quân phục để mặc cho đúng quân luật. Thời điểm đó ở Cần Thơ, Quân Đoàn 4 chỉ liên lạc hàng ngang với V4SN đại diện cho Hải Quân với HQ Đại Tá Nguyễn Văn Ánh, bên Không Quân là Đại tá Nguyễn Huy Ánh, Không Đoàn Trưởng Không Đoàn 74 Chiến Thuật, sau đó cải danh thành Sư Đoàn 4 Không Quân và Đại tá Ánh với chức vụ Sư Đoàn Trưởng Sư Đoàn 4 Không Quân. Sự Vụ Văn Thư của BTTM ban hành hơi quái dị, nên các ông sếp Sư Đoàn Không Quân không được gọi là "Tư Lệnh".

Sau Tết âm lịch 1970, Đại tá Ánh có tên chuyển chuyên, về BTL/HQ giữ chức Chánh Thanh Tra Hải Quân. Lễ bàn giao hồi tháng 2/1970 cho HQ Trung Tá Vũ Đình Đào nguyên là vị hạm trưởng đầu tiên của HQ.11 cùng với HT Ánh nhận lãnh HQ.10 tại HQCX Philadelphia tháng 1/1964. Vì nâng cấp đơn vị và vừa có vị chỉ huy mới nên tổ chức đơn vị có nhiều thay đổi. Dưới quyền TMT là hai vị TMP Hành Quân và Tiếp Vận mà thôi và các sĩ quan Trưởng Phòng không còn được ký các công văn công điện nữa. Lúc đó Thủy Xưởng Miền Tây có lệnh giải tán, đơn vị mới có tên Mỹ là Căn Cứ Yểm Trợ Tiếp Vận Bình Thủy ra đời, CHT là HQ Thiếu tá CK Trần Công Bình K7 là CHT, nguyên CHT Trần Quốc Tuấn K9 chuyển lên làm TMP/TV, HQ Thiếu

tá CK Nguyễn Công Tâm K9 đổi đi làm CHT Tiền Doanh YTTV Rạch Sỏi. HQ Thiếu tá Bửu Diên lên làm TMP/HQ. Đơn vị sau đó dồn dập cuốn hút vào chiến sự, vừa tổ chức khai diễn hai cuộc hành quân Trần Hưng Đạo 8 và 14 do mình trách nhiệm ở Kiến Hòa và sông Cổ Chiên / Mang Thít, đồng thời yểm trợ cho cuộc hành quân sang Kampuchea sau vụ đảo chánh vua Sihanouk. Năm đó, hai chiếc Trục Chiến Hạm HQ.225 bị chìm ở Năm Căn và HQ.226 liên quan đến chiến dịch ở sông Cổ Chiên làm cho nhiều quan chức điên đảo. Cuối năm 1970 là những thiệt hại to lớn của GĐ.26XP ở kinh xáng Xà No và vùng Chương Thiện làm cho nhiều giang đĩnh bị chìm, nhiều quân nhân tử trận nên toàn giang đoàn cạo đầu để tang nên Phòng Nhân Viên khá bận rộn.

Giờ đây, những căn nhà nơi đơn vị cũ ghi dấu nhiều kỷ niệm không còn nữa. Nhớ lại chuyện xưa mà ngậm ngùi khi nhìn video trước mặt, nào có khác chi Kim Trọng trong truyện Kiều khi cảnh cũ người xưa không còn nữa:

*Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn phong cảnh cũ, nay đà khác xưa.
Đây vườn cỏ mọc, lau thưa,
Song trắng quanh quẽ, vách mưa rã rời...
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

Giờ đây, rời xa Cần Thơ đã hơn hơn nửa thế kỷ, tôi mạn phép ghi lại những cảm xúc để thân tặng quý bạn Hải Quân VNCH đã một thời cùng chung đơn vị hoặc đã từng in dấu những bước chân kỷ niệm Tây Đô mà vị CHT năm xưa thường tâm đắc:

*Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai về xứ đó lòng không muốn rời.*

CHÂU ĐÌNH LỢI
(2021)

Bộ Chỉ Huy Hải Quân - Vùng IV Sông Ngòi



Bến Ninh Kiều

Người về từ Thành Cổ

Hương Thủy

“ Có những niềm riêng một đời câm nín
Nên khi xuôi tay còn chút ngậm ngùi”
(Lê Tín Hương)

Hơn bốn mươi năm nay tôi có một ước mơ nhưng chưa bao giờ thực hiện được. Nó trở thành nỗi ám ảnh trong tôi. Tưởng đơn giản mà sao rất khó. Đó là về Huế, ngồi một mình ở Cercle, nhìn ra sông Hương và nhớ đến anh.



Tôi đã nhiều lần về Huế, nhiều lần đi qua cầu Phú Xuân, nhìn vào Cercle nhưng “*Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa*”. Những năm sau 75, nó là nơi sinh hoạt Văn Thể Mỹ cho nhi đồng. Thời mở cửa, đó trở thành nơi ăn nhậu xô bồ. Rồi được cổ phần hóa thành Trung tâm dịch vụ Festival. Lần về Huế gần nhất, Cercle được che bạt để sửa chữa. Tôi và cô bạn thân Tường Vy đành ngồi ở Café trên hè đường Lê Lợi nhìn sang. Không biết khi sửa xong, cái vẻ quý phái sang trọng của nó có còn giữ được?

Trước 75, Cercle Sportif được xem là một nơi dành cho giới thượng lưu trí thức Huế. Trước sân có hồ bơi, sân Tennis. Đi vào là

một sảnh rộng dành cho những buổi hòa nhạc, khiêu vũ, có cầu thang đi xuống mé sông với những tấm dalle bằng bê tông dành cho dân bơi lội. Phía sau là một balcon hình bán nguyệt nhìn ra sông Hương thơ mộng. Ở đây, khách có thể nhâm nhi một ly rượu, ăn nhẹ nhàngh với những người hầu nam lịch sự, nhìn những chiếc Pe'rissoire lướt nhẹ trên sông. Tòa nhà thủy tạ không cao, được sơn trắng, hài hòa với vẻ đẹp hiện đại mà cổ kính đặc trưng của thành phố. Và chính ở đây, tôi đã gặp anh Long Lễ HVL.

Đó là một cuộc gặp gỡ tình cờ và ngẫu nhiên. Tối đó, khoảng tháng hai năm 1973, tại Cercle có buổi hòa nhạc của một band nhạc người Đức. Ma Soeur Madeleine kéo một nhóm sinh viên đi nghe cho biết “thế nào là nhạc thính phòng”. Khi đó tôi học năm thứ nhất ĐHSP và đang nội trú trong Inter Jeanne D'Arc.

Trước sảnh người ta trưng bày một số tranh của các họa sỹ Huế như Đinh Cường, Tôn Thất Văn, Vĩnh Phôi... Chưa đến giờ nên chúng tôi cũng ngó nghiêng trong khi Soeur Madeleine- một người có tâm hồn nghệ thuật- chăm chú thưởng ngoạn. Thực sự, tôi cũng chẳng am tường gì về loại tranh lập thể và trừu tượng này. Tôi đi vào một góc. Và ở đó tôi tìm thấy một bức tranh rất Việt Nam, dân dã và phồn thực. Tranh vẽ cây chuối và một buồng chuối. Cây chuối mập mạp, những quả chuối thì tròn căng đầy sức sống... Tôi kéo tay áo cô bạn đằng sau, miệng bô bô: “*Tao chả hiểu thế nào là nghệ thuật. Tao thích ăn chuối và tao thấy bức tranh này đẹp!*”. Không nghe cô bạn cùng chambre trả lời, tôi kéo mạnh tay áo giật giật. Ủa, sao áo bạn cứng vậy cà? Tôi quay lui và nhận ra mình đang kéo tay áo một ông lính...rần rì!

Ngượng ngùng đến đỏ mặt nhưng tôi không giấu nổi ngạc nhiên về sự tham dự của một người lính trong sự kiện nghệ thuật này. Lính thì lo ra chiến trường đánh giặc chứ rảnh đâu mà đi thưởng thức hòa tấu. Tôi cũng không biết đây là binh chủng gì, loong lá ra sao vì tôi chỉ biết trong quân đội, bộ Treillis xanh có bông mai là Ủy, có gạch bên dưới là Tá. Đảng này quân phục thì loăng ngoăng, loong lá thì bên vai alfa gạch gạch lung tung...Chịu!

Tôi lí nhí xin lỗi và đúng lúc ấy chuông reo báo buổi hòa nhạc sắp bắt đầu.

Rất lịch thiệp, người lính đưa tay hướng dẫn tôi vào khán phòng và ngồi xuống một ghế nệm trắng. Ông cũng ngồi một bên. Tôi đưa mắt nhìn quanh. Ông là người duy nhất mặc quân phục trong đám quan khách mặc Vest thắt cravate. Soeur Madeleine và các bạn đang ngồi phía sau. Soeur gật nhẹ đầu trước ánh mắt cầu cứu và dò hỏi xin phép của tôi.



Nhạc trưởng người Đức bắt đầu đưa hai que điều khiển ban nhạc. Những bản nhạc nối tiếp nhau. Khi thì dồn dập hào hùng, khi thì trầm lắng réo rắt... Và người ngồi cạnh tôi như thả hồn trong chuỗi âm thanh hàn lâm đó. Chỉ khi chấm dứt từng bản ông mới thì thầm với tôi. Bản này là *In a Persian market*, bản này *Moonlight sonata*, bản này thì *Hòa tấu Mozart*... May tôi còn hiểu nghĩa chứ nếu không thì thật quê độ!

Giữa phút giải lao, người hầu bàn đưa nước mời. Toàn rượu màu trắng được ướp lạnh. Ông bung một ly ngửi nhẹ rồi trao cho tôi, nói nhỏ: “*Rượu chat trắng Sauterne cho phụ nữ*”. Ông cầm một ly khác

rồi khà nhẹ “*Whisky*”. Tôi biết mình đang ngồi bên một Quý ông lịch lãm!

Trời Huế lạnh bởi còn mùa Xuân. Tôi mặc một chiếc Robe hồng nên hơi co ro. Tôi cầm mouchoir che miệng tránh một tiếng ho bật ra. Ông nhìn sang có vẻ thông cảm...

Đêm nhạc chấm dứt khoảng mười giờ. Ông bảo mình phải về đơn vị và xin tôi địa chỉ. Không hiểu sao tôi đủ can đảm để cho dù luật nội trú khá nghiêm khắc. Tôi nhập vào đám bạn và trở về inter, lòng không suy nghĩ gì khác.

Chiều thứ bảy tuần sau, tôi có chuông báo xuống phòng khách có người gặp. Đó là ông và một người lính khác. Sau tôi mới biết đó là một bác sỹ Quân y. Chúng tôi ngồi nói chuyện dưới sự giám sát kín đáo của Soeur Anne gần đó. Những câu ngắn, vô thưởng vô phạt. Ông hỏi tôi còn ho không. Ông trao cho tôi một hộp thuốc và nói bằng tiếng Pháp “*Deux capsules pour un jour*”.

Cuộc gặp gỡ trong vòng năm phút, tôi vẫn chưa biết tên và cấp bậc của ông. Nhìn vào cuốn sổ trực nhật của Ma soeur, tôi thấy ông ghi tên Long Lê. Tôi nghĩ theo phương Tây, chắc tên ông là Lê Long.

Phải gần hai tháng sau mới có cuộc gặp gỡ thứ ba. Tôi từ cổng sau Văn khoa bước ra đường Hoàng Hoa Thám. Ngang Bưu điện, một chiếc Jeep ngừng lại. Ông ngồi cạnh tài xế. Tôi cảm thấy vui khi gặp lại ông. Ông đổi chỗ và mời tôi lên xe. Chúng tôi đến Cercle.

Ông cho biết đã chờ tôi “*dans la cour d’ Inter*” gần hai tiếng. Ông trao cho tôi một gói nhỏ. Chúng tôi đều uống cà phê sữa.

Nắng vàng nhạt trải dài trên sông Hương. Tôi ngồi một góc có thể nhìn chéch qua Thương Bạc. Một chiếc Pe’rissoire lướt nhẹ tạo nên cơn sóng nhỏ đằng sau. Ông vẫn không nói gì nhiều. Một người đàn ông kiệm lời nhưng dễ tạo tin tưởng cho người đối diện.

Tôi có cơ hội nhìn rõ và hiểu thêm về ông. Vẻ ngoài tầm thước, da ngăm - có ông lính nào da trắng đâu nhỉ -, ít nói và khi nói hay chêm tiếng Pháp, khi đi lưng hơi khom về đằng trước. Có ai đó đã từng nói với tôi tương người như thế thường vất vả.

Bây giờ tôi cũng biết thêm bộ binh phục ấy là của Thủy Quân Lục Chiến, cái alfa có hai gạch là cấp bậc Trung tá. Ông vừa kể nhiệm chức vụ Tiểu đoàn trưởng TĐ Mạnh Hồ của Lữ đoàn 369 và Long Lễ là ám danh truyền tin.



Xin nói thêm lúc đó tôi là một cô gái 18 tuổi, không đẹp chút nào. Bình thường, tôi luôn tự ti về hai chữ « *nhân sắc* ». Chính vì thế tôi không hề có tư tưởng người đàn ông trước mặt đang tán tỉnh mình và ông ta cũng chưa bao giờ thể hiện điều này. Tôi nghĩ ông ấy coi mình như một cô cháu hoặc một người em nhỏ trong gia đình thế thôi. Trong những câu giao tiếp, ông cũng không dùng đại từ nhân xưng gì. Ngồi hơn nửa tiếng, chúng tôi chia tay. Chiếc Jeep qua cầu Phú Xuân, rẽ về phía Bắc, hướng Quảng Trị.

Về cư xá tôi mở gói quà. Không phải là những hộp thuốc, cũng không phải là thứ gì sang trọng lắm. Đó là hai hộp kem Colgate và một gói kẹo lớn trong đó có mười gói kẹo nhỏ. Và tất cả đều là của Pháp. Chắc ông hiểu những cô sinh viên xa nhà, ở nội trú - dù được xem là cao cấp - cũng cần những nhu cầu thiết yếu.

Từ đó mỗi lần có dịp về Huế, ông đều ghé thăm tôi. Trong Inter có tiếng xì xầm đồn thổi. Nhưng tôi bất cần. “*Mình trong trắng ắt quý thân gia hộ*”. Chúng tôi quyết định chọn Cercle làm nơi gặp gỡ.

Với tuổi tác và cấp bậc của ông, chúng tôi không thể vào những quán chè dành cho sinh viên như chè Chùa, chè Sầu, Cồn Hến... Tiệm ăn thì không được vì tôi phải có mặt đúng giờ ăn dưới sự giám sát của bà soeur Madeleine. Để minh chứng sự trong sạch của mình, tôi thường rủ thêm bạn Tường Vy cho khỏi bị dòm ngó.

Chúng tôi đã gọi ông cụ thể là “Anh L”. Tôi cũng biết thêm gia đình anh. Bà vợ lai Pháp, đã có một con trai. Chắc vì thế mà anh có thói quen hay nói chen những câu tiếng Pháp trong giao tiếp.

Hiệp định Paris đã kí nhưng mặt trận phía Bắc không vì thế mà an ổn. Binh chủng Dù đã rút nhường cho các Lữ đoàn TQLC 147, 258, 369. Tiểu đoàn của anh đóng mạn Mỹ Thủy. Hương Điền là nơi Bộ Chỉ Huy trú đóng. Tôi siêng đọc báo hơn để theo dõi tin chiến sự, tập tễnh viết những truyện ngắn về lính, đặc biệt những người lính Võ Bị. Anh có vẻ vui khi biết tôi rành rẻ về ngôi trường quân sự này. Anh xuất thân K17 mang tên Khóa Lê Lai. Anh kể về chuyện Thủ khoa Vĩnh Nhi bắn bốn mũi tên rơi mất ba mũi trong lễ mãn khóa ngày 30-3-1963 như một điềm báo cho cái chết của ba thủ khoa liên tiếp: Vĩnh Nhi K17, Nguyễn Anh Vũ K18, Võ thành Kháng K19. Anh cùng khóa với Đại Tá Võ Toàn, vừa xây xong nhà mới bên quận Mai Lĩnh thì Quảng Trị tan nát; cũng là bạn của Trung Tá Võ Vàng, người “giải phóng” Huế trong Tết Mậu Thân... Tôi cũng kể thêm cho anh về ông anh rể K16, người anh con cậu K 20 đã hy sinh sáu tháng sau khi ra trường, khi vừa mới hỏi vợ và người anh trai đang theo học K 28 tại Trường Võ Bị Đà Lạt. Anh vẫn giữ thói quen điềm đàm, nghe nhiều hơn nói. Trong khi tôi và Tường Vy riu rít như chim sáo sậu thì anh cứ lắng nghe, nhìn ra mặt sông, thỉnh thoảng góp những câu nói ngắn. Tường Vy nói thəm “Người ít nói như rứa mà tán vợ đẹp làm răng?”

Noel năm 1974 anh quyết định tổ chức một buổi Re'veillons thật lớn, vui cho tôi và Tường Vy cùng mấy người bạn của anh. Anh nhờ qua phố Phan Bội Châu đặt một Buche de Noel, order một con gà quay tại Cercle. Chúng tôi háo hức chờ đợi...

Năm giờ chiều 24, Tường Vy vào xin phép cho tôi. Hai đứa đều mặc hai chiếc áo dài màu xanh Hotesse de l'air, ôm hộp bánh ra Cercle, chọn một cái bàn nhìn ra sông. Không hiểu sao, thời tiết chẳng lạnh chút nào.

Huế là một thành phố đa phần là Phật giáo. Dân Công giáo phân đông tập trung ở quanh Dòng Chúa Cứu Thế hoặc Phủ Cam nên đêm nay không khí cũng không mấy sôi động. Anh hứa sẽ mang civil để có thể hòa mình vào dòng người đi lễ mừng Chúa giáng sinh.

Hơn sáu giờ anh xuất hiện... chỉ với một người bạn và trong quân phục tác chiến. Anh cố làm một vẻ mặt thật tươi nhưng sao vẫn không tự nhiên. Chúng tôi uống vang, ăn gà quay. Hình như anh có ý pre'senter Tường Vy cho người bạn. Tường Vy lúng túng, đánh rơi một miếng thịt gà trên áo dài. Sau nghe kể về nhà phải giặt bằng nước sôi cho xóa vết mỡ.

Không chờ lâu như dự định, hơn bảy giờ anh đã vội vã cắt chiếc bánh khúc củi. Bảy giờ, vẫn bằng một ngôn ngữ ngắn gọn, anh thông báo có công việc bất ngờ, anh không thể thực hiện như lời hứa.



Chúng tôi hơi buồn nhưng cảm thấy thương anh và đồng đội. Làm sao được. Anh không kể chuyện nhưng chúng tôi biết “Mặt trận phía Bắc không hề yên tĩnh” như trong truyện của Erich Maria Remarque (All quiet on the Western front). Hai chiếc Jeep lao vội vàng ra phía Quảng Trị. Bắt đầu khúc nhạc thánh thót “Silent night”. Tôi chấp tay nguyện cầu cho những người lính...

Mấy tháng sau, tôi nghe anh lên làm Lữ đoàn phó 258, giao Tiểu đoàn 9 cho thiếu tá Lâm Tài Thanh. Anh chở tôi qua bên Phan Bội Châu, mua cho tôi một chiếc Manteau da màu vàng sẫm. Mua và vẫn không nói, không một lời giải thích hoặc trao tặng. Và đó là kỷ vật cuối cùng!

Giữa tháng ba năm 1975, tôi nhận được một bức điện tín của anh về địa chỉ nhà Tường Vy. “Về Đà Nẵng và vào Saigon gấp”. Quá bất ngờ. Chuyện gì đây? Huế vẫn sinh hoạt bình thường. Trường Đồng Khánh đang Hội trại Lễ Hai Bà Trưng. Bên Văn Khoa, chúng tôi đang được thầy Nguyễn Văn Xung từ Sài Gòn ra dạy Thẩm mỹ học. Thầy dạy rất cuốn hút. Bên Sư Phạm cũng học thầy thỉnh giảng chữ Nôm là Thầy Bùi Xuân Trữ, thân phụ của Thứ trưởng giáo dục Bùi Xuân Bào. Làm sao tôi bỏ được? Và tôi sẽ trả lời với gia đình ra sao về chuyện tự nhiên bỏ học về nhà?

Ba hôm sau, Huế bắt đầu nhốn nháo. Ngày 20/3 tôi bỏ vào được Đà Nẵng với chiếc valise và một số tiền xe cút cổ mà người bạn gửi gắm cho một ông thầy trường Luật!

Tôi mất biệt tin anh. Ngoài anh ra, tôi không quen một ai để hỏi. Tôi đã nguyện nếu biết được tin anh đi tù ở đâu tôi sẽ lặn lội đi thăm, cho dù trong Nam ngoài Bắc với thứ tình cảm của một người em gái. Chúng tôi chưa hề cầm tay nhau! Và không hề có thứ tình cảm nào ngoài đạo lý. Tôi trân trọng và thương kính anh và anh đối với tôi cũng bằng thứ tình cảm trong sáng của một người anh Cả.

Sau này khi tôi được tin thì anh đã mất ngày 31-3-1984 ở Trại tù Xuân Lộc A. Một cái chết quá đau thương và đau lòng với những lời đồn thổi. Và khi hồi tưởng thời tuổi trẻ, khi viết những dòng chữ này, tôi không khỏi rơi nước mắt ngậm ngùi. Ôi, người anh đáng quý trọng của em!

Và có phải trời có mắt. Quả đất vẫn rất tròn. Tôi đã liên lạc được với con trai của anh. Cháu Huỳnh Nghi. Đứa con trai được sinh năm 1974 và năm anh mất mới vừa lên 9 tuổi. Tôi chỉ có thể nói rằng Ba cháu là một người rất tốt.

Tôi ấp ủ nhiều năm và bài viết này như một nén tâm nhang gửi đến anh. Tôi chắc rằng anh đang ở trên thiên đường.

Cũng như có bàn tay của thượng đế. Bài được viết xong đúng ngày 31 tháng 3 năm 2021, kỷ niệm đúng 37 năm ngày mất của Long Lễ.

Tôi sẽ về Huế, cùng Tường Vy vào Cercle và nhớ anh. Phải chi có thể đánh đổi một năm để được quay về sống lại một ngày xưa cũ!



Cắm cờ trên thành cổ

ĐÀ LẠT VÀO ĐÔNG...

Trần Thiện Tuấn K28

Đà Lạt vào đông em ơi còn nhớ
Mimosa thấp sáng cả đường mơ
Cúc Dã quỳ vàng nở thật nên thơ...
Thiếu người cũ, bên một tà áo trắng

Nắng nhẹ trôi, đường quanh co êm vắng
Đôi thông xanh vương vấn thủ thỉ reo
Sương trắng bay vương đọng giữa lưng đèo
Mây lơ đãng chơi vơi thêm quyến rũ

Trời vào đông cuối tuần chẳng muốn ngủ
Để buổi chiều thứ bảy đón người thơ
Cổng Nam Quan luôn nghe ngóng đợi chờ
Thật hạnh phúc khi được nghe tên gọi

Dang vòng tay đón em lòng hồ hởi
Hơi ấm về trong ánh mắt long lanh
Đôi má hồng xuân như ghé bên anh
Em từ già mới biết đông vừa tới.

Nhớ không em, ngày xưa sao vui vơi
Giờ chỉ còn những tiếc nuối xa xôi
Đà lạt ngày nào giờ như lạ rồi
Bao kỷ niệm hằn sâu trong tiềm thức

Chiến Tranh Giữa Một Gia Đình Nửa Thắng và Nửa Thua

AoThu K20/1

Chuyện chưa nói bạn đọc cũng hiểu chuyện thường xảy ra trong Việt Nam sau tháng Tư 75, nhưng ai có trong cuộc mới thấy chiến tranh chưa bao giờ chấm dứt giữa Cộng sản và Quốc gia.

Sau 30/4/75, người chồng đi tập kết trở về tìm lại vợ con với hành trang của một người vô sản chân chính : Một bộ đồ màu xanh xám trên người và chiếc xe đạp cũ kỹ.

Ông đã ngoài 60 và vợ cũng 60. Bốn người con bỏ lại khi ông dấn đi hai đứa con trai lớn khi về chỉ còn một trai một gái, (còn đứa con gái lớn chết bệnh tim khi nghe ông theo cách mạng, đứa con trai út thì tử trận trong trận đánh Campuchia với vừa tròn 20 tuổi). Bà vợ đang sống với đứa con trai duy nhất ở Sài Gòn, đứa con gái còn ở lại Huế.

Gia đình còn 6 người. Ở hai chiến tuyến rõ rệt, bà mẹ thì đứng hai chân hai bên, cô con gái ở Huế và cô dâu “Ngụy hạng nặng”, vì cô làm vợ "tên sĩ quan Ngụy" cấp Tá. Cái cấp bậc mà ông anh Tuyên Huân VC từng nói:

“Chú lên tới cấp bậc này thì đã giết bao nhiêu là chiến sĩ cách mạng, tội không nhỏ đâu!” Nàng dâu không vừa:

"Ngoài chiến trường không giết đối phương thì cũng bị đối phương giết! Nếu chồng tôi mà chết như em trai Út của anh, thì mẹ anh không còn sống đến ngày nay đâu."

Từ ngày người con “ngụy” ra tù, người cha thì cứ lo sợ thằng con “Ngụy” này sẽ tìm cách trốn đi. Người con thì không bỏ qua cơ hội nào để kiếm đường vượt biên. Cứ vài hôm ngoài phường gọi người con ra trình diện, suốt thời gian 3 năm phải tránh né phường khóm. Người con lấy cớ về quê vợ để làm ruộng, cho nên cha con ít có dịp gần gũi nhau. Năm 1983 thì người cha bị bệnh và qua đời. Phe thắng cuộc cũng ít lui tới gia đình bớt đi những trận giặc mồm.

Tội nghiệp nhất là bà mẹ, đứng giữa hai lần! Sống dựa vào con trai và dâu và những gì chúng nói đều đúng sự thật nhưng bà không dám bênh vực, dù biết phe thắng không chính nghĩa vô lý bà cũng không dám chống. Giữa hai chiến tuyến bà không biết theo ai cho đúng, đứng đâu bà cũng bị thương đành ngồi yên cho hai bên mặc sức tranh cãi. Cứ mỗi khi đi làm về đến nhà thấy bóng dáng mấy người anh chồng là cô em dâu muốn tuôn ra bao uất ức. Cô vào phòng mở nhạc, thì bị cho là nghe nhạc phản động. Ông anh còn nói :

“chồng em lên đến cấp bậc tá là đã vấy máu biết bao nhiêu người của cách mạng? Bọn Ngụy là đám lính đánh thuê cho Mỹ....”

Cứ cho là chúng tôi lệ thuộc Mỹ, còn các anh là ai nếu không đánh thuê cho Tàu cho Nga? Ngụy chúng tôi còn dám đánh lộn với Mỹ, dám bắn cả lính Mỹ khi họ đụng chạm đến tự ái dân tộc mình, còn mấy anh có dám đụng đến lông chân của thằng Tàu thằng Nga nào không? Dân miền Nam chúng tôi có nhạc phản động nhưng chưa có ai viết bài hát ca tụng Mỹ, chớ mấy anh nào là “Chiều Mác Cơ Voa”, nào thơ “yêu cha yêu mẹ yêu ông yêu mười....” Cô em dâu tuôn một hơi cho đã tức, bà mẹ thì lo sợ :

“con ời tai vách mạch rừng nói năng cẩn thận kẻo người ta nghe.” Có dâu chưa đã tức tiếp :

“thì đã có người nghe rồi, cho họ sáng mắt ra biết đâu là đúng đâu là sai.”

Có lẽ sợ cô em ngoan cố này liên lụy cả họ nên ông anh đành im. Một lần hai cháu nội đi học, cô giáo bắt phải làm thủ công dán câu: Bác Hồ vĩ đại, các cháu chưa làm xong thì ông nội xem và nổi giận, gọi con dâu bảo dạy dỗ con và đồng thời rằng la mắng cháu vì mấy chữ cháu làm **BÁC HỒ VĨ ĐẠI!** Mặc dầu đó chỉ là việc vô tình của các con nhưng được dịp cô dâu mỉm cười hả dạ. Bao ảm ức không thể bộc lộ bên ngoài nên có dịp cô dâu đổ lên hai ông anh và ông cha chồng, đôi lúc cô cũng nghĩ mình là con dâu mà ăn nói hỗn hào nhưng không thể làm sao mà có thể nói năng tử tế với bọn vc. Họ có tử tế với ai ngay cả dân tộc mình!

Ngày chồng khăn gói đi học tập theo lời Đảng, người vợ nói với chồng sợ không phải một tháng đâu mình cứ chuẩn bị đi vài tháng...

Rồi một tháng trôi qua, cô em hỏi cha chồng sao chồng con chưa về. Người cha bảo cứ yên tâm, Đảng nói sao làm vậy, cứ chờ vài hôm sẽ được về thôi. Rồi đến khi nghe tin tù cải tạo bị đưa ra Bắc, cô dâu nói với anh chồng:

“Chồng tôi mà không về thì các người đừng đặt chân đến nhà tôi.” Từ đó hình như người anh chỉ đến nhà khi cô em dâu vắng nhà thôi, còn cô em bắt gặp anh chồng đến nhà thì cô dẫn con về nhà cha mẹ ruột. Từ đó để tránh chiến tranh gia đình thì hai phe né mặt nhau.

Trong hơn 5 năm đi tù của người em, hai người anh chưa hề hỏi han cũng không dám đi thăm lần nào.! Những lần ra thăm chồng, người tù cũng không hỏi hoặc nhắc gì đến hai người anh khác lý tưởng đó.

Khi biết chắc chồng mình bị giam ở Thanh Hóa người vợ suốt đêm trằn trọc nghĩ đến chuyện đi thăm. Chuẩn bị hành trang đi thăm. Mua vé tàu ra Hà Nội mặc dù chưa có lệnh cho người nhà thăm. Ông cha chồng muốn đi cùng, con dâu thì không, nhưng đành nhượng bộ vì đi một nơi xa lạ, người dân toàn là kẻ thù đi một mình không tiện nên chấp để ông đi cùng.

Khi đến trại tù Thanh Cẩm; cô trải qua mấy ngày trên xe lửa, một chuyến xe tồi tàn chưa từng thấy trong đời. Đến ga Thanh Hóa phải ngủ giữa trời một đêm, nói ngủ chớ thật ra ngồi ôm mớ hành lý sợ bị cướp vì nghe đồn dân ngoài đó không giống trong Nam. Sáng ra mua được vé xe đò và lên được xe cũng cả vắn đề. Xe chất đầy người và hàng hóa, chạy băng đồi dốc có lúc lội ngang qua cả suối; khi đến một nơi hoang sơ vắng vẻ, xe dừng lại, họ bảo đến nơi. Nhìn quanh không thấy dân cư nhà cửa, nàng dâu hỏi cha chồng trại tù ở đâu sao không thấy, ông nói còn phải đi bộ vài cây số. Nghe mà điếng hồn, nhưng không những vài cây số mà con khiêng đồ... Đi bộ đến gần chiều mới tới nơi. Một lã người nhưng nghĩ sẽ gặp chồng lòng cảm thấy hăng hái. Đến nơi công an (gọi là cán bộ) cho biết chưa có lệnh cho thăm nuôi nên không được phép gặp.

Bây giờ ông cha mới nằng nỉ kể lẽ mấy chục năm chưa gặp con và đề khuyên con cố học tập tốt để nhà nước khoan hồng...vv...

Khi cán bộ ra làm việc, họ cho biết đáng lẽ không cho gặp nhưng cấp trên xét vì nhân đạo, vì để cho gia đình động viên cải tạo viên học tập

tốt nên cho gia đình được gặp 15 phút. “Trời ơi đi đường ba ngày ròng rã mà chỉ cho gặp nhau 15 phút! “

Bà chị họ cùng đi chung để thăm chồng cũng bị tù cùng trại than thở. Người em dâu thì nói: “Bao lâu cũng được miễn có gặp mặt được rồi.” Nói xong cô ngồi bệt xuống đất.

Sau khi xếp đồ vào căn phòng dành cho gia đình thăm, người phụ nữ bước ra sân thở hít không khí se lạnh của xứ Bắc, nàng đi xung quanh sân, thoát thấy bên kia ao lớn có một nhóm người đang lao động, hy vọng có chồng trong số đó nên gọi tên chị dâu thật lớn. Họ gọi nhau nhiều lần thật lớn hy vọng bên kia sẽ nghe nhưng xa quá, cách 1 cái ao lớn rộng quá chắc bên kia không nghe, người phụ nữ nghĩ ra cách, tìm 3 nhánh cây rồi thấp thành chữ T bên kia có tiếng đọc chữ : - tờ, cô tiếp chữ R nhưng vì có 3 nên lui cui một lúc cô ra dấu, họ hiểu được, đáp lại: - R

Mừng quá cô tiếp: - A

Cô chưa kịp làm dấu tiếp, thì đồng loạt : - Trang

Cô khoát tay và lắc đầu lia lịa, rồi cô tiếp : - C...H

May mắn lúc đó khg có cán bộ nào nghe , có vài tiếng nói to: TRACH

Cô mừng quá, hy vọng có người biết chồng mình! Trong lúc vài người đổ dồn về hướng cô, thì có một người lui cui tìm gì dưới đất mà không quan tâm. Lúc đó có vài anh tù khác kéo anh ta và chỉ về phía bên cô. Lúc này người phụ nữ cũng nhận ra ngay dáng dấp của chồng mình nên vỗ tay mừng rỡ. Không hiểu anh ta có hay biết gì không, đúng lúc đó họ tập hợp đi về trại .

Một đêm quá mệt nhưng sao không chợp mắt, cô nôn nao sẽ gặp chồng ngày mai, chuẩn bị đều gì cần nói ... những gì định nói với chồng cô lập đi lập lại mãi cho kỹ và sẽ không quên sót, gần 5 năm mà chỉ 15 phút gặp làm sao nói cho hết những gì muốn nói, nên cô có tập trung để anh yên lòng về quyết định của mình, dù đây lần đầu có thể là lần cuối thăm anh.

Lờ mờ sáng cô đã dậy đi tới đi lui. Mấy tiếng đồng hồ sau 2 tù được dẫn ra, từ xa cô vợ nhìn thấy rõ chồng mình với vóc dáng cao cao với bờ vai ngang và hai tay buông thõng khi đi... Anh ôm quá nhiều, cô dần xúc động. Khi họ đến gần chừng 10 mét thì cô vợ trẻ chạy ào ra và ôm lấy chồng rồi cặp tay tinh bơ đi vào trước mắt cán bộ, khiến họ không kịp phản ứng. Chiếc bàn được để họ ngồi tiếp nhau là cái bàn

dài chữ nhật, cán bộ ngồi đầu bàn, bên trái là chỗ thân nhân và một bên là chỗ cho người tù. Quá nhanh khi cô vợ kéo chồng ngồi sát bên mình làm cán bộ không kịp nói gì! Những gì định nói cô đã nói hết khi vừa ôm chầm anh trước khi ngồi vào bàn, bấy giờ người cha trả bài của cán bộ dạn dò trước đó, người con ngoài tiếng dạ không nói gì thêm. Bên cạnh chị dâu khóc, ông anh ăn vội vàng. Đúng 15 phút cán bộ lục xong quà cáp và 2 tù nhân vác mớ quà lũn thú về trại.

Trên đường về, cha chồng và con dâu hầu như không nói với nhau lời nào. Nhưng trong đầu người cha sau ba mươi năm gặp lại con, ông nghĩ gì? Ông làm được gì với bốn phen người cha trên 20 năm? Và Đảng đãi ngộ gì cho mấy chục năm trời ông theo Bác và Đảng để cống hiến cả cuộc đời mình đến phải hy sinh cả gia đình? Trở lại cuộc sống gia đình họ trước đó.

Người cha vẫn cố sữ thuyết phục con dâu đi kinh tế mới để chồng được về. Cô dâu khẳng định :

“thả chồng về trước rồi mới đi.” Ông cha bảo đi trước rồi nhà nước sẽ thả chồng về. Cô dâu không dằn lòng được nữa :

“VC nói ai mà tin được, mà ba cũng nói vậy thì đúng ba là VC có khác?” Người cha không nản lòng cứ khuyên :

“con và các cháu cứ đi ba má sẽ đi cùng, phụ giúp con và 3 cháu “ Cô dâu không còn nín nữa nên đáp trả:

“Ba nói nếu đi kinh tế mới để đóng góp cho đất nước thì gia đình con có đất có ruộng, con về canh tác đất nhà cha mẹ con.” Người cha vẫn khư khư :

“Đất của cha mẹ con để tập đoàn canh tác, còn con đi khai khẩn đất mới là xây dựng đất nước. “ Cô dâu đáp rằng :

“Con chấp nhận đi kinh tế mới nhưng ba trả lời con câu hỏi của con được thì con nghe lời ba. Thí dụ như nhà nước đã cất sẵn nhà cho gia đình ở rồi, mỗi sáng con dậy lo ăn sáng cho ba đứa cháu 3,4,5 tuổi và ba má chỉ cần nấu cháo trắng ăn thôi, cũng gần hết buổi sáng rồi lo ăn trưa, xong giặt giũ áo quần, lo buổi ăn chiều thì giờ đâu ... để canh tác, chưa kể lúc các cháu nhỏ hoặc cha mẹ già bệnh hoạn đau yếu! Con làm

sao?”

Ông im lặng. Còn ông anh (thứ nhì) Tuyên Huân của Đảng thì luôn mồm cho rằng bên gia đình em dâu là Địa Chủ, tức không dẫn được cô nói:

“Nhờ cha mẹ tôi là địa chủ nên giờ này anh mới còn gặp lại mẹ anh. Từ ngày chúng tôi lấy nhau, đưa mẹ vào Sài Gòn sống, mẹ mới đỡ vất vả, không có gia đình địa chủ của cha mẹ tôi thì ai chống đỡ gia đình 6 người chúng tôi có nơi ăn chốn ở yên lành? " Không đối đáp lại anh chồng nói:

“Thím chỉ còn cách bán bỏ chớ hết cách cải tạo.”

Sau đó phe chiến thắng đưa nhau về Huế mang theo cha mẹ. Một thời gian ngắn sau đó bà mẹ vào lại Sài Gòn thăm cháu nội. Cô dâu tưởng là bà nhớ các cháu nên cũng nguôi giận vì khi bà đã bỏ dâu bỏ cháu đi trong lúc cha chúng đang cảnh tội tù và khó khăn trăm bề.

Đến lúc người cậu chồng từ Huế vô thăm bà. Họ trao đổi mà không đề ý đến cô dâu đang nghe:

“Cô đã cắt hộ khẩu chưa?...cũng may chưa cắt, dượng ấy nhờ tôi vào nói cô đừng cắt hộ khẩu nữa, dượng ấy sẽ vào vì không thể ở với con dâu lớn (dâu cách mạng), nó hỗn và đối xử tệ lắm!”

Từ đó người con dâu "Nguy" để nhà cho cha mẹ chồng ở và mang hai đứa con lớn về ở bên cha mẹ ruột cho con đi học, còn đứa con nhỏ nhất ở lại theo yêu cầu của bà nội; để lại cả tiêu chuẩn lương thực của bốn mẹ con giúp cha mẹ chồng sinh sống.

Mãi đến cuối năm 1980, người tù cải tạo được thả về, gia đình mới đoàn tụ, nhưng sóng gió trong gia đình không bao giờ ngưng. Nhờ có dịp bắt được lá thư ông anh Tuyên Huân gửi cho mẹ, cô dâu mới hiểu lý do bà theo về ở với người con này. Trong thư có đoạn hằn viết:

“Mẹ không việc gì phải ở lại trong đó để làm mọi cho chúng, giữ con không công cho chúng, ở với chúng mang tiếng gia đình Nguy , về ngoài đây để ở với vợ chồng con cho con báo hiếu bao nhiêu năm xa cách không phụng dưỡng mẹ, và khi vợ chồng con có con, mẹ có cháu

vui chơi với tuổi già; ở với con, mẹ là gia đình cách mạng...vv..vv...”
Cô con dâu không dẫn được nữa nên mĩa mai:

"mẹ sống với đứa con Ngụy thì làm mọi nuôi cháu? Còn ở với con cách mạng thì được báo hiếu và chơi với cháu?"

Căng thẳng giữa ông anh chồng và cô em dâu ngày càng trầm trọng. Năm năm sau, 1985 người chồng đi vượt biên và đến định cư tại Cali, ông anh Tuyên Huân thì bị thất sủng, mon men lấy lòng cô em dâu:

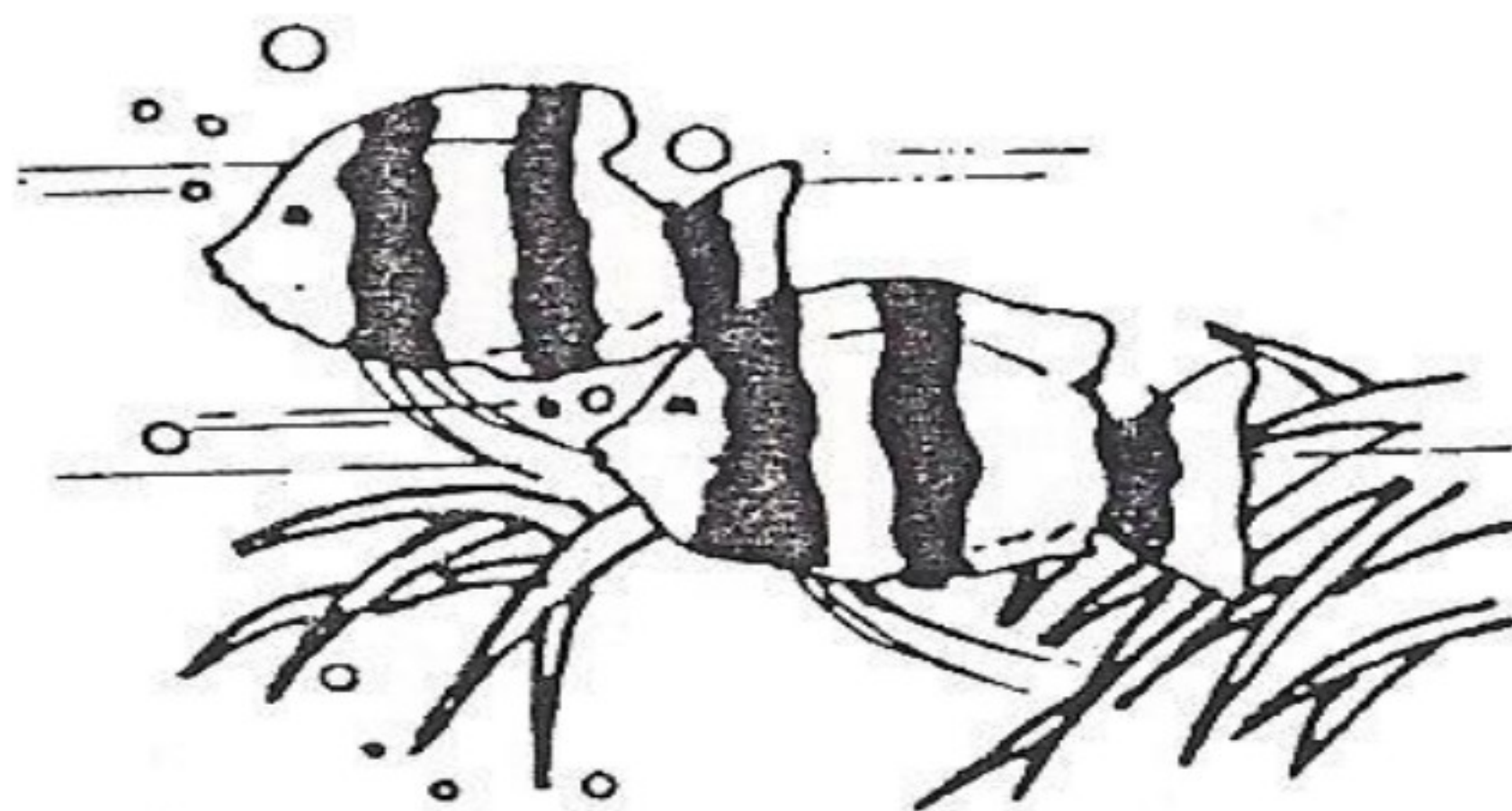
“Anh cũng rất mừng cho em, mừng cho chú ấy đến được Hoa Kỳ.”
Cô em trả đũa ngay:

“Hai kẻ có cùng một kẻ thù chưa hẳn là bạn; kẻ bị chế độ loại và người có lý tưởng tự do không cùng chuyển tuyến được đâu.”

Năm 1990 gia đình “ngụy” được đoàn tụ, khi bà con bạn bè đưa ra phi trường, cô dâu thấy vợ chồng ông anh đứng một góc xa mà lơ như không biết. Cô thầm nói:

“Ngày nào còn cộng sản cô không chấp nhận ông anh chồng việt cộng và không nguôi mối thù cướp miền Nam của bọn họ.”

Tâm sự nàng dâu Võ Bị



Bài viết của một CSVSQ Khóa 31 TVBQGVN

Alpha Đỏ K31

Hợp khoá 49 năm Cách đây Hai mươi tám năm, trước ngày kỷ niệm hợp khoá 31, có một chàng K31 đã viết: “... Cho dù người ta đã mang ta ra khỏi cổng Nam Quan 20 năm về trước, nhưng không ai có thể mang Trường Võ Bị ra khỏi ta trong suốt cuộc đời còn lại...”

Hai mươi tám năm sau, bây giờ là 48 năm, câu ấy vẫn đúng, và chắc chắn sẽ đúng muôn đời không những chỉ riêng K31 mà có lẽ còn đúng với tất cả các NT của các Khoá còn lại của TVBQGVN.

Dù rằng K31 chỉ mới xong "8 tuần lột xác" và đã hãnh diện quỳ xuống tại Vũ đình Trường nhận lãnh Alpha đỏ, chính thức gia nhập đại gia đình VB ngày 15/3/1975. Vận nước nổi trôi, K31 cùng K30 tan hàng tại Huấn Khu Thủ Đức trong ngày 30/4/75, ngày tang thương của cả dân tộc. Với chỉ bốn tháng Quân trường, thì thời gian quá ngắn so với 48 năm dài trôi nổi. K31 chỉ biết nhau qua riêng mỗi đại đội, làm sao mà có thời gian sống gần nhau để biết nhau nhiều hơn những bạn khác không cùng đại đội, thế mà anh em K31 vẫn tương trợ lẫn nhau, vẫn cố gắng liên lạc, thông báo cho nhau mỗi khi tìm được một K31 lưu lạc ở phương trời xa lạ, và ở mỗi khung trời xa cách ấy, bạn bè K31 vẫn tìm đến nhau qua mỗi lần hợp khoá.

Sợi dây vô hình nào đã trói buộc K31 với nhau từ quốc nội cho đến hải ngoại suốt 48 năm dài trôi nổi? Tại Khu tạm trú chẳng!? Có lẽ một phần. Vì Tám tuần huấn nhục ư? Cũng có ... nhiều phần, vì gian khổ có nhau, cùng chia ngọt xẻ bùi!? Cùng Alpha đỏ lấp lánh trên vai, sáng ngời niềm kiêu hãnh? Phải vậy không ta?!? Đúng 5/5. Đây là điều đúng nhất, hãnh diện nhất vì khi được mang danh SVSQ/ K31/TVBQGVN chúng tôi được

mặc nhiên thừa hưởng tiếng thơm muôn đời từ 29 khoá đàn anh, thâm hãnh diện từ những chiến công hiển hách, những tấm gương can trường, lòng quả cảm và nhất là những gương hy sinh oanh liệt của các Khoá đàn anh đã trải dài từ: "...cánh đồng chiêm Việt Bắc, rồi bên con rạch nhỏ Đồng Nai cho đến đám rừng sâu Trung Việt..." trong suốt 20 năm dài trong sứ mạng "Bảo Quốc An Dân" mà Tổ quốc đã trao phó. Chúng tôi cùng một chí hướng, tình nguyện được trui rèn trong gian khổ để rồi được vinh dự là một SVSQ của một quân trường vang danh. Từ những tiếng hò hét của các NT/K28, khoá đàn anh huấn luyện, đến những tiếng "xin thề" vang vọng khắp núi rừng Đà Lạt tại Vũ đình Trường Lê Lợi trong đêm gần Alpha của K31 như vẫn còn vang vọng đâu đây... Tất cả những điều trên chính là sợi dây vô hình kết nối K31 với nhau suốt 48 năm dài lưu lạc. Vì vậy: Người ta có thể mang ta ra khỏi cổng Nam Quan 48 năm về trước, nhưng không ai có thể mang ta ra khỏi Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam trong suốt cuộc đời còn lại. Phải vậy không các bạn K31 thân yêu?

Hẹn các bạn K31 trong ngày Đại Hội Đoàn Kết Võ Bị Toàn Cầu vào cuối tháng 6 năm 2024 tại Nam California.

Alpha Đỏ K31



Bóng Dáng Không Phai

Vũ Thế Khanh K20



***Các anh không đi mất
Các anh Ở Lại
trong Quân Sử Loài Người.***

***từ
Nét Hào Hoa
Tâm hồn Khoáng Đạt...***

***Nói
Làm liền
Có Thành Công Anh Mới Chịu.***

***Các Anh Đi
Ngàn quả bom rơi
Lửa đỏ ngút trời.***

***Các Anh theo lửa
vẽ bức tranh TROÌ
cho ngàn hậu thế...***

SỰ NỬA VỜI CỦA MỘT THỂ HỌA

Đạt Đỗ K29

Kính Quý vị

Tôi viết bài này khi nhớ về tâm trạng và hoàn cảnh lúc đang trong tù, vẽ bức tranh khi bị một cơn đau không tìm ra nguyên nhân.

Chút tiêu khiển bằng văn chương, mong sẽ làm nhẹ bớt mỗi ưu phiền..

Những danh vọng, chức tước chỉ là phù du, chỉ là những nửa vời như cuộc đời binh nghiệp của anh em chúng ta...

Đạt Đỗ

Đầu năm 1987, tôi nhận nhiệm vụ phải vẽ tất cả những bức tường giữa hai phòng của một khách sạn 5 tầng mới xây của khu du lịch K4 Long Khánh.. Khu du lịch K4 này do chính những người tù đủ các thành phần đã xây dựng lên cho bọn quản giáo cai tù.. Quân đội cũng có, sĩ quan cũng một đội, công chức hành chánh, tù chính trị, vượt biên, hình sự đủ cả. Một địa ngục trần gian, ẩn dấu đằng sau những hào nhoáng và lộng lẫy của những công trình, để nó trở thành nơi du lịch...

Tôi đã để lại tim óc, mồ hôi, máu, bệnh tật, thêm vào những nhọc nhằn và đọa đầy của bản thân, của kiếp tù tại chính chốn này.

Tôi đã chơi với sơn dầu, đùa nghịch với màu sắc và cọ vẽ trong suốt nhiều tháng, vẽ thật nhiều cảnh, lắm lắm những người đẹp từ trí tưởng tượng của mình..Tôi đã quên những thực trạng cay đắng tù đầy thiếu thốn mất tự do lúc đó, chìm sâu vào những màu sắc của các loại sơn dầu, vào đường nét của các loại hình ảnh, làm đẹp cho đời và bản thân thì lúc nào cũng lem luốc bẩn thỉu với sơn cọ...

Mỗi người thiếu nữ trong tranh do tôi sáng tác ra chẳng nàng nào giống nàng nào. Nhưng chắc chắn là phải rất đẹp. Đẹp tuyệt trần...

Sao các người đẹp trong tranh đó lại không ghen với nhau, khi họ chỉ có một mình tôi nhỉ !?

Và với EM... người mà đã bắt tôi phải để lại đoạn văn dưới đây, xin lập lại, một tuyệt sắc giai nhân từ những cây bút vẽ của tôi, trong khi đời thật sự lúc đó thì tôi đang trong tù, năm thứ 12, và không có EM thật nào ngoài đời hết cả... lại đang làm khó tôi vô cùng..

Tôi muốn vẽ Em, người thiếu nữ tuyệt trần đang đứng trên Balcony, đầu hơi cúi xuống, tóc xõa gọn hai bên, miệng nhẹ nhẹ cười, đang vươn mình ra ngoài với những ngón tay búp măng non, để hái một bông hoa cắm chướng đỏ thắm rực rỡ...

Em khó lắm, làm eo sách đủ điều với tôi, bắt phải vẽ sao cho gương mặt thật tuyệt trần với nụ cười nhẹ nhẹ nét trẻ con nhưng lại đầy mời gọi. Lúc đó, tôi đang bị những cơn đau kỳ lạ, thỉnh thoảng lại bóp chặt những cơ bắp trước lồng ngực, đau nghẹn thở, hoa cả mắt... Nhưng trong đầu tôi, lúc ấy, cứ bắt tôi phải nghĩ và phải nhớ đến Em. Và phải vẽ được Em.

Nếu không, Em sẽ giận và bỏ tôi...Thành thử, khi chưa vẽ được ra Em, chưa vẽ xong Em, và phải ngưng tay vì cơn đau ngực thốc lên hành hạ, tôi đã gọi là EM NỬA VỜI như trong đoạn văn bên dưới...

Và chắc là tôi được Em yêu nên Em đã phù hộ tôi. ... Tháng 7 năm 1987, tôi được thả ra từ trại tù K4 Long Khánh, gỡ gằn gọn 12 cuốn lịch tù.

Hy vọng sẽ được Tổng hội cùng chia sẻ... và cùng thông cảm...

Những nét lãng mạn ngực tù..

HỌA SĨ VÀ SỰ NỬA VỜI

...Hãy cho Tôi những cảm nhận về Em....

- Chung quanh - Trong ngoài - Trên dưới - Ngang dọc - Em quay cuồng, chập chờn như sao Venus đêm mờ sương và thoảng chốc lại rực rỡ mãnh liệt như chòm Scorpius tháng Tư cháy nắng.

....Em đây - trong Tôi - Em không gian mịt mù - Em thời gian miên viễn - Em với những cảm nhận từ ngũ quan.... Xin cho Tôi được hùng hực say bên những giọt mồ hôi thần thánh, trên từng vuông phân da thịt của Em thiêng liêng - Nơi của những đau khổ và hoan lạc - Nơi của cội nguồn sự sống và di truyền huyền bí - Của hiện tại và vô cùng....

- Tôi yêu điên cuồng thời gian của Rimbaud vì ở đó, Em là hiện hữu và trên tất cả. Tôi không là nhà thơ, càng tệ hại hơn nữa với mớ văn chương rối bời như tóc em trong gió... Nhưng với Rimbaud hay Baudelaire, Tôi và tên sát nhân dường như đã giống nhau trong khoảnh khắc thời gian gần về sáng... Tên sát nhân muốn giết người khác, còn Tôi đang tự giết mình trong cuộn cuộn những nỗi dằn vặt ngốc nghếch, quẩn quại trong cơn đau thể xác, trộn lẫn thật tuyệt diệu với nỗi thèm khát được bộc lộ bằng tư tưởng....

- Và trong cả những cụ thể - Ở Tôi - Và ở cả nơi Em...

Những khát khao cháy bỏng hòa hợp - Hãy cho Tôi tan trong hư vô và nhập vào bóng em lung linh....

**Trong sắc loãng của không khí - Em mọi nơi - mọi chỗ - Ăn ngủ nghỉ thở - Hiện thực và trù tượng - Là Dạ Xoa nhiều nanh hay trinh nữ Frinat kiêu diễm của Da Vinci !!!???
...Tôi yêu vô cùng sự lẫn lộn nhiều mát mát và lấm thừa thối này...**

Gót phiêu bông lãng đãng đi tìm Em nơi mù khơi. Tôi với nửa đời âm u và ngay lúc thật hiện tại của nửa đời sau đây khát

vọng tìm kiếm.....

...Lacrime Christie. Em trong suốt như thể đáy bể bù đắp trong Tôi những nhót nháp bản thủ từ thể xác đến cực đáy của tâm hồn. Em - Tôi - Hoàn toàn là những nghịch lý - Giữa thánh thiện và hiện tục - Giữa dịu dàng và thô bạo - Nhưng Tôi cần Em - Khát khao cần Em - Bằng màu sắc và đường nét, bằng nghĩ suy và từng hơi thở căng căng động mạch - Em đang hiện ra - từ từ hiện ra...len lén - khe khẽ - lấp dần những mảng tường lạnh lẽo...Cái gì cho Em từ mớ chai lọ linh kính này để thành một thể họa hoàn chỉnh và tuyệt diệu nhất - Tuyệt sắc của vô cùng !?...

... Có phải từ màu sắc - Đỏ - Xanh - Vàng - Màu nóng hay lạnh !? Phần nào cho Em từ Tôi ? Đúng phải là một sự lựa chọn vĩnh cửu. Tôi muốn điểm màu thời gian lên mái tóc mượt dài để Em thương yêu mãi mãi là của riêng Tôi, nhưng lại ngập ngừng chưa xót với ý nghĩ tàn nhẫn ấy - Ôi - Màu sắc của hủy diệt, của những mất mát muôn đời..

Em phải là của Tôi - Của riêng một Tôi - Mãi mãi - Tôi tin thế - và mãnh liệt tin như thế...Em phải hiện ra dưới nét bút cọ mềm từ bàn tay Tôi nhám nhúa lem luốc...

- Em phải là một tổng hợp tuyệt vời của những cái đẹp. Đúng.

.....Em phải tuyệt vời trên cả mọi sự.....

Tôi vẫn đứng đây với những cảm nhận nham nháp của gai lười khô khốc vì cơn khát nước. Những cơn đau thốc từ lồng ngực đã kéo thật thô bạo bản thân vượt ra khỏi sức mạnh của sự sáng tác, ném nặng nề vào thực tế, như muốn chiếm đoạt Em từ Tôi...Hình như trong mênh mang cơn đau, Tôi mơ hồ nhận được sự dễ chịu. Rất dễ chịu...

Không phải chỉ từ tiếng nhạc êm ái trong vùng không gian chữ nhật hút dài này, mà hình như ở một cơn say. Phải. Một cơn

say màu sắc . Ngây ngây - Choáng váng. Hãy quên đi cơn đau bệnh lý. Hãy giúp tôi. Em nữa vời ời...Em vẫn còn đây kia mà. Hãy lấy đi khỏi hồn Tôi những gì Em không muốn.... Từ khoảng không gian chật hẹp đồng bộ này, Em hiện ra đi để bắt Tôi phải tạo được nụ cười nơi bờ môi xinh. Lấy đi em, từ mười ngón tay gầy guộc khẳng khiu này như một phương tiện để hiện ra Em đẹp nhất, kết chất hồn bằng màu sắc của tư duy...

.... Đừng bắt Tôi phải dùng màu đen âm u. Đừng để bên Tôi còn có loài người...

Đừng của muôn thuở những chữ Đừng. Em nhé...

HOMO LUPUS HOMINI ...Chỉ cần Em bên Tôi - duy nhất Em, một thực thể kỳ diệu, tách rời hẳn quy luật sống chết nghiệt ngã....

Chỉ một Tôi có Em. Và riêng Tôi bên Em



CẢM TƯỞNG VỀ QUÂN TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Bùi Thức

(Cựu Trưởng Khoa Khoa Học Xã Hội Khối Văn Hóa Vụ)

Đời lính 24 năm của tôi bao gồm gần 13 năm phục vụ tại các quân trường.

Năm 1959 tôi được chuyển từ Phòng 3 Quân Đoàn I về làm huấn luyện viên ban Tham Mưu tại Trường Đại Học Quân Sự (đường Võ Tánh, Phú Nhuận). Qua năm 1964, sau thời gian học ở Đại học Văn khoa Saigon, tôi về Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam làm giáo sư văn hoá vụ. Tôi đã phục vụ dưới quyền năm vị Chỉ Huy Trường là Thiếu Tướng Nguyễn Văn Kiêm, Đại tá Trần Văn Trung, Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận, Trung tướng Lâm Quang Thi, Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ và bốn vị Văn Hoá Vụ Trường là Trung tá Ngô Văn Dzoanh, Hải quân Đại tá Nguyễn Vân, Đại tá Nguyễn Văn Huệ, Trung tá Nguyễn Phước Ứng Hiến.

Khi tôi mới về chương trình xây cất từ năm 1961 chưa hoàn tất. Bộ Chỉ Huy chưa xây xong. Văn phòng Chỉ Huy Trường còn ở trên lầu Nhà B, Văn phòng Văn Hoá Vụ Trường và Phòng Điều Hành VHV ở trên lầu nhà A. Sau mười năm nhà trường đã có thêm những cơ sở lớn mà các đại học bên ngoài mong ước như Nhà Thí Nghiệm Nặng, Nhà Văn Hoá Mới, Phòng Ấn Loát và Thư Viện. Giáo sư đoàn lúc đầu khoảng trên dưới ba chục người, không có phòng làm việc riêng, ngoài giờ đây chỉ tụ họp nhau tại một phòng dưới lầu nhà A. Tới năm 1972 thì Tổng số giáo sư đã lên tới 160 người, các Trưởng khoa đã có văn phòng riêng và mỗi giáo sư cũng có một bàn làm việc tại Nhà Văn Hoá Mới, Nhà A, nhà H.

Chương trình giáo dục văn hóa từ 2 năm đã đổi thành 4 năm. Với

tư cách là trưởng khoa tôi đã tham gia vào việc sửa đổi chương trình văn hoá nói chung và các môn học về nhân văn xã hội nói riêng, nhất là các môn học có liên hệ với lịch sử và văn hóa Việt Nam. Sử gia Đại tá Phạm Văn Sơn đã được mời cộng tác trong việc biên soạn những bài quân sử Việt Nam qua các triều đại.

Tôi đã tham dự nhiều Lễ Truy Diệu rất xúc động và nhiều Lễ Mãn Khóa rất hào hùng tại Vũ đình trường Lê Lợi. Tôi đã nhìn thấy những tân sĩ quan hãnh diện mang quân phục của binh chủng Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Lực Lượng Đặc Biệt ngay sau lễ mãn khóa vì đã chọn được những đơn vị chiến đấu này. Tôi thấy hồ thẹn khi nhớ lại năm 1952 lúc ra trường tôi buồn vì không được chọn về các bộ tham mưu mà phải vào miền Trung theo đơn vị tác chiến. Tinh thần hăng say của các SVSQ sau những năm tháng được đào tạo tại TVBQGVN quả thật là phần thưởng xứng đáng cho tất cả những ai đã đóng góp vào việc huấn luyện. Tôi cảm thấy ít nhiều an ủi khi nghĩ mình đã không trực tiếp chiến đấu ngoài chiến trường.

Tôi đã chứng kiến sự thăng trầm của TVBQGVN trong hơn mười năm. Tôi rất vui mừng trong ngày khánh thành Nhà Thí Nghiệm Đào Thiện Yết, Nhà Văn Hóa Mới, Thư Viện. Tôi không bao giờ quên nỗi xót xa khi được lệnh chuẩn bị di tản. Trên đường rút lui tôi còn nghe thấy tiếng mìn nổ phá huỷ những cơ sở quan trọng của nhà trường. Với trách nhiệm xử lý thường vụ chức vụ Văn Hóa Vụ Trưởng tôi đã cùng các sĩ quan giáo sư VHV theo đoàn quân di chuyển khỏi Dalat. Trên đường di tản tôi đã thấy rõ tinh thần kỷ luật rất cao của các SVSQ. Tôi cũng nhận ra tình huynh đệ thiết tha khi thấy các cựu SVSQ với chức vụ Liên Đoàn Trưởng Biệt Động Quân và Thiết Đoàn Trưởng Thiết Giáp đã điều động đơn vị của mình cùng hợp lực mở đường đưa "các cùi vố bị" đàn em về đến Bình Tuy an toàn. Tôi đã tham dự lễ mãn khóa "bất đắc dĩ" của hai khóa 28 và 29 tại Trường Bộ Binh Long Thành, một lễ mãn khóa "bi thảm" nhất trong lịch của TVBQGVN. Tôi cũng đã có mặt tại Liên Trường Võ khoa Thủ Đức khi Đại Tá Lộ Công Danh nhận được công điện xử lý thường vụ Chức vụ Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN.

Nhưng tôi đã "may mắn" vắng mặt lúc Liên Đoàn SVSQ thực sự tan rã vào ngày 29 tháng 4, may mắn vì không phải chứng kiến cảnh tan hàng quá đau đớn này.

Trong những năm tháng lưu đầy từ Nam ra Bắc sau này tôi đã ở chung trại với nhiều cựu SVSQ. Tôi lại thêm một lần nhận ra tình huynh đệ thấm thiết giữa các khóa, đàn anh làm gương cho đàn em, đàn em thực tình kính trọng đàn anh. Tôi đã gặp lại những học trò cũ của mình và sung sướng hơn nữa khi thấy một vài cựu sinh viên các khóa trước khóa 20, những người không học với tôi, cũng thân mật gọi tôi bằng thầy. Tôi đã nói là chỉ xin nhận lời xưng hô này như một danh xưng nghề nghiệp. Khi bị giam ở Trại 6 Nghệ Tĩnh tôi đã viết một bài thơ dài trong đó có đoạn như sau:

Sư đệ tình xưa còn nghĩa nặng
Áo thun, bánh sắn, nửa viên đường
Dăm viên thuốc bệnh, câu thăm hỏi
Điều thuốc say nhiều ý xót thương

Xót thương cho thân phận tù đầy của cả thầy lẫn trò. Xót thương cho cảnh nước mất nhà tan. Xót thương cho bạn bè đã ngã gục trong các trại tập trung từ Nam ra Bắc.

Đời lính của tôi dài 24 năm. Kể từ ngày giã từ vũ khí cũng đã 24 năm qua. Tôi không thể nào quên những ngày làm việc ở TVBQGVN. Không những chỉ riêng tôi, người có hơn mười năm tại trường, mà ngay cả những bạn cũ của tôi, những sĩ quan trừ bị hoặc giáo sư dân chính chỉ làm việc tại đây trong một hai năm cũng vẫn không quên quãng ngày tươi đẹp đó nên chúng tôi đã họp nhau lại thành Gia Đình Cựu Giáo Sư Văn Hoá Vụ có sinh hoạt thường xuyên.

Nếu tính từ khi được chuyển về TVBQGVN thì đã 35 năm qua. Tôi vẫn không quên được HƠN MƯỜI NĂM làm việc tại nơi mà các "cùi vố bị" thân thương gọi là Trường Mẹ. Kỷ niệm về sự tiếp xúc đầu tiên của tôi với SVSQ là một đêm trực

có nhiệm vụ dẫn SVSQ đi tuần bên ngoài vòng đai nhà trường. Mới về tôi chưa rành đường đi từ phía sau Phan Xá SVSQ ra cổng Tôn Thất Lễ, đi vòng qua hồ Mê Linh về cổng Lý Thường Kiệt vào khu Quang Trung và trở về khu Lê Lợi. SVSQ toán trưởng đã dẫn tôi đi hơn là tôi dẫn anh em đi. Ngoài ra còn một kỷ niệm buồn đau không sao quên được. Trong thời gian SVSQ khoá 19 theo học lớp Rừng Núi Sinh Lầy ở Dục Mỹ Nha Trang một tai nạn về mìn đã xảy ra làm thiệt mạng ba hoặc bốn SVSQ tôi không nhớ rõ. Tôi là một trong số mấy sĩ quan cấp đại úy được cử đi Dục Mỹ nhận quan tài đem về Saigon để thân nhân làm lễ an táng. Về tới nơi tôi mới biết SVSQ xấu số Nguyễn Thế Long Trọng là cháu gọi tôi bằng chú họ. Lúc đó tôi không biết phải nói sao với bà chị họ mà đã lâu tôi không gặp.

Cuối năm 1998 khi được mời tham dự Lễ ra mắt Hội Cựu SVSQ-TVBQGVN San Diego tôi rất xúc động khi nghe Cựu sinh viên Vũ Xuân Thông Khóa 17 đọc bài chiêu hồn tử sĩ :

Chiến sĩ trận vong!
Phút chốc! Liệt vị đã trở nên người thiên cổ
Sự nghiệp đang công theo đuổi
Thôi cũng đành gián đoạn nửa đường
Lúc quốc thù chưa gột rửa
Chí làm trai chưa toại mộng hải hồ
Thì hận tuyền đài làm sao ngăn được dòng huyết lệ?
Chiến sĩ trận vong!
Hãy trở về chứng giám
Ngày mai đây, một đoàn trai sẽ hăm hở lên đường,
Nổi chí tiền nhân, làm tổ quốc non sông thêm tỏ rạng
Chiến sĩ trận vong!
Có linh thiêng hãy chỉ lối đưa đường.
Hay nung nấu tâm can chúng tôi bằng ngọn lửa thiêng truyền
thống.

Không khí của Lễ Truy Diệu như phảng phất đâu đây. Tôi tin rằng khi nghe được những lời chiêu hồn này tất cả những ai đã từng làm thầy hay làm trò tại TVBQGVN đều không khỏi bồi

ngươi nhớ lại những tháng năm xưa và không khỏi xót xa nghĩ rằng quân trường cũ hiện nay đang nằm trong tay những người đã và đang đem lại đau thương cho nhân dân cả hai miền Nam Bắc Việt Nam. Đoàn trai hăm hở ngày nào giờ đây trẻ nhất cũng đã vào tuổi "tri thiên mệnh". Những người già đã quá tuổi "cổ lai hi". Tất cả thiết tha mong cho "Tổ Quốc Non Sông thêm tỏ rạng" nhưng phải chăng giờ đây chỉ còn biết "mài kiếm dưới trăng"?

Tôi xin tạm ngưng những dòng hoài niệm và thiết tha mong sao những Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu sẽ được "chỉ lối đưa đường" để nối tiếp sự nghiệp cha ông đang còn dang dở.



**Nhà Thí Nghiệm Nặng
Đào Thiên Yết**

Kính Gởi Các Anh Từng Xuất Thân Trường VBQGVN

***...Bỗng một ngày đột ngột trời xập xuống ...
các anh buông tay súng !
Chúng mình bàng hoàng ...
Sự thật đây ư ???
Bao nhiêu lần chiến thắng!
sao nay lại hàng???
Những anh hùng mạc lộ,
biến thành đám tù binh,
Bao tử nhục kèm theo uất hận.
Cố lê chân đi hết đoạn đường trần
Nỗi đau này thấu tận trời cao
Cũng may...Cuối đường hầm còn có ánh bình minh!
Cùng số phận , các anh ơi , cùng số phận
Hãy cùng nhau sát cánh bên nhau!***

**AoThu
Cali, tháng 6/2023**

CSVSQ Trần Quý Tường K24

(Sáng tác nhạc phẩm để cổ động cho đại hội Thống Nhất 2024)

-Tình võ bị (39) Tình Võ Bị - Album 5 - TÌNH- KHÚC TRẦN - QUÝ - TƯỜNG -
YouTube



https://www.youtube.com/watch?v=IQ_uXSolqw8

Tình Võ Bị

Trần-Quý-Tường
Đà-Bị-Khu-Vũ

Em hỏi anh, một thời ai - pha đôi, muôn tự hào, làm đẹp ước trăn
Ai chẳng đau, khi mộng ước không thành, Bao đời còn, gìn chặt trong tim
thế. Không điều gì, với Võ Bị, là không thể, Lý tưởng không
nóng. Nghe ngắm ngời nghe đất trời, bằng quay cuồng Thế cuộc xoay
còn, anh cảm nghĩ thế nào? Có những đêm dài, thao thức, gần gũi nhớ
chiều, cuộc đời bằng cơn lành. Có những đêm nằm, mơ thấy, sống như sống

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

bạn. Từng cái tên, làm ray rứt, vô ngần. Những cái
 lại. Từng chiến công, làm khiếp đảm, giặc thù. Bao chiến
 chết, kiên hùng danh bất khuất, Ngậm ngùi đau, khi vạm nước chợt
 dích, oai hùng ghi sử sách, Bụng ngời thay, Vô Bị đất Việt
 can. Trong cầm tay, anh còn được những gì? Nhiệt huyết còn
 Nam. Nổi vồng tay, kết ánh chung vô bị. Chia xóc khổ
 đây, mà sức không, kham nổi đường dài. giờ chỉ còn, tình đồng môn vô
 đau, đau dặt nhau, qua những nhọc nhằn. Ai - pha đỏ, niềm tự hào vô
 bị. Nổi vồng tay, làm nồng niềm tự hào không phai. Ai chẳng...
 Bị. Mỗi ngày can, muốn đời ánh trường mẹ chầm sâu.
 sâu. Tình, tình Vô Bị, là ánh keo son, Trăm chiến trường nào dặc thân mình
 Giải cứu cho nhau vượt qua hiểm nguy chia xóc ngọt bùi
 ngàn đời yêu thương

CSVSQ Trần Quý Tường K24

(Sáng tác nhạc phẩm để cổ động cho đại hội Thống Nhất 2024)

- (39) Nổi Lại Vòng Tay Võ - BỊ - Album 6 - TÌNH - KHÚC TRẦN - QUÝ
- TƯỜNG - YouTube



<https://www.youtube.com/watch?v=IWgtxzkEICA>

March **Nổi Lại Vòng Tay Võ Bị** *Trần-Quý-Tường*

Này bạn ơi! quê hương ta _ chìm đắm trong điêu linh, Đời của
ta gian truân, lạc loài trên khắp chốn địa cầu. Lời thề năm
xưa, còn lưu giữ _ trong trái tim mình, thì bạn
ơi! **Nổi lại vòng tay Võ Bị** khắp năm châu. Về đây, về
đây **Võ Bị** ơi! ta xum họp một nhà, về đây, về đây, ta ôn ký ức ngày

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

xửa, Tình đồng môn, Tình Võ Bị thiết tha gắn bó một thời, Nối lại vòng
 tay, Võ Bị tình thân ái đậm đà. Bao năm qua mẹ từng dạy dỗ đàn
 con, Từ thuở ề a, thơ sinh ngày thơ đời lính. Mẹ dạy
 ta kiến thức vào đời, dạy ta tư tưởng, Dạy luôn chí hùng, yêu quê -
 hương, tự hào là con cháu Lạc Long. Cùng trường
 mẹ, cùng chung lý tưởng, niềm tin tự thắng Với tự hào, Võ Bị Quốc
 Gia Chấn sa trường, chẳng bỏ anh em, Sao làm ngơ, tiếng gọi đoàn
 viên. Về đây thôi, quên hết hiểm nguy, Góp bàn
 tay, chung nhau xây đắp Tổng Hội, Căn nhà Võ Bị, kết nối tình
 thân, tranh đấu cho độc lập tự do, để vinh danh quang phục quê hương

D.C. al Fine

Việt.

CSVSQ Trần Quý Tường K24

(Sáng tác nhạc phẩm để cổ động cho đại hội Thống Nhất 2024)

(39) Chưa Phai Đời Lính - Album 6 - TÌNH - KHÚC TRẦN - QUÝ -
TUỜNG - YouTube



https://www.youtube.com/watch?v=_bWEec3IM98

Chưa Phai Đời Lính Trần - quý - Tường

Slow Surf

TỜ, thưở lên lên, tôi đi mở đời lính, Dáng dấp oai
Lòng, đây xót xa, khi nhớ tới đời lính, Ngày tháng đông

hùng, của người trai, xông pha nơi trận tuyến. Chiến tích rạng
đầy, những kỷ niệm, quê hương trong lửa khói. Ký ức oai

ngôi., CHAR - LIE, AN - LỘC, làm gương soi đời mình, Cùng, niềm tự hào, là con cháu RỒNG
hùng, cùng chiến công làm, rạng danh đơn vị mình, Với, niềm tự hào, là chiến sĩ hùng

TIÊN. Rồi quê hương, kêu gọi, cứu nguy lên đường, Giã, từ rách
anh. Đời quân nhân, vốn là, sống nơi sa trường, Sống, đời trai

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

đàn, tôi trở thành người trai lính chiến bước chân trái dài theo dấu giặc hung
hùng, hiến dâng tuổi xuân cho quê hương. Bước chân phiêu bạt trên những đồng hoang

thân, Diệt rai lang, mang an bình báo vệ quê hương. Quê, hương làm
thân, Bằng ngạo nghễ, mang chí hùng báo vệ nhân dân. Quê, hương diêu

nguy, rồi quê hương, tan tành. Tôi, trở thành, dân hủi vong, nơi đất khách, Buông, bỏ rưng
lính, mang đến những, kinh hoàng. Đời lính trận tan trôi theo cơn gió lốc, Dân chạy lánh

đạn, rồi sống trong, ngậm ngùi. Đứng, nhìn dân ta, khổ đau thống trist, Lính, đánh thuyền
nạn lính sống trong, bằng hoàng. Đau còn giương cờ, làm sao vững bước, Sống, sống làm

nan, dân bỏ nước ra đi, Trời đặt làm mỗi cho hải tặc cùng sóng dữ. Là quân
sao khi tổ quốc mất đi Đất trời sụp đổ, cho cuộc đời người lính chiến, Đánh lia

nhân, khi tổ quốc không còn sao chiến đấu Trời, tìm muốn phiêu, vì bốn lính vẫn chưa
xa, rồi quê hương ngậm ngùi trong tiếc hối, Đau, hận ngập lòng vì quê hương mất trong

phải, Đau, là quân nhân, nhìn quê hương, trong tay giặc thù. Đau, vì bạn
tay,

bè, còn sống trong ngục tù, Đau vì giặc thù, dụng tâm bán nước, Đau vì bốn

lính vì quê hương, vẫn sống trong tim,

Ký Sự Về Những Ngày Hẹn Bạn Của K27 Tại Thành Phố Houston

Thanh Thảo K27/1

Đã mấy năm rồi các anh K27 chưa có dịp tề tựu lại với nhau, nỗi niềm khao khát được gặp lại bạn cũ, được ngồi lại bên nhau để ôn về bao kỷ niệm của thời thanh xuân, những năm tháng nơi quân trường, đã khiến cho các anh quá sốt sắng ghi tên tham dự, khi nghe các anh chị ở Thành Phố Houston có nhã ý đưa ra chương trình họp bạn.

Chưa lúc nào chúng tôi thấy các anh hăng hái ghi tên tham dự một chương trình họp bạn như lần này. Có lẽ vì bị hạn chế mọi sinh hoạt do đại dịch gây ra quá lâu! Các anh không có dịp tổ chức họp khóa như thông lệ, cho nên lần này không ai muốn bỏ qua những ngày hội ngộ mà các anh chị ở Thành Phố Houston muốn tạo cơ hội gặp gỡ, nhắc nhớ là chỉ họp bạn, không phải họp khóa.

Ngày nào chúng tôi cũng nghe các anh gọi thăm dò nhau, nào là :

"Mua vé máy bay chưa ?"

"Cho tao lịch trình chuyến bay....v....v..."

Rồi ngày vui đã đến. Những ngày giữa tháng Mười, không khí của thành phố Houston bỗng trở nên dịu dịu mát mát như đang đón chào những khách ở phương xa.

Các anh K27 vùng Houston quá thiện chí đã tất bật phân công nhau đi đón từng người đến từ 2 phi trường khá xa với những giờ giấc cách biệt, từ sáng sớm đến nửa đêm. Các anh chị thêm bận rộn khi phải phân chia nơi nghỉ ngơi cho tất cả mọi người. Có 5 tổ ấm cột trụ nơi đây là gia đình anh chị Phạm Ngọc Uy Vũ, anh chị Hồ Doãn Thuận, anh chị Trương Văn Hơ, anh chị Lê Ngọc Trường và anh Bùi Văn Huột phải đảm nhiệm việc xếp đặt chỗ ở cho hơn 20 thành viên. Nhìn các anh trong ban tổ chức phải chạy ngược chạy xuôi quá vất vả, tôi thấy thương và cảm phục cho tấm chân tình mà các anh đã dành cho bạn đồng khóa.

Lần lượt từng đôi, từng đôi, kẻ đến trước, người đến sau, hẹn gặp nhau ở nhà anh chị Vũ trong sự reo vui chào đón, hỏi han rồi rít. Điều may mắn và hạnh phúc nhất là đến tuổi lão niên mà thành viên nào cũng có đôi, không ai đơn lẻ, nên đã làm tăng thêm không khí ấm áp cho những ngày hội ngộ. Các anh thì đua nhau cười nói với những trận cười không dứt. Còn nhóm phụ nữ chúng tôi, phải ghi nhận là khẩn khít hơn cả các anh, chúng tôi quây quần trong bếp ấm, mỗi người một tay để đưa ra những món ngon thật đậm đà cho các anh nhâm nhi bên những chai rượu, bia được khai ra tới tấp. Điều này giúp cho các anh có thêm cảm hứng, đua nhau kể say sưa về những câu chuyện vui, hay những câu chuyện mà sau hơn 50 năm mới được giải mật! Những câu chuyện của các anh không bao giờ có đoạn kết.



Ngày kế tiếp chúng tôi được mời đến gia đình của anh chị Trương Văn Hôn, các anh chị đã bày biện ra bao nhiêu thức ăn ngon. Đặc biệt hơn là được anh chị Phan Văn Thọ mang thịt bò từ Omaha, một địa danh nổi tiếng về thịt bò ngon. Anh Thọ đã biểu diễn tài ướp nướng thịt bò thơm ngon, mềm mại để cho mọi người cùng thưởng thức.

Suốt những ngày ở đây chúng tôi được ăn không ngừng nghỉ. Trước nhất là tận hưởng những ngày tề tựu bên bếp ấm gia đình của nhà anh chị Vũ, để được tha hồ cười nói và thưởng thức những món ăn ngon, nhất là món Bún Bò Huế của chị Sáu, phở Pasteur. Kế tiếp là tới nhà anh chị Hôn để được dùng những món ăn không thể nào quên được, như món Cà ri của chị Trường nấu, thịt bò Omaha do anh Thọ ướp nướng và món Bánh Ít mặn và ngọt do chị Hôn gói thật ngon.



Trong lần hội ngộ này chúng tôi ghi nhận có sự tham dự của các anh chị : Đỗ Khắc Mai, Trần Văn Hồ, Phạm Thanh Minh, Nguyễn Ngọc Doanh, Hồ Công Danh, Cái Hữu Sáu, Thân Phi, Phan Văn Thọ, Lưu Đình Cương, Trần Minh Tuấn, Nguyễn Tấn Long, Ngô Tái Hiệp , Quy Thiên Quang, Trần Quang Thành. Đây là lần đầu tiên tôi được gặp và tiếp chuyện với anh chị Trần Thế Thúy, đến từ Vancouver, mà các anh nói đùa là anh này lặn sâu quá! lặn đến hơn 40 năm mới nổi lên. Có một thành viên của khóa, tôi được gặp anh trong bộ áo chemise trắng, nhìn rất là chỉnh tề mà tôi đã nghe các anh gọi anh là Sumaco. Tôi cũng không hiểu sao anh được hân hạnh có cái biệt danh này? Và đến giờ tôi cũng chưa được biết quý danh của anh? Thêm một nhân vật nữa, tôi cũng được gặp anh lần thứ nhất, dáng anh cao và gầy, tôi được biết tên anh là Huy, đến từ đâu tôi không nhớ rõ? Bên cạnh đó, không thể nào không nhắc đến sự góp mặt của một đôi uyên ương quá dễ thương, luôn sát cánh với các anh chị K27 trong mọi sinh hoạt, chúng tôi đã thân thương dành riêng cho đôi uyên ương này một KHÓA: Hải và Chi K32 .

Cái không khí rộn ràng, chờ đón gặp lại bạn cũ sau bao nhiêu năm xa cách, làm cho các anh như trẻ lại, như đang trở về và sống lại những tháng ngày của thời niên thiếu. Các anh đùa nhau mà nói, kể về những kỷ niệm, những mẩu chuyện vui buồn, những nhọc nhằn, đôi khi có những oan ức trong 4 năm nơi quân trường mà các anh không thể nào quên được. Tôi phải khâm phục trí nhớ của các anh quá minh mẫn,

chuyện hơn nửa thế kỷ rồi vậy mà các anh nhớ từng chi tiết, kể lại như những sự việc mới vừa xảy ra.

Chúng tôi phải tuyên dương và tri ơn các anh chị trong ban tổ chức đã quá khéo léo và chu đáo, đã đưa chúng ta đi một vòng Thành Phố Houston từ phố Việt đến phố Tàu. Sau mấy ngày vòng quanh với thức ăn khắp miền, các anh chị đã đưa chúng tôi trở về những món ăn thuần túy của quê nhà. Chúng ta có thưởng thức bao nhiêu hương vị lạ, nhưng không thể nào quên được hương vị độc đáo của món Canh Chua và Cá Kho Tộ mà chúng tôi đã tìm lại được nơi Quán Ngon ở Phố Việt. Sau cùng là đến với buổi dạ tiệc nơi nhà hàng Jasmine ở khu phố Tàu. Nơi đây có món ăn ngon, được thưởng thức chương trình Văn Nghệ để hát cho nhau nghe những tình khúc thời chinh chiến thật lãng mạn pha lẫn những tình khúc rộn ràng, tươi trẻ. Các anh đã hát, đã đưa cho chúng ta tìm lại một khung trời kỷ niệm quá thân thương, đầm áp trên quê hương VN dấu yêu. Dù hai phương trời cách biệt, nhưng những âm vang và hình bóng quê hương vẫn luôn vương vấn mãi trong tâm trí chúng ta.



Xin cảm ơn các anh chị vùng Houston đã tổ chức thật hoàn hảo cho những ngày bên nhau thật vui, thật hạnh phúc. Nhưng thương cho các anh chị phải thu dọn những bài chiến trường mà chúng tôi đã quây tung tổ ấm của các anh chị sau 4 ngày vui chơi. Tôi cũng bắt gặp nét bơ phờ trên gương mặt của các anh, khi đã tiễn đưa những người bạn ra về mà người ở lại quá nhọc nhằn, mệt mỏi.

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

Các anh đã ngoài tuổi thất tuần, làm sao có thể giữ được nét năng động của những ngày tháng cũ! Nếu có những lần hội ngộ kế tiếp, các anh có thể nào tránh cho bạn mình bớt đi phần nào nỗi vất vả ...

Nhìn các lão tướng tóc bạc phơ mà cười đùa như thuở thanh xuân, tôi thầm cầu mong cho các anh còn có được nhiều lần hội ngộ như thế này nữa vì biết rằng chặn đường sắp tới sẽ còn quá ngắn.

Chúc bình an và sức khỏe cho tất cả các anh chị.



Thanh Thảo (Cỏ Xanh)
(Chị Hồ Công Danh K27)
Tháng 10-2023

Sống để làm gì

Phạm Kim Khôi K19

Sống để làm gì sinh ra rồi chết
Để trả nợ đời chứ để làm chi
Từ lúc chào đời hãy nhớ lại đi
Chín chiều ruột đau trông về quê mẹ (1)

Sống giữa quê hương hưởng đầy ân huệ
Giữ nước giữ nhà bằng máu bằng xương
Chiến sĩ hy sinh gian khổ sa trường
Bao thế hệ đã đắp bồi sông núi

Nhờ bạn nhờ thầy học hành tấn tới
Trong bình an được mở lối vô đời
Nợ sách đèn một trường học không thôi
Cả trường đời đã giúp cho thành đạt

Sống để làm gì còn làm gì khác
Hơn là đền đáp lại những ơn sâu
Mà tha nhân đã hỗ trợ từ lâu
Một kiếp người có khi chưa trả hết

*(1) Nhớ ơn chín chiều: sinh thành, ru rín, vuốt ve, bú mớm,
Chăm sóc, dạy dỗ, yêu thương, khuyên bảo, giúp đỡ.*

CON ĐƯỜNG HỌC HỎI VÀ HÀNH NGHỀ TỬ VI – BÓI TOÁN

MM

(Cam Vũ - Lê Thành K26)

I - HỌC TỬ VI TRƯỚC 1975:

Từ năm 15-16 tuổi, vì say mê môn Tử Vi Đẩu Số mà không tìm được thầy dạy, MM chỉ còn cách mua sách về học. MM không có cơ hội đọc được nhiều sách như sau này, và nhất là bây giờ, thế kỷ của internet, nên lúc đó chỉ tập trung vào có 1 quyển Tử Vi Đẩu Số Tân Biên của Vân Đằng Thái Thứ Lang (VĐTTL). Có thể chính nhờ vậy mà không lạc vào rừng tử vi mệnh môn, nhưng rồi cũng chỉ dừng lại ở chỗ giải tử vi bằng cách mở tự điển để ghép sao.

Thói thường, một người sinh viên khi mới học y thì tưởng rằng khi trở thành bác sĩ mình sẽ chữa được hết mọi bệnh. Một thầy tu khi mới tu cũng hay mộng tưởng rằng mình có thể phổ độ chúng sinh, cứu rỗi các linh hồn ... Người mới học tử vi thì cũng hay thần thánh hoá và có những trông đợi những điều ngoài giới hạn của tử vi. Đây cũng là tâm lý thường tình người mới bước vào chưa thấy bề học mệnh môn. MM cũng không ngoại lệ .

Do đó MM đã thường hay hăm hờ “phán” bậy bạ theo cảm tính của mình.

Nhưng không biết có phải do Tổ đãi hay không. Một hôm khi các cụ đang bàn tán sôi nổi về vụ con trai của một cụ, anh này là lính hải quân đang được đơn vị báo cáo là mất tích. Cụ thì quả quyết vẫn còn sống, cụ thì nói tháng sau sẽ về, năm ấy MM (mới còn đang học lớp 11) nhân lúc bùng nước cho các cụ, liếc trộm lá số rồi buột miệng như một phản ứng tự nhiên: “chết rồi mà bố, anh này chết vì nước”. Ông bố tôi thì im lặng. Một cụ hỏi MM: “Sao cháu nói thế?” MM ú ớ rồi nói: “Mệnh lâm tuyệt địa, hạn nhập

hà sát thì sống sao được hả Bác?” Ông cụ nắm tay khen giỏi.

Anh lính hải quân ấy đã ngã xuống biển rồi bị chân vịt cuốn mà chết, một tuần sau mới tìm thấy xác.

Thường những người mới bước vào con đường bói toán này thì rất hay “ngáp được tàu bay”. Làm như có con ma tử vi nhập vô cứu độ.

Sau lần ấy mỗi khi có ai hỏi về tử vi thì ông Bố tôi trả lời để cháu nó xem cho.

MM chỉ hay nghe lóm các cụ bàn và phân tích chứ không Cụ nào, kể cả ông Bố của MM, không bao giờ dạy cho một chữ nào về tử vi cả.

Ở thời điểm này MM cũng có vài bạn đồng trang lứa say mê tử vi tướng số, nên các sách gối đầu giường vẫn là VDTTL, tướng mệnh khảo luận, ma y thần tướng và sau này là nhân tướng học của Hy Trương .

Đồng thời cũng hay chu du các thầy tử vi tướng số, nhất là các cụ mù, chúng tôi hay giả làm khách ngồi chờ, để nghe thầy giảng giải cho khách hàng của thầy, nhờ thế mà học hỏi được rất nhiều.

Nhưng vẫn chưa thể, chỉ cần nói năm tháng ngày giờ thì lập tức lá số hiện lên trong đầu, như các bậc tiền bối.

Phải chờ đến khi vào quân đội, MM gặp được anh kỹ sư công chánh Hồng Duy Toàn (tuổi giáp thân 1944) anh đã dạy cho cách tình ngũ hành của lục thập hoa giáp bằng 3 câu kệ:

Tý ngọ ngân đăng giá bích câu
Thìn tuất yên mãn tự chung lâu
Dần thân hán địa thiêu sài thấp

Rồi 5 câu kệ để tìm cục:

Giáp kỷ giang đẳng giá bích ngân
Ất canh yên cảnh tích mai tân
Bính tân đề liễu ba ngân chúc
Đinh nhâm mai tiền chúc hải thần
Mậu quý ngân ba đôi chúc liễu
Tuất hợi nhị cung vô điểm chí
cục tòng dần mao cục vi chân.

Thế hệ MM ở miền Nam, chỉ cần học tới đệ nhất, học trò hiểu sâu các từ ngữ Hán Việt là chuyện bình thường, bởi thế khi nghiên cứu đọc sách tử vi tướng số thì tiếp thu một cách dễ dàng, không bị nghẽn ở các từ chữ Hán được Việt hoá .

Và cũng nhờ anh Toàn mà MM đã có thể lấy hết các sao tử vi ngay trên tay, không cần sách vở.

Sau đây là bài thơ để nhớ cách an sao lưu niên văn tinh do anh Toàn dạy:

Giáp xà ất mã báo quân tri
Bính mậu thân cung đình kỷ kê
Canh trư tân thử nhâm phùng hổ
Quý nhân kiến thổ bộ vân thê

Tới đây MM cũng chỉ mới đạt trình độ như anh Toàn là lấy tử vi không cần mở sách, nhưng phần giải đoán chỉ là áp dụng phú cũng như ý nghĩa sao, và phối hợp ngũ hành âm dương, còn tam lục nhị xung hợp thì vẫn chưa thông.

Khi ở đơn vị, MM kết thân được với ông tiểu đoàn phó, ông này nguyên là dân văn phòng sau vì muốn binh nghiệp thăng tiến nên mới xin ra đơn vị chiến đấu, vì thế cung cách cư xử và ăn nói không bạt mạng lỗ mắng như dân ở ngoài này.

Ông này cũng đang nghiên cứu tử vi, vì thế chúng tôi thân nhau. Ông tuổi tân ty hơn MM 9 tuổi. Đại úy Lê văn Thạch ơi, nay lưu lạc phương nào, nếu đọc được những dòng này thì liên lạc với tôi nhé.

Hai chúng tôi đã ghi danh nhập học lớp tử vi phong thủy dịch lý của thầy Cao Sơn ở 30 Trần khắc Chân, Tân định Saigon. Mỗi khi về phép được 1 tuần thì MM tôi ngày nào cũng lên gặp cụ Cao , trung bình là 2 giờ, để thảo luận về tử vi và học về “bốc phệ chính tông” tức là bói dịch.

Thời gian trong quân ngũ, ngoài chuyện hay xem tử vi người này người kia, nhưng có một chuyện mà bây giờ tôi vẫn nhớ như in:

Tháng 2 năm 1975, hôm ấy vào một buổi tối bộ chỉ huy tổ chức ăn uống họp mặt các sĩ quan, MM tôi được yêu cầu xem cho tư lệnh, không biết do rượu hay do háo thắng, mà tôi nhìn thẳng mặt ông ta, rồi phát một câu xanh rờn: “Sắp chết rồi, chết ác tử, tan xác, nên không có gì để bàn về chuyện tương lai”. Ông tiểu đoàn trưởng (là chỉ huy trực tiếp của MM) tái mặt, vội vàng kéo MM ngồi xuống, rồi lảng sang chuyện khác, đổ thừa là say rồi nên nói bậy. Ở miền Nam thuở trước, hầu hết sĩ quan đều là người được học hành tử tế, cho nên những chuyện trong bàn rượu như thế này, họ không chấp với đàn em trẻ tuổi.

Thế nhưng chỉ 2 ngày sau ông bị trúng pháo kích trên núi Hòn sóc, tan xác làm nhiều mảnh.

Vì trình độ bói dịch của MM còn thấp, nên ngày ấy, khi tự xem cho mình chỉ nghĩ là mình sẽ bị thương, nằm nhà thương và rồi xuất ngũ, chứ không xem được là cả quân đội phải tan hàng.

Có 2 chuyện về cụ Cao Sơn:

-Tháng 3 năm 1975 khi mặt trận Buôn mê Thuật tan vỡ, cụ có người con trai làm đại úy và mất tích, nhưng cụ bói và nói nó không chết chỉ bị thương nhẹ ở đầu và sắp về tới nhà, quả nhiên tháng 4 anh ấy trở về và có bị thương ở đầu.

-Ngày 23 tháng 4, 1975, lúc ấy MM đã đang được nghỉ phép ở Saigon, hôm lên chào cụ để ra đơn vị thì cụ bảo đừng đi, cụ nhìn mình với cặp mắt vô cùng lưu luyến, cụ bảo phen này đi thì mất hết mà tù lâu. Chính MM tôi cũng không tin, vả lại, mình đang là

sĩ quan sao có thể đào ngũ được, hơn nữa, lúc bấy giờ miền Tây đang thật là yên tĩnh.

Quả nhiên, vì tôi không nghe lời cụ, nên:

“Ma đưa lối quỷ dẫn đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi!”

Tôi trở về đơn vị một tuần là tan hàng.

Cũng từ đây việc học bói dịch đành dang dở giữa chừng, MM chưa được hướng dẫn bước sang phần quan trọng nhất là cách áp dụng phú Tăng san, phú Huỳnh Kim và thực hành 300 bài tập tiêu biểu cho các sự việc trên cõi đời này.

Từ khi bước vào ngành tử vi cho đến hết thời gian trong quân đội, mặc dù gặp nhiều vị đại thụ, được thực hành nhiều, nhưng trình độ MM vẫn chỉ dừng lại ở chỗ thuộc cách an sao, cùng với tính lý của các sao, các câu phú và một chút về ngũ hành âm dương, nên khi giải đoán thì hầu hết là chỉ là biết phối sao mà thôi.

Về sau có học thêm cách xem tướng, cho nên khi gặp cụ Đông nam Á, cụ tiết lộ một phần về “Thần Khê Định Số” thì mình nắm bắt và hiểu được ngay, cho nên khi ứng dụng giải đoán cũng có phối hợp, lời giải chính xác hơn.

II - HỌC TỬ VI TRONG TÙ:

Số của MM tôi mệnh vô chính diệu, thân gặp cả tuần lần triệt: (Canh dần ngày 3 tháng 9 giờ dậu) cho nên cuộc đời hay có những biến đổi như một bước ngoặt, vì vậy đã có nhiều đại thụ trong ngành tử vi vẫn sai với lá số này.

Cứ tưởng rằng mình đi tù là tàn đời ... Nhưng không.

MM đã được ở chung một trại tù với các đại thụ bậc thầy về nhiều phương diện, MM tôi được học hỏi và có biến chuyển tư duy rất nhiều về cuộc sống. Có rất nhiều chuyện kể nhưng trong

phạm vi bài viết này, MM sẽ chỉ nói những gì liên quan đến tử vi tướng số mà thôi, như chuyện về anh Phạm đức Lâm tuổi Mậu Tí năm ấy mới chỉ 28 tuổi, mà anh thuộc lòng từng câu chữ của quyển tử vi đầu số tân biên. Cho đến bây giờ MM chưa thấy người thứ 2 như thế.

Ngày 22 tháng chạp năm ất mão, tôi phải lưu đày ra đảo Phú Quốc và được sống chung, sống gần với những người tài giỏi, trí thức đủ mọi thành phần, dĩ nhiên là không thiếu những người biết về tử vi tướng số. Ngày lại ngày, mình được xem và đầu tử vi với nhiều người, đời sống tù không có án, tương lai vô định, cho nên người ta sẵn sàng kể hết mọi chi tiết xảy ra trong đời của họ cho mình nghe, tha hồ mà chiêm nghiệm.

Có một điều rất lạ không thể giải thích được, là hầu hết những sĩ quan VNCH của miền Nam, trong đám tù cải tạo ấy, lấy tử vi đều có số xuất ngoại.

(Những ngày tháng còn trong ấy, mình đâu hiểu được rằng anh nào về sớm thì vượt biên xuất ngoại, các anh về muộn thì được ra đi theo chương trình HO để xuất ngoại, những người còn lại thì được con cái hay cha mẹ, đã vượt biên định cư sớm, làm bảo lãnh theo chương O.D.P sau này, cũng đi xuất ngoại)

Nhờ gặp và trao đổi kiến thức với những người tài mà trình độ tử vi của MM tiến triển hẳn lên. Xin nhắc đến 2 nhân vật mà MM mãi mãi mang ơn:

1-- khi chuyển về Tây ninh, ở đây MM gặp ông đại úy Trần văn Nữ, ngành quân cụ, ông tuổi mậu dần 1938, người gốc Phan Thiết, ông đã hệ thống hóa cho tôi cách di cung hoán mệnh.

2-- Tôi cũng đã được gặp và kết thân với anh Lê Hồng Đức, sinh ất dậu 1945, thứ nam cụ Thiên Lương (đề sau này qua anh mà tôi được gặp cụ) anh chỉ dẫn tận tình phần âm dương ngũ hành và ướng dụng của tam hợp hội cục.

Và cũng vì được gần gũi nhiều loại người khác nhau nên khả năng xem tướng và tử vi của tôi tiến một bước thật dài, việc phối hợp tướng học với tử vi đã cho ra những đáp số rất chính xác, mà trước đây phải bâng khuâng giữa ngã ba đường...

Thở còn học lớp đệ nhị, đệ nhất, hàng ngày tôi đều tới cửa hàng thuốc bắc của ông Tàu già Huỳnh Thê, bố của người bạn học cùng lớp, để học xem mạch và cách bào chế các vị thuốc bắc, nhờ vậy MM đã có một số kiến thức về Đông Y.

Khi tù chuyển về Tây Ninh, MM đã được chân truyền thêm môn châm cứu từ một vị bác sĩ, anh này sau được về sớm. Thời gian đó, mình có dịp thực hành ngay trên các bạn đồng tù, nên khả năng phục dựng đông y và châm cứu của tôi tiến triển rất khả quan. Hành nghề trong tù lâu ngày, nghề dạy nghề, sau này cho dù tắt điện hay nhắm mắt, MM châm cũng trúng huyết, và có thủ pháp “búng phóng kim” khiến người bệnh không cảm thấy đau, nhờ đó mà họ không sợ kim, khi chữa bệnh họ lại càng quý mến ông Thầy.

III - GIAI ĐOẠN THĂNG TIẾN TỬ VI TƯỚNG SỐ:

Năm mậu ngọ, lưu niên tiểu hạn cho tuổi canh dần cung ngọ đến cung thân, mã trường sinh phượng giải lưu song hao, vì hội lộc tồn là đại phúc tinh khi không có lộc, cho nên 30 tháng chạp năm mậu ngọ, MM được thả về .

MM tôi không thể và cũng không bao giờ có thể ngờ được rằng có ngày mình lại trở thành thầy bói chuyên nghiệp ngoài xã hội i.

Vì tất cả những chuyên tâm nghiên cứu học hỏi những gì thuộc về huyền học như tử vi tướng số, chỉ như để thỏa mãn năng khiếu và những thắc mắc về vận mệnh con người.

Những ngày đầu lạ lẫm trên xứ người với 2 bàn tay trắng, gia tài chỉ có vài bộ quần áo một tấm drap mua 2 đồng ở chợ trời với một túi ngủ .

Mới đầu là những người quen mời tới nhà để xem tử vi tướng số, sau người này giới thiệu người kia, và đặc biệt là các chị các mợ nhiệt tình ủng hộ, một phần vì họ muốn giúp đỡ anh hàn sĩ. Thời gian đầu bói toán và nhận thù lao MM cũng hơi xấu hổ và ngần ngại, nhưng lâu ngày, dần dần rồi quen đi.

Khi đã có tiền, MM đã tìm mua hết các sách tử vi tướng số của miền nam trước 1975, để đọc và nghiền ngẫm, áp dụng thực hành.

Hàng ngày MM đi học về Đông Y, tối nghiên cứu sách vở, cuối tuần thứ bảy chủ nhật sáng 5g thức, ngồi thiền đến 6g, tập thể dục tới 7g, vệ sinh ăn sáng, đúng 8 g tiếp khách đã hẹn, và chỉ coi 3 người một ngày.

Có lẽ cuộc đời hàn sĩ, chỉ lo học và kiếm tiền để gửi về quê nhà VN, giúp đỡ mẹ và các em cùng những người thân ruột thịt, cho nên các anh linh tiên tổ đã phù hộ cho có “huệ lực”, ngày ấy mỗi người xem đều được thu bằng lời giải đoán, và cho tới bây giờ thỉnh thoảng MM vẫn gặp vài thân chủ còn giữ cuốn băng từ xa xưa ấy. Người ta cứ tưởng MM thờ ma xó, thực ra khi nào mình thấy, hay cảm nhận một cách rõ ràng thì mới nói, chứ không nói dựa, nói bừa cho xong.

Những năm đầu sau 1980, nơi MM ở, thầy tử vi không nhiều, người nói thật nói thẳng lại càng hiếm, cho nên số phận cuộc đời đã đưa đẩy. Nghiễm nhiên một sự thật không thể chối cãi, MM đã có một vị trí trong làng “thầy bói”.

IV - GIÃ TỪ TỬ VI TƯỚNG SỐ:

Do dòng đời đưa đẩy, khi đến Mỹ, MM có được một nghề lương thiện, và cũng tương đối thanh cao, vừa để kiếm sống, vừa để giúp người.

Đến nay tuổi đã cao, mơ ước gần như đã đạt được, MM nhất định thề với lòng rằng sẽ không hành nghề “thầy bói” nữa và dĩ nhiên là sẽ không nhận thù lao của ai nữa để hành nghề.

Trước đây vì mình có nhận tiền của các khách hàng, cho nên mình phải luôn luôn trau dồi trí nghệ. Vì nhu cầu hành nghề xem bói, ngoài tử vi, xem tướng, đôi khi MM phải xử dụng tới bói dịch và bói bài.

Càng xem nhiều, càng sống lâu, càng trải nghiệm, MM đã thấy cuộc đời là một trường thiên định mệnh, không ai biết trước vận mệnh của mình, cho nên MM tôi từ nay quyết định DỨT BỎ.

Thực ra dứt bỏ chỉ có nghĩa là không học thêm nữa, chứ những cái gì đã thấm vào ký ức rồi thì làm sao mà quên được? Mặc dù sau này có rất nhiều cơ hội để học hỏi thêm từ các vị thầy super về huyền học, tử vi bói dịch, tử vi phong thủy địa lý, nhưng MM tôi cương quyết nhất định không học nữa, nhất định không học nữa.

Nếu các bạn thấy trên diễn đàn, đôi khi MM trả lời cho vài người về tử vi, thì đó chỉ là những kiến thức còn sót lại của ngày xưa từ trước 1986. Chuyện nói vài điều bói toán trên mạng chỉ là để mua vui giải trí, nhưng không ảnh hưởng và không phương hại đến bất cứ người nào cả.

Viết đến đây là tôi đã trả xong lời hứa với các bạn muốn tôi kể về đường vào tử vi cho đến khi ngừng lại của MM.

Kính chúc các cô, chú, bác, các bạn, các Niên Trưởng, Niên Đệ có cuộc sống thật thư thái, những số phận cuộc đời yên vui, hạnh phúc.

MM
(Lê Thành K26)

Vĩnh Biệt Đồi 1515

Huy Văn Trương



Hôm nay ngày 10 tháng 3 năm 1975, một ngày như mọi ngày, tôi đang ngồi trong Phòng hành quân của Trường Võ Bị Đà Lạt ôn bài vở. Chỉ còn ba tháng nữa là tôi xong cái bằng cử nhân, chuyện học bài khiến tôi bù đầu tóc rối. Mười một giờ, tôi xếp sách vở đứng lên định đi qua Câu lạc bộ sĩ quan ăn cơm, bất ngờ Thiếu tướng Chỉ huy trưởng bước vào, tôi chưa kịp đứng lên chào kính đã nghe thiếu tướng nói:

-Trung úy gọi Tiểu khu Darlac cho tôi.

Tôi bốc điện thoại quay số, chuông điện thoại mới reo được một tiếng đã có người trả lời với giọng hốt hoảng.

-Trung úy Hòa, Trung tâm hành quân Tiểu khu Darlac. Nghe. Tôi nghiêm giọng.

-Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt, muốn nói chuyện với Đại tá Tỉnh trưởng.

-Thiếu tướng cần gì? Mà thôi, không kịp nữa đâu, xe tăng của Việt Cộng đã tràn vào tiểu khu rồi, tôi phải chạy.

Tôi nghe tiếng ống liên hợp rớt mạnh trên bàn, có thể Tiểu khu

Darlac đã bị Việt Cộng tràn ngập rồi cho nên Trung úy Hòa phải bỏ chạy mà không kịp gác điện thoại. Tôi cúp máy, quay người đứng nghiêm, giọng nói của tôi như lạc hẳn đi.

-Trình thiếu tướng, xe tăng của Việt Cộng đã lọt vào trong Tiểu khu Darlac.

-Ai nói?

-Thưa thiếu tướng, Trung úy Hòa, Trung tâm hành quân Tiểu khu Darlac nói.

-Ông ta đâu rồi?

-Trình thiếu tướng, ông ấy vứt điện thoại chạy mất rồi.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nhìn vào đồng hồ đeo tay, tôi thấy rõ gương mặt của ông bình thản như không có chuyện gì xảy ra.

Ông lầm bầm:

-Mười một giờ mười.

Khi Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đã đi ra khỏi phòng, tôi ngồi bệt xuống ghế, suy nghĩ về chuyện Trung úy Hòa bỏ chạy khỏi Trung tâm hành quân Tiểu khu Darlac. Nếu ông ấy chạy ra công sự phòng thủ để chiến đấu có thể Ban Mê Thuột vẫn còn, nhưng nếu ông chạy trốn vì sợ bị bắt làm tù binh, chắc chắn Ban Mê Thuột đã lọt vào tay Cộng Sản mất rồi. Bất chợt một tia sáng lóe lên trong đầu tôi, Sư đoàn 23 Bộ binh, sư đoàn chủ lực của cao nguyên đâu rồi? Tôi bốc điện thoại quay số Bộ tư lệnh Sư đoàn 23 ở Ban Mê Thuột. Đường dây điện thoại chỉ còn nghe tiếng u..u...vọng lại. Sau khi ghi chú cẩn thận vào nhật ký hành quân, tôi trình Thiếu tá trưởng Phòng hành quân diễn tiến tình hình của Ban Mê Thuột. Tôi đảo một vòng qua các phòng ban, mọi sinh hoạt của Trường Võ Bị Đà Lạt vẫn diễn ra bình thường, hình như chưa ai biết gì về tình huống xấu đang xảy ra ở Ban Mê Thuột. Tình huống xấu nhưng mà xấu thế nào? Còn hay mất không ai biết. Người duy nhất biết là Thiếu tướng Chỉ huy trưởng, bởi vì, ông thường xuyên liên lạc với phòng Ba của Bộ Tổng Tham Mưu bằng đường dây nóng.

Tôi quên luôn ăn trưa, vội vã đi họp bên Quân Trấn với cái bụng đói meo. Máy ông sĩ quan bên Quân Trấn hỏi tôi:

-Ban Mê Thuột ra sao rồi trung úy?

-Tất cả mọi liên lạc với Ban Mê Thuột đều bị cắt đứt, tôi chỉ biết có một điều, lúc mười một giờ mười phút sáng nay, xe tăng của Việt Cộng đã vào bên trong Tiểu khu Darlac.

-Sao trung úy biết? Nguồn tin có đáng tin cậy không?

-Một phút trước đó, tôi nói chuyện với Trung úy Hòa ở Trung tâm hành quân Tiểu khu Darlac, chính ông ấy đã xác nhận xe tăng Việt Cộng đang tràn vào tiểu khu, sau đó ông ta quăng điện thoại bỏ chạy.

Một ông trung úy trong bàn họp nói:

-Chắc Ban Mê Thuột mất rồi.

Ông đại úy ngồi cuối bàn lên tiếng:

-Không biết khi nào quân mình mới tái chiếm Ban Mê Thuột.

Dứt lời ông ta thở dài rồi nói tiếp:

-Coi bộ đánh lớn tới nơi rồi.

Tôi lấy bì thư đựng mật khẩu và mật hiệu trong đêm nhét vào túi áo, rời phòng họp.

Tôi nói, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt biết rõ tình hình Ban Mê Thuột và Quân Đoàn II bởi vì một tuần sau đó, Trung tâm hành quân của trường đang ở lầu hai của tòa nhà chỉ huy, phải dời xuống tầng hầm đối diện với thư viện. Trung tâm hành quân mới rộng gấp hai lần Trung tâm hành quân cũ, điều quan trọng là nó được thiết kế rất kiên cố, chìm sâu dưới mặt đất chừng bốn mét, trần đúc bê tông dày khoảng một mét. Nhìn Trung tâm hành quân mới tôi nghĩ thầm: “Hy vọng nó sẽ chịu được đạn pháo 130 ly hoặc hỏa tiễn 122 ly của Việt Cộng”. Ngay cửa ra vào Trung tâm hành quân, một binh sĩ Quân Cảnh, quân phục chỉnh tề, nón nhựa, súng colt đeo ngang hông đứng gác. Bên trong, hàng chục cái điện thoại, máy móc truyền tin sẵn sàng hoạt động, một bản đồ một phần năm mươi ngàn của miền trung và cao nguyên trung phần gắn trên tường, một tấm vải xanh với chữ “Mật” được kéo lại phủ kín tấm bản đồ. Giữa phòng có một cái bàn dài hình chữ nhật với hơn chục cái ghế, đây là chỗ dùng để hội họp, thuyết trình.

Tôi đang lu bu cùng với hai người hạ sĩ quan trực máy truyền tin dọn dẹp, sắp đặt bàn ghế sao cho thích hợp để làm việc, bất chợt,

người Quân cảnh gác cửa Phòng hành quân đi đến bên tôi:

-Trung úy, có hai sĩ quan bên Tiểu khu muốn gặp ông.

Tôi bước ra khỏi phòng, trước mặt tôi một ông trung úy và một ông đại úy đang đứng trò chuyện với nhau, mỗi ông một điều thuốc lá phun khói đầy trời. Tôi đưa tay chào kính vị đại úy rồi tự giới thiệu:

-Tôi, Trung úy Nguyễn Trọng Quân, Trung tâm hành quân Trường Võ Bị Đà Lạt, chào đại úy.

Vị đại úy lật đật vắt điều thuốc xuống đất, lấy mũi giày giậm lên, ông ta đưa tay chào lại tôi rồi nói với giọng nói của người miền Trung.

-Chúng tôi, Đại úy Luân và Trung úy Trí thuộc Trung tâm hành quân Tiểu khu Tuyên Đức, đến đây tặng phái cho Trung tâm hành quân Trường Võ Bị Đà Lạt. Chúng tôi đã trình diện Đại tá Tham mưu trưởng của trường, và được hướng dẫn đến đây gặp trung úy.

Tôi đưa hai ông quan vào Trung tâm hành quân. Ngoài hai cái ba lô đeo trên vai, mỗi ông còn xách theo một máy truyền tin PRC 25, tôi biết như vậy họ sẽ làm việc trực tiếp trên máy, không qua âm thoại viên.

Tin tức từ chiến trường cao nguyên đưa về mỗi ngày một xấu hơn. Khi Quân Đoàn II rút về Tuy Hòa theo ngã liên tỉnh lộ 7, Pleiku mất, Kontum coi như mất luôn. Theo huân thị điều hành căn bản của bộ Tổng Tham Mưu, ba tỉnh còn lại của cao nguyên là Quảng Đức, Lâm Đồng và Tuyên Đức sẽ đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt, bởi vì ông là người có cấp bậc cao nhất trong ba tỉnh này. Riêng cá nhân tôi, gần bảy năm rồi chỉ biết lo chuyện phòng thủ Trường Võ Bị Đà Lạt, nhiệm vụ của tôi là theo dõi tất cả những đơn vị bảo vệ trường đóng ở đâu, phân bố như thế nào để sẵn sàng yểm trợ hỏa lực khi cần thiết, chỉ chừng đó thôi. Ngoài ra, những đơn vị Địa Phương Quân của Tiểu khu Tuyên Đức, tôi hoàn toàn mù tịt. Ngay cả tên của những tiểu đoàn trực thuộc tiểu khu, tôi cũng chỉ biết một cách mù mờ, nói gì đến chuyện họ đóng ở đâu, di chuyển như thế nào. Đó là lý do khi lãnh nhiệm vụ trông coi ba tỉnh còn lại, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đã điều hai sĩ quan

thuộc Trung tâm hành quân của Tiểu khu Tuyên Đức về tăng phái cho Trường Võ Bị Đà Lạt. Thiếu tướng Chỉ huy trưởng muốn nắm chắc trong tay những Tiểu đoàn tác chiến của Tiểu khu Tuyên Đức, khi ông trực tiếp điều động. Tướng cũng nên biết, trước khi về Trường Võ Bị Đà Lạt, ông đã là Tư lệnh Sư đoàn 18 Bộ Binh ở Long Khánh.

Vừa đặt máy truyền tin xuống đất, hai ông sĩ quan hành quân của tiểu khu đã lục ba lô lấy ra nào là đặt lệnh truyền tin, khóa đối chứng, phóng đồ hành quân, nhật ký hành quân rồi mở máy PRC 25. Sau ba giờ lên máy, phối hợp làm việc, cặm cùi khoan vùng, ghi chú, chúng tôi đã có điểm đóng quân của tất cả những tiểu đoàn Địa Phương Quân thuộc tiểu khu Tuyên Đức cũng như những điểm kích, đóng quân, của Trường Võ Bị Đà Lạt. Nhìn tấm bản đồ gắn trên tường dày đặc chi tiết, tôi biết mọi việc đã tạm xong. Đại úy Luân quay sang hỏi tôi:

-Ở đây, trung úy có nước sôi không?

-Bên Câu lạc bộ thiếu giống gì. Mà đại úy cần nước sôi để làm gì?

-Từ sáng đến giờ, bọn này chưa ăn uống gì hết, đói quá chừng. Tôi cần nước sôi để đồ vô gạo sảy.

-Nè đại úy, tụi mình kéo nhau qua Câu lạc bộ làm một đĩa cơm, sẵn đó thêm ly cà phê cho sáng suốt tinh thần.

Đại úy Luân phân trần:

-Tụi này đi một lần hai bữa không được, phải có một thằng trực máy. Hay là trung úy và Trung úy Trí đi ăn trước đi, khi quý vị về tôi sẽ đi sau.

Tôi dẫn Trung úy Trí qua câu lạc bộ, vừa đi vừa chuyện trò.

Không hiểu tại sao, bỗng dưng tôi hỏi Trung úy Trí:

-Trung úy khóa mấy?

-À., khóa 6/68 Thủ Đức.

Tôi cười khoái chí, đổi cách xưng hô:

-Mẹ nó, mày với tao cùng khóa. Tao ở đại đội 62 gần ban quân nhạc, còn mày?

-Tao đại đội 65. Vậy mà từ sáng đến giờ, tao cứ tưởng mày là dân Võ Bị Đà Lạt.

-Hầu hết mọi người đều nhầm lẫn như mày. Gặp trường hợp đó,

tao nhận luôn không dính chánh. Trung bình, mỗi năm Trường Võ Bị Đà Lạt có khoảng hai trăm năm chục sĩ quan tốt nghiệp. Năm sáu mươi tám là năm bọn mình đi lính, Trường Bộ binh Thủ Đức có chín khóa, mỗi khóa chắc có khoảng hai ngàn sĩ quan, khóa lẻ có khoảng một ngàn, tính ra khoảng mười hai ngàn ông quan.

Tôi nhắc lại với Trung úy Trí:

-Đào tạo mười hai ngàn sĩ quan trong một năm, so với hai trăm năm chục, coi bộ sĩ quan tốt nghiệp Võ Bị Đà Lạt có giá hơn sĩ quan Thủ Đức của bọn mình nhiều.

Trung úy Trí với giọng đầy chán nản.

-Còn phải nói, sĩ quan Võ Bị Đà Lạt hơn hẳn sĩ quan Thủ Đức về mọi phương diện, ngoại trừ một điểm.

Tôi nói:

-Tao chẳng thấy ưu điểm nào hết.

-Tại mày không để ý đó thôi, sĩ quan Thủ Đức khi ra trường chết như rạ, chết nhiều đến nỗi đếm không kịp. Nếu không tin tao mày coi lại đi, mười hai ngàn sĩ quan năm sáu tám của bọn mình, giờ này còn được bao nhiêu? Được ba phần tư hay không? Nếu đúng, có nghĩa là hơn ba ngàn đã hy sinh, đã đền nợ nước. Như vậy, sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức được trui rèn ngoài chiến trường, trưởng thành trong khói lửa, đem cái chết, đem mạng sống của mình đổi lấy kinh nghiệm, đó không phải là ưu điểm hay sao? Nếu không có sĩ quan Thủ Đức, ai sẽ chỉ huy một triệu lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi và trung úy Trí ăn một bữa cơm không được vui vẻ cho lắm. Trung úy Trí ngửa cổ nốc một hơi bia.

-Ngày nào mày cũng ăn cơm ở đây?

-Không thường lắm đâu, chỉ vài lần trong một tuần.

Trung úy Trí nói:

-Ngày xưa, trước khi về Trung tâm hành quân Tiểu khu Tuyên Đức, tao ở Sư đoàn 22 Bộ Binh. Tiểu đoàn của tao đóng tại Tuy Hòa, mẹ nó, cả mấy tháng mới có thì giờ ăn một bữa cơm ra hồn như ở đây. Nói đến Tuy Hòa tao mới nhớ, mày có biết Quân Đoàn II đang trên đường Liên tỉnh lộ 7 di tản về Tuy Hòa hay không?

Tôi gật đầu, nói với Trung úy Trí:

-Biết chớ, đó là lý do tại sao mày và Đại úy Luân tăng phái cho Trường Võ Bị.

Trung úy Trí chấm dứt bữa ăn bằng một hơi bia.

-Tụi mình về cho Đại úy Luân đi ăn, chắc ông ấy đói lắm rồi.

Về đến Trung tâm hành quân chừng mười phút, tôi nhận được điện thoại của bác Bảy (hai cái điện thoại class A của Trung tâm hành quân Trường Võ Bị, là điện thoại dùng để liên lạc khắp cả miền Nam Việt Nam, quân sự lẫn dân sự đều gọi được). Bác Bảy với giọng nói đầy lo lắng:

-Con và Cúc phải về Sài Gòn gấp, bác có chuyện quan trọng muốn nói với con.

-Chuyện gì vậy bác?

-Mình phải bỏ nước ra đi, không thể chờ đợi được nữa rồi.

Tôi nói với bác Bảy:

-Đi đâu? Đi sao được, con rời bỏ đơn vị sẽ bị coi như đào ngũ.

Giọng bác Bảy như lạc hẳn đi.

-Con Cúc đang ở đâu?

-Thưa bác, ở ký túc xá.

-Nếu con không đi được, bằng mọi giá con phải tìm phương tiện đưa Cúc về Sài Gòn.

Tôi hứa đại cho bác Bảy yên lòng.

-Bác yên tâm, con làm được.

Giọng của bác Bảy như nhẹ hơn.

-Bác tin ở con. Cho bác gởi lời thăm ba má con, thôi bác cúp điện thoại đây.

Tôi gác điện thoại. Như một cái máy, tôi quay số ban vận chuyển của phi trường quân sự Cam Ly. Đầu dây bên kia, một giọng nói khá quen thuộc.

-Alô, trung sĩ Trang nghe.

Mừng quá sức, tôi nhẹ giọng:

-Trung úy Quân, Trường Võ Bị Đà Lạt nè bạn, có việc cần nhờ bạn giúp đỡ.

-Chuyện gì vậy trung úy?

-Có chuyến bay nào về Sài Gòn không?

-Ông hỏi sao mà đúng lúc quá. Bốn giờ chiều nay có một chuyến

C130, chỗ quen biết tôi mới nói với ông. Đừng tiết lộ cho ai biết.

-Cảm ơn ông bạn nhiều.

Tôi cúp điện thoại, ba chân bốn cẳng phóng Honda lên Ký túc xá, lôi Cúc ra xe. Cúc vừa chạy vừa nói:

-Đề em lấy theo vài bộ quần áo.

Tôi nói như hét:

-Không kịp nữa rồi, bỏ hết, bỏ hết đi.

Khi tôi và Cúc đến phi trường Cam Ly đã thấy chiếc C130 đậu ở phi đạo. Một ông trung úy Không Quân đang đi vòng quanh chiếc C130 tựa như đang kiểm soát trước khi cho phi cơ cất cánh. Bốn cánh quạt của phi cơ vẫn chưa khởi động, tôi biết mình còn dư thời giờ để lo liệu. Tôi nhìn ông trung úy một lần nữa cho chắc ăn, mặt mày của hấn sáng sủa, đẹp trai, thân hình cao lớn trong bộ quân phục áo liền quần của Không Quân.

Tôi la to:

-Nguyễn Văn Ly phải không?

Gã trung úy Không Quân nhìn tôi với gương mặt khinh khỉnh, cứ như là cả nước Việt Nam này chỉ có một mình hấn biết lái máy bay. Hấn trả lời cộc lốc:

-Không, trung úy nhìn lầm người rồi.

Tôi là người có trí nhớ rất tốt, chuyện này tôi mới biết khoảng mấy năm gần đây khi học đại học. Những bài vở từ chương trong lớp tôi học dễ dàng, thuộc vanh vách nhưng khi bước qua lãnh vực khoa học, phát minh, tôi lại u mê. Gã trung úy đứng trước mặt tôi đúng là Nguyễn Văn Ly, học chung lớp với tôi từ đệ thất ở trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt, đến năm đệ tam, hấn chuyển qua học bên Trường trung học Adran. Ngày xưa, khi tôi bị lũ bạn trong lớp hiếp đáp, hấn là người đứng ra bên vực cho tôi.

Giống như chuyện mình bị tát một gáo nước lạnh, tôi ngượng chín người vì có Cúc đứng bên cạnh. Giận thẳng bạn đang trí mau quên, tôi buông tiếng chửi thề:

-Mẹ nó, làm lơ máy bay chớ được cái mẹ gì mà bày đặt.

Gã trung úy Không Quân cười híp mắt, ôm lấy tôi.

-Tình cớ gặp lại mày, tao mừng muốn chết, mới đùa chút xíu mà đã giận rồi. Mày đưa cô bé này về Sài Gòn phải không?

-Sao mày biết?

Ly hỏi vặn tôi:

-Không lý mày với cô bé này đến phi trường để ngắm cảnh, hay là mày lại nói đến đây để thăm tao? Mà nè, mày vừa nói cái chữ gì? Mày nói tao là lơ máy bay phải không?

Tôi cười như chế giễu hần.

-Lái vận tải cơ C130, cấp bậc phải là thiếu tá hoặc nếu là đại úy, phải có nhiều giờ bay. Cờ trung úy như mày, đi theo máy bay chỉ có việc bung cà phê cho sếp, hoặc để mấy sếp sai vặt chớ làm được gì.

-Nói cho mày biết, tao là hoa tiêu phụ ngồi ghế bên phải trong phòng lái, thiếu tá trưởng phi cơ ngồi bên trái. Không có tao, phi cơ muốn cất cánh coi bộ cũng hơi khó.

-Như vậy, mày là tài xế máy bay rồi.

Ly cười khoái chí.

-Đúng, tài xế chớ không phải là lơ.

Tôi hỏi nhỏ Ly:

-Công tác gì mà phải đem C130 lên đây?

Ly nhìn vào trong máy bay.

-Sáng nay, mười hai chiếc C130 chở một Liên Đoàn Nhảy Dù ra Đà Nẵng, khi trở về, chiếc của tao được lệnh ghé Đà Lạt để đem gia đình binh sĩ Không Quân về Sài Gòn. Để tao đưa bạn gái mày lên máy bay.

Tôi cải chính.

-Cúc là vợ chưa cưới của tao.

-Mày chậm tiến quá sức, bên Không Quân bọn tao chẳng có ai đại gì dùng chữ vợ hay vợ chưa cưới, mấy chữ này phải bỏ trong tủ sắt, khóa kỹ lại.

Tôi ôm Cúc, hôn nhẹ lên má của nàng:

-Em giữ gìn sức khỏe, đừng lo lắng, bận tâm gì về anh.

Khi Cúc đã bước qua khỏi cánh cửa khổng lồ sau đuôi máy bay,

Ly nhìn tôi:

-Mày leo lên luôn, còn chờ gì nữa?

-Mày muốn tao đào ngũ? Đừng có bày đặt xúi dại.

-Tao không có xúi dại đâu, mày nghĩ lại đi cả cái Quân Đoàn II, binh hùng tướng mạnh như vậy còn phải di tản chiến thuật.

Trường Võ Bị Đà Lạt bé tí tẹo của mày làm được cái gì, liệu có còn đứng vững một mình ở cao nguyên khi mà Phan Rang rơi

vào tay Việt Cộng hay không? Nhiệm vụ của tao lên đây là để di tản gia đình binh sĩ Không Quân về Sài Gòn. Đà Lạt coi như đã mất rồi, mày cứ về Sài Gòn đi, mọi chuyện hãy tính sau.

Tôi nói:

-Cảm ơn lòng tốt của mày, tao phải ở lại trường thôi.

Ly siết chặt tay tôi.

-Ở lại mạnh giỏi, tới giờ tao phải bay rồi.

Trước khi bước đi, hấn nói nhỏ vào tai tôi:

-Tao xa Đà Lạt mới có sáu năm, hôm nay trở về đây hình như người đẹp của Đà Lạt biến đâu mất hết rồi.

-Tại sao mày nói vậy?

Ly lắc đầu ra vẻ khổ sở.

-Mày coi bộ chậm chạp vậy mà khôn, vợ xấu mới là vợ của mình.

Tôi chỉ muốn đập cho hấn một đập nhưng ngẫm nghĩ lại, nó chỉ nói lên sự thật mà thôi. Câu nói của Ly khiến tôi phải suy nghĩ. Tại sao tôi phải lấy một người vợ tuy là giàu có nhưng xấu, trong lúc mình có người yêu đẹp như mơ, lại yêu mình hết mực. Bỗng dưng, tôi nhớ đến cái cân tiểu ly dùng để cân vàng, khi hai bên đĩa cân đã bằng nhau, chỉ cần thêm một cọng tóc vào bên nào, đĩa cân sẽ nghiêng về bên đó. Lời nói của Ly nhẹ như sợi tóc nhưng nó giúp tôi giải đáp được câu hỏi, giải quyết được vấn nạn mà tôi phải cưu mang bấy lâu nay. Đột nhiên, ý tưởng phản bội Cúc để trở về với Dung thoáng qua trong đầu, tôi nói với Ly:

-Có chuyện quan trọng, tao phải nhờ mày. Lát nữa, mày nhớ nói với Cúc là tao sẽ ở lại luôn tại Đà Lạt với ba má tao. Tao sẽ không đi đâu hết, cho dù Đà Lạt có di tản. Nhớ nói giúp tao. Gánh nặng ngàn cân đặt trên vai của tôi giờ đây đã được cất xuống. Trên đường về trường, tôi phóng Honda mà người cứ nhẹ như bay.

o O o

Sau khi Quân Đoàn II rút khỏi cao nguyên, tình hình chiến sự biến chuyển một cách mau lẹ, mau hơn sự suy nghĩ của mọi người. Trung úy Trí với cây viết chì mờ trên tay, vừa cập nhật tin tức mới nhất vào bản đồ gắn trên tường vừa nói với tôi:

-Quảng Đức mất rồi, Liên đoàn 24 Biệt Động Quân triệt thoái khỏi Quảng Đức đã đến được một khu rừng gần Bảo Lộc, họ xin Trường Võ Bị bốn chục chiếc trực thăng để bốc họ về Đà Lạt.

Tôi nói với Trung úy Trí:

-Mày yên chí, chuyện này tao đã trình với Thiếu tướng Chỉ huy trưởng rồi.

Trung úy Trí thắc mắc.

-Tao đâu có thấy chiếc trực thăng nào trong Trường Võ Bị, một chiếc cũng không có lấy đâu tới bốn chục chiếc để mà chở quân.

Tôi giải thích:

-Mày biệt phái nên không biết đó thôi, hơn chục cái điện thoại trên bàn, trong đó có hai cái điện thoại nóng. Một cái dùng để liên lạc trực tiếp với Phòng Ba của Bộ Tổng Tham Mưu, cái còn lại, trực tiếp với Sư đoàn 6 Không Quân vừa mới di tản từ Pleiku về đóng ở phi trường Phan Rang. Máy chục chiếc trực thăng cùng với chiến đấu cơ của sư đoàn này, được đặt dưới quyền sử dụng của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt.

-Như vậy thì, khi nào mình bốc Liên đoàn 24 Biệt Động Quân về trường?

Tôi chưa kịp trả lời, Trung úy Trí vừa nói vừa xoa hai tay với nhau.

-Đang không có thêm một Liên đoàn Biệt Động Quân phòng thủ Trường Võ Bị Đà Lạt, chắc ăn như bấp.

Tôi nói nhỏ với Trung úy Trí:

-Khi nào bốc hả? Mày qua hỏi Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đi?

Trung úy Trí cười, tiếng cười đầy sáng khoái vang vọng khắp căn phòng.

-Mày định xúi con nít ăn cứt gà phải không? Tao đâu có dại đi vuốt râu hùm.

Tôi nói:

-Tao ở đây hơn sáu năm, chưa bao giờ thấy ông tướng cười, cả năm mới nghe được ông ấy nói vài tiếng. Mình muốn biết chuyện gì phải nghe lén rồi suy đoán thôi. Chuyện bốc Liên đoàn 24 Biệt Động Quân, tao đoán như thế này: Cả ngày hôm nay không có lệnh của thiếu tướng điều động trực thăng, có nghĩa là ông ấy không muốn bốc Liên đoàn 24 Biệt Động Quân về Trường Võ Bị Đà Lạt. Còn nói đến lý do tại sao không bốc Liên đoàn 24, nó

thuộc về lãnh vực điều quân, làm sao mình biết được.

Đại úy Luân đang ngồi ở cuối phòng làm việc với hai người hạ sĩ quan truyền tin, ông ta vươn vai đứng lên đi về phía tôi và Trung úy Trí.

- Sư đoàn 7 của Việt Cộng phối hợp với xe tăng, đã chiếm xong Bảo Lộc, đang tràn vào Di Linh, cứ cái đà này vài ngày nữa sẽ tới Đà Lạt. Bảy tỉnh của cao nguyên mất hết sáu, chỉ còn có mỗi một mình Đà Lạt.

Đang nói chuyện, bất ngờ Đại úy Luân hô lớn:

- Nghiêm.

Tất cả mọi người trong Trung tâm hành quân đều bật dậy, đứng nghiêm như tượng đá.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng vừa bước vào phòng, theo sau ông ta là Đại tá Tỉnh trưởng rồi Đại tá Chỉ huy trưởng trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị. Ba người ngồi vào bàn họp hành quân ở giữa phòng. Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nhìn vào tám bản đồ trên tường rồi hỏi Đại úy Luân.

- Tình hình đến đâu rồi?

Tôi biết thiếu tướng hỏi để mà hỏi, thực ra ông đã biết hết mọi chuyện nhờ vào Phòng hành quân tại tư dinh.

Đại úy Luân với giọng nói chắc và rõ ràng.

- Trình thiếu tướng, Di Linh đã bị Việt Cộng chiếm rồi.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng hỏi tiếp:

- Tiểu đoàn 204 Trinh sát đang ở đâu?

Đại úy Luân nhanh chóng trả lời:

- Trình thiếu tướng, Tiểu đoàn 204 đang đóng quân gần Chùa Sư Nữ ở Trại Hầm.

Chân chừ giây lát như đang suy nghĩ chuyện gì, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng quay sang nói với Đại tá Tỉnh trưởng:

- Bằng mọi giá, đại tá cho Tiểu đoàn 204 chiếm lại Di Linh.

Bầu không khí trong Trung tâm hành quân bỗng trở nên nặng nề, khi Đại tá Tỉnh trưởng cùng với Đại úy Luân đi về phía hệ thống truyền tin đặt ở cuối phòng.

Đưa tay chỉ trung úy Trí, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng hỏi:

- Mấy ngày qua, trung úy và Đại úy Luân biệt phái cho Trường

Võ Bị, ăn uống ở đâu?

-Trình thiếu tướng, chúng tôi có mang theo lương khô.

-Tạm thời như vậy đi, tháng này trung úy và Đại úy Luân sẽ lãnh lương của Võ Bị.

Vừa dứt lời Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đứng lên đi ra cửa, thân hình của ông tuy to lớn nhưng với huyền đai đệ nhị đẳng Aikido khiến ông có tướng đi nhẹ nhàng lanh lẹ. Khi ngang qua mặt tôi, ông nói:

-Trung úy nhắc Phòng tài chánh, ứng lương cho hai sĩ quan biệt phái.

Khi Thiếu tướng Chỉ huy trưởng và hai vị đại tá đã rời khỏi phòng, mọi người đều thở ra nhẹ nhõm.

Nhân lúc rảnh rỗi, Trung úy Trí giảng cho tôi biết về sự hình thành của Tiểu đoàn 204 mà tiền thân của nó là Đại đội 302

Trình sát. Đây là tiểu đoàn thiện chiến nhất của Tiểu khu Tuyên Đức, và cũng là tiểu đoàn chủ lực của Quân Khu II. Huyền thoại về Tiểu đoàn 204, tôi và mọi người dân Đà Lạt cũng đều biết rõ.

Khi Thiếu tướng Chỉ huy trưởng quyết định đem Tiểu đoàn 204 tái chiếm Di Linh, tuy sẽ chặn được bước tiến quân của Cộng Sản trên Quốc lộ 20 nhưng Đà Lạt không còn quân trừ bị.

Đại úy Luân và Trung úy Trí cả hai cùng nhìn tôi, Đại úy Luân nói:

-Trước sau gì Đà Lạt cũng mất, tại sao mình không đưa hàng chục Tiểu đoàn Địa Phương Quân của Tiểu khu Tuyên Đức với quân số và đạn dược còn đầy đủ, tinh thần chiến đấu còn cao, đi giữ an ninh cho đoạn đường từ Đơn Dương băng qua đèo Ngoạn Mục xuống Sông Pha. Bảo vệ được đoạn đường chiến lược này, Sinh viên sĩ quan Võ Bị, Sinh viên sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị, cũng như dân chúng Đà Lạt sẽ an toàn rút về Sài Gòn.

Tôi không có ý kiến, chuyện di tản do Thiếu tướng Chỉ huy trưởng quyết định, đúng hay sai và khi nào bắt đầu không phải là việc khiến tôi suy nghĩ.

Ngày hôm sau, thêm một ngày ba đưa tôi làm việc tối tăm mặt mày nhưng tất cả đều vui vẻ, vì chiều hôm đó, có tin tức báo về Trung tâm hành quân cho biết binh sĩ của Tiểu đoàn 204, kéo về

Đà Lạt một chiếc xe Molotova của Việt Cộng do Liên Xô cung cấp, chiếc xe được để ngay nơi vòi phun nước gần cà phê Hạnh Tâm. Điều này chứng tỏ rằng, Tiểu đoàn 204 đang giao tranh với Việt Cộng ở Di Linh, và đã chặn đứng được bước tiến quân của Việt Cộng trên Quốc lộ 20.

Khi mà ngoài trời đã tối mịt, ba đứa chúng tôi mới rảnh rỗi có chút thì giờ đổ nước lạnh vào mấy bao gạo sấy, ăn với thịt hộp, thêm chút mì gói bẻ vụn vì không có nước sôi. Câu lạc bộ sĩ quan đã đóng cửa từ sáng, không còn bán nữa. Ba thằng vừa ăn cơm vừa tán gẫu, đại úy Luân hỏi tôi:

-Mấy hôm rồi tôi thấy chỉ có trung úy trực Trung tâm hành quân của trường, một mình ông lo hết mọi chuyện, còn thì giờ đâu để nghỉ ngơi.

Tôi giải thích cho Đại úy Luân biết.

-Trường Võ Bị Đà Lạt có hai Trung tâm hành quân, một ở trong trường và một ở ngoài tư dinh của thiếu tướng. Trung tâm hành quân ngoài tư dinh của thiếu tướng do hai vị đại úy và hai hạ sĩ quan thay phiên nhau trực. Trung tâm hành quân trong Trường Võ Bị Đà Lạt do hai trung úy và hai hạ sĩ quan điều hành, tất cả được đặt dưới quyền chỉ huy của thiếu tá trưởng Phòng hành quân. Mấy hôm trước đây vì tình hình biến chuyển ở Liên tỉnh lộ 7, Phòng hành quân từ tòa nhà chỉ huy dời xuống đây, Trung úy Hàn thuộc Trung tâm hành quân của trường, phải vác máy PRC 25 đi theo thiếu tá trưởng Phòng hành quân. Một mình tôi phải cáng đáng tất cả mọi việc ở đây, không biết cho đến khi nào mới có thêm sĩ quan trợ giúp. Đang thoải mái ngồi nghe tôi nói chuyện, bất chợt Đại úy Luân buông đũa đứng lên rồi hô to:

-Nghiêm.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng xuất hiện nơi cửa ra vào, ông nhìn quanh khi thấy tôi, ông ra lệnh:

-Trung úy, gọi Đại úy Đại đội trưởng Công Binh đến Trung tâm hành quân nhận lệnh, gọi ngay lập tức.

Tôi bốc cái điện thoại nội bộ nối trực tiếp với Đại đội Công Binh. Từ đầu dây bên kia, giọng nói của một người gốc Huế.

-Đại úy Thi, Đại đội Công Binh Trường Võ Bị Đà Lạt, tôi nghe. Tôi nhỏ giọng:

-Tôi, Trung úy Quân Trung tâm hành quân Trường Võ Bị Đà Lạt, đại úy trình diện Thiếu tướng Chỉ huy trưởng gấp. Thiếu tướng đang ở Trung tâm hành quân của trường.

Tôi gác điện thoại rồi đứng nghiêm.

-Trình thiếu tướng, đã cho lệnh gọi Đại úy Thi rồi.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng gật đầu, quay người đi đến bức thuyết trình. Ông đứng nhìn tám bản đồ gắn trên tường rồi hỏi trống không:

-Từ đây xuống cầu Đại Ninh, đường sá có an ninh không?

Đại úy Luân trả lời, giọng hơi rụt rè:

-Trình thiếu tướng, ban ngày an ninh hoàn toàn nhưng đêm đến khi binh sĩ của mình rút quân về căn cứ, du kích quân của Việt Cộng có thể xuất hiện hoạt động quấy phá.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nói:

-Đại úy lệnh cho tất cả các đơn vị đóng dọc theo Quốc lộ 20, từ đầu đèo Prenn đến cầu Đại Ninh lo phần an ninh quốc lộ, binh sĩ đặt trong tình trạng báo động, sẽ có quân xa của mình di chuyển.

Đại úy Luân nói:

-Tuân lệnh.

Tôi hơi thắc mắc, quân xa nào của mình mà di chuyển vào giờ này. Ngay lúc ấy, cửa phòng Trung tâm hành quân sịch mở mang theo con gió lạnh từ bên ngoài lùa vào, Đại úy Thi bước đi như là chạy đến trước mặt Thiếu tướng Chỉ huy trưởng, ông đưa tay chào kính.

-Đại úy Trần văn Thi, trình diện thiếu tướng.

Thiếu tướng nhìn Đại úy Thi từ đầu đến chân rồi hỏi:

-Đại úy có biết cầu Đại Ninh ở đâu không?

Đại úy Thi đưa tay xuống nhưng vẫn đứng nghiêm.

-Thưa thiếu tướng biết, cầu nằm ở Quốc lộ 20 trên đường về Sài Gòn, cách Đà Lạt khoảng năm mươi cây số.

-Đại úy đã thấy cây cầu ấy chưa?

-Thưa thiếu tướng, mấy năm trước tôi đã đi qua cây cầu ấy nhiều lần khi đi phép về Sài Gòn.

-Nó như thế nào?

-Trình thiếu tướng, cầu khá lớn, chiều dài của cầu có thể đến hai trăm thước, được đúc bằng bê tông cốt sắt khá kiên cố bắc ngang

sông... hình như sông Đa Nhim thì phải.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đi đến bàn họp hành quân, ông ngồi xuống rồi tiếp tục hỏi Đại úy Thi.

-Đại úy biết khá rõ về cây cầu, vậy phải cần bao nhiêu ký thuốc nổ để phá sập cây cầu đó.

Đại úy Thi luống cuống ra mặt.

-Trình thiếu tướng, tôi cần có thì giờ đo đạc chân cầu, tính toán cẩn thận mới biết rõ cần bao nhiêu ký chất nổ.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nhíu mày, chùng như suy nghĩ.

-Đại úy cho một con số phỏng chừng cũng được.

Sau một chút chần chờ, Đại úy Thi trả lời:

-Trình thiếu tướng, phải cần trên một tấn hợp chất C4, chuyên viên chất nổ của Công Binh mới giựt sập cầu được.

Giọng nói của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đột nhiên nghiêm lại, nghe như là một mệnh lệnh chứ không phải giọng lúc nói chuyện.

-Tôi muốn, đại úy đích thân dẫn lính Công Binh, đi phá cầu Đại Ninh cho tôi.

-Trình thiếu tướng, khi nào?

-Ngay bây giờ, đại úy thấy có gì trở ngại không?

-Trình thiếu tướng, không.

Tôi biết rõ, nếu Thiếu tướng Chỉ huy trưởng bảo Đại úy Thi nhảy vô lửa, ông ấy cũng nhảy ngay lập tức, sá gì chuyện đi đặt mìn phá hủy cây cầu.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nhìn vào đồng hồ đeo tay.

-Bây giờ là tám giờ tối, đại úy có một giờ để chuẩn bị chất nổ và chuyên viên, chín giờ khởi hành. Từ đây đến cầu Đại Ninh khoảng năm mươi cây số, mười giờ ba mươi đại úy sẽ có mặt tại cầu. Sau khi giựt sập cầu Đại Ninh, đại úy báo cáo kết quả về Trung tâm hành quân của trường.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nhìn thẳng vào mắt của Đại úy Thi:

-Đại úy có gì hỏi không?

-Thưa thiếu tướng, chở một xe chất nổ di chuyển ban đêm không có hộ tống, rất dễ bị Việt Cộng bắn B40.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng chỉ tay về phía đại úy Luân.

-Đã có đại úy Luân, phòng hành quân của Tiểu khu lo phần an

ninh lộ trình.

Như chợt nhớ ra điều gì, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng nói với Đại úy Luân:

-Tiểu đoàn 277 của Tiểu khu Tuyên Đức, đã qua cầu Đại Ninh vào vùng hành quân chưa?

-Trình thiếu tướng tiểu đoàn trên đã qua cầu, đang tiến vào quận Di Linh.

-Tốt.

Vừa dứt lời, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng quay sang nói với đại úy Thi:

-Đại úy về Đại đội Công Binh chuẩn bị, một giờ nữa sẽ khởi hành.

Khi Đại úy Thi rời khỏi Trung tâm hành quân, tất cả chúng tôi bắt đầu làm việc, theo dõi từng bước đi của ông ta rồi trình lên Thiếu tướng Chỉ huy trưởng.

Mãi đến 1 giờ sáng, tôi mới nhận được tin của Đại úy Thi nói qua máy truyền tin:

-Trung úy trình cho thiếu tướng biết, tôi đã giựt sập cầu Đại Ninh rồi.

-Tôi sẽ trình ngay lập tức nhưng đại úy phải về Trung tâm hành quân trình diện thiếu tướng, ông ấy đang chờ đại úy ở đây.

Ba giờ sáng, Đại úy Thi về đến Trung tâm hành quân. Sau khi nghe rõ Đại úy Thi tường trình đầy đủ về việc giựt sập cầu Đại Ninh, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng mới chịu ra về. Tồn hơn bảy, tám tiếng đồng hồ, lại đích thân lo mọi việc chứng tỏ chuyện phá sập cầu Đại Ninh là một điều quan trọng trong kế hoạch di tản khỏi Đà Lạt của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng.

Sau một ngày làm việc liên tục, chúng tôi tạm thời được nghỉ ngơi. Tôi đang mơ màng trong giấc ngủ chập chờn, bất chợt tiếng chuông điện thoại reo vang. Tôi nhìn đồng hồ, mới bốn giờ sáng mà điện thoại reo là có chuyện không ổn rồi. Tôi chụp cái ống liên hợp.

-Trung úy Nguyễn Trọng Quân, Trung tâm hành quân Trường Võ Bị Đà Lạt, nghe.

Giọng của bác Bảy ở đầu dây bên kia, nghe không được rõ cho

lắm.

-Bác có chuyện quan trọng cần nói với con.

-Dạ, con nghe đây bác.

-Độ mười ngày trước đây, khi con Cúc về Sài Gòn, nó có nói với bác là chiếc máy bay C130 chở Cúc rộng thùng thang, trung úy lái máy bay lại là bạn của con nhưng con không chịu về, đúng không?

Tôi trả lời:

-Dạ phải.

Giọng của bác Bảy nói mà như là khiển trách:

-Bác đã nói với con là mình phải bỏ nước ra đi, vậy mà con không chịu nghe lời bác. Con có biết không, cái đám cố vấn Mỹ bạn của bác, tụi nó ngày nào cũng thúc giục bác phải ra đi càng sớm càng tốt. Hiện tại, bác đang ngồi ở phòng đợi của hãng hàng không Air France, tại phi trường Tân Sơn Nhất. Hai giờ nữa máy bay sẽ cất cánh, với bác mọi chuyện đều suôn sẻ, chỉ tội cho Cúc nó buồn vì không có con nhưng mà bác làm gì được bây giờ. Con với Cúc đã làm đám hỏi, hai đứa bây có duyên mà không có phận, khi bác và Cúc đi rồi, con được tự do hoàn toàn định liệu lấy đời mình.

Nghe bác Bảy nói, tôi mừng thầm trong bụng. Tôi nghĩ, sau này về được Sài Gòn, tôi có thể cưới Dung mà không một chút mặc cảm là đã phụ rẫy Cúc. Tôi nói:

-Con cảm ơn bác.

-Còn điều này nữa, cho bác gởi lời thăm ba má con và mấy em của con. Tới giờ bác phải lên máy bay rồi, con ở lại mạnh giỏi.

Tôi nói thêm:

-Con chúc bác và Cúc lên đường bình an.

Cùng lúc ấy, tôi nghe được đường dây điện thoại bị cắt, chỉ còn tiếng u..u.. vọng lại. Tôi gác điện thoại, nhắm mắt cố dỗ giấc ngủ để mai còn sức mà làm việc. Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi lên máy chỉ theo dõi mọi biến chuyển về chuyện điều quân của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng.

o O o

Chiều hôm nay 31 tháng 3 năm 1975, tôi đang đứng tại tòa nhà chỉ huy. Sau khi nhìn quanh một vòng không thấy gì, tôi đi lần theo cầu thang xoắn ốc lên đến tầng hai của bộ chỉ huy. Sau lưng tôi là phòng làm việc của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng, trước mặt tôi là Trung tâm hành quân cũ, hành lang phía trái và hành lang bên phải sâu hun hút, lơ mờ trong bóng tối, cửa nẻo đóng im ỉm không một bóng người. Những tia nắng vàng vọt, yếu ớt còn sót lại của buổi chiều mùa xuân lọt qua những ô cửa kính của bộ chỉ huy, màu vàng của nắng yếu đuối, nhợt nhạt không một chút sinh khí, tất cả chìm trong ánh sáng mờ mờ khiến cả tòa nhà như đã bị bỏ hoang lâu ngày.

Tôi bước tới gần khung cửa kính, bên ngoài là Vũ Đình Trường Lê Lợi xanh màu cỏ, ngay trước khán đài danh dự là cột cờ với cờ Quốc Gia vẫn còn tung bay phát phới. Hình ảnh của những sinh viên sĩ quan quỳ dưới bóng cờ này trong ngày lễ mãn khóa, với lời thề quyết tâm bảo vệ tổ quốc hãy còn vang vang đâu đó. Giờ đây, những sinh hoạt thường ngày của hàng ngàn sinh viên sĩ quan đã hoàn toàn biến mất. Từ hôm qua, sinh viên sĩ quan được trang bị như một người lính tác chiến với súng cá nhân M16, súng cộng đồng M60, thậm chí cả súng chống chiến xa M72, họ được đưa đi giữ an ninh lộ trình trải dài từ cầu Đất cho đến Đơn Dương. Khi sinh viên ra đi, họ bỏ lại ngôi trường tro tro một mình, không có sinh viên ngôi trường chỉ là cái xác không hồn, đứng im lìm trong nắng chiều hiu hắt.

Tôi nhìn ngôi trường, nơi mà tôi đã phục vụ hơn sáu năm trong đời quân ngũ của mình. Sáu năm, một khoảng thời gian không nhiều cho lắm, so với chiều dài của cuộc sống con người, thế nhưng khoảng thời gian ấy đủ để chiếm lấy một phần trong ký ức, đủ để khắc sâu vào tâm khảm của mình. Lòng tôi bỗng dưng chùng xuống, bùi ngùi thương cảm. Một chút luyến thương, khi biết mình sắp phải rời xa vĩnh viễn ngôi trường khiến tôi cảm thấy cay cay nơi mắt. Đêm nay hoặc chậm lắm là ngày mai, chúng tôi sẽ di tản. Ra đi là bỏ lại Đồi Bắc, bỏ lại cổng Nam Quan, bỏ luôn cả tòa nhà chỉ huy với Trung tâm hành quân, tất cả chỉ còn lại trong quá khứ vàng son một thuở. Tôi đi mà hành trang mang theo, chỉ là những ngày dài nhớ thương về ngôi

trường trên đỉnh cao nguyên Lâm Viên.

Tôi bước dọc theo hành lang phía trái của bộ chỉ huy, để trở về Trung tâm hành quân mới. Khi gần đến nơi, đột nhiên tôi đổi ý rẽ vào thư viện. Cũng lại hoàn toàn im vắng, cho dù có đốt đuốc cũng không tìm ra một người. Mặc dù đã biết trước như vậy, tôi vẫn cảm thấy xốn xang trong lòng. Cái cảm giác như là đang xem một cuốn phim đen trắng, chiếu về cảnh ngày tận thế, mà trong đó kẻ sống sót duy nhất thần thờ đi lang thang hết dãy phố này qua dãy phố khác, với mục đích tìm cho được mầm sống, còn sót lại đâu đó. Một mình tôi đang đứng giữa hừng hà sa số sách và sách, chung quanh đó là bàn ghế sạch sẽ được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng. Tôi chọn một chỗ rộng rãi thoáng mát, thoải mái ngồi dựa ngửa, gác nguyên đôi bốt dờ sô lên bàn rồi đốt một điều thuốc, khói thuốc chậm chậm, lơ lửng, là đà bay trong không khí. Giữa không gian tĩnh lặng không một tiếng động, giá như có một hạt bụi rơi, tôi tưởng rằng mình có thể nghe được. Tôi ngồi đó tận tình thưởng thức hương thơm của khói thuốc, thuận tay, tôi vớ lấy cuốn sách mà ai đó đang đọc nửa chừng còn để úp ngược trên bàn. Tôi bắt đầu đọc, đọc để quên đi chuyện di tản đang sôi động ở bên ngoài.

Được một đoạn ngắn, sức hấp dẫn lôi cuốn mãnh liệt của cuốn truyện khiến tôi quên hết mọi chuyện ở quanh mình. Tôi lạc vào thế giới của “Trại Đầm Đùn” lúc nào cũng không biết.

-Trung úy, trung úy.

Tiếng gọi của người hạ sĩ quan trực hành quân vang vang khắp căn phòng, kéo tôi về với thực tại.

-Tôi đây.

-Tôi tìm trung úy muốn hút hơi. Trời đất, trong giờ phút dầu sôi lửa bỏng, phải bỏ của chạy lấy người đến nơi mà trung úy còn bình tĩnh ngồi đây đọc sách. Ông hay thiệt, mà nè sách gì vậy, có hay không?

Tôi không trả lời người hạ sĩ quan mà hỏi ông ta:

-Có chuyện gì?

-Trung úy Lợi, bên Công Binh của trường cần gặp trung úy.

-Mấy giờ rồi?

-Bảy giờ.

-Hai vị đại úy và trung úy thuộc Trung tâm hành quân của Tiểu khu, biệt phái cho trường ở đâu rồi?

-Họ đang theo dõi, cập nhật, bố trí của mấy tiểu đoàn Địa Phương Quân.

Tôi lẹ làng nhét cuốn truyện Trại Đầm Đùn vô túi áo jacket, rồi vội vàng phóng một mạch về Trung tâm hành quân. Cuốn sách trong túi áo của tôi, là cuốn sách duy nhất trong thư viện của trường Võ Bị được tôi đem theo, tất cả sách còn lại sẽ bị thiêu hủy dưới sức công phá của hàng ngàn ký chất nổ C4.

Trung úy Lợi đang đứng bên hông chiếc xe Dodge 4×4, ông ta nói với tôi:

-Tôi muốn kiểm chứng lại lần chót với Trung tâm hành quân.

-Chuyện gì?

-Bốn điểm trọng yếu trong trường mà tôi phải đặt mìn để phá hủy là tòa nhà bộ chỉ huy, nhà thí nghiệm nặng, thư viện và phạn xá, đúng không?

-Đúng.

-Coi như xong, với mấy xe Dodge đầy nhóc chất nổ C4, đủ sức cho tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Giọng nói của Trung úy Lợi đột nhiên nhỏ lại chỉ vừa đủ nghe.

-Khi nào bọn mình dợt?

-Tôi mà biết được, giờ này tôi đã là chỉ huy trưởng rồi.

Nhìn nét thất vọng hiện rõ trên gương mặt của Trung úy Lợi, tôi an ủi.

-Phá sập xong Trường Võ Bị thì trung úy dợt, lúc đó cho dù ông có muốn ở lại cũng không được.

Trung úy Lợi nói với tôi:

-Phải chi giờ này Câu lạc bộ sĩ quan còn, bọn mình qua đó làm một ly cà phê trước khi chia tay với Trường Võ Bị.

-Tôi có cà phê nhưng không có nước sôi.

Trung úy Lợi hăng hái nói:

-Để ợt, giựt sập Trường Võ Bị tôi còn làm được, sá gì chuyện mấy cái ly nước sôi, để đó tôi lo.

Vừa nói Trung úy Lợi vừa đi vòng ra phía sau xe Dodge, ông ta

lôi ra một bánh C4, thoáng chốc ngọn lửa xanh biếc bùng lên. Khi nước trong chiếc ca nhôm bắt đầu sôi, Trung úy Lợi đổ thẳng cà phê bột vào ca nước. Chúng tôi uống cà phê mà như uống thuốc độc. Nó đắng nghét, lợn cợn những hột cà phê nhỏ như những hột cát mịn bám đầy lưỡi. Đó là ly cà phê cuối cùng, mà tôi và Trung úy Lợi uống ở Trường Võ Bị Đà Lạt.

Gần chín giờ tối, hai Đại đội sinh viên sĩ quan cuối cùng rời khỏi trường theo cổng Tôn Thất Lễ. Cho tới giờ này, tôi biết rằng trong trường chỉ còn lại năm người vẫn còn đang làm việc tại Trung tâm hành quân, đó là hai hạ sĩ quan trực máy, hai sĩ quan hành quân của Tiểu khu Tuyên Đức biệt phái cho trường và tôi. Điều đặc biệt là bên ngoài vòng đai của trường, gồm có Tiểu đoàn An Ninh cũng như những đơn vị bảo vệ vẫn còn đóng quân tại chỗ, giữ an ninh cho trường, nói đúng hơn là giữ an ninh cho một cái xác không hồn.

Sáng nay, đoàn quân xa của trường đã chở tất cả gia đình binh sĩ trong trại gia binh của trường xuống Sông Pha, sau đó, quay về trường sẵn sàng đón thêm binh sĩ cũng như sinh viên sĩ quan của trường, chưa di tản lúc sáng.

Đang chăm chú theo dõi mọi diễn tiến của cuộc rút quân, tôi chợt nghe giọng nói của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng vang lên đằng sau lưng tôi.

-Trung úy đi hỏi coi, trực thăng có đáp xuống Pr'line được không?

Tôi giật mình, lật đật đứng nghiêm chào thiếu tướng. Khi đã hiểu rõ câu hỏi của ông, tôi chạy đến sân cỏ trung đoàn sinh viên nơi có chiếc trực thăng của thiếu tướng đậu sẵn ở đó. Tôi hỏi vị đại úy lái chiếc trực thăng:

-Thiếu tướng muốn biết, trực thăng có đáp xuống Pr'line được không?

Vị đại úy lái trực thăng nói với tôi:

-Tối hôm nay trời nhiều sương mù, đáp được nhưng không an toàn.

Tôi đi trở lại Trung tâm hành quân.

-Trình thiếu tướng, vị đại úy lái trực thăng nói đáp được nhưng không an toàn.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng ra lệnh cho tôi:

-Cho trực thăng đến Pr'line, ở đó chờ lệnh mới.

Tôi biết, Pr'line là tên của ngọn núi cao nhất gần Cầu Đất, cách Đà Lạt khoảng hai mươi lăm cây số trên đường đi xuống Sông Pha. Ngày xưa, đây là trung tâm phát tuyến lớn nhất trong chiến tranh Việt Nam, trung tâm này do Mỹ thành lập, sau năm 1973 họ bàn giao lại cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Hiện tại, Sinh viên sĩ quan Võ Bị đã đóng quân tại căn cứ này từ hôm qua. Một lần nữa, tôi lại phải chạy ra sân cỏ trung đoàn sinh viên, truyền lệnh cho vị đại úy lái trực thăng.

Khi tôi trở lại Trung tâm hành quân, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng đang đi tới đi lui trong phòng, đầu cúi xuống như đang nhìn vào mũi giày của ông, bất ngờ ông đưa tay nhìn đồng hồ rồi nói:

-Xé và đốt tất cả bản đồ hành quân trên tường, phá hủy đường dây điện thoại.

Dứt lời, thiếu tướng ngồi xuống ghế nhìn chúng tôi làm công việc tiêu hủy tài liệu. Khi thấy mọi việc đã xong xuôi, ông nói:

-Đi.

Chúng tôi vai ba lô, súng M16, tay xách máy PRC25, đặc lệnh truyền tin, rời khỏi Trung tâm hành quân của Trường Võ Bị Đà Lạt, tôi nhìn đồng hồ đeo tay của mình : chín giờ rưỡi.

Thiếu tướng Chỉ huy trưởng bước lên chiếc xe jeep của ông, trên xe chỉ có tài xế và ông. Vị Đại úy Tùy viên, người vẫn thường theo ông như bóng với hình, hôm nay ông ấy ở đâu tôi không thấy. Có thể ông ấy đang ở ngoài tư dinh. Chiếc xe jeep của phòng hành quân đậu cách xe của thiếu tướng chừng mười thước, tôi bước tới nhìn vào xe rồi giật mình hỏi tài xế:

-Hai đứa nhỏ nào đây?

Người tài xế trả lời:

-Con của tôi đó trung úy.

Tôi nhìn hai đứa nhỏ khoảng mười ba, mười bốn tuổi đang ngồi trong xe rồi tính nhẩm trong đầu, năm người của Trung tâm hành

quân, tài xế nữa là sáu thêm hai đứa nhỏ vị chi là tám người, trong đó sáu người với đầy đủ ba lô súng đạn, thêm bốn máy truyền tin PRC25, chỗ đâu mà chứa cho hết. Tôi bấm đèn pin, rọi xuống sàn xe rồi hỏi tài xế:

-Còn cái bao gạo năm chục ký với mấy cái nồi này của ai? Phải bỏ lại thôi.

Người tài xế nói, giọng nói như là năn nỉ.

-Trung úy độc thân nên không biết, tôi bỏ bao gạo lại đây, ngày mai con tôi lấy cái gì ăn.

Tôi nhìn hai đứa nhỏ, rồi nghĩ tới mấy đứa em của mình đang ở nhà với ba má tôi. Ba má tôi, sống trong một căn nhà gỗ tồi tàn gần ba chục năm ở ngoại ô, vừa mới dọn về căn nhà khang trang ở phố chưa được bao lâu, ông bà tiếc của nên đi không đành. Tôi nói:

-Tất cả lên xe.

Chiếc xe jeep của Trung tâm hành quân, tôi là trưởng xa, ghé trước bên phải là ghế của tôi. Đại úy Luân là người biết chuyện, ông chui vào xe ngồi phía sau tránh cho tôi tình trạng khó xử.

Không còn thì giờ tìm hiểu để biết mọi người chen chúc như thế nào ở phía sau, có đủ chỗ hay không? Tôi nói với tài xế:

-Chạy theo xe của thiếu tướng.

Trên trời, con trăng mười tám hay mười chín tôi không rõ lắm treo lửng lơ, mặt trăng đã bắt đầu meo méo tỏa chút ánh sáng mờ mờ xuống khu đồi 1515. Trường Võ Bị Đà Lạt nằm trên ngọn đồi này. Xe jeep của tôi và của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng không mở đèn, chạy chậm chậm đến cổng Nam Quan rồi quay đầu lại tòa nhà chỉ huy. Khi xe jeep chạy ngang qua Vũ Đình Trường Lê Lợi, tôi quay nhìn về phía tay phải, Đài Tử Sĩ chìm trong ánh trăng mờ vàng úa, tiếng kèn truy điệu gọi hồn tử sĩ vị quốc vong thân chừng như còn văng vẳng đâu đây. Tôi nhắm mắt, bịt tai cho đến khi xe băng qua hai ngôi nhà tiền chế của Tiểu Đoàn An Ninh, qua Liên Đoàn yểm Trợ rồi ra khỏi trường theo cổng Lý Thường Kiệt. Tôi nghĩ trong đầu, lát nữa đây hàng ngàn ký chất nổ C4 của Trung úy Lợi, sẽ giựt sập bốn điểm trọng yếu của Trường Võ Bị.

Khi chiếc xe jeep của tôi đến cổng tư dinh của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng, ở gần ngã tư Phan Chu Trinh, tôi cho tài xế quay đầu xe lại đợi ở bên ngoài. Bên trong sân tư dinh đèn đuốc sáng choang, tôi thấy Đại tá Chỉ huy trưởng Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị cùng với Đại tá Tỉnh Trưởng đang đứng trước hàng hiên. Chờ cho đến khi đoàn xe trong tư dinh bắt đầu chuyển bánh, tôi cho xe jeep của tôi chạy trước dẫn đầu. Điều tôi không ngờ được là dân chúng Đà Lạt đã di tản từ lúc nào, có thể là từ chiều. Người dân bỏ Đà Lạt ra đi bằng tất cả mọi phương tiện mà người ta có được, từ chiếc xe truck, xe du lịch, xe Lam, xe Honda, cho đến xe đạp thậm chí kể cả chuyện phải bồng bế, gánh gồng, tất cả chen chúc nhau trên đoạn đường từ Đà Lạt xuống Đơn Dương. Đoàn người di tản đông đến độ xe cộ chỉ chạy được với vận tốc không quá mười cây số một giờ. Với một đoạn đường khoảng ba chục cây số, phải mất gần ba giờ chiếc xe jeep của tôi mới tới được Eo Gió, chuẩn bị để đổ đèo Ngoạn Mục. Đường đèo dài khoảng hai chục cây số, quanh co khúc khuỷu ôm theo triền núi, nhiều đoạn sườn núi thẳng như vách đá dựng, người dân Đà Lạt di tản nếu vượt qua được đoạn đường này, xuống đến Sông Pha kể như đã vào vùng an toàn, không còn gì phải lo lắng. Một giờ sáng ngày 1 tháng 4, cả đoàn xe bị kẹt trên đèo Ngoạn Mục hơn hai tiếng đồng hồ. Qua máy truyền tin, tôi biết được Việt Cộng bắn B40 vào một chiếc xe chạy đầu ở Sông Pha. Tôi đứng ở đỉnh đèo Ngoạn Mục nhìn xuống chân núi, đoàn người di tản đi bộ dọc theo hai bên đoàn xe, đèn xe sáng rực cả một góc trời trông giống như là một con rắn lửa khổng lồ đang bò theo triền núi, để trườn mình xuống đồng bằng. Cái đầu của con rắn đã qua khỏi Sông Pha, trong khi thân của nó hãy còn ở đỉnh đèo Ngoạn Mục, và cái đuôi con rắn có thể còn ở đâu tận Đà Lạt.

Khi xe jeep của tôi đến một khúc cua gắt như cái cùi chỏ, lúc này xe chạy còn chậm hơn người đi bộ. Dưới ánh sáng của hàng ngàn ngọn đèn đủ mọi loại xe, tôi thấy một anh Sinh viên sĩ quan Võ Bị đứng trên một mô đất bên vệ đường, hai chân của anh xoạc ra theo thể thao diễn nghị, tay trái buông xuôi, tay phải ôm khẩu M16, báng súng chống vào bên hông, nòng súng hướng lên trời.

Tôi xuống xe, đi bộ đến bên anh sinh viên, định hỏi tại sao anh ta không di chuyển theo đoàn quân mà lại đứng một mình ở đây. Khi đến trước mặt anh sinh viên, tôi giật mình vì thấy đôi dòng lệ chảy dài theo khóe mắt của anh ta. Anh sinh viên với nét mặt u buồn, đôi môi mím chặt, đứng bất động nhìn theo đoàn người di tản đang từ từ trôi xuống đồng bằng. Nếu không có những giọt nước mắt lăn dài trên gương mặt buồn bã của anh sinh viên, tôi tưởng rằng mình đang đứng đối diện với một pho tượng được tạc bằng đá. Tôi không biết pho tượng đá đó khóc vì phải rời rời xa ngôi trường thân yêu, hay khóc vì cảnh sinh linh đồ thán. Tôi nghĩ rằng, chẳng thà anh sinh viên khóc thành tiếng, có thể tiếng khóc sẽ làm vơi đi những uất hận, đớn đau chất chứa trong lòng. Đáng này, anh lại yên lặng nuốt cái uất ức vào lòng, nỗi đau tự nó sẽ nhân lên gấp bội.

Tôi tốt nghiệp Thủ Đức, chỉ làm việc ở Trường Võ Bị, vậy mà khi rời xa ngôi trường lòng tôi đau đớn như bị dao cắt huớng gì Sinh viên sĩ quan Võ Bị Đà Lạt, bốn năm gắn bó với ngôi trường trên đỉnh ngọn đồi 1515. Tôi hiểu và cảm được cái đau của pho tượng đá trước mặt tôi.

Hơn một ngàn Sinh viên sĩ quan Võ Bị Đà Lạt ba lô trên vai, súng M16 cầm tay vừa di chuyển vừa bảo vệ dân chúng, chân đi nhưng lòng của họ còn để lại ở Trường Võ Bị, bởi vì tôi nghe một anh sinh viên với giọng nói như gào thét, đầy phần uất.
-Tại sao chưa đánh mà chạy.

Một anh sinh viên khác, nói mà như khóc:

-Phải ở lại bảo vệ Đà Lạt, bảo vệ Trường cho dù có chết. Không thể hèn như vậy được.

Hơn một ngàn trái tim với tinh thần kỷ luật cao độ, đó là một khối thép đồng nhất, một khối sức mạnh vô địch mà Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt đã đem xuống bảo vệ đèo Ngoạn Mục, vì đây là đoạn đường đèo trọng yếu, là con đường huyết mạch trong cuộc di tản của dân Đà Lạt. Một ngàn Sinh viên sĩ quan Võ Bị Đà Lạt, họ thà chết, hy sinh cho đến người cuối cùng, để dân chúng Đà Lạt an toàn di tản về Sài Gòn. Bởi vì, Bảo Quốc An Dân là bổn phận và trách nhiệm của họ.

Thêm một chi tiết khá quan trọng mà ít người biết đến, là khi người dân Đà Lạt đã đi qua Sông Pha vào được vùng an toàn thì Tiểu đoàn 204 trinh sát của Tiểu khu Tuyên Đức, đang còn giao tranh với Cộng quân tại Di Linh. Và Tiểu đoàn 277 của Tiểu khu Tuyên Đức đang trên đường tiến vào Di Linh. Hai Tiểu đoàn 204 và 277, với quân số chưa tới một ngàn người phải chiến đấu chống lại Trung Đoàn 812 là chủ lực quân của Khu 6 và Sư Đoàn 7 của Việt Cộng. Tôi tin rằng họ sẽ cầm chân Việt Cộng ở Di Linh ít ra cũng được vài ngày, đủ thời giờ cho dân chúng Đà Lạt di tản. Có một điều khiến tôi phải thắc mắc, nếu sĩ quan cũng như binh sĩ của hai Tiểu đoàn 204 và 277 biết được là họ đi vào mặt trận mà không có lực lượng trừ bị, không có yểm trợ của pháo binh, không quân, ngay cả việc tiếp tế đạn dược và lương thực cũng không có, liệu họ có đủ can đảm chiến đấu hay không khi biết mình là những cảm tử quân, chỉ có đi mà không có về. Cuối cùng là chuyện, nếu Cộng Sản tiêu diệt được hai tiểu đoàn thiện chiến nói trên, xe tăng của Việt Cộng cũng không làm sao vượt qua được sông Đa Nhim, vì cầu Đại Ninh đã bị giựt sập. Trong suốt cuộc đời của tôi, đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến một cuộc di tản vĩ đại, đầy đau khổ của người dân khi chạy trốn Cộng Sản. Dân Đà Lạt bỏ tất cả nhà cửa ruộng vườn, đất đai, chỉ với vài bộ quần áo và nắm cơm trên tay chạy về vùng Quốc Gia kiểm soát, chạy về những nơi chưa lọt vào tay Cộng Sản.

Khi tôi đến Sông Pha trời đã sáng hẳn, xe của Thiếu tướng Chỉ huy trưởng hãy còn xa tít ở phía sau, ông là người nằm trong toán quân đi bọc hậu ở chót cùng. Tất cả sinh viên sĩ quan cũng như binh sĩ của Trường Võ Bị Đà Lạt tập trung tại một bãi đất trống bên đường để nghỉ ngơi sau một đêm thức trắng. Riêng dân chúng Đà Lạt vẫn tiếp tục chạy về Phan Rang. Tôi quay đầu, ngược nhìn lại đỉnh đèo Ngoạn Mục, hai đường ống dẫn nước khổng lồ từ đập Đa Nhim đổ xuống Sông Pha lấp lánh dưới ánh mặt trời, những tia nắng đầu tiên trong ngày làm rõ thêm đoàn người đông như một đàn kiến, vẫn còn tiếp tục đổ xuống đèo. Đà Lạt di tản gần như là hoàn hảo, không một tiếng súng nổ, không có cảnh chết chóc như Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị năm 1972, không chen lấn hoảng loạn như Quân đoàn II, khi triệt

thoái về Tuy Hòa theo Liên Tỉnh Lộ 7 khoảng hai tuần lễ trước đây. Từ Sông Pha về Sài Gòn, đi theo ngã Phan Thiết, rồi Bình Tuy, không còn khó khăn nguy hiểm. Ngày 4 tháng 4, Sinh viên sĩ quan Võ Bị Đà Lạt cùng quân nhân cơ hữu của trường được vận tải cơ C130, và trực thăng Chinook bốc từ Bình Tuy về Long Thành.

Nắm trong tay bốn chục chiếc trực thăng UH1, thêm vận tải cơ C130, trực thăng Chinook, được điều động từ Sài Gòn, Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt có thể bốc tất cả Sinh viên sĩ quan Võ Bị đem về Sài Gòn trong vòng vài tiếng đồng hồ. Tại sao ông không dùng máy bay vừa an toàn vừa nhanh chóng, mà lại dùng đường bộ. Lý do đơn giản và dễ hiểu nhất bởi vì ông không thể bỏ rơi dân Đà Lạt. Một trong nhiều lý do khiến Việt Nam Cộng Hòa thua Cộng Sản đó là tinh thần Nhân Bản, đã ăn sâu vào tâm khảm của người dân miền Nam, trong đó có Thiếu tướng Chỉ huy trưởng Trường Võ Bị Đà Lạt.

Huy Văn Trương

Share Lại Hoài Niệm T.TT



DANH SÁCH ỦNG HỘ TẬP SAN ĐA HIỆU

STT	Họ & Tên			Khóa/Thân Hữu		Số Tiền
1	Mrs	Nguyễn	Xuân	Thịnh	K03/1	\$ 50.00
2	Mrs	Tạ	Thai	Bình	K04/1	\$ 40.00
3	CSVSQ	Phan	Dinh	Tung	K05	\$ 50.00
4	Mr	Nguyen		Hieu	K05/2	\$ 50.00
5	Ms	Nguyen	Tran	Thu Ha	K05/2	\$100.00
6	CSVSQ	Phạm	Văn	Hải	K06	\$ 50.00
7	Ms	Trần	Thi	Vinh	K06/1	\$ 50.00
8	CSVSQ	Trương	Minh	Tâm	K07	\$ 50.00
9	CSVSQ	Điêu	Ngọc	Chánh	K08	\$ 50.00
10	CSVSQ	Lợi	Nguyễn	Tấn	K08	\$ 50.00
11	CSVSQ	Trần		Kiên	K08	\$ 40.00
12	CSVSQ	Vu	Ngoc	Ly	K08	\$ 50.00
13	CSVSQ	Dương	Cao	Sơn	K10	\$ 50.00
14	CSVSQ	Lê	Bá	Đô	K10	\$ 60.00
15	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Ky	K10	\$ 50.00
16	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Lạc	K10	\$ 30.00
17	CSVSQ	Nguyễn		Lộc	K10	\$100.00
18	CSVSQ	Vòng	A	Sĩ	K10	\$ 30.00
19	CSVSQ	Hoa	Hải	Thọ	K11	\$ 30.00
20	GĐ	Lý	Kim	Vân	K11	\$100.00
21	GĐ	Nguyễn	Hữu	Vượng	K11	\$ 69.41
22	CSVSQ	Lê	Ngọc	Diệp	K12	\$ 50.00
23	CSVSQ	Lê	Văn	Giàu	K12	\$ 50.00
24	CSVSQ	Tổng	Đình	Mai	K12	\$100.00
25	CSVSQ	Trần	Thượng	Khải	K12	\$ 30.00
26	CSVSQ	Hồ	Khắc	Đàm	K16	\$ 25.00
27	Mrs.	Nguyễn	Văn	Tri	K16	\$ 50.00
28	CSVSQ	Phạm	Văn	Dung	K16	\$ 50.00
29	CSVSQ	Nguyễn	Như	Phú	K16/1	\$ 20.00
30	Mrs	Nguyễn	Đặng	Thục	K16/1	\$100.00
31	CSVSQ	Đặng	Đức	Thắng	K17	\$100.00
32	CSVSQ	Đinh	Văn	Măng	K17	\$100.00

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

33	CSVSQ	Lê	Sĩ	Thắng	K17	\$ 50.00
34	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Kiên	K17	\$ 20.00
35	CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Toàn	K17	\$ 50.00
36	Mrs.	Nguyễn	Quang	Trung	K17	\$ 50.00
37	Mrs.	Lê	Hữu	Đông	K17/1	\$ 30.00
38	CSVSQ	Hoàng	Xuân	Thời	K18	\$ 30.00
39	CSVSQ	Nguyễn		Bê	K18	\$ 50.00
40	CSVSQ	Nguyễn	Ngọc	Khoan	K18	\$100.00
41	CSVSQ	Nguyễn	Đình	Trà	K18	\$ 50.00
42	CSVSQ	Phạm	Văn	Ngọc	K18	\$ 50.00
43	CSVSQ	Phan	Bắc	Giac	K18	\$ 30.00
44	CSVSQ	Tôn	Thất	Đường	K18	\$ 50.00
45	Mrs.	Quách	Xuân	Hương	K18/1	\$ 50.00
46	CSVSQ	Nguyễn	Anh	Linh	K19	\$ 40.00
47	CSVSQ	Nguyễn	Bá	Luân	K19	\$ 35.00
48	CSVSQ	Nguyễn	Phước	Tây	K19	\$ 40.00
49	CSVSQ	Phạm	Kim	Khôi	K19	\$ 20.00
50	CSVSQ	Trần		Vệ	K19	\$ 30.00
51	Mrs	Đặng	Hữu	Lộc	K19/1	\$ 50.00
52	CSVSQ	Đỗ	Hữu	Tài	K20	\$ 40.00
53	CSVSQ	Lê	Văn	Đoàn	K20	\$ 50.00
54	CSVSQ	Nguyễn	Thanh	Đức	K20	\$ 50.00
55	Mrs.	Nguyễn	Cảnh	Nguyên	K20	\$ 50.00
56	CSVSQ	Nguyễn	Tổng	Tiến	K20	\$ 30.00
57	CSVSQ	Nguyễn	Khắc	Tung	K20	\$ 40.00
58	CSVSQ	Võ	Văn	Huệ	K20	\$ 25.00
59	Mrs.	Ngô		Chương	K20/1	\$ 50.00
60	Ms	Nguyễn	Đình	Ngô	K20/1	\$ 30.00
61	CSVSQ	Nguyễn	Như	Chương	K21	\$ 20.00
62	Mrs.	Mai	Vĩnh	Phú	K22	\$100.00
63	CSVSQ	Nguyễn	Thành	Chức	K22	\$ 30.00
64	CSVSQ	Trương	Văn	Phổ	K22	\$ 30.00
65	CSVSQ	Trương	Văn	Tăng	K22	\$ 50.00
66	CSVSQ	Bùi	Văn	Tre	K23	\$ 50.00
67	CSVSQ	Đặng	Văn	Anh	K23	\$250.00

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

68	CSVSQ	Lê	Văn	Bá	K23	\$ 30.00
69	CSVSQ	Nguyễn	Xuân	Cung	K23	\$ 40.00
70	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Tông	K23	\$ 50.00
71	CSVSQ	Phạm	Ngọc	Trần	K23	\$ 50.00
72	CSVSQ	Ton	Minh	Chi	K23	\$ 30.00
73	CSVSQ	Trần	Văn	Xuân	K23	\$ 50.00
74	CSVSQ	Nguyễn	Hùng	Đỏm	K24	\$ 40.00
75	CSVSQ	Nguyễn	Hồ	Sơ	K24	\$ 50.00
76	CSVSQ	Phan	Thế	Thiệp	K24	\$ 30.00
77	CSVSQ	Bùi	Đạt	Trung	K25	\$ 50.00
78	CSVSQ	Đặng	Văn	Túc	K25	\$ 50.00
79	CSVSQ	Đỗ	Thiếu	Bá	K25	\$ 50.00
80	CSVSQ	Huỳnh	Tấn	Chức	K25	\$ 50.00
81	CSVSQ	Huỳnh	Ngoc	Vang	K25	\$100.00
82	CSVSQ	Lai	Dinh	Hoi	K25	\$ 50.00
83	CSVSQ	Lâm	Thế	Bình	K25	\$100.00
84	CSVSQ	Lâm	Ngọc	Thưởng	K25	\$ 50.00
85	CSVSQ	Lăng	Thành	Chung	K25	\$50.00
86	CSVSQ	Lê		Lào	K25	\$ 50.00
87	CSVSQ	Lê	Quí	Toàn	K25	\$ 50.00
88	CSVSQ	Lương		Vinh	K25	\$ 50.00
89	CSVSQ	Lưu	Đức	Tờ	K25	\$ 50.00
90	CSVSQ	Ngô	Đức	Giang	K25	\$50.00
91	CSVSQ	Ngô	Đức	Khoa	K25	\$ 50.00
92	CSVSQ	Ngô	Hồng	Sương	K25	\$100.00
93	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Hoi	K25	\$ 50.00
94	CSVSQ	Nguyễn		Huệ	K25	\$100.00
95	CSVSQ	Nguyễn	Thế	Hùng	K25	\$ 50.00
96	CSVSQ	Nguyễn	Trùng	Khánh	K25	\$ 50.00
97	CSVSQ	Nguyễn	Như	Mạnh	K25	\$ 50.00
98	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Minh	K25	\$ 50.00
99	CSVSQ	Phạm	Đông	An	K25	\$ 50.00
100	CSVSQ	Phạm	Hữu	Đa	K25	\$ 50.00
101	CSVSQ	Phan	Ngọc	Đề	K25	\$ 50.00
102	CSVSQ	Quan	Minh	Tấn	K25	\$ 50.00

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

103	CSVSQ	Trần		Thạnh	K25	\$ 50.00
104	CSVSQ	Trương	Kiến	Xương	K25	\$ 50.00
105	CSVSQ	Võ	Văn	Lê	K25	\$ 50.00
106	CSVSQ	Vương		Tịnh	K25	\$ 50.00
107	CSVSQ	Đặng	Như	Thạch	K26	\$ 81.00
108	CSVSQ	Hà	Mai	Trường	K26	\$ 50.00
109	CSVSQ	Nguyễn	Văn	Lượng	K26	\$100.00
110	CSVSQ	Nguyễn	Đặng	Mộc	K26	\$ 20.00
111	Ms.	Vũ	Thế	Thủ	K26	\$ 30.00
112	CSVSQ	Châu		Lân	K27	\$ 40.00
113	CSVSQ	Lê	Ngọc	Ấn	K27	\$ 50.00
114	CSVSQ	Nguyễn	Tấn	Long	K27	\$ 50.00
115	CSVSQ	Phạm	Thanh	Minh	K27	\$ 50.00
116	CSVSQ	Quy	Thiên	Quang	K27	\$ 30.00
117	CSVSQ	Trần	Văn	Hồ	K27	\$ 40.27
118	CSVSQ	Trần	Văn	Niêu	K27	\$100.00
119	CSVSQ	Hoàng	Đức	Lộc	K28	\$ 50.00
120	CSVSQ	Ngô	Tiến	Lập	K28	\$ 61.60
121	CSVSQ	Nguyễn	Đình	Lập	K28	\$ 50.00
122	CSVSQ	Nguyễn	Trung	Long	K28	\$ 50.00
123	CSVSQ	Trần	Quang	Minh	K28	\$ 41.00
124	CSVSQ	Võ	Đức	Trí	K28	\$ 50.00
125	CSVSQ	Nghiêm	Đoàn	Hiển	K29	\$ 50.00
126	CSVSQ	Nguyễn	Sanh	Phương	K29	\$ 63.33
127	CSVSQ	Phạm	Tấn	Lộc	K29	\$ 20.00
128	CSVSQ	Phòng	Tít	Chẳng	K29	\$100.00
129	CSVSQ	Đình	Văn	Thành	K30	\$100.00
130	CSVSQ	Lê	Như	Tuấn	K30	\$200.00
131	CSVSQ	Trần	Viết	Trung	K30	\$ 69.14
132	CSVSQ	Võ		Nuôi	K30	\$ 61.60
133	Ms.	Bùi	Thị	Báu	TH	\$ 30.00
134	Mr.	Cao	Minh	Tri	TH	\$ 20.00
135	Mr.	Châu	Bắc	Sáng	TH	\$ 30.00
136	Mr.	Châu	Cẩm	Sáng	TH	\$50.00
137		Đặng	Thanh	Long	TH	\$ 20.00

Đa Hiệu 127 Xuân Đoàn Kết

138	Mr.	Đặng	P	Thanh	TH	\$ 20.00
139	Mr.	Hà	Đức	Bản	TH	\$100.00
140	Mr	HỒ		Ngoc	TH	\$ 30.00
141	Mr.	Kieu	Cong	Lang	TH	\$ 25.00
142	Mr	Lai		Nam	TH	\$ 30.00
143	Ms	Lê	Thị	Hạ Anh	TH	\$ 50.00
144	Mr.	Lê	Đặng	Khoa	TH	\$ 25.00
145	Mr.	Lê	Viết	Tắc	TH	\$ 20.00
146	Ms	Loan	T	Gruzdis	TH	\$ 100.00
147	Mr.	Luu		Quang	TH	\$ 30.00
148	Mr.	Lưu	Đức	Tín	TH	\$ 50.00
149	Mr	Lý	Nhoc	Linh	TH	\$ 30.00
150	Mr	Ngô		Nguyễn	TH	\$ 20.00
151	Mr.	Ngô		Nhi	TH	\$ 30.00
152	Mr	Nguyễn	Văn	Cẩn	TH	\$ 50.00
153	Mr	Nguyễn	Hữu	Chung	TH	\$ 61.60
154	Rev.	Nguyễn	Hùng	Đức	TH	\$ 50.00
155	Ms.	Nguyễn	Ngọc	Hà	TH	\$ 30.00
156	Mr.	Nguyễn	Thanh	Phong	TH	\$ 25.00
157	Mr	Nguyễn		Thomas	TH	\$ 50.00
158	Mrs	Nguyet		Dao	TH	\$ 50.00
159	Mr.	Nhan	Huu	Hau	TH	\$ 40.00
160		Phạm	Q.	Hiệp	TH	\$ 50.00
161	Mr.	Phạm	Van	Thanh	TH	\$ 50.00
162	Mr.	Thai		Cuong	TH	\$ 50.00
163	Mr.	Tran	Van	Hoang	TH	\$ 50.00
164	Mrs.	Trần	Thị Lan	Hương	TH	\$ 50.00
165	Mr	Trần	Mộng	Lam	TH	\$ 69.41
166	Mr.	Trần		Nham	TH	\$ 20.00
167	Mr.	Trương		Cơ	TH	\$ 40.00
168	Mr.	Vo		Jamesnico	TH	\$ 40.00
169	Mrs.	Trần	Thị	Hoa	VHV	\$ 40.00
170	Mr.	Vũ	Ngô	Cường	VHV	\$100.00

Tổng Cộng: \$8,848.36

Bảng Tổng Kết Chi Thu tính tới ngày 5 tháng 12 năm 2023

1. Chi Phí cho Đa Hiệu 126

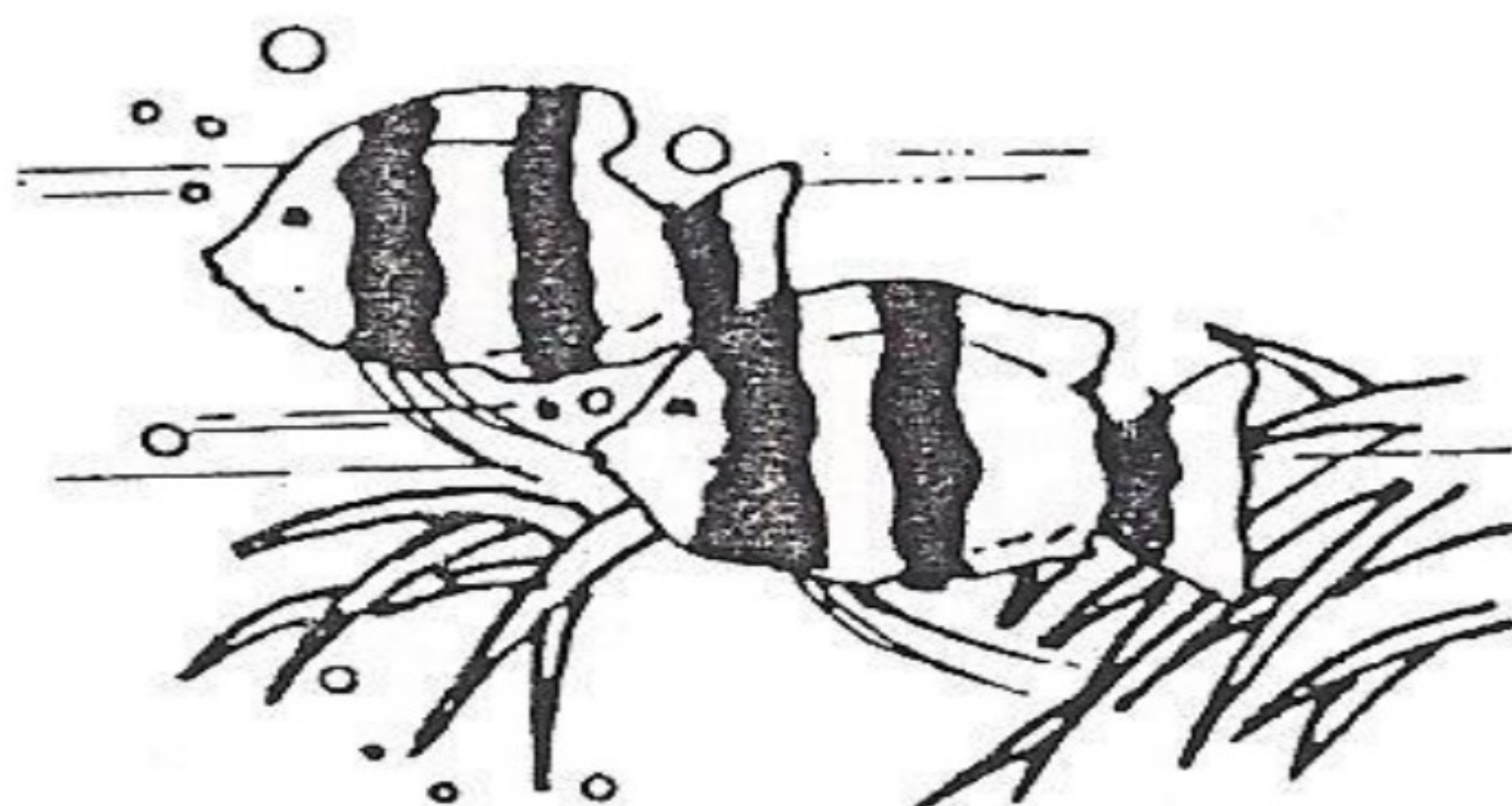
Ấn Loát ĐH126	\$ 5,600.00
Buru Phí trong Hoa Kỳ	\$ 1,583.60
Buru Phí ngoài Hoa Kỳ	\$ 1,068.79
Chuyên Chở	\$ 250.00
Chi \$ mua giấy, bì thư, bao nylon	\$ 723.65
Phát Hành, Âm Thực & Linh tinh	\$ 760.00
Buru Phí Phụ Trội+Dịch Vụ TS, VP Phẩm	\$ 829.02
 Tổng Số Chi cho ĐH126	 \$10,815.06

2. Thu

Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH125	\$ 8,770.55
Tổng Số Thu ĐH126	\$ 8,848.36
 Tổng Cộng	 \$17,618.91

Quỹ còn lại sau khi chi cho ĐH126

\$17,618.91 - \$10,815.06 \$ 6,803.85





TỔNG HỘI CSVSQ/TVBQGVN
THÀNH KÍNH PHÂN UÛ

CSVSQ NGUYỄN VĂN LOAN-K20
Tại Garland, Texas
Hưởng thọ 81 tuổi

CSVSQ HỒ BÌNH KHIÊM – K25
Tại : PHILADELPHIA, USA

CSVSQ CHÂU VĂN HIỀN - K25
Tại: CALIFORNIA, USA

CSVSQ NGUYỄN THÀNH DANH – K19
Từ trần ngày 17/08/2023
Tại: Garden Grove, CA
Hưởng thọ : 84 tuổi

CSVSQ PHẠM QUỐC THUẦN– K5

Từ trần ngày 18/08/2023

Tại: Fountain Vally, CA

Hưởng thượng thọ: 98 tuổi

CSVSQ NGUYỄN HỮU TRÍ – K16

Từ trần ngày 13/9/2023

Tại: Florida, USA

Hưởng thượng thọ: 83 Tuổi

CSVSQ HUỲNH NGỌC MAI – K28

Từ trần ngày 14/9/2023

Tại: Nha Trang, VN

Hưởng thọ: 72 Tuổi

BÀ QUẢ PHỤ TRẦN TAM KỲ - K12
NHỮ DANH MARIA NGUYỄN THỊ THÁI

Từ trần ngày 15-9-2023

Tại: Garden Grove, CA

Hưởng thượng thọ 87 tuổi

CSVSQ LÊ VĂN CHƠI - K25

Từ trần ngày 3/10/2023

Tại: Sài Gòn, VN

Hưởng thọ 76 tuổi

CSVSQ NGUYỄN HỮU CHÍNH – K21

Từ trần ngày 1/10/2023

Tại: Việt Nam

Hưởng thượng thọ: 82 Tuổi

CSVSQ DƯƠNG NGỌC KHÁNH – K7

Từ trần ngày 3/10/2023

Tại: San Jose, California

Hưởng thượng thọ 94 tuổi.

CSVSQ VÕ VĂN LONG – K29

Từ trần ngày 10/10/2023

Tại: Thừa Thiên, Huế, VN

Hưởng thọ: 72 tuổi

CSVSQ ĐINH CÔNG TOÀN – K16

Từ trần ngày 19/10/2023

Tại: San Jose, CA

Hưởng thượng thọ: 82 tuổi

CSVSQ HUỲNH GIAI - K19

Từ Trần ngày 20/10/2023

Tại: California, USA

Hưởng thượng thọ 84 tuổi.

CSVSQ BÙI QUÝ – K22
Từ trần ngày 25/10/2023
Tại: Huế, Việt Nam
Hưởng thượng thọ 81 tuổi.

CSVSQ NGUYỄN CHÁNH DẬT - K18
Từ trần ngày 29/10/2023
Tại: Virginia, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 83 tuổi.

CSVSQ ĐẶNG CHÍNH BÌNH - K26
Từ trần ngày 03/11/2023
Tại: Des Moines, Iowa, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 73 tuổi

CSVSQ TRƯƠNG VĂN TÚC - K10
Từ trần ngày 04/11/2023
Tại: Houston, Texas, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 90 tuổi.

CSVSQ HOÀNG MỘNG CẬY - K12
Từ trần ngày 06 tháng 11 năm 2023
Tại: San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 87 tuổi

CSVSQ NGUYỄN THANH LƯƠNG, K24
Từ trần ngày 16 tháng 11 năm 2023
Tại: San Jose, California, Hoa Kỳ
Hưởng thọ 76 tuổi.

CSVSQ HỒ THANH TOÀN K16
Từ trần ngày 22 tháng 11 năm 2023
Tại: Richmond, California, Hoa Kỳ
Hưởng thượng thọ 84 tuổi

CSVSQ NGÔ VĂN AN, K23
Từ trần ngày 24 tháng 11 năm 2023
Tại: Việt Nam

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến. Sự ra đi vĩnh viễn của các vị nêu trên là những tổn thất lớn lao cho đại gia đình Võ Bị và cho Gia đình mỗi người.

Nguyện cầu cho linh hồn những vị đã khuất sớm được về cõi Vĩnh Hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ngày 6 tháng 12 năm 2023

ⁱ Từ trái: Ngô Đức Giang 25, Lại Đức Hùng 24 (1947-2023), Nguyễn Thanh Lương 24 (1947-2023), Nguyễn Bích Hào 24/1, Nguyễn Kim Oanh 30/1, Lâm Ngọc Bích 3/1 (1932-2022), Lâm Quang Thi 3 (1932-2021), Lê Viết Đắc 22, Vũ Văn Hợi 24
ⁱⁱ Giáo Sư Nguyễn Duy Xuân (1925-1986) qua đời tại trại tù Ba Sao, Hà Nam Ninh, Bắc Việt
ⁱⁱⁱ <https://www.voatiengviet.com/a/tam-su-tuong-lam-quang-thi-05-08-2012-150642685/1119471.html>
^{iv} Tướng Sam S. Walker (1925-2015) phục vụ tại Vietnam—G-3 1st Infantry Division, Chỉ Huy Trưởng thứ 54 của USMA West Point
^v <https://www.voatiengviet.com/author/hoai-huong-voa/irvor>
^{vi} <https://phunulamvien.org/?s=sinh+nh%E1%BA%ADt+trung+t%C6%B0%E1%BB%9Bng+l%C3%A2m+quang+thi&submit=>
^{vii} Trong một bữa ăn trưa cùng với các CSVSQ Võ Bị Bắc Cali hồi tháng Giêng năm 2019
^{viii} Từ trái: Trần Ngọc Toàn 16, Nguyễn Đạt Thịnh 6, Phạm Văn Hòa 18, Nguyễn Ngọc Tú 20, Đỗ Ngọc Nhận 3 (1930-2023)
^{ix} Trích từ Tiểu Sử Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận